

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

HT. THÍCH PHƯỚC SƠN

LUẬT HỌC

TINH YẾU



NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

LUẬT HỌC TINH YẾU

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

HT. Thích Phước Sơn

LUẬT HỌC TINH YẾU

DL 2006 – PL 2550

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

Chương 1

GIỚI BẢN CỦA TỖ-KHEO

I. KHÁI QUÁT VỀ GIỚI LUẬT

1. Dẫn nhập

Trải qua 80 năm có mặt trên cõi đời, thực hiện hoài bão độ sinh viên mãn, cuối cùng đức Thế Tôn đã thị hiện Niết-bàn. Khi hay tin Phật nhập diệt, tôn giả Đại Ca-diếp (Mahà-kassapa) liền tức tốc dẫn đồ chúng về thành Câu-thi (Kusinàrà) để đánh lễ bậc Đạo sư lần cuối cùng. Trên đường về, có nhiều Tỳ-kheo không cầm được nỗi đau thương than khóc, vật vã. Bấy giờ Tỳ-kheo Bạt-nan-đà (Upananda) bảo họ im lặng, và nói: “Vị Trưởng lão ấy (chỉ đức Phật) khi còn sanh tiền thường bảo chúng ta nên làm như thế này, không nên làm như thế kia, nên học những điều này, không nên học những điều kia, thực là phiền phức. Bọn chúng ta ngày nay mới thoát khỏi nỗi khổ cực ấy, tùy ý muốn làm gì thì làm, không còn ai kiểm chế, ngăn cản nữa. Thế thì vì sao các thầy lại thương tiếc, than khóc?”

Nghe lời phát biểu vô ý thức của Tỳ-kheo Bạt-nan-đà, tôn giả Đại Ca-diếp rất bức xúc, nghĩ rằng

đức Thế Tôn vừa mới từ giả cõi đời mà đã có những đệ tử manh động không muốn tuân thủ những lời Ngài dạy, thì về sau này, kỷ cương của Tăng chúng sẽ ra sao!

Do vậy, sau khi lo xong việc trà-tỳ đức Thế Tôn, tôn giả Đại Ca-diếp bèn triệu tập đại hội kết tập Pháp tạng ngay trong mùa an cư năm ấy. Đại hội này mở tại thành Vương Xá, với 500 vị A-la-hán (Arahant) tham dự, tôn giả Ưu-ba-li (Upali) kết tập Luật tạng, tôn giả A-nan (Anandà) kết tập Kinh tạng. Luật tạng được đọc lại rồi đại chúng chung quyết, đến 80 lần mới hoàn thành, cho nên đặt tên là bộ Bát Thập Tụng Luật. Trong khi kết tập, toàn thể đại hội đã nhất trí giữ nguyên những gì do Phật chế định và những gì Phật không chế định thì không được tùy tiện đặt ra. Tuy nhiên, Tăng chúng có thể tùy theo hoàn cảnh, địa phương và thời đại mà linh động áp dụng những giới điều nhỏ nhiệm do Phật đã chế.

Theo lịch sử Phó Pháp Tạng thì sự kế thừa chánh pháp của Phật, làm Tổ sư thứ nhất là tôn giả Đại Ca-diếp, thứ hai tôn giả A-nan, thứ ba tôn giả Mạt-điền-địa, thứ tư Thương-na-hòa-tu, thứ năm Ưu-ba-cúc-đa. Tương truyền Ưu-ba-cúc-đa có 5 người đồ đệ xuất sắc tách riêng ra lập thành 5 bộ phái,

rồi dùng bộ Bát Thập Tụng Luật châm chú theo quan điểm của mình soạn ra 5 bộ luật sau:

1. ĐÀM-VÔ-ĐỨC BỘ (Dharmagupta) có Tứ Phần Luật.
2. TẮT-BÀ-ĐA BỘ (Sarvāstivāda) có Thập Tụng Luật.
3. CA-DIỆP-DI BỘ (Kāśyāpiya) có Giải Thoát Luật.
4. DI-SA-TẮC BỘ (Mahīśāsaka) có Ngũ Phần Luật.
5. BÀ-TA-PHÚ-LA BỘ (Vātsīputriya) có Ma Ha Tăng Kỳ Luật.

Đàm-vô-đức là từ phiên âm của chữ Phạn nêu trên và được dịch là Pháp tạng bộ, Pháp hộ bộ, Pháp mật bộ. Tắt-bà-đa cũng là từ phiên âm và được dịch nghĩa là Thuyết nhất thiết hữu bộ, nói tắt là Hữu bộ. Ca-diếp-di bộ là từ phiên âm và được dịch nghĩa là Ẩm Quang Bộ, Thiện Tuế bộ. Di-sa-tắc là từ phiên âm, được dịch nghĩa là Hoá Địa bộ, Chánh Địa bộ. Bà-ta-phú-la là từ phiên âm, được dịch nghĩa là Độc Tử bộ.¹

Về nguyên nhân khiến Luật tạng bị chia thành 5 bộ có các thuyết đề cập đến như sau:

¹ *Đại Chính Tân tu Đại tạng kinh*, tập 45.

1/. Xuất Tam Tạng Ký Tập, quyển 3² chép: Khi Phật còn tại thế, có một trưởng giả nằm mộng thấy một tấm vải trắng, bỗng nhiên bị xé thành 5 mảnh. Trưởng giả giật mình thức dậy, bèn đi đến Phật hỏi về nguyên do giấc mộng. Phật giải thích rằng đó là điều biểu thị sau khi Phật diệt độ, Luật tạng sẽ chia thành 5 bộ.

2/. Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập, quyển 4³ chép: Sau khi Phật thành đạo 38 năm, một hôm đức Phật đến Vương cung thọ trai do Quốc vương cúng dường. Lúc ăn xong, Phật bảo La-hầu-la rửa bát. Vì sơ ý, La-hầu-la để bát rơi, vỡ thành 5 mảnh. Thấy thế, các Tỳ-kheo hỏi Phật về điềm gở ấy, Phật giải thích rằng sau khi Phật nhập diệt trong vòng 200 năm, các Tỳ-kheo sẽ chia Luật thành 5 bộ. Về sau quả nhiên 5 đệ tử của Ưu-ba-cúc-đa chia Đại tạng Luật của Như Lai thành 5 bộ.

2. Luật tạng được truyền dịch sang Hán văn

Giới luật bắt đầu truyền sang Trung Quốc từ đời Tam Quốc, triều Tào Ngụy Năm Gia Bình thứ hai (250), Đàm-ma-ca-la người Trung Thiên Trúc

² Đại Chính Tân tu Đại tạng kinh, tập 55.

³ Đại Chính Tân tu Đại tạng kinh, tập 54.

tới ở chùa Bạch Mã tại Lạc Dương, dịch Tăng-kỳ Giới Tâm và Tứ Phần Yết-ma.

Ngoài ra, các bộ Quảng luật khác được lần lượt phiên dịch theo thời gian sau:

2.1. Các bộ quảng Luật

1. THẬP TỤNG LUẬT: Lần đầu do Cưu-ma-la-thập dịch từ năm Hoàng Thi thứ 6 đến năm thứ 8 (404-406) đời Diêu Tần, được 58 quyển, nhưng chưa xong. Sau đó, Tỳ-ma-la-xoa tiếp tục dịch hoàn thành, gồm 61 quyển.

2. TỨ PHẦN LUẬT: Do Phật-đà-da-xá và Trúc-Phật-niêm dịch từ năm Hoàng Thi thứ 12 đến năm thứ 15 (410-413) đời Diêu Tần, gồm 60 quyển.

3. MA-HA-TĂNG-KỲ LUẬT: Do Phật-đà-bạt-đà-la và Pháp Hiển dịch năm Nghĩa Hy thứ 14 (418) đời Đông Tấn, gồm 40 quyển.

4. NGŨ PHẦN LUẬT: Do Phật-đà-thập và Trí Thắng dịch vào năm Cảnh Bình thứ nhất (423) đời Lưu Tống, gồm 30 quyển.

5. GIẢI THOÁT GIỚI KINH: (chỉ có Giới bốn của Tỳ-kheo): Do Phất-nhã Lưu-chi dịch, vào đời Nguyên Ngụy, ước chừng vào khoảng (538-544), gồm có 1 quyển.

6. CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỖ-NẠI-DA: Do Tam Tạng Nghĩa Tịnh dịch vào đời Đường, từ năm Cửu Thị thứ nhất triều Võ Tắc Thiên đến năm Cảnh Vân thứ 2 triều vua Duệ Tông (700-711), gồm 50 quyển. (Nguyên bản của bộ này cùng một gốc với Thập Tụng luật nhưng được soạn lại).

Đó là những bộ Luật chính. Ngoài ra, còn có những bộ Luận dùng để giải thích các bộ Quảng Luật nêu trên, và được kể tên như sau:

2.2. Năm bộ luận của Luật

1. TỖ-NI MÃU KINH: Gồm 8 quyển.

2. MA-ĐẮC-LẶC-GIÀ: Gọi đầy đủ là Tát-bà-đa bộ Tỳ-ni Ma-đắc-lặc-già, 10 quyển do Tăng-già-bạt-ma đời Lưu Tống dịch.

Hai bộ luận này căn cứ Tân Tát-bà-đa luật mà giải thích.

3. THIỆN KIẾN LUẬN: Còn được gọi là Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa, 18 quyển do Tăng-già-bạt-đa-la dịch đời Tiêu Tề, giải thích Luật Tứ Phần.

4. TÁT-BÀ-ĐA LUẬN: Còn gọi là Tát-bà-đa Tỳ-ni-Tỳ-bà-sa 9 quyển, mất tên người dịch. Luận này giải thích Luật Thập Tụng.

5. MINH LIỄU LUẬN: Vốn gọi là Luật Nhị Thập Nhị Minh Liểu Luận, 1 quyển, do Chân Đế đời Trần dịch. Luận này giải thích giới luật thuộc Chánh Lượng bộ. Chánh lượng bộ xuất phát từ Độc Tử Bộ và Độc Tử bộ thuộc Thượng Toạ bộ (Luật Tăng Kỳ).

3. Phân tích nội dung Luật bộ

3.1. Nội dung Luật Tứ Phần

Bộ luật này được chia làm 4 phần sau đây:

- ***Phần thứ nhất:*** Giới thiệu luật của Tỳ-kheo từ Ba-la-di đến Chúng học pháp.
- ***Phần thứ hai :*** Từ giới Ba-la-di của Tỳ-kheo đến hết giới của Ni và các Kiền-độ Thọ giới, Thuyết giới, An cư, Tự tứ.
- ***Phần thứ ba:*** Kiền-độ Tự tứ tiếp theo cho đến pháp Kiền-độ, gồm có 14 vấn đề.
- ***Phần thứ tư:*** Từ Kiền-độ phòng xá đến Tỳ-ni Tăng nhất, gồm 6 vấn đề.

Về các Kiền-độ gồm có 20 mục được xếp theo thứ tự như sau:

1. *Thọ giới Kiền-độ:* Thuyết minh việc thọ giới.
2. *Thuyết giới Kiền-độ:* Thuyết minh nghi thức tụng giới.

3. *An cư Kiên-độ*: Thuyết minh ý nghĩa về việc An cư.

4. *Tự tứ Kiên-độ*: Nói về ý nghĩa tác pháp Tự tứ.

5. *Bì cách Kiên-độ*: Nói về cách thức dùng giày dép bằng da.

6. *Y Kiên-độ*: Nói về cách thức may và mặc y.

7. *Dược Kiên-độ*: Nói về thuốc chữa bệnh.

8. *Ca-hi-na Kiên-độ*: Nói về cách thọ và xả y công đức.

9. *Câu-thiểm-di Kiên-độ*: Nói về việc các Tỷ-kheo tại Câu-thiểm-di đấu tranh nhau và về việc cử tội, sám hối.

10. *Chiêm-ba Kiên-độ*: Nói về việc Yết-ma đúng pháp và phi pháp.

11. *Ha trách Kiên-độ*: Nói về 7 trường hợp ha trách.

12. *Nhân Kiên-độ*: Nói về các việc liên quan đến tội Tăng tàn.

13. *Phú tàng Kiên-độ*: Nói về việc che giấu tội và cách xử phạt.

14. *Già Kiên-độ*: Nói về việc ngăn cản người cử tội.

15. *Phá Tăng Kiên-độ*: Nói về việc phá Tăng.

16. *Diệt tránh Kiền-độ*: Nói về 7 pháp dập tắt sự tranh đấu.

17. *Ni Kiền-độ*: Nói về sinh hoạt của Ni chúng.

18. *Pháp Kiền-độ*: Nói về oan nghi, pháp thức của Tỳ-kheo.

19. *Phòng Kiền-độ*: Nói về việc sửa sang tu bổ phòng xá.

20. *Tạp Kiền-độ*: Thuyết minh xen lẫn các Kiền-độ, cuối cùng nói về cách giữ các giới lớn nhỏ.

Từ 20 Kiền-độ kể trên, Luật sư Đạo Tuyên đã sắp xếp lại thành 10 Kiền-độ hay 10 thiên trong quyển San Bồ Tỳ Cơ Yết-ma như sau:

Thiên 1: Nói về pháp Yết-ma thành hay không thành.

Thiên 2: Nói về kết, giải mọi cương giới.

Thiên 3: Nói về pháp thọ các giới pháp.

Thiên 4: Nói về y, thuốc, thọ trì, thuyết tịnh.

Thiên 5: Nói về các thể thức thuyết giới.

Thiên 6: Nói về các chúng An cư.

Thiên 7: Nói về các thể thức Tự tứ

Thiên 8: Nói về cách chia vật dụng của Tỳ-kheo viên tịch.

Thiên 9: Nói về thể thức sám hối các tội.

Thiên 10: Nói về việc duy trì Phật Pháp.

3.2. Nội dung Luật tạng Pàli (Pāli-Vināya-pitaka)

Tạng này gồm 5 tập, từ tập 1 đến tập 5, thuộc Nam truyền Đại tạng kinh và được chia thành 3 bộ phận:

1/. Kinh Phân biệt (Suttavibhanga): Giải thích về giới điều của Tỳ-kheo và được chia thành 2 loại:

1. Tỳ-kheo phân biệt (Bhikkhu-Vibhanga): Giải thích 227 giới của Tỳ-kheo.
2. Tỳ-kheo-ni phân biệt (Bhikkhuni-Vibhanga): Giải thích 311 giới của Tỳ-kheo-ni.

2/. Kiền-độ (Khandhaka): Trình bày bao quát về các sinh hoạt của Tăng đoàn, được chia thành 2 loại:

2/1. Đại phẩm (Mahavagga): Gồm 10 Kiền-độ như sau:

1. *Đại Kiền-độ* (Mahà-Khandhaka): Thọ giới.
2. *Bố-tát Kiền-độ* (Uposatha-Khandhaka): Bố-tát.
3. *Vũ an cư Kiền-độ* (Vassupanayika-Khandhaka): An cư.
4. *Tự tứ Kiền-độ* (Pavàrana-Khandhaka): Tự tứ.
5. *Bì cách Kiền-độ* (Camma-Khandhaka): Giày da.

6. *Dược Kiên-độ* (Bhesajja-Khandhaka): Thuốc.
 7. *Ca-hi-na Kiên-độ* (Kathina-Khandhaka): Y công đức.
 8. *Y Kiên-độ* (Civara-Khandhaka): Y.
 9. *Chiêm-ba Kiên-độ* (Campà-Khandhaka): Về những việc rắc rối xảy ra tại Chiêm-ba.
 10. *Câu-thiễm-di Kiên-độ* (Kosambi-Khandhaka): Những việc rắc rối tại Câu-thiễm-di.
- 2/2. Tiểu phẩm** (Cullavagga): Gồm 12 Kiên-độ:
1. *Yết-ma Kiên-độ* (Kamma-Khandhaka): Yết-ma.
 2. *Biệt trú Kiên-độ* (Pàsivàsika-Khandhaka): Biệt trú.
 3. *Phú tàng Kiên-độ* (Samuccaya-Khandhaka): Phú tàng.
 4. *Diệt tránh Kiên-độ* (Samatha-Khandhaka): Dập tắt tranh chấp.
 5. *Tạp sự Kiên-độ* (Khuddavatthu-Khandhaka): Tạp sự.
 6. *Phòng xá Kiên-độ* (Senàsana-Khandhaka): Phòng xá.
 7. *Phá Tăng Kiên-độ* (Sanghabhedaka-Khandhaka): Phá Tăng.

8. *Oai nghi Kiền-độ* (Vatta-Khandhaka): Oai nghi.

9. *Già Bố-tát Kiền-độ* (Patimakhathapana-Khandhaka): Ngăn Bố-tát.

10. *Tỳ-kheo-ni Kiền-độ* (Bhikkhuni-Khandhaka): Nói về Ni giới.

11. *Ngũ bách nhân Kiền-độ* (Pancasatika-Khandhaka): 500 người kết tập pháp tạng.

12. *Thất bách nhân Kiền-độ* (Sattasatika-Khandhaka): 700 người kết tập pháp tạng.

3/. **Phụ tùy** (Parivàra): Gồm có 19 chương, là những điều giáo hoá liên hệ đến 2 bộ phận trên.

II. LỊCH SỬ TRUYỀN THỪA LUẬT TỨ PHẦN

1. Việc xiển dương Luật Tứ Phần tại Trung Quốc

Giáo pháp của Phật bao hàm Tam vô lậu học Giới, Định, Tuệ nhưng Giới là cơ sở của Tam học; nếu chẳng trì giới thì sự tiến lên con đường giải thoát trở thành không tưởng. Vì thế, tất cả đệ tử của Phật đều phải trì Giới. Song chỗ sâu cạn có sai khác, cho nên trong các đại đệ tử chỉ có trưởng lão Ưu-ba-li được Phật khen là người trì giới đệ nhất.

Kế thừa truyền thống này, khi Luật điển truyền sang Trung Quốc và được phiên dịch đầy đủ, các Luật sư bèn chuyên tâm nghiên cứu Luật tạng, mà chủ yếu là bộ Luật Tứ Phần. Theo lịch sử ghi lại, thì sự hoằng truyền Luật Tứ Phần bắt đầu từ thời Nguyên Ngụy do Luật sư Pháp Chánh, Pháp Chánh truyền xuống Pháp Thời, Pháp Thời truyền xuống Pháp Thông, Pháp Thông truyền xuống Đạo Phú, Đạo Phú truyền xuống Tuệ Quang. Đệ tử của Tuệ Quang có Đạo Vân, Đạo Huy, rồi lần lượt truyền xuống đến Đạo Tuyên gồm có chính phái và bàng phái như bản đồ sau đây:

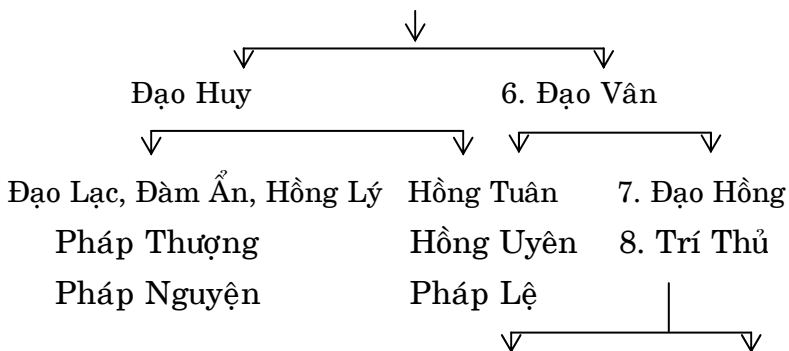
1. Pháp Chánh

2. Pháp Thời

3. Pháp Thông

4. Đạo Phú

5. Tuệ Quang



Tuệ Mẫn, Đạo Thế 9. Đạo Tuyên

Theo sơ đồ trên đây, thì Tổ Đạo Tuyên ở vị trí thứ 9 trong 9 vị Tổ sư của Luật Tứ Phần, nhưng vì Ngài có công lớn trong việc hoằng dương Luật học và để lại những công trình soạn thuật, chú thích rất có giá trị về bộ Luật này nên người đời sau suy tôn Ngài là Tổ thứ nhất của Tứ Phần Luật.

Sau đây là sơ lược tiểu sử của một số vị Tổ sư tiêu biểu kể trên.

1. Luật sư TUỆ QUANG

Ngài họ Dương, người Định Châu, năm 13 tuổi theo cha đến Lạc Dương, rồi ngày mùng 8 tháng tư đến thọ tam quy với Thiên sư Phật Đà. Phật Đà thấy mặt Quang chiếu ra ánh sáng, lấy làm kỳ dị, nghĩ rằng người này hẳn có tiết tháo khác thường, nên khuyến khích Quang ở lại chùa và bảo tụng kinh. Quang cầm kinh xem qua cảm thấy như đã học từ trước, nên thông hiểu nghĩa lý dễ dàng. Đến mùa hạ năm này, Phật Đà độ cho xuất gia. Quang đem những điều đã hiểu biết trong kinh ra giảng cho đại chúng, lời lẽ tao nhã, ý nghĩa súc tích, nên người bấy giờ gọi ông là Thánh Sa-di. Mỗi khi nhận được vật bố thí, Quang liền đem cho người khác. Tính tình ông thanh cao, không câu chấp tiểu tiết và bỏ ngoài

tai tất cả những sự khen chê, được mất. Mọi người ai cũng cho ông là bậc Pháp khí. Phật Đà nói: “Ông Sa-di này là bậc phi thường. Nếu thọ Đại giới nên cho học Luật trước, vì Luật là nền tảng, nếu không phải là người trí thì không chịu phụng hành. Kể nào ban đầu y y vào Kinh Luận, thì ắt xem thường Giới Luật, đó là tà kiến, là nguyên nhân làm chướng ngại đạo lý”.

Sau đó, ông trở về quê hương, thọ giới Cụ-túc, rồi chuyên tâm học Luật. Đến mùa hạ thứ tư, Quang đem Luật Tăng Kỳ ra giảng cho đại chúng, lại dành thì giờ học nhiều thứ khác. Phật Đà gọi về, nhắc nhở: “Ta độ con là hy vọng con hướng về chỗ cốt tủy, vì sao lại để tâm đến văn chương, ngôn ngữ của thế gian? Nay ta thấy thần khí của con đã thành tựu, có thể làm bậc Pháp sư cao minh. Các việc khác không phải là bốn phận của con thì để tâm vướng bận làm gì?”. Nhân đó, Quang cảm động rơi nước mắt, bèn đem sổ học của mình soạn số thích những điểm căn bản của bộ Luật Tứ Phần và các kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Duy-ma, Thập Địa, Địa Trì v.v... Các triều thần nhà Tề và các bậc danh hiền đương thời đều kính trọng và xem Ngài như bậc Thánh.

Ngài viên tịch tại chùa Đại Giác ở Nghiệp Thành, hưởng thọ 70 tuổi. Những kinh sách đã

soạn thuật gồm có: Tứ Phần Luật Số và các kinh Thắng Man, Di Giáo, Nhân Vương, Bát Nhã v.v... đều có số thích. (*Tục Cao Tăng Truyện*, quyển 21, Đ.50, tr.607b).

2. Luật sư TRÍ THỦ (576-635)

Sư họ Hoàng Phủ, người An Định (Cam Túc), sinh vào đời Tùy. Lúc trẻ, Sư xuất gia với Trí Mân, chùa Vân Môn tại Tương Châu, rồi thọ giới năm 22 tuổi. Sau khi thọ giới, không biết mình có đặc giới hay không, Sư bèn đến trước tháp Phật cầu xin được hiển chứng và được Phật sờ đầu khích lệ, Sư rất mãn nguyện. Về sau, Sư theo học luật với Luật sư Đạo Hồng, bạn đồng học hơn 700 người mà không ai hơn được Sư. Năm chưa đầy 30 tuổi, Sư đã bắt đầu giảng Luật, hạnh đức cao khiết, tâm trí thông minh, nên được mọi người đều ca ngợi. Lúc bấy giờ, sư Hồng Tuyên hoàng truyền Luật Tứ Phần, đạo tục đều theo học, nhưng văn luật không được rõ ràng. Do đó, Sư bèn trước tác Ngũ Bộ Khu Phân Sao và Tứ Phần Luật Số, làm rõ những điểm các tiền bối chưa giải thích, khiến ai cũng hiểu được. Từ đó, Sư càng được khen ngợi, chính bản thân Hồng Tuyên xem Sư như người đồng hàng, và khuyên đại chúng theo học Sư. Sư xây một ngôi tháp tại gò núi ở Vân Môn Tương Châu, để kỷ niệm nơi xuất gia thọ giới của mình. Năm Trinh Quán thứ 8, đời vua Thái Tông,

Thái Mục Hoàng hậu xây chùa Hoàng Phúc tại Trường An, cung thỉnh chư Tăng hữu đức về an trú và sắc phong Sư chức Tăng Cưng.

Sư thị tịch vào tháng tư, năm Trinh Quán thứ 9 (635), hưởng thọ 69 tuổi. Người đời xem Sư là Tổ thứ 8 của Tứ phần Luật tông. Đề tử có Đạo Tuyên, Đạo Thế, Tuệ Mẫn, Đạo Hưng, Trí Hưng v.v... Về trước tác, trừ Ngũ Bộ Khu Phân Sao 21 quyển và Tứ Phần Luật Số 20 quyển, còn có Xuất Yếu Luật Nghi Cương Mục Chương 1 quyển, Tiểu A-di-đà kinh sao 2 quyển. (PQĐTĐ, tr.502a).

3.- Luật sư PHÁP LỆ (569-635)

Sư họ Lý, sinh quán Triệu Châu (Hà Bắc Triệu huyện), người đời Đường. Năm 15 tuổi, Sư xuất gia với Thiền sư Linh Tục, chùa Diên Không. Sau khi thọ giới, Sư theo Tĩnh Hồng, nghiên cứu Luật Tứ Phần, rồi soạn các chú thích. Vài năm sau, Sư theo Luật sư Hồng Uyên, nghe giảng Luật học, nghiên cứu đến chỗ nguồn gốc. Nhân thời thế tao loạn, Sư ẩn cư nghiên cứu áo nghĩa của Luật bộ, do đó, đạt được yếu lý, bèn mở khóa giảng về luật Tứ Phần. Học trò các nơi vân tập về học rất đông, khai ngộ cũng rất nhiều.

Tháng 10 năm Trinh Quán thứ 9 (635), Sư viên tịch, hưởng thọ 67 tuổi. Tác phẩm của Sư gồm có:

1. Tứ phần Luật số.

2. Yết-ma số.

3. Xả Sám Nghi Kinh Trọng Sự.

Sư được người bấy giờ tôn xưng là Tổ của Tướng Bộ tông. Đệ tử có: Minh Đạo, Đàm Quang, Đạo Thành. (Tục Cao Tăng Truyện, quyển 22; PQĐTD, tr.3433c).

4.- Luật sư ĐẠO TUYỀN (596-667)

Sư họ Tiền, quê quán Đan Hồ (hay Trường Thành). Mẹ Sư nằm mộng thấy mặt trăng rơi vào lòng, bèn hoài thai Sư. Bà lại nằm mộng thấy một vị Phạm Tăng (sư Ấn Độ) bảo: “Cái thai hài nhi bà đang mang là hậu thân của Luật sư Tăng Hựu đời Lương đó”.

Sư ở trong thai 12 tháng, chào đời nhằm ngày mồng 8 tháng tư, năm 596. Lúc mới 9 tuổi, Sư đã làm được thi phú, năm 16 tuổi học Luật với sư Trí Quân, rất chuyên tinh trì giới, tu học hết sức chăm chỉ. Vào khoảng năm Đại Nghiệp (605-616) đời Tùy, Sư thọ giới Cụ-túc với Luật sư Trí Thủ. Sau khi thọ giới, Sư vào núi Chung Nam, cất một cái cốc ẩn tu, chuyên trì giới luật, người ta gọi nơi này là chùa Bạch Tuyền, có muông thú đến thuần phục và kỳ hoa dị thảo mọc đầy xung quanh.

Sư kết bạn thân với bậc xử sĩ là Tôn Tư Mạo. Về sau, Sư đến chùa Tây Minh soạn các sách: Pháp Môn Văn Ký, Quảng Hoàng Minh Tập, Tục Cao

Tăng Truyện, Tam Bảo Lục, Yết-ma Giới Sớ, Hành Sự Sao, Nghĩa Sao v.v..., tất cả hơn 220 quyển. Có một vị Phạm Tăng ca ngợi Sư là: “Sau khi Phật diệt độ, sư là người xiển dương Giới Luật bậc nhất, khiến cho tượng pháp trụ lâu đời”.

Sư viên tịch ngày 3 tháng 10, năm Càn Phong thứ 2 (667), thọ 72 tuổi, 52 tuổi hạ. Môn nhân xây tháp phụng thờ, và được ban Thụy là Trừng Chiếu. Đệ tử của Sư hơn 1.000 người. Bài bia nơi tháp của Sư có câu: “Sự trì luật của Đạo Tuyên vang danh đến Thiên Trúc (Ấn Độ); tác phẩm của Sư văn chương mỹ lệ, thiên hạ đều thán phục”.

Tác phẩm của Sư để lại gồm có:

- Tứ Phần Luật San Phồn Bổ Khuyết Hành Sự Sao, 12 quyển.

- Giới Bản Sớ, 6 quyển.
- Thập Tỳ-ni Nghĩa, 6 quyển.
- Nghĩa Sao, 6 quyển.
- Yết-ma Sớ, 3 quyển.

Năm bộ này được xem là 5 bộ Luật học có giá trị lớn. Ngoài ra, còn có các bộ:

- Đại Đường Nội Điển Lục, 10 quyển (Mục lục Chính Lý Kinh Điển)
- Cổ Kim Phật Đạo Luận Hành, 4 quyển.

- Quảng Hoàng Minh Tập, 30 quyển (nhằm tuyên dương Phật giáo).
- Tục Cao Tăng Truyện, (10 quyển).
- Thích Thị Lược Phổ.
- Thích Ca Phương Chí.
- Tam Bảo Cẩm Thông Lục v.v... (PQĐTĐ, tr.5637b)

5. Luật sư HOÀI TỐ (637-707)

Sư họ Phạm, quê ở Kinh Triệu (Tây An Thiểm Tây), sinh vào đời Đường, từ bé đã thông minh khác thường và có khí độ rộng lớn. Năm 12 tuổi, Sư đến đánh lễ Huyền Trang xin xuất gia, theo nghiệp Kinh Luận. Nhưng sau khi thọ giới lại theo Đạo Tuyên tập học Luật Tứ Phần Hành Sự Sao. Về sau, còn theo môn hạ của Pháp Lệ là Đạo Thành, học Tứ Phần Luật Sớ. Do đó, Sư soạn ra bộ Tứ Phần Luật Khai Tông Ký, tách biệt với Tứ Phần Luật Sớ của Pháp Lệ, và xướng lập thành một tông phái riêng gọi là Đông Tháp Luật tông. Tông phái của Sư cùng với Tướng Bộ tông của Pháp Lệ và Nam Sơn tông của Đạo Tuyên được xem là 3 tông lớn của Luật học thời bấy giờ.

Đến năm Cảnh Long thứ nhất (707), Sư viên tịch, thọ 74 tuổi. Những trước tác của Sư gồm có:

- Câu-xá Luận Sớ.

- Di Giáo Kinh Sớ.
- Tứ Phần Tỳ-kheo Giới Bốn Sớ.
- Tăng Yết-ma.
- Ni Yết-ma.

6. Luật sư TÚ (Châu Tú)

(Khoảng cuối thế kỷ thứ 7)

Những đệ tử nổi tiếng của Đạo Tuyên như Đại Từ, Văn Cương, Danh Khác, Châu Tú, Linh Ngạc, Dung Tế, Trí Nhân và các đệ tử thọ giới như Hoàng Cảnh, Đạo Ngạn, Hoài Tố thì Châu Tú (hay Tú Luật Sư) là người kế thừa chính thức.

Sư người Tế An, Luật sư đời Đường, năm sinh và mất không rõ. Sư xuất gia lúc còn nhỏ với Hưng Luật sư tại Thục Quận và chẳng bao lâu tinh thông Luật học. Sau khi thọ Cụ-túc, Sư theo Nam Sơn Đạo Tuyên chuyên tâm học luật trải qua 16 năm, thường dùng bộ Luật Sớ của Trí Thủ làm cơ sở rồi tổng hợp các thuyết khác, tạo thành một thuyết thống nhất. Về sau, Sư vân du đến các miền Quảng Châu và An Châu.

Sư thị tịch tại chùa Thập Lực, An Châu, thọ hơn 70 tuổi đời, được tôn là Tổ thứ hai của Nam Sơn Luật tông. Trước tác của Sư có Hành Trì Sao Ký, và đệ tử tâm đắc có Luật sư Trình Cố v.v...

Có chỗ nói môn hạ của Đạo Tuyên có Châu luật sư, Tú luật sư 2 người. Châu luật sư được tôn là Tổ thứ 2 của Nam Sơn Luật tông, nhưng sự tích của 2 vị này đều không rõ ràng (PQĐTĐ, tr.2985b).

Nói tiếp Châu Tú, Nam Sơn Luật tông truyền thừa theo thứ tự sau: Đạo Hoàng, Tỉnh Cung, Huệ Chánh, Huyền Sướng, Nguyên Biểu, Thủ Ngôn, Nguyên Giải, Pháp Vinh, Xử Hằng, Trạch Ngộ, Dẫn Kham, Trạch Kỳ, Nguyên Chiêu, Trí Giao (hoặc lập Đạo Tiêu), Chuẩn Nhất, Pháp Chánh, Pháp Cửu, Diệu Liên, Hành Cư, tất cả gồm 21 vị. Tông này truyền dần xuống đến cuối đời nhà Nguyên thì Luật tông suy vi, sự truyền thừa không rõ.

Nhưng đến cuối đời nhà Minh có các Đại đức hoàng Luật tiếp nhau xuất hiện, như: Liên Trì, Ngẫu Ích, Hoàng Tán, Nguyên Hiền.... đều có trước thuật để lại. Đồng thời với Đại sư Liên Trì có Luật sư Như Hinh, Cổ Tâm. Cổ Tâm truyền xuống Tịch Quang, Tịch Quang có đệ tử nổi tiếng là Kiến Nguyệt (Độc Thể) và Hương Tuyết.

Từ sau Kiến Nguyệt và Hương Tuyết, suốt triều nhà Thanh 210 năm, Luật tông lại suy vi hơn nữa. Thế nhưng, gần đây có Đại sư Hoàng Nhất và Từ Chu chuyên hoàng giới luật, nên Luật học có phần nào khởi sắc trở lại.

Về phương diện Luật diễn từ đời Nam Tống trở đi, các tác phẩm bị mất mát hầu như gần hết. Cuối triều Minh, các Đại đức tuy có hoằng Luật mà không được rục rở như trước. Thế nhưng, những tác phẩm Luật học đã bị mất mát kể trên, ngày nay còn được bảo tồn khá tốt tại Nhật Bản. Đó là một điều hết sức may mắn.

Sau đây, chúng ta lại trình bày tiểu sử của vài vị Luật sư tiêu biểu vừa đề cập ở trên.

7. Luật sư LIÊN TRÌ - CHÂU HOÀNG (1532-1612).

Sư họ Trầm, tự Phật Tuệ, hiệu Liên Trì, quê ở Khang Châu, thuộc đời Minh. Thuở nhỏ Sư học Nho, nổi tiếng thông minh, năm 17 tuổi thi đậu Chư Sinh. Vì chịu ảnh hưởng của những người láng giềng nên Sư hướng tâm đến Tịnh Độ, viết 4 chữ “Sanh tử đại sự” lên bàn để tự cảnh tỉnh. Vào tuổi trung niên, sư quy y Phật giáo, thế phát với Vô Nhân Tánh Thiên, tại Tây Sơn. Sau đó, Sư đến chùa Chiêu Khánh thọ giới Cụ-túc với Thiền sư Vô Trần, rồi đi du phương tham học nhiều nơi.

Năm Long Khánh thứ 5 (1571), Sư vào núi Vân Thê tại Khang Châu, ở một ngôi chùa hoang phế trong núi, tinh tấn niệm Phật tam muội. Nghe danh tiếng của Sư, Tăng Ni xa gần tìm đến tham

học đông đảo, khiến nơi này thành một tùng lâm quy mô.

Năm Vạn Lịch thứ 12 (1584), Sư soạn 3 quyển Vãng Sanh tập. Năm 30 tuổi, soạn một quyển Lăng Nghiêm Mô Phạm Ký. Thời bấy giờ, việc thọ giới bị cấm chế, Sư đã tùy nghi bảo giới tử sắm đủ 3 y đến trước điện Phật để Sư chứng minh cho thọ giới. Sư còn chế định Thủy Lục Nghi Văn và Du Già Niệm Khẩu Pháp để tế độ nỗi khổ của cõi u minh; đồng thời cho đào hồ phóng sanh ở trong và ngoài thành; lại soạn tập Giới Sát Phóng Sinh Văn để răn bảo những kẻ hay sát sinh hại vật.

Sư đặc biệt chú trọng pháp môn Tịnh Độ, thống trách những kẻ cuồng Tăng, tận lực xiển dương Thiền Tịnh kiêm tu, đạo phong hưng thịnh một thời. Các sĩ Đại phu như Tống Ứng Xương, Lục Quang Tổ, Phùng Mộng Trinh v.v... đều thọ ân giáo hóa của Sư. Lúc tuổi già, bệnh phát sinh, Sư lại càng tinh tấn tu Tịnh Độ, làm ra 32 điều “Chẳng lành” để tự cảnh tỉnh và cảnh tỉnh mọi người, lại viết 3 điều đáng tiếc và 10 điều đáng thống trách để đôn đốc đồ chúng.

Năm Vạn Lịch 40 (có thuyết nói năm 43), Sư thị tịch, thọ 82 tuổi. Người bấy giờ gọi Sư là Hòa thượng Vân Thê hay Đại sư Liên Trì. Sư cùng với Tử Bá, Hám Sơn, Ngẫu Ích được xưng tụng là 4 vị

Đại Cao Tăng của đời Minh. Những trước tác của sư gồm có:

- Thiên Quang Sách Tấn.
- Phạm Võng Giới Số Phát Ấn.
- A-di-đà kinh Số Sao.
- Hoa Nghiêm Kinh Cảm Ứng Lược Ký.

Và các thứ khác hơn 30 loại. Về sau, Vương Vũ Xuân đã kết tập các tác phẩm của sư thành Vân Thê Pháp Vựng, gồm 40 quyển. (*PQĐTĐ*, tr.4789b)

8. Luật sư NGẪU ÍCH – TRÍ HÚC (1599-1655)

Sư người đời Minh, tên Trí Húc, tự Ngẫu Ích, lại tự đặt hiệu là Bát Bất Đạo Nhân, còn gọi là Linh Phong (nơi Sư trú tích). Lúc đầu Sư học Nho, soạn sách Tịch Phật Luận (bài bác đạo Phật) mấy chục thiên. Nhưng năm 17 tuổi, nhân đọc sách Tự Tri Lục và Trúc Song Tùy Bút của Đại sư Liên Trì, Sư bèn đem sách Tịch Phật Luận của mình ra đốt. Nhân 3 lần nằm mộng thấy Đại sư Hám Sơn đang ở Tào Khê, nên Sư đến xin xuất gia với Tuyết Phong đệ tử của Hám Sơn. Ít lâu sau, Sư đến các đạo tràng nghe giảng, nhưng thấy 2 tông Tánh (Hoa Nghiêm), Tướng (Duy Thức) có mâu thuẫn nhau, Sư suy nghĩ: Phật pháp đâu có 2 loại? Từ đó Sư vào núi Kính Sơn tham thiền, nhờ vậy thấu

triệt được nghĩa lý của 2 tông Tánh Tướng. Nhân thấy Luật học suy vi, Sư quyết tâm xiển dương Giới Luật, soạn sách Tỳ-ni Thập Yếu. Trong lúc đang phân vân chưa biết nên theo tông nào, Sư bèn đến trước Phật rút thẻ để định hướng. Và chọn được tông Thiên Thai. Do đó, Sư dốc tâm nghiên cứu giáo nghĩa rồi cực lực hoằng dương tông này bằng cách chú thích các Kinh Luận. Năm 56 tuổi, Sư nằm dưỡng bệnh tại Linh Phong, soạn Tây Trai Tịnh Độ Thi, đồng thời chỉnh lý lại 5 bộ sách về Tịnh Độ và đặt tên là Tịnh Độ Thập Yếu. Sau khi khỏi bệnh, Sư soạn thêm hai bộ sách khác là Duyệt Tạng Tri Tân và Pháp Hải Quan Lan. Đến tháng 10, bệnh tái phát, Sư để lại di chúc và làm bài kệ Cầu Sinh Tịnh Độ.

Tháng Giêng, năm Thuận Trị thứ 12 (1655). Sư ngồi kiết già trên giường, đưa tay chỉ về cõi Tây Phương thị tịch, hưởng dương 57 tuổi, và 34 pháp lập. Sư là người nghiêm cẩn, tinh chuyên, lìa bỏ danh lợi, kiên trì giữ giới, hoằng dương Luật tạng, sinh bình lấy việc đọc Tam Tạng và trước thuật làm sự nghiệp. Sư học tất cả giáo nghĩa của các tông Pháp Tướng, Thiên, Luật, Hoa Nghiêm, Thiên Thai và Tịnh Độ, nhưng chú trọng nhất tông Thiên Thai và chủ trương Phật, Nho, Đạo tam giáo nhất trí. Phạm vi nghiên cứu của Sư rất rộng nhưng kiến giải về tông Thiên Thai là độc đáo nhất. Sư đề

xướng Thiền, Tịnh, Giáo và Luật đều chung một đường và lấy việc niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ làm trọng tâm.

Sau khi Sư thị tịch, đệ tử Thành Thời tôn thụy hiệu là Thỉ Nhật Đại Sư. Người đời bấy giờ gọi sư là Linh Phong Ngẫu Ích Đại Sư, người sau suy tôn làm Tổ thứ 9 của tông Tịnh Độ.

Các đệ tử của sư có: Chiếu Nam, Linh Thịnh, Tính Đán, Đăng Từ v.v... về trước tác khá nhiều, gồm có:

- Lăng Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa, 2 quyển.
- Lăng Nghiêm Kinh Văn Cú, 10 quyển.
- A-di-đà Phật Yếu Giải, 1 quyển.
- Kim Cương Kinh Phá Không Luận, 1 quyển.
- Phạm Võng Kinh Hợp Chú, 7 quyển.
- Trùng trị Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu, 17 quyển.
- Tướng Tông Bát Yếu Trực Giải, 8 quyển.
- Duyệt Tạng Tri Tân, 48 quyển.
- Chu Dịch Thiền Giải, 10 quyển.
- Tứ Thư Ngẫu Ích Giải, 4 quyển.

Tất cả gồm hơn 40 bộ. Đệ tử của sư là Thành Thời biên tập di văn của Sư đề là Ngẫu Ích Đại Sư Tông Luận, gồm 10 quyển. (*PQĐTĐ*, tr.5019a)

9.- Luật sư HOÀNG TÁN (1611-1685).

Sư họ Châu, tự Tại Tham, quê ở Tân Hội Quảng Đông, sinh vào cuối đời Minh, đầu Thanh, thuộc Thiên phái Tào Động. Tuổi trẻ học Nho, có kiến thức rộng, lịch lãm, và có tài văn chương. Lúc tuổi trưởng thành, Sư được bổ làm Giáo học tại huyện nhà. Sau khi nhà Thanh làm chủ Trung Quốc, Sư bèn xuất gia, nghiên cứu Thiên pháp, tham yết Đạo Khâu ở Đỉnh Hồ và nhận được ấn chứng. Bình sinh, Sư đặc biệt chú trọng đến những vấn đề thực tiễn, dốc lòng làm tròn bốn phận, tuy tinh tường Thiên học, nhưng thấy phong khí từng lâm nặng tính phù hoa, không thật, nên rất đau lòng; do đó, không hề mở miệng nói về Thiên đạo một lời nào mà chỉ dốc sức hoằng truyền luật nghi, đề cao giới hạnh, lấy việc hoằng luật làm nhiệm vụ.

Sư thị tịch vào năm Khang Hy thứ 14 (1685), hưởng thọ 75 tuổi. Những trước tác của sư gồm có:

- Đỉnh Hồ Sơn Mộc Cư Tại Tham Thiên Sát Cảo, 5 quyển.
- Thất Câu Chi Phật Mẫu Sở Thuyết Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh Hội Thích, 3 quyển.
- Tâm Linh Luận.
- Tứ Phần Giới Bốn Như Thích, 12 quyển.

- Quy Giới Yếu Tập, 3 quyển.
- Bát Quan Trai Pháp.
- Lễ Phạt Nghi Thức v.v...

Tất cả khoảng 10 bộ (PQĐTĐ, tr. 1926b)

10. Luật sư HOÀNG NHẤT (1880-1942)

Sư họ Lý, tên Quảng Hầu, hiệu Thúc Đồng, là một bậc danh Tăng trù hưng Luật học của phái Nam Sơn tại Đài Loan. Sư còn có tên là Thành Hề, tự là Tích Sương, tính tình tao nhã, điềm đạm, có sở trường về thư hoạ và điêu khắc. Năm 26 tuổi, Sư sang Nhật Bản, vào học trường Thượng Dã Mỹ Thuật, chuyên nghiên cứu âm nhạc, sáng lập Xuân Liễu Kịch Xã, là bậc tiền khu vận động tân kịch của Trung Quốc. Sau khi về nước Sư dạy tại trường Công Nghiệp Chuyên Môn và làm chủ bút tạp chí Thái Bình Dương.

Năm Dân Quốc thứ 7 (1918) Sư được 39 tuổi, thấy cuộc thế vô thường, Sư bèn đem tất cả sách vở, họa phẩm v.v... tặng cho người khác, niệm phong những tấm điêu khắc quý giá, rồi đến chùa Đại Từ tại Khang Châu xin xuất gia với Thiền sư Liễu Ngộ. Sau đó Sư đến chùa Linh Ẩn thọ giới Cụ túc, được pháp danh là Diễn Âm, hiệu Hoàng Nhất. Thấy Tăng sĩ thường bị người đời hủ nhục do không giữ Giới Luật, vì thế Sư rất xót xa nên phát

nguyện suốt đời chuyên nghiên cứu về Giới pháp. Ban đầu, Sư học luật của Hữu Bộ (Thập Tụng), nhưng về sau chuyên hoằng dương Nam Sơn Luật tông, thường đi chân không, trơ trọi một mình vân du khắp nơi để giảng Kinh, hoằng pháp.

Năm Dân Quốc thứ 25, Sư về an trú tại chùa Phổ Tế, đóng cửa đọc Đại Tạng Kinh. Về già, Sư tự đặt hiệu là Văn Tinh Lão Nhân, lại có hiệu là Nhị Nhất Lão Nhân. Tháng 10, năm Dân Quốc 31 (1942) Sư thị tịch tại dưỡng lão viện ở Tấn Giang, Ôn Lăng, thọ 63 tuổi đời, 24 hạ lạp.

Bình sinh Sư rất ngưỡng mộ Đại sư Ấn Quang, noi gương Ấn Quang không thu nhận đồ chúng, cũng không sinh hoạt theo lối các chùa mà chỉ dùng cách viết chữ để kết duyên với mọi người. Nếp sống thanh khiết, đạm bạc, cô độc, mô phạm của Sư có ảnh hưởng rất lớn trong giới Phật giáo Dân Quốc từ ấy đến nay. Những trước tác của Sư gồm có:

- Di-dà Nghĩa Sớ triết Lục.
- Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới Tướng Biểu Ký.
- Thanh Lương Ca Tập.
- Hoa nghiêm Liên Tập.
- Giới Bản Yết-ma Tùy Giảng Biệt Lục.
- Tứ Phần Hàm Chú Giới Bản Giảng Nghĩa.

- Nam Sơn Đạo Tổ Lực Phổ.

Hiện nay các tác phẩm của sư đã được kết tập thành Hoàng Nhất Đại Sư Pháp Tập, và được tàng trữ tại nơi thờ tự Sư. (PQĐTĐ, tr.1919b)

11. Luật sư TỬ CHU (1877-1958)

Sư họ Lương, pháp danh Phổ Hải, quê ở Tuy Huyện, Hồ Bắc. Sư xuất gia năm 33 tuổi. Sau khi thọ giới, Sư giữ Luật tinh nghiêm, thực hành Tịnh Độ, tu quán pháp giới, chú tâm xiển dương Giới Luật, sự hoàng hóa của Sư rất rộng rãi.

Tháng Giêng, năm Dân Quốc 47 (1958), Sư thị tịch, thọ 81 tuổi đời, 48 Tăng lạp, trước tác của Sư để lại gồm có:

- Tỳ-ni Tác Trì Yếu Lục.
- Bồ-tát Giới Bản Sơ.
- Đại Thừa Khởi Tín Luận Thuật Ký.
- Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Thân Văn Ký. (PQĐTĐ, tr.5800b).

2. Việc xiển dương Luật học tại Việt Nam

Vấn đề truyền thừa Luật tông ở Việt Nam không rõ manh mối. Trái lại, sự truyền thừa Thiền tông thì khá quy mô, nhất là vào thời đại nhà Lý và đầu nhà Trần. Thế nhưng, từ cuối đời Trần trở đi,

Thiền tông nói riêng và Phật giáo nói chung rơi vào tình trạng suy trầm, tuy có một số vị Cao Tăng quan tâm đến công tác hoằng pháp, lo việc trước thuật nhưng không được khởi sắc lắm. Qua những công trình của các bậc tôn túc để lại, ở đây chúng tôi chỉ ghi nhận những cống hiến liên quan đến Giới Luật mà thôi. Còn phần tiểu sử của các Ngài vị nào muốn rõ, xin xem các cuốn sử Phật giáo Việt Nam.

1. **Thiền sư HUƠNG HẢI** (1628-1715) có: Giải Sa-di Giới Luật.

2. **Thiền sư PHÁP CHUYÊN** (Luật Truyền, Diệu Nghiêm) (1726-1798)

- Quy Sơn Cảnh Sách Cú Thích Lược Ký.
- Tỳ-ni Oai Nghi Sa-di Cảnh Sách Ấn Chú Yếu Lược.
- Tỳ-ni Nhật Dụng Thiết Yếu Phát Ấn Âm Chú.
- Sa-di Luật Nghi Yếu Lược Tăng Chú.
- Sự Nghĩa Luật Yếu Lược.

Các tác phẩm trên, một số đã in, số còn lại là những bản thảo lưu trữ tại chùa Từ Quang Phú Yên, nhưng bị trận hỏa hoạn năm 1929 thiêu hủy tất cả. (*theo Lịch Sử Phật Giáo Đàng Trong, Nguyễn Hiền Đức – xuất bản 1995, tập 2, tr.14*)

3. **Thiền sư TOÀN NHẬT** (viên tịch khoảng đầu thế kỷ 19: 1831-1835) có: Sa-di Oai Nghi Tăng Chú Giải Ngụy Tự Tiểu Thiên.

4. **Thiền sư CHÁNH THÀNH** (1872-1949).

- Tứ phần như thích (dịch)
- Bồ-tát Giới Kinh.
- Tỳ-kheo Giới Kinh.
- Sa-di Sớ.
- Tỳ-ni Hương Nhũ.

Hầu hết đều là bản thảo.

5. **Thiền sư TRÍ HẢI** (*Bích Liên*) (1876-1950)

- Quy Sơn Cách Sách, dịch Nôm.

6. **Thiền sư HUYỀN Ý** (1891-1951).

- Sa-di Luật Diễn Nghĩa

7. **Thiền sư TUỆ TẠNG** (1889-1959)

- Kinh Phạm Võng Giải.
- Sa-di Luật.

8. **Thiền sư KHÁNH ANH** (1895-1961)

- Tại Gia Cư Sĩ Luật.

9. **Thiền sư THIỆN HÒA** (1907-1978)

- Giới Đàn Tăng.

- Tỳ-kheo Giới Kinh.

10. Thiên sư BỬU CHƠN (1911-1979)

- Tứ Thanh Tịnh Giới.

11. Thiên sư TRÍ HẢI (Thanh Thao) (1906-1979)

- Nghi Thức Thọ Tam Quy.

- Sa-di Luật (Dịch), 2 tập.

12. Thiên sư HỘ TÔNG (1893-1981)

- Luật Xuất Gia, 2 quyển

13. Thiên sư TRÍ THỦ (1909-1984)

- Nghi thức truyền Giới Tại Gia và Bồ-tát Thập Thiện.

- Luật Tỳ-kheo.

- Yết-ma Yếu Chỉ.

- Tứ Phần Hiệp Chú, 2 quyển.

14. Thiên sư HÀNH TRỤ (1904-1984)

- Sa-di Luật Giải.

- Quy Sơn Cảnh Sách.

- Tứ Phần Giới Bốn Như Thích.

- Phạm Võng Bồ Tát Giới.

- Tỳ-kheo Giới Kinh. '

15. Thiền sư GIỚI NGHIÊM (1921-1984)

- Luật Tạng Pàli.

16. Thiền sư BÌNH MINH (1924-1988)

- Yết-ma Chỉ Nam (dịch).

17. Thiền sư THIỆN CHƠN (1914-1992).

- Luật Tứ Phần Hiệp Chú.

- Luật tứ phần Tỳ-kheo-ni Lược Ký.

- Tỳ-ni Hương Nhũ.

18. Thiền sư ĐÔN HẬU (1905-1992).

- Cách Thức Sám Hối Các Tội Đã Phạm.

- Luật Tứ Phần Tỳ-kheo-ni Sao.

Ở đây chỉ nêu một số trước tác phiên dịch về luật học của những vị đã viên tịch. Ngoài ra, những vị còn hiện hữu, nếu có những tác phẩm Luật học có giá trị sẽ được ghi nhận ở phần tư liệu tham khảo.

Chương 2

CÁC PHÁP YẾT-MA

I. KHÁI QUÁT VỀ YẾT-MA.

1. Định nghĩa Yết-ma

Yết-ma là phiên âm từ Karma của tiếng Phạn, Hán dịch là nghiệp, hành động hay tác pháp; nói cho đủ là *tác pháp biện sự*, nghĩa là lập thủ tục để giải quyết một sự việc. Yếu tố căn bản để thành tựu Yết-ma là Tăng phải hòa hợp và thanh tịnh.

2. Phân loại Yết-ma.

Nói tổng quát thì Yết-ma có 3 trường hợp: *tâm niệm, đối thủ và tăng pháp*.

- Tâm niệm là tự mình nghĩ và nói thành lời mà không cần có người khác nghe. Về nguyên tắc của Yết-ma đòi hỏi phải biểu hiện bằng lời nói. Trường hợp này áp dụng cho những Tỳ-kheo sống độc cư.

- Đối thủ là mình nói cho 1 hay 2 người khác nghe. Trường hợp này áp dụng giữa 2 hay 3 Tỳ-kheo, vì chưa đủ túc số tăng.

- Tăng pháp là pháp Yết-ma áp dụng cho tăng số từ 4 người trở lên, được chia làm 3 loại: đơn bạch, bạch nhị và bạch tứ.

a. *Đơn bạch*: chỉ một lần tác bạch giữa tăng thì Yết-ma thành tựu. Nghĩa là chỉ cần công bố 1 lần. Theo quyển Yết-ma Chỉ Nam quy định đơn bạch có 44 pháp.

b. *Bạch nhị*: 1 lần tác bạch và 1 lần Yết-ma. Nghĩa là 1 lần tuyên bố và 1 lần lấy biểu quyết. Yết-ma Chỉ Nam quy định có 76 pháp.

c. *Bạch tứ*: 1 lần tác bạch và 3 lần Yết-ma. Nghĩa là 1 lần tuyên bố và 3 lần lấy biểu quyết. Yết-ma Chỉ Nam quy định có 39 pháp.

3. Những yếu tố cần thiết cho pháp Yết-ma.

Muốn thực hiện pháp Yết-ma cần phải hội đủ 3 yếu tố mới hợp quy: nhân, pháp và sự.

a. *NHÂN*: tức là người hay nhân cách. Nghĩa là những người đó phải đủ tư cách pháp nhân của một Tỳ-kheo hợp pháp, và túc số phải phù hợp cho từng pháp Yết-ma. Túc số này được quy định như sau:

- *Tăng gồm 4 người*: đây là túc số tối thiểu trong sinh hoạt thông thường như thuyết giới.

- *Tăng gồm 5 người*: đây là túc số tối thiểu cho việc Yết-ma Tự tứ; ngoài ra túc số này cũng có thể truyền giới Cụ túc tại những địa phương mà ở đó số Tỳ-kheo quá ít.

- *Tăng gồm 10 người*: đây là túc số cần thiết để truyền giới Cụ túc.

- *Tăng gồm 20 người*: túc số cần thiết để xuất tội Tăng tàn và tất cả các pháp Yết-ma khác. Trên túc số 20 có thể thực hiện bất cứ pháp Yết-ma nào.

Khi thực hiện các pháp Yết-ma thì số người thừa không phạm, nhưng số người thiếu sẽ phạm luật.

b. **PHÁP**: tức những nguyên tắc, những thủ tục... đã được quy định như trường hợp nào đơn bạch, trường hợp nào bạch nhị...

c. **SỰ**: tức sự vật cụ thể hay sự việc diễn tiến. Ví dụ kết đại giới thì phải có những tiêu tướng rõ rệt, đúng pháp, và diễn tiến công việc theo thứ lớp, không được lộn xộn.

4. Các giai đoạn tiến hành Yết-ma.

Quá trình của Yết-ma diễn tiến theo 3 giai đoạn: *gia hành, căn bản và hậu khởi*.

Gia hành hay còn gọi là tiền phương tiện, Căn bản túc trọng tâm hay chính thức Yết-ma, và *hậu khởi*, chỉ giai đoạn kết thúc.

Tất cả các loại Yết-ma, từ đơn bạch cho tới bạch tứ, đều có tiền phương tiện tương đối giống nhau.

Sau khi Tăng đã tập hợp trong tinh thần thanh tịnh và hòa hợp, một Tỳ-kheo Thượng tọa đại diện Tăng tác pháp Yết-ma, bắt đầu hỏi; 'một Tỳ-kheo khác gọi là Duy-na, cũng đại diện Tăng trả lời. Hỏi và đáp diễn ra như sau:

Hỏi: Tăng đã họp chưa?

Đáp: Tăng đã họp (vấn đáp 1)

Hỏi: Hòa hợp không?

Đáp: Hòa hợp (vấn đáp 2)

Hỏi: Người chưa thọ Cụ túc đã ra chưa?

Đáp: Đã ra (vấn đáp 3)

Hỏi: Các Tỳ-kheo không đến có gởi dục và thanh tịnh không?.

Đáp: Không có người gởi dục (nếu có thì đáp là “có” và bước ra thuyết dục) (vấn đáp 4)

Hỏi: Tăng nay tập hợp để làm gì?

Đáp: (nói Tăng sự) Yết-ma (vấn đáp 5)

Vấn đáp 1 nhằm xác nhận sự tập hợp của Tăng là đúng thời gian quy định.

Vấn đáp 2 nhằm xác định yếu tính của Tăng, tức sự hòa hợp.

Vấn đáp 3 nhằm xác định thành phần hay tư cách pháp nhân của Tăng.

Vấn đáp 4 có một vài thay đổi tùy theo loại Yết-ma, sẽ nói rõ ở sau.

Vấn đáp 5 nhằm xác định mục đích của pháp Yết-ma.

Trên đây là thể thức tổng quát về tiền phương tiện. Nhưng pháp Yết-ma có đơn, có kép khác nhau. Ví dụ trường hợp giải và kết đại giới hay tiểu giới, thì sau khi tác tiền phương tiện để Yết-ma giải giới, lại cần có tiền phương tiện khác, để kết giới, đó gọi là Yết-ma đơn. Nghĩa là một tiền phương tiện cho một pháp Yết-ma duy nhất. Trái lại Yết-ma đơn là Yết-ma kép. Nghĩa là một tiền phương tiện chung cho Yết-ma kế tiếp sau. Ví dụ, trường hợp Tự tứ, tác pháp chủ yếu là đơn bạch Yết-ma, nhưng nếu Tăng quá đông cần phải kiểm điểm Tăng số, thì cần có thêm bạch nhị Yết-ma để sai người hành xá la (phát thẻ), hoặc cần có người nhận sự Tự tứ của các Tỳ-kheo, thì lại thêm bạch nhị Yết-ma để sai người nhận sự Tự tứ. Tuy vậy trong vấn đáp 5, câu trả lời vẫn phải nói là: Yết-ma Tự tứ. Đây gọi là Yết-ma kép.

Có trường hợp nhất định *đơn*, như Yết-ma kết và giải các giới.

Có trường hợp nhất định *kép*, như Yết-ma truyền giới Cụ túc.

Có trường hợp *bất định* như Yết-ma Tỳ tứ...

5. Các yếu tố để thành tựu Yết-ma.

Tổng quát có 4 yếu tố căn bản để Yết-ma được thành tựu, đó là:

- *Nhân thành tựu*: người tham dự phải đủ tư cách pháp nhân.

- *Tăng thành tựu*: túc số tăng phải đúng theo quy định cho mỗi pháp yết ma.

- *Giới thành tựu*: ở trong cương giới đã được quy định.

- *Pháp thành tựu*: các thủ tục tiến hành đúng pháp.

Ngoài ra còn có trường hợp cộng và bất cộng khác nhau.

Cộng nghĩa là cả hai bộ Tăng và Ni cùng tác pháp chung. Nhưng trong túc số Tỳ-kheo Tăng không thể kể Tỳ-kheo-ni vào cho đủ số, và ngược lại cũng vậy.

Bất cộng là Tỳ-kheo Tăng và Tỳ-kheo-ni không được tác pháp chung.

6. Già Yết-ma.

Tăng pháp Yết-ma đòi hỏi sự nhất trí tuyệt đối không có trường hợp đa số áp đảo thiểu số. Do đó, khi Tăng tác pháp, nếu có người đủ tư cách pháp lý nói lên lời phủ nhận sự tác pháp ấy, thì Yết-ma bất thành.

Hai trường hợp được Già Yết-ma:

a. Tỳ-kheo thanh tịnh được kể trong Tăng số có quyền Già Yết-ma.

b. Người không được kể trong Tăng số, nhưng có quyền Già Yết-ma. Đó là trường hợp giới tử xin thọ giới Cụ túc, nhưng nửa chừng thối chí, xin không thọ giới nữa thì sự Yết-ma truyền giới phải hủy bỏ.

Hai trường hợp không được Già Yết-ma.

a. Người được kể trong Tăng số, nhưng không có quyền Già Yết-ma. Đó là trường hợp các Tỳ-kheo đang là đối tượng của Yết-ma ha trách, tấn xuất, y chỉ, không cho đến nhà bạch y...

b. Người không được kể trong Tăng số và không được quyền Già Yết-ma. Đó là trường hợp những Tỳ-kheo đã mất quyền Tỳ-kheo, và những người khác không liên quan đến pháp Yết-ma đó.

7. Phi tướng của Yết-ma.

Để Yết-ma được thành tựu cần phải thực hiện đúng thể thức và quy tắc dựa trên 3 yếu tố cơ bản là nhân, pháp và sự, như đã nói trên. Nếu tiến hành không đúng thể thức và lộn xộn thì thành ra phi pháp hay phi tướng. Phi tướng tổng quát gồm 7 trường hợp:

a. *Phi pháp phi Tỳ-ni*: sai cách thức và sai số lượng. Nghĩa là đáng lý đơn bạch lại bạch nhị...; đáng lý phải tập hợp đủ 10 người lại tập hợp chỉ có 5 người.

b. *Phi pháp biệt chúng*: phi pháp như trên. Biệt chúng là sự tập hợp không đồng bộ, những người vắng mặt không gởi dục đúng pháp.

c. *Phi pháp hòa hợp*: Tăng tuy hòa hợp, tập hợp đúng quy định nhưng các thủ tục tiến hành không đúng pháp.

d. *Như pháp biệt chúng*: tiến hành đúng thể thức, nhưng Tăng không hòa hợp.

e. *Pháp tương tự biệt chúng*: các loại Yết-ma đơn bạch, bạch nhị hay bạch tứ được áp dụng đúng quy định, nhưng tiến hành lộn xộn, và Tăng không hòa hợp.

f. *Pháp tương tự hòa hợp*: pháp tương tự như trên, và hòa hợp tức Tăng hòa hợp.

g. *Già bất chỉ*: Yết-ma bị ngăn cản đúng pháp mà không chịu đình chỉ, vẫn tiến hành.

Ví dụ về phi tướng của một buổi thuyết giới:

Nhân phi: trong buổi thuyết giới có người không đủ tư cách pháp nhân tham dự.

Pháp phi: đáng bạch nhị mà lại bạch tứ; túc số bắt buộc phải 10 mà chỉ có 5.

Sự phi: tiến hành lộn xộn không có thứ lớp và thiếu sót. Không gặp nạn duyên mà rút ngắn thuyết giới.

Nhân, pháp phi: nghĩa như đã nói trên.

Nhân, sự phi: (nt)

Pháp, sự phi: (nt).

Nhân, pháp sự phi: (nt)

II. THIẾT LẬP CƯƠNG GIỚI

Tiếng Phạn là *Sīma*, Hán dịch là Cương giới; nghĩa là đường ranh phân chia hai khu vực khác nhau.

Trên nguyên tắc mỗi Tăng đoàn sống và sinh hoạt cần phải quy định 1 cương giới rõ ràng. Trong phạm vi cương giới ấy các Tỳ-kheo có quyền lợi và nghĩa vụ chung. Một Tỳ-kheo giờ phút trước ở khu vực này thì hưởng quyền lợi và nghĩa vụ của khu

vực này, nhưng giờ phút sau sang qua một khu vực khác thì trở thành thành viên của khu vực ấy. Tuy mỗi Tăng đoàn là một cộng đồng độc lập và tự trị, nhưng vì các Tăng đoàn đều áp dụng chung 1 loại giới luật, nên chúng vẫn được xem như 1 tập thể thống nhất.

1. Các loại cương giới

Có hai loại cương giới: *Cương giới tự nhiên* và *cương giới pháp định*. Cương giới tự nhiên áp dụng cho những Tăng đoàn di chuyển hay du cư và cương giới pháp định áp dụng cho những Tăng đoàn cố định hay định cư.

1.1. Cương giới tự nhiên.

Cương giới tự nhiên được chia thành 4 loại:

1/ Giới tự lạc: tự lạc chỉ cho tất cả những nơi có nhà ở của dân chúng. Giới này gồm có hai:

- Tự lạc có đường ranh rõ ràng: tức tự lạc có đường ranh khiến có thể phân biệt được phạm vi bên trong và bên ngoài của tự lạc, hoặc phân biệt được tự lạc này với tự lạc khác.

- Tự lạc không có đường ranh rõ ràng: phạm vi của tự lạc này rộng tối đa khoảng hơn 100m. Ma-ha Tăng Kỳ Luật qui định: 5 khuỷu tay là 1 cung, 7 cung là khoảng cách để trồng một cây xoài,

trong phạm vi 7 cây xoài có thể tác Yết-ma. Theo cách tính của Ấn Độ ngày xưa 1 khuỷu tay khoảng 0^m45 , như vậy ta có: 5 khuỷu ($5 \times 0^m45 = 2^m25$); 7 cung ($7 \times 2^m25 = 15^m75$); 7 cây xoài $\Rightarrow 7 \times 15^m75 = 110^m25$.

2/ Giới A-lan-nhã: Tiếng Phạn là aranya, Hán phiên âm là A-lan-nhã, dịch nghĩa là *không nhàn xứ* hay *vô sự xứ*, chỉ cho những khu rừng vắng hay những nơi không có dân cư. Giới này gồm có hai:

- Chỗ không nguy hiểm: Giới này được quy định rộng 1 câu-lô-xá tức khoảng 4000 khuỷu tay, hay 1800m (cách tính thứ hai là 8000 khuỷu tay – 3600m).

- Chỗ nguy hiểm: Tức có các nạn cướp, sư tử, trùng độc, trộm, giặc...

Giới này được quy định trong vòng 7 bàn-đà (abhantara). Mỗi bàn đà khoảng 12^m00 . Do đó, 7 bàn-đà là: $7 \times 12m = 84m$.

3/ Giới đường bộ: Tức giới tự nhiên trong lúc đi đường. Một tập thể Tỳ-kheo từ 4 người trở lên, trong lúc đi đường có thể làm pháp Yết-ma trong vòng 600 bộ.

4/ Giới đường thủy: Túc cương giới được quy định trong lúc đang đi trên tàu, thuyền..., phạm vi này được tính bằng cách cho 1 người có sức khỏe nhất lấy cát hay nước ném ra 4 phía, tới chỗ nào thì chỗ đó được xem là đường ranh giới.

Tăng đoàn có thể thực hiện các pháp Yết-ma trong phạm vi các cương giới tự nhiên trên đây mà không cần phải kết tiểu giới.

1.2. Cương giới pháp định.

Cương giới pháp định là cương giới được ấn định bằng thủ tục Yết-ma. Loại cương giới này thông thường có hai, cương giới chính và cương giới phụ hay cương giới biệt xuất.

1/ Cương giới chính.

Cương giới bắt buộc phải có, đó là Đại giới và Giới trường.

a. Đại giới:

Trong bất cứ nơi nào có 1 đoàn thể Tăng chúng từ 4 người trở lên, đều phải ấn định những đường ranh bao quanh. Ở trong ranh giới đó, Tăng chúng sống chung hòa hợp, cùng chia sẻ những quyền lợi và nghĩa vụ trên tinh thần dân chủ và bình đẳng. Để thiết lập những đường ranh được rõ ràng cụ thể cần phải có những cột mốc gọi chung là

tiêu tướng. Các vật được dùng làm tiêu tướng phải có tính cách kiên cố, lâu dài.

Tăng có cương giới của Tăng, Ni có cương giới của Ni, Tăng Ni không được thiết lập chung một cương giới. Nhưng cương giới của Tăng và Ni có thể ấn định trùng lên nhau, mà cương giới của mỗi bên vẫn không mất hiệu lực.

Phạm vi đại giới của Tăng rộng tối đa là 10 câu-lô-xá, tức khoảng 18km hoặc có chỗ nói rộng 20 câu-lô-xá, tức 36km. Phạm vi đại giới của Ni rộng tối đa là 1 câu-lô-xá, tức khoảng 1km8.

Thông thường mỗi đại giới đều có giới trường, nhưng đôi khi có đại giới không có giới trường. Đó là trường hợp hai đại giới ở gần bên nhau, Tăng đồng ý cùng sinh hoạt chung trong 1 giới trường, giới trường này đặt ở 1 bên nào đó tùy theo thuận tiện.

Mặc dù giới trường nằm trong phạm vi của đại giới, nhưng nó phải tách biệt với đại giới bằng khoảng cách tối thiểu là 1m. Vùng này gọi là vùng *phi giới* hay *trung gian*. Như vậy, theo thứ tự, trước hết ấn định đường ranh của giới trường. Tiếp theo ấn định đường ranh bên trong của đại giới - cách đường ranh của giới trường 1m. Sau cùng mới ấn định đường ranh bên ngoài của đại giới. Đại giới nào không có giới trường thì chỉ ấn định một đường ranh bên ngoài mà thôi.

Trong phạm vi của đại giới, các Sa-di và tịnh nhân có thể cùng sống chung, nhưng không được kể là thành viên của Tăng đoàn, nên quyền lợi và nghĩa vụ không giống như các Tỳ-kheo.

b. *Giới trường* (hay *Thuyết giới đường*)

Giới trường là một hội trường hay một khu đất nằm trong phạm vi của đại giới, nhưng tách biệt với đại giới, được dùng làm nơi sinh hoạt chung cho các Tỳ-kheo (hoặc thường kỳ, hoặc bất thường). Phạm vi giới trường nhỏ nhất phải dung chứa được 21 người mà khoảng cách sao cho người này đuổi cánh tay ra thì đầu ngón giữa chạm vào thân người kia. Con số 21 là số Tỳ-kheo khi làm Yết-ma xuất tội Tăng-tàn (20 Tỳ-kheo thanh tịnh và 1 Tỳ-kheo phạm tội).

Trong mỗi trú xứ chỉ được thiết lập 1 giới trường mà thôi.

Khi kết và giải giới trường, Tăng phải ở trong phạm vi của giới trường. Cũng vậy, khi kết và giải đại giới, Tăng phải ở trong phạm vi của đại giới, nghĩa là phải ra ngoài giới trường và vùng phi giới trung gian.

2/ *Cương giới phụ* (cương giới biệt xuất)

Các cương giới phụ gồm có tiểu giới, giới pháp lợi nhị đồng, giới pháp đồng lợi biệt, giới pháp biệt lợi đồng, giới không lìa y, giới tịnh trừ và tịnh khổ.

a. Tiểu giới:

Tiểu giới là một hình thức giới trường bất thường, tạm thời và chỉ được thiết lập ở bên ngoài phạm vi của đại giới. Một khi có sự việc bất thường xảy ra trong một nhóm Tỳ-kheo mà không liên quan đến toàn thể Tỳ-kheo trong trú xứ, nhóm người này muốn giải quyết việc đó nhưng không thể tập hợp tại giới trường, vì sợ các Tỳ-kheo khác cản trở trong lúc họ làm Yết-ma. Do thế họ có thể dẫn nhau ra ngoài đại giới, kết tiểu giới để làm Yết-ma. Phạm vi của tiểu giới nhỏ nhất là 4 người ngồi thành một đường thẳng, và nếu từ 5 người trở lên thì ngồi thành vòng tròn, mà phần lưng của họ được coi là đường ranh chung của cương giới. Sau khi Tăng sự hoàn tất, họ phải giải tỏa tiểu giới mới được ra đi.

b. Giới pháp lợi cộng đồng.

Pháp lợi cộng đồng nghĩa là cùng thuyết giới chung và cùng hưởng chung lợi dưỡng.

Trong trường hợp có hai trú xứ của Tăng ở gần nhau với hai cương giới biệt lập, sự qua lại

không bị trở ngại, khoảng cách giữa hai trú xứ không quá ba do-tuần (mỗi do-tuần bằng 6500m) hai bên muốn thống nhất sinh hoạt và quyền lợi vật chất, họ phải kết giới gọi là giới pháp lợi cộng đồng. Muốn vậy, trước hết mỗi bên phải tự giải đại giới của mình. Sau đó, toàn thể Tăng cả hai bên tập hợp về 1 chỗ để làm Yết-ma kết giới.

Hai trú xứ bây giờ cùng thuyết giới chung nên chỉ cần một giới trường. Giới trường này đặt bên nào là tùy theo sự thỏa thuận chung. Bên nào được đặt giới trường thì bên đó được thiết lập các đường ranh trước.

Sau khi xướng tiêu tướng, làm Yết-ma kết giới trường, toàn thể Tăng phải ra khỏi giới trường và vùng phi giới, đến địa phận của đại giới (có giới trường), xướng các tiêu tướng bên trong của đại giới. Kế đó xướng tiêu tướng bên ngoài của đại giới. Tiếp đến, xướng tiêu tướng ấn định đường ranh bên ngoài của đại giới bên kia (đại giới này không có giới trường nên không có ranh giới bên trong). Sau đó làm Yết-ma kết giới pháp lợi nhị đồng.

Trong trường hợp này, Tăng của hai trú xứ vẫn sống trong hai phạm vi đại giới khác nhau, chỉ thống nhất về mặt thuyết giới và lợi dưỡng.

c. Giới pháp đồng lợi biệt.

Thuyết giới chung nhưng lợi dưỡng riêng. Thể thức kết giới này giống như kết giới pháp lợi cộng đồng, chỉ khác nội dung các lời bạch Yết-ma mà thôi.

d. Giới pháp biệt lợi đồng.

Thuyết giới riêng, nhưng lợi dưỡng chung.

Trong trường hợp này, giới trường của hai trú xứ vẫn giữ nguyên, chỉ giải và kết lại đại giới. Để kết giới này, Tăng của mỗi bên phải làm Yết-ma giải đại giới mà không giải giới trường. Sau đó, tập hợp về một chỗ, kết lại đại giới mà không phải xướng tiêu tướng, vì các đường ranh và tiêu tướng của 2 trú xứ vẫn giữ nguyên.

e. Giới không là y.

Theo tinh thần chung của các bộ luật thì Tỳ-kheo đi đâu phải đem theo ba y và bát bên mình như chim mang theo đôi cánh. Nhưng có nhiều trường hợp không thể luôn luôn mang theo y bên mình, nên phải ấn định cương giới của y. Nếu Tỳ-kheo ở ngoài cương giới của y, qua một đêm, khi ánh sáng ban mai xuất hiện sẽ phạm xả-đọa, y ấy phải xả trước Tăng. Thông thường phạm vì cương giới của y đồng nhất với phạm vi của đại giới, nhưng trừ ra nhà của dân và xung quanh nhà. Xung quanh nhà được tính bằng cách, bảo một người có sức khỏe

trung bình, đứng từ hè nhà ném ra một hòn đá, đá rơi đến đâu thì lấy đó làm ranh giới.

Sau khi kết giới của y, nếu dân chúng dời nhà đi nơi khác thì khoảng nền trống đó giờ đây thành ra giới của y. Trái lại, nếu có người nào mới đến cất nhà trên khoảng đất trống thì ngôi nhà và xung quanh nhà ấy giờ đây không thuộc về giới của y nữa.

Phạm vi cương giới của y cũng có thể bao trùm cả hai trú xứ, tức hai đại giới khác nhau, với điều kiện sự qua lại không gặp trở ngại bởi sông, suối có nước chảy mạnh.

Cương giới của y phải kết sau đại giới, và giải trước đại giới. Nhưng nếu đã giải đại giới rồi thì khỏi cần giải giới của y, vì cương giới ấy đã hết hiệu lực.

f. Giới Tịnh trừ (tịnh địa)

Tịnh trừ hay tịnh địa là chỗ hay khoảng đất dùng để đun nấu, nói chung là nhà bếp của tự viện.

Theo luật, Tỳ-kheo không được nấu và chứa thức ăn trong già lam. Do trường hợp một Tỳ-kheo bị bệnh nhờ người trong thành nấu cháo, nhưng vì hôm ấy cửa thành đóng sớm không vào lấy cháo được, nên đêm ấy vị Tỳ-kheo mệnh chung. Nhân đây, Phật cho phép kết tịnh trừ trong phạm vi già lam để giải quyết những trường hợp bất trắc.

Tịnh trừ tuy nằm trong phạm vi đại giới, nhưng không được xem như thuộc phạm vi của đại giới. Do đó, cũng phải đặt ra ngoài cương giới của y. Khi kết và giải tịnh trừ, Tăng phải ra ngoài phạm vi ấy, nhưng vẫn ở trong đại giới.

Tăng có thể dùng một phòng nào thuận tiện trong phạm vi già lam để kết làm tịnh trừ, nhưng không được lấy phòng của thầy Tỳ-kheo đi vắng.

Trên đây, nói về loại tịnh trừ pháp định, ngoài ra còn có ba loại tịnh trừ tự nhiên, như sau:

- *Đàn việt tịnh*: Già lam do đàn việt tạo lập mà chưa hiến cúng cho Tăng.

- *Viện tướng bất chu tịnh*: Già lam không có hàng rào, tường ngăn rõ ràng.

- *Xứ phân tịnh*: Khi làm già lam đàn việt đã quy định tịnh trừ trước.

Để bảo trì các vật dụng và thực phẩm của Tăng, Tăng thường kết thêm giới tịnh khố (kho chứa của tự viện). Nhưng thông thường các già lam hay kết chung tịnh trừ và tịnh khố làm một.

2. Thế thức kết và giải các cương giới

Thế thức tiến hành kết và giải các cương giới tương đối giống nhau, gồm việc tác tiền phương tiện, xướng giới tướng và bạch nhị Yết-ma. Đặc biệt, khi kết giới không ai được phép vắng mặt vì bất cứ lý do gì, do đó, không có việc gởi dục.

2.1. Kết và giải giới trường

1/ Kết giới trường.

(a) Tiền phương tiện

Yết-ma sư hỏi: Tăng đã họp chưa?

Duy na đáp: Tăng đã họp.

Hỏi: Hòa hợp không?

Đáp: Hòa hợp.

Hỏi: Người chưa thọ Cụ túc đã ra chưa?.

Đáp: Đã ra (hoặc đáp: trong đây không có người chưa thọ Cụ túc)

Hỏi: Tăng hay tập họp để làm gì?

Đáp: Yết-ma kết giới trường

(b) Xướng giới tướng:

Một Tỳ-kheo cự trú được Tăng chỉ định trước, bước ra lễ Tăng một lễ, chấp tay bạch:

Kính bạch Đại đức Tăng, tôi Tỳ-kheo (tự xưng tên) nay vì Tăng xướng các tiêu tướng 4 phương của giới trường: Từ góc Đông Nam của trú xứ này, lấy (nói tên vật dụng làm tiêu tướng) làm nêu. Từ đây về hướng Tây, đến góc Tây Nam, lấy (...) làm nêu. Từ đây về hướng Bắc, đến góc Tây Bắc, lấy (...) làm nêu. Từ đây đi về hướng Đông, đến góc Đông Bắc, lấy (...) làm nêu. Từ đây trở lại hướng Nam, đến góc Đông Nam, lấy (...) làm nêu. Đó là một vòng các tiêu tướng ngoài của giới trường.

(c) Bạch Yết-ma

Yết-ma sư bạch: Kính bạch Đại đức Tăng. Vị Tỳ-kheo sống lâu trú xứ này đã xướng xong các tiêu tướng bốn phương của giới trường. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy phạm vi các tiêu tướng 4 phương này kết làm giới trường. Đây là lời tác bạch.

Kính bạch Đại đức Tăng. Vị Tỳ-kheo sống lâu trú xứ này đã xướng các tiêu tướng 4 phương của giới trường. Tăng nay lấy phạm vi các tiêu tướng này kết làm giới trường. Các Đại đức nào chấp thuận thì im lặng. Ai không chấp thuận hãy nói.

Tất cả đều im lặng như vậy chứng tỏ Tăng đã chấp thuận lấy phạm vi các tiêu tướng 4 phương này kết làm giới trường. Tôi ghi nhận như vậy.

2/ Giải giới trường sau khi đã giải đại giới.

(a) **Tiền phương tiện:** (như trên, chỉ sửa đổi những chỗ cần thiết cho thích hợp).

(b) **Bạch Yết-ma:** *Kính bạch Đại đức Tăng, Tăng nay tập hợp nơi đây để giải giới trường. Các Đại đức nào chấp thuận Tăng nay giải giới trường thì im lặng, ai không chấp thuận hãy nói. Tất cả đều im lặng, như vậy chứng tỏ Tăng nay đã chấp thuận giải giới trường. Tôi ghi nhận như vậy.*

2.2. Kết và giải tịnh trừ (tịnh địa)

1/ Kết tịnh trừ.

Trong khi kết tịnh trừ chư Tăng đều phải ra ngoài phạm vi này.

(a). Tiền phương tiện: (như trên, chỉ sửa đổi những gì cần biết)

(b). Xướng giới tướng:

Tỳ-kheo xướng giới tướng bạch: *Kính bạch Đại đức Tăng, nếu thời gian thích hợp đối với tăng, Tăng nay lấy (địa điểm) kết làm tịnh trừ. Đây là lời tác bạch.*

Kính bạch Đại đức Tăng, nay Tăng lấy (địa điểm) kết làm tịnh trụ. Các Đại đức nào chấp thuận thì im lặng. Ai không chấp thuận hãy nói.

Tất cả đều im lặng, như vậy chúng tở Tăng đã chấp thuận lấy (địa điểm) kết làm tịnh trụ. Tôi ghi nhận như vậy.

2/ Giải tịnh trụ (tịnh địa)

(a). Tiền phương tiện: (như trên, chỉ đổi các từ cho phù hợp với đối tượng tác pháp)

(b). Bạch Yết-ma:

Kính bạch Đại đức tăng, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay giải tịnh trụ (nói địa điểm). Đây là lời tác bạch.

Kính bạch Đại đức Tăng, tăng nay giải tịnh trụ (nói địa điểm), các Đại đức nào chấp thuận Tăng giải tịnh trụ (nói địa điểm) thì im lặng, ai không chấp thuận hãy nói.

Tất cả đều im lặng, như vậy chúng tở Tăng đã chấp thuận giải tịnh trụ. Tôi ghi nhận như vậy.

- Thể thức tiến hành kết và giải tịnh khố (kho tàng) giống như tịnh trụ, chỉ thay đổi các từ cho phù hợp với đối tượng tác pháp.

2.3. Kết và giải đại giới có giới trường.

1/ Kết đại giới có giới trường.

(a). Tiễn phương tiện: (như trên, chỉ thay đổi các từ cho phù hợp với đối tượng tác pháp).

(b). Xướng giới tướng:

Một Tỳ-kheo cưu trú, được Tăng chỉ định trước, bước ra lễ Tăng một lễ, chấp tay bạch:

Kính bạch Đại đức Tăng, Tôi Tỳ-kheo (tự xưng tên) sống lâu trong trú xứ này, nay vì Tăng xin xướng các tiêu tướng bên trong. Từ góc Đông Nam các đường ranh của giới trường (nói rõ khoảng cách), lấy (nói tiêu tướng) làm nêu. Từ đây đi về hướng tây, đến góc Tây Nam, lấy (..) làm nêu. Từ đây đi về hướng Bắc, đến góc Tây Bắc lấy (...) làm nêu. Từ đây đi về hướng Đông, đến góc Đông Bắc, lấy (...) làm nêu. Từ đây đi về hướng Nam, trở lại góc Đông Nam, lấy (...) làm nêu.

Tiếp theo xin xướng giới tướng bên ngoài. Từ góc Đông Nam của trú xứ này, lấy (...) làm nêu. Từ đây đi về hướng Tây, đến góc Tây Nam lấy (.. .) làm nêu. Từ đây đi về hướng Bắc, đến góc Tây Bắc, lấy (...) làm nêu. Từ đây đi về hướng Đông, đến góc Đông Bắc, lấy (...) làm nêu. Từ đây đi về hướng Nam, trở lại góc Đông Nam, lấy (...) làm nêu.

Như vậy, tôi đã xướng xong hai vòng bên trong và bên ngoài của đại giới.

(c). Bạch Yết-ma:

Kính bạch Đại đức Tăng. Vị Tỳ-kheo sống lâu trú xứ này đã xướng xong các tiêu tướng bốn phương bên trong và bên ngoài của đại giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy phạm vi các tiêu tướng 4 phương này kết làm đại giới, cùng sống chung, cùng thuyết giới. Đây là lời tác bạch.

Kính bạch Đại đức Tăng. Vị Tỳ-kheo sống lâu trú xứ này đã xướng xong các tiêu tướng 4 phương của đại giới. Tăng nay lấy phạm vi các tiêu tướng 4 phương này kết làm đại giới, cùng sống chung, cùng thuyết giới. Các Đại đức nào chấp thuận thì im lặng, ai không chấp thuận hãy nói.

Tất cả đều im lặng, như vậy chứng tỏ Tăng đã chấp thuận lấy phạm vi các tiêu tướng 4 phương này kết làm đại giới, cùng sống chung, cùng thuyết giới. Tôi ghi nhận như vậy.

Chú ý: Nếu Tỳ-kheo cựu trú trước đó đã hướng dẫn chư Tăng đi thị sát hiện trường các tiêu tướng và đường ranh rồi thì khi xướng tiêu tướng đứng một chỗ trước Tăng mà xướng.

Nếu trường hợp Tăng chưa đi thị sát địa hình (vì phạm vi đại giới nhỏ) thì Tỳ-kheo cụ trú phải thân hành đi tới tiêu tướng giới thiệu để Tăng biết rõ.

Sau khi Tăng tập họp đông đủ (không ai được phép vắng mặt vì bất cứ lý do gì), vị này bước ra đánh lễ Tăng một lễ rồi bạch: “*Ngày hôm nay kết đại giới, kính thỉnh đại Tăng thân hành thị sát hiện trường để biết rõ các tiêu tướng và các đường ranh bao quanh đại giới để tiện tác pháp*”. Sau khi thị sát xong, Tăng tập họp về một chỗ để tiến hành tiền phương tiện.

Nếu đại giới không có giới trường thì chỉ thiết lập các tiêu tướng vòng ngoài của đại giới chứ không có vòng trong. Ngoài ra các thủ tục giống như đại giới có giới trường.

2/ Giải đại giới có giới trường.

Thủ tục tiến hành giống như giải giới trường (xem trước)

2.4. Kết và giải giới không mất y trong một trú xứ.

Kết giới không mất y để Tỳ-kheo có thể lìa y ngủ, mà không phạm xả đạo.

1/ Kết giới:

(a) Tiền phương tiện: (như thông lệ)

(b). Bạch Yết-ma:

Kính bạch Đại đức Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay chấp thuận lấy phạm vi trú xứ cùng sống chung, cùng thuyết giới này, trừ xóm và xung quanh xóm, kết giới không mất y. Đây là lời tác bạch.

Kính bạch Đại đức Tăng, Tăng nay lấy phạm vi của trú xứ cùng sống chung, cùng thuyết giới này, trừ xóm và xung quanh xóm, kết giới không mất y. Các Đại đức nào chấp thuận thì im lặng, ai không chấp thuận hãy nói.

Tất cả đều im lặng, như vậy chứng tỏ Tăng đã chấp thuận lấy phạm vi của trú xứ cùng sống chung, cùng thuyết giới này, trừ xóm và xung quanh xóm, kết làm giới không mất y. Tôi ghi nhận như vậy.

2/ Giải giới:

Theo thủ tục thông thường chỉ sửa đổi lời văn cho thích hợp.

2.5. Kết và giải giới không là y thông hai trú xứ.

1/ Kết giới.

(a). Tiền phương tiện: (theo thông lệ)

(b). Bạch Yết-ma:

Kính bạch Đại đức Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay chấp thuận lấy phạm vi từ (nói tên trú xứ) đến (trú xứ), trừ xóm và xung quanh xóm, kết giới không lìa y. Đây là lời tác bạch.

Kính bạch Đại đức Tăng. Tăng nay lấy phạm vi từ (trú xứ) đến (trú xứ), trừ xóm và xung quanh xóm, kết giới không lìa y. Các Đại đức nào chấp thuận thì im lặng, ai không chấp thuận thì hãy nói.

Tất cả đều im lặng, như vậy chứng tỏ Tăng đã chấp thuận lấy phạm vi từ (...) đến (...), trừ xóm và xung quanh xóm, kết làm giới không lìa y. Tôi ghi nhận như vậy.

2/ Giải giới:

Theo thủ tục thông thường chỉ sửa đổi lời văn cho thích hợp.

2.6. Kết và giải tiểu giới (dùng để thuyết giới, thọ giới, tự tứ)

1/ Kết giới:

(a). Tiền phương tiện.

(b). Bạch Yết-ma:

Kính bạch Đại đức Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay chấp thuận lấy phạm

vi các Tỳ-kheo đang tập hợp ở đây làm tiểu giới. Đây là lời tác bạch.

Kính bạch Đại đức Tăng, Tăng nay lấy phạm vi các Tỳ-kheo đang tập hợp ở đây kết làm tiểu giới. Các Đại đức nào chấp thuận thì im lặng, ai không chấp thuận hãy nói.

Tất cả đều im lặng, như vậy chúng tở Tăng đã chấp thuận lấy phạm vi các Tỳ-kheo đang tập hợp ở đây kết làm tiểu giới. Tôi ghi nhận như vậy.

2/ Giải giới:

(a). Tiền phương tiện.

(b). Bạch Yết-ma:

Kính bạch Đại đức Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay giải tiểu giới trong phạm vi các Tỳ-kheo đang tập hợp ở đây. Đây là lời tác bạch.

Kính bạch Đại đức Tăng: Tăng nay giải tiểu giới trong phạm vi các Tỳ-kheo đang tập hợp ở đây. Các Đại đức nào chấp thuận thì im lặng, ai không chấp thuận hãy nói.

Tất cả đều im lặng, như vậy chúng tở Tăng đã chấp thuận giải tiểu giới trong phạm vi các Tỳ-kheo đang tập hợp ở đây. Tôi ghi nhận như vậy.

III. TRUYỀN GIỚI, THỌ GIỚI

1. Bước đầu xuất gia

1.1. Thành phần đệ tử của Phật.

Thông thường các đệ tử của Phật được chia làm 7 chúng như sau: 1. Chúng Tỳ-kheo; 2. Chúng Tỳ-kheo-ni; 3. Chúng Thức-xoa-ma-na; 4. Chúng Sa-di; 5. Chúng Sa-di-ni; 6. Chúng Ưu-bà-tắc, 7. Chúng Ưu-bà-di.

Mục đích cứu cánh của hàng đệ tử Phật là giác ngộ và giải thoát mà muốn giải thoát thì phải lấy giới luật làm căn bản. Do đó, có vài nguyên tắc tổng quát liên quan đến giới luật, chúng ta cần lưu ý:

- *Theo luật quy định không bao giờ cho phép bất cứ người nào tự thọ giới pháp* (ngoại trừ quan điểm của đạo Bồ-tát).

- Hàng đệ tử Phật *lấy giới pháp để phân biệt tôn ti*. Một người cư sĩ tại gia dù trình độ tu học cao đến đâu cũng không được ở trên vị trí của người xuất gia.

- *Giới thể vô biểu hay vô tác được xem là bản chất tồn tại của giới pháp*. Giới thể này được thành tựu do ba điều kiện khi thọ giới: 1. Giới tử chí thành; 2. Giới sư thanh tịnh; 3. Giới đàn trang nghiêm.

- Một thành viên của đệ tử Phật tiến hay thoái không phải chỉ đưa đến thành hay bại riêng cá nhân vị ấy, mà còn liên quan đến sự thịnh suy của đạo pháp.

1.2. Tư cách làm thầy.

Một Tỳ-kheo muốn làm thầy, thu nhận đệ tử phải đủ 5 điều kiện sau đây: 1. Phải đủ 10 tuổi hạ; 2. Phải am tường giới luật, biết rõ các trường hợp trì phạm và khinh trọng; 3. Phải có kiến thức văn hóa tổng quát. 4. Phải có kinh nghiệm tu tập để hướng dẫn đệ tử có kết quả; 5. Phải có chánh kiến để đoạn trừ tà kiến cho đệ tử (*Tăng Chi Bộ Kinh III B, 73-79*).

Ngoài ra, kinh này còn đề cập đến 7 điều kiện như sau: 1. Biết có phạm; 2. Biết không phạm; 3. Biết phạm nhẹ; 4. Biết phạm nặng; 5. Đầy đủ uy nghi chánh hạnh; 6. Chứng đắc tứ thiền; 7. Đoạn trừ các lậu hoặc, giác ngộ giải thoát. (*như trên III A, 136*).

Tại nhiều nơi khác, Phật còn dạy: nuôi đệ tử mà không biết dạy dỗ để họ làm tổn thương đến đạo pháp thì tội lỗi còn nặng hơn một người đồ tể sát sinh. Vì người đồ tể gây nghiệp ác chỉ làm hại đến bản thân mình, còn một người xuất gia mà làm trái giáo pháp sẽ khiến cho chánh pháp vì thế mà diệt vong.

1.3. Yết-ma súc chúng.

Yết-ma súc chúng là thể thức Yết-ma để chấp nhận một Tỳ-kheo được phép thu nhận đệ tử xuất gia truyền giới Sa-di và Cụ túc.

Luật quy định một Tỳ-kheo được 10 hạ đầy đủ điều kiện làm thầy, muốn nuôi dạy đệ tử thì phải xin phép Tăng. Nếu chưa được Tăng cho phép mà một Tỳ-kheo tự tiện thu nhận đệ tử và truyền trao giới pháp thì đó là hành vi phi pháp.

Tỳ-kheo muốn độ người xuất gia, phải lễ thỉnh chư Tăng Yết-ma cho phép. Sau khi Tăng tập họp, vị này bước ra lễ Tăng một lễ, quỳ xuống chấp tay bạch:

Bạch Đại đức Tăng, tôi Tỳ-kheo,..... nay xin Tăng được độ người xuất gia, truyền giới Cụ túc. Kính mong Tăng cho phép tôi được độ người, truyền giới Cụ túc. Từ mẫn cố (bạch 3 lần).

Sau khi Tăng nghiệm xét, nếu thấy vị ấy đủ điều kiện, thì Tăng tiến hành Yết-ma cho phép súc chúng.

Yết-ma sư bạch:

Kính bạch Đại đức Tăng, Tỳ-kheo,..... nay thỉnh cầu Tăng cho phép độ người xuất gia, truyền giới Cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, mong Tăng chấp thuận cho phép Tỳ-kheo... được độ người xuất gia,

truyền giới Cụ túc. Các Đại đức nào chấp thuận thì im lặng, ai không chấp thuận, hãy nói.

Tất cả đều im lặng, như vậy chúng tôi đã chấp thuận cho Tỳ-kheo... được độ người xuất gia, truyền giới Cụ túc. Tôi ghi nhận như vậy.

1.4. Thế phát xuất gia, thọ giới Sa-di

a. Duyên khởi hình thành chúng Sa-di.

Trong giai đoạn đầu, đức Phật chưa quy định rõ số tuổi tối thiểu để thọ giới Tỳ-kheo, nhưng về sau, vì nhóm thiếu niên 17 người, đệ tử của Tôn giả Mục-kiền-liên (Đ.23, tr.15 a) chưa đủ 20 tuổi, thọ giới Cụ túc rồi mà không đủ sức kham nhẫn nếp sống Tỳ-kheo, không chịu đựng nổi việc không ăn phi thời, nên ban đêm kêu khóc. Do đó, Phật chế định tuổi tối thiểu để thọ giới Cụ túc là 20 tuổi (Đ.22, 679a). Và một người muốn xuất gia thọ giới Cụ túc cần phải trải qua một giai đoạn chuẩn bị, đó là thực hành nếp sống Sa-di.

Sa-di là cấp bậc đầu tiên của giới xuất gia. Thành phần này được chia thành ba hạng:

– Từ 7 đến 13 tuổi gọi là Khu ô Sa-di, nghĩa là Sa-di có phận sự đuổi quạ cho chúng Tăng.

– Từ 14 đến 19 tuổi gọi là Ưng pháp Sa-di, nghĩa là Sa-di đúng pháp.

_ Từ 20 đến 70 tuổi gọi là Danh tự Sa-di hay hình đồng Sa-di, nghĩa là Sa-di trên danh nghĩa hay hình thức giống như Sa-di.

Theo thông lệ, khi một người được thầy cho cạo tóc xuất gia, phải thọ trì tam quy ngũ giới, làm người tập sự trong thời gian ba tháng, sau đó mới thọ giới Sa-di. Mặc dù Luật tạng không quy định nhưng điều này đã trở thành một truyền thống cần thiết. Người thọ giới Sa-di đầu tiên là La-hầu-la, và Tôn giả Xá-lợi-phất làm Hòa thượng truyền giới, Tôn giả Mục-kiền-liên làm A-xà-lê. (Đ.22, tr.575).

b. Thể thức thỉnh thầy truyền giới, thọ tam quy và thọ giới Sa-di.

* Thỉnh Hòa Thượng:

Đại đức nhất tâm niệm, con (nói tên hay pháp danh) nay thỉnh Đại đức làm Hòa thượng truyền 10 giới. Nguyện Đại đức vì con làm Hòa thượng truyền 10 giới, con nương Đại đức mà được thọ giới Sa-di. Cúi xin thương xót. (3 lần)

* Thỉnh A-xà-lê: (như trên chỉ thay đổi những tiếng cần thiết)

Vị Yết-ma bạch Tăng:

Kính bạch Đại đức Tăng! Giới tử (nói tên hay pháp danh giới tử) nay cầu xin xuất gia theo Tỳ-kheo (pháp danh). Nếu thời gian thích hợp đối với

Tăng, Tăng chấp thuận cho..... xuất gia. Đây là lời tác bạch.

** Thọ tam quy.*

(Theo Tùy Cơ Yết-ma của Đạo Tuyên thì phải hỏi các già nạn trước khi truyền thọ Tam quy).

Con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con nay theo Phật xuất gia, Hòa thượng của con là (.....), Đức Như Lai, bậc chí chân đẳng Chánh giác là Thế Tôn của con. (3 lần)

** Thọ 10 giới Sa-di.*

Hòa thượng hỏi:

1- Trọn đời không sát sanh, đây là giới của Sa-di, người có thể thọ trì được không?

Giới tử đáp: - Mô Phật, được.

2- Trọn đời không trộm cắp. (nt)

Giới tử đáp: - Mô Phật, được.

3- Trọn đời không dâm dục. (nt)

- Mô Phật, được.

4- Trọn đời không nói dối. (nt)

- Mô Phật, được.

5- Trọn đời không uống rượu. (nt)

- Mô Phật, được.

6- Trọn đời không dùng các thứ trang sức, không thoa ướp hương thơm, trang điểm phấn son như thế tục. (nt)

- Mô Phật, được.

7- Trọn đời không đàn ca nhảy múa và đi xem nghe. (nt)

- Mô Phật, được.

8- Trọn đời không ngồi trên giường ghế cao rộng, đẹp đẽ. (nt)

- Mô Phật, được.

9- Trọn đời không ăn phi thời. (nt)

- Mô Phật, được.

10- Trọn đời không cầm nắm và cất giữ vàng bạc, châu báu, tiền của (nt)

- Mô Phật, được.

Đây là 10 giới của Sa-di, suốt đời không được hủy phạm.

Ghi chú:

Trong bộ Tỳ-lưu Cơ Yết-ma của Đạo Tuyên thêm vào phần bạch Tăng, và bộ Tăng Yết-ma của Hoài Tố thêm vào việc thỉnh Hòa thượng và A-xà-lê:

Những việc làm này cốt tăng thêm tầm mức quan trọng của việc thọ giới Sa-di, cho nên có thể tùy nghi châm chước. Ngoài ra, việc hỏi các già nạn đối với Sa-di Khu ô và Ứng pháp xét ra có những điều chưa thích hợp, nhưng đối với Sa-di Hình đồng có thể áp dụng, tuy không hoàn toàn bắt buộc.

1.5. Ngoại đạo xuất gia.

Giai đoạn đầu Phật chưa quy định chặt chẽ việc ngoại đạo xuất gia, nhưng do trường hợp một ngoại đạo tên là Bố-tát, sau khi xuất gia đã gây ra rắc rối trong hàng ngũ Tăng chúng nên Phật mới đặt ra những điều kiện cần thiết về vấn đề này.

Ông Bố-tát là một ngoại đạo, giỏi biện luận, nhưng khi tranh luận với Tôn giả Xá-lợi-phất, ông thua cuộc, do thế sinh lòng cảm phục, quyết định tìm đến Tăng đoàn xin xuất gia. Nhưng khi đến Tăng già lam, thấy Bạt-nan-đa có nhiều bạn tri thức ông bèn xin làm đệ tử Bạt-nan-đa, Bạt-nan-đa liền cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Sau đó, Bố-tát hỏi nghĩa lý của Luật nghi, Bạt-nan-đa giải đáp không thông, nên Bố-tát bỏ tu, trở về đạo cũ.

Phật nghe được chuyện này bèn chế định, ngoại đạo muốn xuất gia làm Tỳ-kheo phải trải qua thời gian thử thách ở chung với Tăng chúng bốn tháng. Thời gian ấy, nếu ông nghe người ta chỉ

trích đạo cũ của mình mà không nổi giận, nghe ca ngợi đạo Phật mà hoan hỷ, thì chứng tỏ ông đã dứt khoát tư tưởng, quyết chí xuất gia, Tăng có thể cho ông thọ giới Cụ túc.

Lại một trường hợp khác: ông Ưu-ba-ly là đệ tử xuất sắc của Ni-kiền-thân-tử (không phải trưởng lão Ưu-ba-ly chuyên về giới luật), sau khi tìm đến tranh luận với Phật, bị Phật chinh phục, Ông liền quyết định cải giáo theo Phật. Mặc dù việc cải giáo của ông gặp nhiều trắc trở, nhưng nhờ uy tín và sự khôn ngoan, ông đã dàn xếp mọi việc khá ổn thoả. Hơn nữa, đức Phật cũng khuyên ông phải đối xử tử tế với thầy trò Ni-kiền-thân-tử, mặc dù ông đã là đệ tử của Phật.

Nghiên cứu lịch sử Phật giáo Ấn Độ, chúng ta thấy sau Phật Niết-bàn khoảng 100 năm, Phật giáo bắt đầu phân hóa thành nhiều bộ phái, mà nguyên nhân chính là do sự trà trộn của ngoại đạo gây nên.

Trong lịch sử nước ta, những sự việc tương tự như thế ít thấy xảy ra, vì tình trạng tôn giáo của nước ta không quá phức tạp như Ấn Độ. Hơn nữa, nhân dân ta lại có khuynh hướng hòa đồng tôn giáo với quan niệm Tam giáo đồng nguyên, nên

vấn đề ngoại đạo xuất gia theo Phật giáo tương đối ít rắc rối.

Theo luật Tứ phần quy định, một người ngoại đạo muốn xuất gia trước hết phải cho họ thọ Tam quy ngũ giới. Văn tác bạch như sau:

Kính bạch Đại đức Tăng. Con (nói tên) nguyên là ngoại đạo, nay xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, xuất gia theo Đức Thế Tôn, Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác là thầy của con (nói 3 lần).

Tiếp theo tác bạch xin bốn tháng sống chung:

Kính bạch Đại đức Tăng. Con (nói tên), nguyên là ngoại đạo đã xuất gia, nay thỉnh cầu Tăng cho bốn tháng sống chung. Mong Tăng từ miễn cho con bốn tháng sống chung (nói 3 lần).

Tác bạch xong, lui ra ngoài đứng chờ tại chỗ có thể thấy mà không nghe rõ Tăng đang bàn bạc. Bấy giờ vị Yết-ma bạch Tăng:

Kính bạch Đại đức Tăng. (nói tên) nguyên là ngoại đạo đã xuất gia, nay thỉnh cầu Tăng cho bốn tháng sống chung. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, mong Tăng chấp thuận cho vị ấy bốn tháng sống chung. Đây là lời tác bạch.

Kính bạch Đại đức Tăng. (nói tên) nguyên là ngoại đạo đã xuất gia, nay thỉnh cầu Tăng cho bốn

tháng sống chung. Các Đại đức nào chấp thuận thì im lặng. Ai không chấp thuận hãy nói.

Tất cả đều im lặng, như vậy chúng tở Tăng đã chấp thuận cho vị ấy bốn tháng sống chung. Tôi ghi nhận như vậy.

Trong bốn tháng thử thách, người này vẫn phục sức như ngoại đạo, nhưng việc chấp tác thì như một Sa-di.

Sau bốn tháng, nếu thấy vị ấy đã nhu thuận, Tăng có thể trao giới Sa-di. Trái lại, nếu thấy chưa được nhu thuận, Tăng sẽ bạch nhị Yết-ma gia hạn thêm bốn tháng sống chung nữa.

Thể thức trên đây là theo luật Thập Tụng (Đ.23, tr.1031b).

2. Tổng quát về giới Cụ túc.

2.1. Ý nghĩa của giới Cụ túc.

Tiếng Phạn *Upasampadà*, Hán dịch là giới Cụ túc, hoặc dịch là Cận viên. *Cụ túc* nghĩa là thành tựu trọn vẹn; *cận viên* nghĩa là gần đến Niết-bàn viên mãn.

Giới này được gọi là Cụ túc vì bao gồm bốn yếu tố:

a- *Giới thanh tịnh*: Những giới điều đưa đến thanh tịnh an lạc. Nguyên tiếng Phạn là

Pratimoksa được phiên âm là Ba-la-đề-mộc-xoa, dịch nghĩa là biệt giải thoát, hay biệt biệt giải thoát; tức là giữ được điều khoản nào thì giải thoát được phạm vi đó.

b- *Căn thanh tịnh*: Hộ trì các căn, tiết độ trong sự ăn uống. Khi các căn tiếp xúc với các trần phải luôn luôn cảnh giác, không để cho các căn bị nhiễm ô.

c- *Mạng thanh tịnh*: Nuôi mạng sống bằng những điều kiện chân chính; tức là sống theo bốn sự cúng dường chánh pháp. Nói cách khác là sống theo bốn thánh hạnh để đối trị căn bệnh tham dục: 1. Mặc y phẩn tảo: đối trị căn bệnh sắc dục (ham mê sắc đẹp); 2. Sống bằng khát thực: đối trị căn bệnh thực dục (ham mê ăn uống); 3. Ngủ dưới gốc cây: đối trị căn bệnh thù dục (ham mê ngủ nghỉ); 4. Thân tâm tịch tĩnh: đối trị căn bệnh tài dục (ham mê của cải).

d- *Niệm thanh tịnh*: luôn giữ chánh niệm tỉnh giác. Khi ăn biết mình đang ăn, khi ngủ biết mình đang ngủ, khi đi tới đi lui, biết rõ việc mình đang làm, không để cho những tà niệm xen vào.

2.2. Vấn đề đặc giới:

Theo các nhà giải thích luật của phái Tỳ-bà-sa thì có 10 trường hợp đặc giới Cụ túc như sau:

a. Tự nhiên đặc giới: chỉ cho những trường hợp đặc biệt của đức Phật và các vị Độc giác.

b. Kiến đế đặc giới: chỉ cho những vị chứng đắc tứ thánh đế thành tựu thánh đạo, như nhóm tôn giả Kiều-trần-như.

c. Do Phật ấn chứng, hay còn gọi là Thiện lai Tỳ-kheo: đây là trường hợp đặc giới trực tiếp do chính đức Phật truyền cho, như Tôn giả Da-xá.

d. Do xác nhận Phật là Đại Sư: đây chỉ cho trường hợp Tôn giả Đại Ca-diếp, khi gặp đức Thế Tôn, ông tuyên bố: “Đây là bậc Đại Sư của tôi”.

e. Do khéo trả lời: đây là trường hợp đặc biệt của Tô-đà-di đã khéo trả lời câu hỏi của Phật khi mới 7 tuổi. Phật hỏi: “Nhà con ở đâu?” Tô-đà-di đáp: “Ba cõi không đâu là nhà”. Do thế, Phật khiến Tăng bạch Yết-ma cho ông thọ giới Cụ túc.

f. Do thọ tám kính pháp: chỉ cho trường hợp bà Kiều-dàm-di.

g. Do gởi Đại diện thọ giới: trường hợp Ni Pháp Dữ, vì nổi tiếng đẹp nhất trong xứ, nên khi cô sắp đi thọ giới, các thanh niên định đón đường

bất cóc. Do thế, Phật cho phép cô gởi đại diện đến thọ giới, rồi trở về truyền lại (trong trường hợp chánh pháp Yết-ma).

h. Thọ giới theo thủ tục đặc biệt: những nơi biên địa có ít Tỳ-kheo, chỉ cần năm Tỳ-kheo truyền giới cũng hợp lệ.

i. Thọ giới đúng thủ tục luật định: dành cho mọi trường hợp, có đủ 10 Giới sư truyền giới.

j. Tự nói ba lần quy y Tam bảo: trường hợp này áp dụng trước khi Phật quy định pháp Yết-ma truyền giới.

k. Ngày nay chỉ có trường hợp bạch tứ Yết-ma truyền giới Cụ túc là hợp quy cách, ngoài ra các trường hợp khác chỉ xảy ra trong thời đức Phật còn tại thế mà thôi.

2.3. Điều kiện của giới tử:

Theo luật quy định, một giới tử muốn thọ giới Cụ túc phải là người có 6 căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) đầy đủ. Đây là điều kiện chung, chủ yếu, từ xưa tới nay các bộ phái đều nhất trí chấp hành. Những điều kiện này bao gồm cụ thể trong 13 già nạn và 15 khinh già hay chương nạn. Ngoài ra, nếu giới tử quá đông và phức tạp thì trước lúc truyền giới cần mở một cuộc thi tuyển, để loại bớt những giới tử thiếu các điều kiện cần thiết.

2.4. Tư cách của giới sư:

Những đức tánh cần thiết của Giới sư truyền giới đã đề cập trong mục tư cách làm thầy. Ở đây nhấn mạnh về tư cách của Hòa thượng truyền giới. Từ Hòa thượng là phát xuất từ tiếng Phạn Upādhyāya. Nó được phiên âm gần đúng là Ô-ba-đà-da hay Ưu-ba-đà-da và được dịch là Lực sanh hay Thân giáo sư. Lực sanh nghĩa là có đạo lực làm cho đệ tử phát sanh trí tuệ. Thân giáo sư nghĩa là bậc Tôn sư thường thân cận dạy dỗ đệ tử.

Có ba hạng Hòa thượng được kể đến là: 1. Hòa thượng thế độ: cho cạo tóc xuất gia và truyền giới Sa-di; 2. Hòa thượng truyền giới: Hòa thượng truyền giới Cụ túc; 3. Hòa thượng y chỉ: Hòa thượng truyền dạy Kinh Luật, hướng dẫn tu học.

Theo luật định, mỗi năm Hòa thượng chỉ được nuôi dạy một Sa-di và truyền giới Cụ túc cho một người. Tuy nhiên, điều này được áp dụng rất uyển chuyển. Bởi vì ngày nay các Phật Học Viện có Ban Giám Viện và Ban Giảng Huấn cùng chia sẻ công tác giáo dục Tăng chúng. Do đó, một Hòa thượng có thể nuôi nhiều đệ tử cùng một lúc, và mỗi lần có thể truyền giới cho nhiều giới tử. Tuy thế, việc dạy dỗ đệ tử thông hiểu Kinh Luật được xem là trách nhiệm rất khẩn thiết mà người làm thầy không

được chênh mảng. Những ai không chu toàn trọng trách ấy được xem là người đắc tội với Phật Pháp.

2.5. Các điều kiện cần thiết để Yết-ma thành tựu.

Muốn Yết-ma truyền giới được thành tựu cần phải có bốn điều kiện sau đây:

a. *Giới thành tựu*: Tất cả các pháp Yết-ma của Tăng đều phải thực hiện trong phạm vi cương giới đã được ấn định. Phạm vi này là giới trường hay tiểu giới. Nếu giới trường là chánh điện của già lam, thì phải dùng tấm màn che trước điện Phật, để phân biệt giữa Phật và Tăng. Vì công việc truyền giới là công việc của Tăng, do Tăng chủ trì.

b. *Tăng thành tựu*: Theo luật định, túc số Tăng để tác pháp Yết-ma truyền giới Cụ túc là 10 Tỳ-kheo thanh tịnh. Tuy nhiên, những nơi biên địa số Tỳ-kheo quá ít, có thể châm chước cho phép năm Tỳ-kheo thanh tịnh truyền giới cũng vẫn hợp lệ.

c. *Yết-ma thành tựu*: Túc pháp thành tựu như đã nói ở chương Yết-ma. Trên nguyên tắc, mỗi lần tác pháp chỉ một giới tử. Nhưng trường hợp đặc biệt có thể cho phép tối đa ba giới tử. Luật không cho phép bốn giới tử tác pháp một lần. Vì bốn người đã thành Tăng số; mà Tăng thì không thể tác pháp Yết-ma với Tăng.

d. *Sự thành tựu*: Giới tử không phạm các chương nạn. Nguyên tiếng Phạn là Antàrayika-dharma, Hán dịch là Già nạn, chương pháp hay chương đạo pháp. Nghĩa là những điều làm trở ngại giới tử trên con đường chứng đắc Thánh quả.

Già nạn này gồm 13 khoản, liệt kê như sau:

1- Phạm biên tội: tức người đã thọ giới Cụ túc mà phạm một trong bốn tội Ba-la-di.

2- Phá tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni: chỉ cho người trước khi xuất gia đã có lần phạm hạnh bất tịnh với Tỳ-kheo-ni.

3- Tặc trú: chỉ cho người chưa thọ giới pháp mà khoác áo cà-sa, len lỏi vào hàng ngũ Tăng chúng, tham dự các việc thuyết giới, Tự tứ.

4- Phá nội ngoại đạo: người ngoại đạo xuất gia thọ Cụ túc, rồi trở về ngoại đạo, sau lại đến xin xuất gia lần nữa.

5- → 9. Những người phạm tội ngũ nghịch.^①

10- Hoàng môn (bất năng nam): những người này gồm có năm loại: a.- Sanh Hoàng môn: sinh ra đã bị bệnh, nam căn không phát triển; b.- Kiền

^① Trường hợp phạm ngũ nghịch: Trong tội phá hoà hợp Tăng thì chỉ có phá pháp luân Tăng mới thành già tội, còn phá Yết-ma Tăng không kể là già tội.

Hoàng môn: bị thiên; c.- Đố Hoàng môn: khi thấy nam nữ giao hoan, sinh tâm ganh tị, nam căn trở nên bất lực; d.- Biến Hoàng môn: cơ quan sinh dục gặp nam biến thành nữ căn, gặp nữ biến thành nam căn; đ.- Bán Hoàng môn: nửa tháng có tác dụng, nửa tháng không tác dụng.

11- Phi nhân: chỉ cho loài quỷ thần, A-tu-la.

12- Súc sinh: rồng hay rắn thần biến ra hình người.

13- Nhị hình: có cả hai căn nam nữ

Ngoài ra còn đề cập đến 15 khinh già, hay ***khinh nạn*** như sau:

1- Không biết tên mình.

2- Không biết tên hiệu Hòa thượng Bốn sư.

3- Tuổi chưa đủ 20.

4- Y bát không đủ.

5- Cha mẹ chưa cho phép xuất gia.

6- Mắc nợ người khác.

7- Làm đầy tớ kẻ khác.

8- Quan viên tại chức.

9- Không phải là đàn ông.

10- Bị bệnh hủi.

- 11- Bị bệnh ung thư.
- 12- Bị bệnh ghẻ mủ.
- 13- Bị bệnh động kinh.
- 14- Bị bệnh lao phổi.
- 15- Bị bệnh điên cuồng.

Các khinh nạn này Nam tông và Bắc tông tương đối giống nhau.

3. Tiến hành tác pháp

Theo Luật chế túc số Tăng để Yết-ma truyền giới Cụ túc là 10 Tỷ-kheo (tại những nơi biên địa túc số có thể là 5 người), nhưng nếu nhiều hơn cũng không trái luật. Do đó, theo truyền thống, tại các giới đàn thường có một hoặc hai vị diễn lễ, cũng gọi là dẫn thỉnh, phụ trách công việc hướng dẫn giới tử thọ giới. Mặc dù theo đúng luật thì sự hướng dẫn này thuộc về vị giáo thọ đảm trách.

3.1. Thỉnh giới sư

Thông thường thầy diễn lễ hướng dẫn các giới tử học thuộc thể thức thỉnh cầu giới sư để họ tự làm lấy.

Trước hết là thỉnh Hòa thượng. Các giới tử đến trước Hòa thượng đánh lễ 1 lạy, quỳ xuống bạch:

Kính bạch Đại đức (Hòa Thượng ...), con pháp danh là (... .) nay kính thỉnh Đại đức làm Hòa thượng. Con nương theo Đại đức mà được thọ giới Cụ túc. Cúi mong thương xót con (3 lần).

Hòa thượng đáp:

Lành thay, vậy các người hãy chí thành, thanh tịnh, chớ có buông lung.

Giới tử nói: *Y giáo phụng hành.(3 lần)*

Thỉnh Yết-ma và Giáo thọ sư theo thể thức trên đây, chỉ thay đổi những gì cần thiết. Việc thỉnh các tôn chứng trong Luật không thấy ghi, nhưng nếu có càng tốt.

3.2. Yết-ma sai Giáo thọ.

Thầy Yết-ma hỏi, một trong các vị tôn chứng hoặc thầy diễn lễ đáp:

- Tăng đã họp chưa?
- Tăng đã họp.
- Hòa hợp không?
- Hòa hợp.
- Người chưa thọ giới Cụ túc đã ra chưa?
- Đã ra.
- Tăng nay tập họp để làm gì?
- Yết-ma truyền giới Cụ túc.

(Một tiền phương tiện này chung cho tất cả các Yết-ma tiếp theo).

Thầy Yết-ma tiếp:

Kính bạch Đại đức Tăng. Nay có Sa-di (pháp danh) cầu xin thọ giới Cụ túc với Hòa thượng (pháp hiệu), nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, xin Tăng chấp thuận Tỳ-kheo (...) làm Giáo thọ. Đây là lời tác bạch. (thuộc đơn bạch)

3.3. Giáo giới giới tử.

Thầy giáo thọ dẫn giới tử đến chỗ khuất giới trường, ngồi trên một chiếc ghế, trước có kê bàn. Giới tử dâng lên 3 y, bát và tọa cụ. Thầy giáo thọ đưa ra từng cái và hỏi:

Đây là An-đà-hội, đây là Uất-đa-la-tăng, đây là Tăng-già-lê, đây là bát, đây là tọa cụ. Ba y, bát và tọa cụ này có phải là của người không?

Giới tử đáp: *Bạch, phải.*

Giáo thọ nói: *Này (kêu pháp danh giới tử), hãy lắng nghe. Lát nữa ta sẽ hướng dẫn người đến chỗ cao tột^①. Lúc này là thời gian cần phải chí thành, thời gian cần phải chân thật. Những điều ta sắp hỏi người đây, lát nữa Tăng cũng sẽ hỏi như*

^① - Chỗ cao tột: vì trong các cõi Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn thì Tỳ-kheo là cao cả hơn hết, nên nói là chỗ cao tột.

vậy. Những gì có thật hãy trả lời là có, những gì không có hãy trả lời không có; đừng bối rối, đừng khiếp sợ.

Thầy Giáo thọ hỏi các già nạn:

1- Người có phạm biên tội không?

Giới từ đáp:

- Bạch, không.

2- Người có phá tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni không?

- Bạch, không.

3- Người có phải là tặc trú không?

- Bạch, không.

4- Người có phải là kẻ phá nội ngoại đạo không?

- Bạch, không.

5- Người có giết cha không?

- Bạch, không.

6- Người có giết mẹ không?

- Bạch, không.

7- Người có giết A-la-hán không?

- Bạch, không.

8- Người có phá hòa hợp Tăng không?

- Bạch, không.

9- Người có gây thương tích Phật với ác ý không?

- Bạch, không.

10- Người có phải là bất năng nam không?

- Bạch, không.

11- Người có phải là phi nhân không?

- Bạch, không.

12- Người có phải là súc sanh không?

- Bạch, không.

13- Người có phải là nhị hình không?

- Bạch, không.

Tiếp theo hỏi các khinh nạn:

1- Pháp danh người là gì?

- Con pháp danh là.. .

2- Hòa thượng của người hiệu gì?

- Hòa thượng của con hiệu, thượng.. . hạ..

3- Tuổi đủ 20 chưa?

- Bạch, đủ.

4- Y, bát có đủ không?

- Bạch, có đủ.

5-- Cha mẹ đã cho phép chưa?

- Bạch, đã cho phép.

6. Người có phải là người trốn nợ không?

- Bạch, không.

7- Người có phải là người đầy tớ trốn chủ không?

- Bạch, không.

8- Người có phải là quan viên tại chức không?

- Bạch, không.

9- Người có phải là trượng phu^① (đàn ông) không?

- Bạch, phải.

10- – 15. Đàn ông có các bệnh sau đây: hủi, ung thư, ghẻ mủ, động kinh, lao phổi, điên cuồng, người có mắc các chứng bệnh ấy không?

- Bạch, không.

Giáo thọ nhắc nhở các giới tử: Lát nữa đây Tăng cũng sẽ hỏi người và người cũng phải trả lời đúng như vậy.

^① - Trượng phu: nhin chịu được lạnh, nóng, gió, mưa, đói, khát, giữ giới, ngày ăn một bữa; chịu được lời ác, độc trùng. Đó là 10 điều của trượng phu.

3.4. Bạch Tăng dẫn giới tử vào.

Kính bạch Đại đức Tăng, Sa-di (...) cầu thọ giới Cụ túc với Hòa thượng (...), tôi đã giáo giới xong. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi sẽ gọi Sa-di (...) vào.

Thầy Yết-ma nói: *Nếu thanh tịnh hãy cho vào.*

3.5. Giới tử bạch Tăng xin giới.

Giới tử đem y bát vào để trên bàn đã kê sẵn đánh lễ giới sư ba lạy, quỳ xuống bạch:

Kính bạch Đại đức Tăng, con Sa-di (...) cầu thọ giới Cụ túc với Hòa thượng (...), nay xin Tăng được thọ giới Cụ túc với Hòa thượng (...), cúi xin Tăng rủ lòng thương xót đưa con lên chỗ cao tột (nói 3 lần).

3.6. Yết-ma hỏi các chương pháp.

Thầy Yết-ma bạch: *Kính bạch Đại đức Tăng. Sa-di (...) này cầu thọ giới Cụ túc với Hòa Thượng (...), nay cầu xin Tăng được thọ Cụ túc với Hòa thượng (...). Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi sẽ hỏi các chương pháp.*

Giới tử dâng y bát của mình lên cho thầy Yết-ma xem. Xem xong, thầy Yết-ma hỏi:

- Đây là An-đà-hội, đây là Uất-đa-la-tăng, đây là Tăng-già-lê, đây là bát, đây là tọa cụ. Ba y, bát và tọa cụ này có phải của người không?

Giới tử đáp: - Bạch, phải.

Thầy Yết-ma nói:

- Này (kêu pháp danh giới tử) hãy lắng nghe. Lúc này là thời gian cần phải trung thực. Những điều ta sắp hỏi người đây, điều nào có thật hãy trả lời có, điều nào không có hãy trả lời là không có.

(Hỏi như Giáo thọ sư đã hỏi ở trên mục ba)

3.7. Hòa thượng khai đạo giới tử.

Này các giới tử, chúng sanh trong sáu đường phần nhiều bị chướng duyên không thể lãnh thọ giới pháp, chỉ có loài người mới có thể thọ trì. Nhưng, nếu bị các chướng nạn thì cũng không thọ được. Nay các vị may mắn không có các chướng nạn. Vậy hãy phát tâm cao thượng, trên cầu Phật đạo, dưới cứu độ chúng sanh, khiến cho họ thoát khỏi ba đường ác, cùng chứng quả Bồ-đề.

Giới pháp này là gốc của tất cả điều lành, là chánh nhân hướng đến tam thừa, là mạng mạch khiến cho Phật pháp tồn tại lâu dài. Chỉ có đạo Phật mới có giới pháp cao quý này, ngoài ra, các đạo khác không thể có. Đây là cơ hội hy hữu đối

với các vị. Vậy các vị phải phát tâm chí thành, khát ngưỡng mà lãnh thọ.

Giới tử đáp: *Y giáo phụng hành. (3 lần)*

3.8. Bạch tứ Yết-ma truyền giới Cụ túc.

Thầy Yết-ma bạch Tăng:

Kính bạch Đại đức Tăng. Sa-di (...) này cầu thọ giới với Hòa thượng)..., nay xin Tăng được thọ Cụ túc. Đã tự nói là thanh tịnh, không có các chương pháp, tuổi đủ 20, y bát đều đủ. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng chấp thuận cho thọ giới Cụ túc với Hòa thượng (...). Đây là lời tác bạch.

Kính bạch Đại đức Tăng. Sa-di (...) này cầu thọ Cụ túc với Hòa thượng (...). Nay xin Tăng được thọ Cụ túc. Đã tự nói là thanh tịnh, không có các chương pháp, tuổi đủ 20, y bát đều đủ. Các Đại đức nào chấp thuận cho Sa-di (...) thọ Cụ túc với Hòa thượng (...) thì im lặng. Ai không chấp thuận hãy nói.

Đây là Yết-ma lần thứ nhất.

(tiếp theo lần thứ 2 và thứ 3 như trên)

Tất cả đều im lặng, như vậy chúng tôi Tăng đã chấp thuận cho Sa-di (...) thọ Cụ túc với Hòa thượng (...). Tôi ghi nhận như vậy.

3.9. Truyền pháp tứ khí.

Tứ khí là 4 Ba-la-di hay 4 trọng cấm. Chữ phạn pàrajika, Hán âm là Ba-la-di, dịch nghĩa là *đọa, khí hoặc tha thặng*. Nghĩa là Tỳ-kheo phạm 1 trong 4 điều này thì sẽ đọa lạc, coi như đã vứt bỏ, bị kẻ khác hơn mình.

Hòa thượng hay Giới sư nói:

Này các giới tử, Đức Như Lai chí chân Đẳng chánh giác đã nói bốn pháp Ba-la-di, nếu Tỳ-kheo phạm một trong bốn pháp này thì không còn là Sa-môn, không phải là Thích tử nữa.

- Thứ nhất: Tỳ-kheo không được hành pháp dâm dục, làm hạnh bất tịnh, cho đến cùng với loài vật. Tỳ-kheo nào hành pháp dâm dục, làm hạnh bất tịnh, người đó không còn là Sa-môn, không phải là Thích tử. Đức Thế Tôn ví người đó như kẻ đã bị chặt đầu, không thể sống được nữa. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo phạm pháp Ba-la-di này thì phẩm chất Tỳ-kheo không thể phục hồi được nữa.

Thế nên, Tỳ-kheo phải thọ trì pháp này suốt đời không hủy phạm, các vị có thể giữ được không?

Đáp: - *Mô Phật giữ được.*

- Thứ hai: Tỳ-kheo không được cố ý lấy vật không cho dù là một cọng cỏ. Nếu Tỳ-kheo lấy trộm

vật trị giá từ 5 tiền trở lên, tự mình lấy hoặc bảo người khác lấy, tự mình phá hoặc bảo người khác phá, tự mình chặt hoặc bảo người khác chặt, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc hủy hoại màu sắc, thì không còn là Sa-môn, không phải là Thích tử, cũng như cây đa-la bị chặt đứt lõi không thể sinh trưởng được nữa. Cũng vậy, Tỳ-kheo phạm pháp Ba-la-di này, phẩm chất Tỳ-kheo không thể phục hồi được nữa.

Thế nên, Tỳ-kheo phải thọ trì pháp này suốt đời không hủy phạm, các vị có thể giữ được không?

Đáp: - Mô Phật, giữ được.

- Thứ ba: Tỳ-kheo không được cố ý giết hại mạng sống, dù là một con kiến. Tỳ-kheo nào cố ý tự tay mình cầm dao giết người hay đưa dao cho người khác giết, hoặc xúi giục người ta tự sát, đưa thuốc độc cho người, hoặc làm cho người tự tử, hoặc giết người bằng chú thuật... Người ấy không còn là Sa-môn, không phải là Thích tử, như cây kim đã sứt lỗ, không còn dùng được nữa. Cũng vậy, Tỳ-kheo phạm pháp Ba-la-di này thì phẩm chất Tỳ-kheo không thể phục hồi được nữa.

Thế nên, Tỳ-kheo phải thọ trì pháp này suốt đời không hủy phạm, các vị có thể giữ được không?

Đáp: - *Mô Phật, giữ được.*

- *Thứ tư: Tỳ-kheo không được nói dối, dù nói dối mà chơi. Nếu Tỳ-kheo tự mình không thực chứng đắc mà nói rằng: “Tôi đã chứng đắc pháp thượng nhân, đắc thiền, đắc định, đắc tứ không định, đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đã giải thoát, trời, rồng, quỷ thần đến cúng dường tôi”, thì người ấy không còn là Sa-môn, không phải là Thích tử, như tảng đá lớn bị vỡ làm hai không còn dính lại được nữa. Cũng vậy, Tỳ-kheo phạm pháp Ba-la-di này thì phẩm chất Tỳ-kheo không thể phục hồi được nữa.*

Thế nên, Tỳ-kheo phải thọ trì pháp này suốt đời không hủy phạm, các vị có thể giữ được không?

Đáp: *Mô Phật, giữ được.*

3.10. Truyền pháp tứ y

Tứ y tức là bốn chỗ nương tựa căn bản cho đời sống của mỗi Tỳ-kheo, cũng gọi là bốn thánh chủng.

Hòa thượng hay giới sư nói:

Này giới tử, Đức Như Lai bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác đã nói bốn pháp sở y, Tỳ-kheo y theo đây mà xuất gia, thọ giới Cụ túc, thành phẩm chất Tỳ-kheo.

- Thứ nhất: Tỳ-kheo sống y trên y phẩn tảo mà thọ giới Cụ túc, thành phẩm chất Tỳ-kheo. Người phải trọn đời thọ trì. Trường hợp đặc biệt được phép thọ dụng y do đàn việt cúng dường, y đã được cắt rọc hay hủy hoại màu sắc.

- Thứ hai: Tỳ-kheo sống y trên sự khát thực mà thọ giới Cụ túc thành phẩm chất Tỳ-kheo. Người phải trọn đời thọ trì. Trường hợp đặc biệt được thọ dụng là Tăng sai thọ thực, hay đàn việt cung cấp các bữa ăn định kỳ mỗi tháng vào các ngày mồng một, mồng tám, ngày rằm hoặc các bữa ăn thường của Tăng, hay được đàn việt mời.

- Thứ ba: Tỳ-kheo sống y nơi gốc cây mà ngủ nghỉ, thọ giới Cụ túc, thành phẩm chất Tỳ-kheo. Người phải trọn đời thọ trì. Trường hợp đặc biệt được thọ dụng là một căn phòng riêng biệt, một ngôi nhà nóc nhọn, một căn phòng nhỏ, một hang đá hay hai căn phòng có chung một cửa.

- Thứ tư: Tỳ-kheo sống y nơi các loại thuốc đã chế biến mà xuất gia, thọ giới Cụ túc, thành phẩm chất Tỳ-kheo. Người phải trọn đời thọ trì. Trường hợp đặc biệt được thọ dụng là tô, sanh tô, dầu, đường phèn và mật.

3.11. Giáo giới giới tử.

Này tân Tỳ-kheo, việc thọ giới của người đã xong, bạch tứ Yết-ma pháp thành tựu, xứ sở thành

tự, Hòa thượng như pháp, A-xà-lê như pháp, chúng Tăng đầy đủ túc số. Vậy người phải khéo thọ trì giới pháp, khuyến hóa mọi người làm việc phước thiện, như cúng dường Phật, Pháp, Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê. Tất cả những gì các Ngài đã dạy như pháp thì không được trái nghịch. Người phải siêng năng học hỏi, đọc tụng kinh điển, nỗ lực để chứng đắc các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán thì sơ tâm xuất gia của người mới không uổng phí, kết quả mới viên mãn. Còn những điều nào người chưa biết thì hãy thưa hỏi Hòa thượng, A-xà-lê.

(Những tiết mục chính trong nghi thức thọ giới đến đây là hoàn tất. Ngoài ra, việc xả và thọ y bát, việc xin y chỉ, có thể xem trong Yết-ma yếu chỉ).

4. Ni xuất gia và thọ giới

4.1. Vấn đề Thức-xoa-ma-na.

Bước đầu nữ giới xuất gia làm Sa-di-ni, về thể thức và tuổi tác tương tự như Sa-di, đã được đề cập ở trên. Nhưng đặc biệt, Sa-di-ni muốn thọ giới Cụ túc phải trải qua hai năm thọ học sáu pháp Thức-xoa-ma-na, trước khi thọ Tỳ-kheo-ni. Thức-xoa-ma-na là dịch âm tiếng phạn (Siksamànà) và dịch nghĩa

là chánh học, nghĩa là người nữ đang học tập các học xứ của Tỳ-kheo ni.

a. Giới pháp của Thức-xoa-ma-na.

Các học pháp mà Thức-xoa-ma-na phải thọ trì trong 2 năm, gồm có sáu pháp: 1. Không sát sanh; 2. Không trộm cắp; 3. Không dâm dục, 4. Không nói dối; 5. Không uống rượu; 6. Không ăn phi thời (chi tiết, xem trong Yết-ma yếu chỉ).

Ngoài sáu pháp kể trên, còn có 18 tùy pháp cần phải học, như được nói rõ trong Ni Luật.

Trong lúc Thức-xoa-ma-na thọ trì sáu học pháp trên đây nếu vi phạm nghiêm trọng 1 trong 4 pháp đầu tương đương với Ba-la-di sẽ bị đuổi hẳn ra khỏi Ni chúng. Nếu vi phạm ít nghiêm trọng hơn sẽ phải thọ học lại từ đầu, nghĩa là bắt đầu tính lại từ ngày thứ nhứt cho tới hai năm, còn thời gian trước khi phạm hoàn toàn xóa bỏ.

b. Hạn tuổi để thọ Thức-xoa-ma-na.

Chỗ đề cập đến độ tuổi này là giới Ba-dật-đề 125 của Tỳ-kheo-ni: “Nếu Tỳ-kheo-ni độ cho người nữ 10 tuổi đã có chồng, thì phải cho hai năm học giới, đến khi đủ 12 tuổi, cho họ thọ giới Cụ túc. Nếu chưa đủ 12 tuổi mà cho thọ giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề.”

Luật Tứ Phần viết: “Người nữ 10 tuổi đã có chồng và người nữ 18 tuổi còn đồng trinh đều cho hai năm học giới.”

(Tứ phần luật, Đ.22, quyển 28, tr 759a)

Luật Ngũ Phần viết: “Người nữ đồng trinh 18 tuổi và người nữ đã có chồng 10 tuổi, đều cho hai năm học giới, đủ 20 tuổi và 12 tuổi, mới cho thọ giới Cụ túc”. (Di sa tắc Yết-ma bản, Đ. 22, tr. 218b - 1 quyển)

Đại ái đạo Cù-đàm-di hỏi Phật: “Người nữ đã có chồng tuổi chưa đủ 20, có thể thọ giới Cụ túc được không?”.

Phật đáp: “Được” (Ma ha tăng kỳ luật, Đ. 22, tr. 535c).

Theo tinh thần chung của các bộ luật trên đây thì người nữ đồng trinh đủ 18 tuổi nên cho hai năm thọ học Thức-xoa-ma-na, khi đủ 20 tuổi sẽ cho thọ giới Cụ túc. Nhưng nếu người nữ 10 tuổi đã lấy chồng thì cũng cho hai năm học giới, khi đủ 12 tuổi sẽ cho thọ giới Cụ túc. Quan điểm của Pháp sư Thánh Nghiêm trong sách “Giới luật học cương yếu” và Ni sư Phật Oánh trong sách “Tứ phần Tỳ-kheo-ni giới bốn chú giải” đều nhất trí về điểm này.

Theo các bộ luật, cho Sa-di-ni hai năm thọ trì pháp Thức-xoa-ma-na là khoảng thời gian cần thiết để học tập đầy đủ các học xứ của Tỳ-kheo-ni. Nhưng, Thập Tụng Luật thì nói thời gian hai năm là để tránh trường hợp có thai mà không biết đến khi thọ giới Cụ túc rồi mới phát hiện.

4.2. Những dị biệt giữa Ni và Tăng trong việc xuất gia thọ giới.

- Ni phải đủ 12 tuổi hạ mới được làm thầy, độ người xuất gia truyền giới Cụ túc; Tăng phải đủ 10 tuổi hạ.

- Ni chỉ xuất gia 1 lần, khi hoàn tục không được xuất gia trở lại; Tăng được xuất gia tối đa 7 lần.

- Ni khi thọ giới Cụ túc có hai trường hợp: nếu là đồng nữ tuổi phải đủ 20, nếu người nữ 10 tuổi đã có chồng, tuổi phải đủ 12; Tăng nhất định phải đủ 20 tuổi.

- Ni khi thọ giới Cụ túc phải trải qua hai giai đoạn: bản bộ Yết-ma và chánh pháp Yết-ma; Tăng chỉ 1 giai đoạn Yết-ma.

- Trong số giới sư chánh pháp Yết-ma phải đủ 20 người: 10 Tỳ-kheo và 10 Tỳ-kheo-ni; Tăng chỉ cần 10 Tỳ-kheo.

- Trong số 10 Tỳ-kheo Giới sư này, 1 vị làm Yết-ma còn các vị khác làm tôn chứng, không có Hòa thượng truyền giới, vì Hòa thượng truyền giới thuộc về Tỳ-kheo-ni.

- Trong số 13 già nạn có những điểm giống và khác nhau:

Tỳ-kheo	Tỳ-kheo-ni
1. Người có phạm biên tội không?	1. Người có từng thọ giới Tỳ-kheo-ni chưa?
2. Người có phá tịnh hạnh Tỳ-kheo-ni không?	- Không có
3. Người có phải là kẻ tặc trú?	- Giống nhau
4. Người có phá nội ngoại đạo không?	- Không có ^①
5 > 9. Các tội ngũ nghịch.	- Giống nhau.
10. Người có phải là Hoàng môn không?	- Không có.
11 > 13. Phi nhân, súc sinh, nhị hình	- Giống nhau.

- Phần lớn 15 khinh nạn của Tỳ-kheo-ni giống như Tỳ-kheo chỉ thêm một ít về các chứng bệnh, và khi chánh pháp Yết-ma còn hỏi thêm hai câu: 1.-

^① Điểm này liên quan đến già nạn thứ nhất.

Người đã học giới chưa? 2.- Học giới có thanh tịnh không?

- Ni có đến 8 giới Ba-la-di (4 giới đầu giống như giới của Tăng).

- Ngoài những điểm dị biệt kể trên, còn 1 yếu tố đặc biệt nữa của Ni giới mà Tăng không có, đó là 8 Kính pháp. Nội dung như sau:

1- Tỳ-kheo-ni dù 100 tuổi hạ mà khi thấy Tỳ-kheo, dù mới thọ giới, cũng phải đứng dậy chào đón, thăm hỏi, mời ngồi.

2- Tỳ-kheo-ni không được trách mắng Tỳ-kheo.

3- Tỳ-kheo-ni không được cử tội Tỳ-kheo.

4- Thức-xoa phải đến Tỳ-kheo thỉnh cầu thọ đại giới sau 2 năm học pháp.

5- Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng tàn, phải đến hai bộ Tăng, nửa tháng làm pháp ý hỷ.

6- Tỳ-kheo-ni phải đến Tỳ-kheo cầu giáo thọ trong dịp Bố-tát mỗi nửa tháng.

7- Tỳ-kheo-ni không được kiết hạ an cư tại những nơi không có Tỳ-kheo.

8- Tỳ-kheo-ni an cư xong phải đến Tỳ-kheo cầu ba việc Tự tứ (thấy, nghe và nghi).

GHI CHÚ:

Thể thức thực hiện và các chi tiết liên quan đến việc Ni xuất gia và thọ giới, xem thêm Yết-ma Yếu Chỉ.

IV. BỐ-TÁT TỤNG GIỚI

1. Duyên khởi về sự Bố-tát.

Theo truyền thống Ấn Độ, vào thời đức Phật (cũng như trước đó), tu sĩ của các tôn giáo thường tập hợp sinh hoạt hằng tháng vào các ngày **8, 14, 15, 23, 29** và **30** để học tập kinh luật và sách tấn nhau tu học. Vua Tần-bà-sa-la trông thấy không khí sinh hoạt của họ có nhiều ý nghĩa nên suy nghĩ: “Nếu chúng Tỳ-kheo đệ tử của Phật cũng sinh hoạt như thế thì sẽ đem lại nhiều lợi ích cho các Phật tử tại gia.” Do đó, ông đích thân đến trình bày với Phật, và Phật chấp nhận ý kiến của ông. Thế rồi, Phật tập hợp các Tỳ-kheo, quy định cứ mỗi tháng chúng Tỳ-kheo phải thực hành lễ Bố-tát hai lần vào ngày **15** và **30** hoặc **29** nếu tháng thiếu.

Bố-tát là từ dịch âm không đầy đủ của tiếng phạn Uposatha, có nghĩa là “ngày trai”, ngày phụng sự, ngày kiêng cử v. v...; nói cách khác, là thực hành sự “trưởng tịnh” hay “trưởng thiện”,

nghĩa là nuôi lớn sự thanh tịnh hay nuôi lớn thiện pháp.

Ban đầu, khi Bố-tát chỉ đọc tụng giới bốn một cách tổng quát, nội dung ấy được tóm lược bằng bài kệ: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo”. Sau đó, mỗi lần Bố-tát, tụng lại đầy đủ các giới mà Phật đã chế. Các giới này dần dần được kết tập hoàn chỉnh gồm 5 thiên và 7 tụ như hiện nay. Cụ thể, Tỳ-kheo Nam tông gồm có 227 giới, Tỳ-kheo-ni Nam tông gồm 311 giới. Tỳ-kheo Bắc tông gồm có 250 giới và Tỳ-kheo-ni Bắc tông gồm 348 giới.

2. Vấn đề sám hối trước khi Bố-tát.

Luật định việc sám hối được tiến hành trước định kỳ thuyết giới 1 ngày (tức ngày: 14, 29 hoặc 28 tháng thiếu). Tỳ-kheo nào phạm tội, phải sám hối cho thanh tịnh trước khi Bố-tát. Vì khi Bố-tát những Tỳ-kheo phạm tội mà chưa sám hối thì không được tụng giới, cũng không được nghe tụng giới. Người phạm tội phải hướng đến 1 người thanh tịnh nói rõ tội danh mình phạm mà xin sám hối. Trong một trú xứ, nếu toàn thể Tăng chúng đều phạm tội, thì phải thỉnh một Tỳ-kheo thanh tịnh ở một trú xứ khác đến tác pháp sám hối giúp. Nếu không thỉnh được, Tăng sai 2 hay 3 Tỳ-kheo sang một trú xứ khác có

Tỳ-kheo thanh tịnh xin tác pháp sám hối. Sau khi sám hối các Tỳ-kheo ấy được xem là người thanh tịnh, sẽ trở về tác pháp sám hối cho các Tỳ-kheo khác. Trường hợp không thỉnh được, cũng không sai đi sám hối được, thì Tăng chúng tại trú xứ ấy phải tác pháp sám hối tập thể, sau đó mới Bố-tát.

3. Triển hạn thuyết giới.

Nếu vào những ngày thuyết giới định kỳ (tức 15 và 30 hoặc 29 nếu tháng thiếu) mà gặp những sự bất trắc không thể thuyết giới được, thì Tăng có thể dời lại những ngày sau, từ ngày mồng 1 đến ngày 13, và 16 đến 28 hay 27 tháng thiếu (cách ngày thuyết giới kỳ sau 1 ngày). Thời gian này gọi là trung gian thuyết giới. Trong một trường hợp khác, Tăng chúng tại một trú xứ có định kỳ thuyết giới vào ngày 15, nhưng nếu hay tin có một nhóm Tỳ-kheo khách đang có sự bất hòa muốn đến đó Bố-tát, thì các Tỳ-kheo chủ có thể Bố-tát trước một ngày, tức ngày 14. Nếu chưa chuẩn bị kịp mà các Tỳ-kheo khách đã đến, thì Tăng thường trú nên dời ngày Bố-tát để tránh sự lục đục có thể xảy ra. Luật cho phép có thể dời ngày Bố-tát tối đa đến hai lần. Nếu đến hạn chót lần triển hạn thứ hai mà nhóm khách Tăng kia vẫn chưa chịu ra đi, thì Tăng thường trú cần áp dụng luật cưỡng bức nhóm khách Tăng ấy cùng hòa hợp thuyết giới.

4. Những quy định liên quan đến Tỳ-kheo khách.

Tại một trú xứ, trong một ngày không được Bố-tát hai lần. Các Tỳ-kheo thường trú sau khi Bố-tát xong, nếu có việc cần rời khỏi trú xứ, phải làm dấu, hoặc dặn người ở lại tin cho khách Tăng biết là nơi đây đã Bố-tát rồi, để tránh trường hợp Tỳ-kheo khách đến đây Bố-tát một lần nữa.

Khi hai nhóm Tỳ-kheo dự định cùng Bố-tát tại một chỗ, Tỳ-kheo chủ định Bố-tát ngày 14, Tỳ-kheo khách muốn Bố-tát ngày 15, thì sẽ giải quyết theo phương thức: chủ đông, khách ít, thì khách tùy chủ; khách đông, chủ ít thì chủ tùy khách.

Trong trường hợp nhóm Tỳ-kheo khách vừa đến một trú xứ mà nhóm Tỳ-kheo chủ đã Bố-tát xong, thì các Tỳ-kheo khách phải bạch với Tỳ-kheo chủ rằng mình thanh tịnh, nếu nhóm khách ít hơn chủ. Trái lại, nếu nhóm khách Tăng đông hơn, hoặc bằng nhóm Tỳ-kheo chủ thì họ có quyền yêu cầu thuyết lại từ bài tựa giới kinh đến hết. Nhưng chỉ tụng giới chứ không tác pháp Yết-ma.

5. Thuyết giới cho Sa-di.

Sa-di tuy chưa phải là một thành viên chính thức của Tăng đoàn, nhưng vì đã là người xuất gia

nên các phạm sự như thuyết giới, an cư, Tụ tứ, Sa-di cần phải chấp hành nghiêm túc. Khi nghe hiệu kiền chùy họp Tăng thuyết giới, các Sa-di cũng phải vân tập tại giới trường. Sau khi đánh lễ chúng Tăng ba lạy, họ được vị Thượng tọa nhắc nhở, khích lệ, và hỏi kiểm tra 10 giới Sa-di. Khi hỏi, nếu ai vi phạm, phải thành tâm sám hối cho thanh tịnh.

Cuối cùng, Thượng tọa giáo giới: “Này các Sa-di, thân người khó được, giới pháp khó gặp, thời giờ qua mau, đạo nghiệp khó thành tựu. Các người phải giữ gìn thân, khẩu, ý thanh tịnh, siêng học hỏi Kinh, Luật, Luận, cẩn thận chớ buông lung.” Dạy rồi bảo họ lui ra khỏi giới trường, đến trước điện Phật hoặc một nơi nào thuận tiện, cùng nhau đọc tụng giới kinh của Sa-di.

6. Người chưa thọ Cụ túc không được nghe tụng giới

Lúc các Tỳ-kheo Bố-tát thuyết giới những người chưa thọ giới Cụ túc (kể cả Sa-di) phải ra khỏi giới trường, không được phép tham dự. Vì bấy giờ là lúc tụng giới Tỳ-kheo tụng những điều chỉ liên quan đến các Tỳ-kheo, các chúng khác không có trách nhiệm phải gìn giữ. Do đó họ không được tham dự. Sự kiện này có liên quan đến một câu trong luật Sa-di là “Bất đắc đạo

thính Đại Sa-môn thuyết giới” (không được nghe lén Đại Sa-môn thuyết giới). Việc cấm Sa-di nghe lén khi Tỳ-kheo thuyết giới là điều cần thiết và rất chính đáng. Nhưng điều đáng tiếc là xưa nay có một số ít người ngộ nhận, rồi suy diễn rằng luật cấm Sa-di (và các chúng khác) xem giới bốn của Tỳ-kheo. Thậm chí còn bảo rằng những người chưa thọ giới Cụ-túc nếu đọc hoặc tìm hiểu giới bốn của Tỳ-kheo thì sau này sẽ không được thọ giới Cụ-túc. Đó là sự hiểu lầm rất trái với tinh thần của đạo trí tuệ, chân chính và công truyền. Mục đích giới luật của Phật chế là nhằm ngăn điều ác, phát triển thiện hạnh, dắt dẫn chúng sinh đến bến bờ giải thoát. Thế nên, bất cứ ai muốn tìm hiểu bất cứ loại giới luật nào, với mục đích hướng thượng, cầu giải thoát, thì không những không được ngăn cấm, mà còn phải khuyến khích và cổ vũ nữa là khác. Chính trong luật Sa-di đã nói rõ điểm này: “Nếu muốn biết rộng phải xem toàn bộ Luật tạng” (Nhược nhạo quảng lãm, tự đương duyệt Luật tạng toàn thư).

7. Trường hợp Ni chúng cầu thầy Giáo thọ.

Khi Phật còn tại thế, việc giáo huấn Tỳ-kheo-ni là trách nhiệm Phật giao cho các Tỳ-kheo. Và việc Ni chúng sai người sang Tỳ-kheo Tăng cầu thỉnh thầy

giáo thọ cũng là một trong tám Kính pháp mà Phật chế cho các Tỳ-kheo-ni phải tuân hành.

Sắp đến ngày Bố-tát, Ni chúng nên tác pháp bạch nhị Yết-ma sai một Tỳ-kheo-ni, đồng thời sai riêng 1 hay 2 cô nữa, cùng sang chùa Tăng cầu thầy giáo thọ. Các cô có thể đến chùa Tăng nhờ thầy chấp sự thỉnh giúp hoặc thân hành đến cầu thỉnh vào giờ chúng Tăng Bố-tát. Tăng sẽ cứu xét, nếu trước đó đã có Tỳ-kheo thường sang giáo thọ Ni chúng, thì Tăng nên sai vị ấy đi. Hoặc là Ni chúng cầu thỉnh đích danh Tỳ-kheo nào, thì Tăng nên đề cử vị ấy, nếu đủ điều kiện. Nếu không thuộc trong hai trường hợp này, thầy Yết-ma phải hỏi trong Tăng chúng, xem ai có thể đảm trách công tác ấy, đề cử đi. Người được Tăng đề cử giáo thọ Ni phải đủ 10 điều kiện: 1. Đủ 20 tuổi hạ; 2. Giới luật vẹn toàn; 3. Kiến thức rộng rãi; 4. Thông suốt hai bộ Luật (Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni); 5. Quyết đoán rành mạch các vấn đề liên quan đến giới luật; 6. Xuất thân từ một gia đình nề nếp; 7. Dung nghi đoan chính; 8. Thuyết pháp giỏi; 9. Có khả năng thuyết pháp khiến mọi người hoan hỷ; 10. Chưa từng phạm các giới quan trọng.

Sau khi hỏi, nếu trong Tăng chúng không ai có thể đảm trách việc ấy, thì Thượng tọa Yết-ma sẽ tóm tắt truyền dạy vị sứ giả Ni như sau: *Trong*

Tăng đây không ai có thể sang trực tiếp giáo giới Ni chúng, nhưng Tăng có lời nhắc nhở Ni chúng là hãy siêng năng hành đạo, cùng nhau hòa hợp, thanh tịnh, y theo giới luật mà hành trì. Cần thận chớ buông lung.

Ngày xưa việc giáo dục Tăng Ni chưa được tổ chức, nên mỗi kỳ Bố-tát, Ni chúng sai người sang đại Tăng thỉnh cầu giáo thọ là điều tất nhiên. Nhưng ngày nay công tác giáo dục Tăng Ni được tổ chức tương đối chặt chẽ, và Ni chúng thường xuyên học tập kinh luật; do đó việc Ni chúng cầu thầy giáo thọ không còn có tính chất thực tiễn, mà chỉ là một nghi thức truyền thống theo Luật định. Tuy nhiên, đây là một trong tám Kính pháp mà Phật đã chế định rất có ý nghĩa, thiết tưởng Ni chúng nên vâng hành thánh giáo, cố gắng duy trì truyền thống tốt đẹp này để chánh pháp càng ngày càng được xương minh.

8. Vấn đề gởi dục và thuyết tịnh.

Tinh thần cơ bản của Tăng là thanh tịnh và hòa hợp. Do đó, vào ngày Bố-tát, toàn thể Tăng chúng tại một trú xứ phải tập hợp đầy đủ để tránh tình trạng biệt chúng và phá Tăng. Nhưng nếu có Tỳ-kheo nào vì duyên sự đặc biệt như duyên sự bị bệnh hoặc đang chăm sóc người bệnh... không thể đến dự được, thì có quyền gởi dục và thuyết tịnh. Gởi dục *nghĩa là gởi ý muốn của mình đến Tăng,*

tức là bày tỏ rằng mình sẽ chấp hành mọi quyết định của Tăng trong ngày Bố-tát. Thuyết tịnh là nhờ người trình lên Tăng rằng mình thanh tịnh, không phạm lỗi, có đủ tư cách pháp nhân là một thành viên của Tăng đoàn. Hàng Thượng tọa có thể nhận dục, hoặc không nhận nếu mình không muốn. Nhưng các Tỳ-kheo khác không được quyền từ chối sự gởi dục của những Tỳ-kheo vắng mặt có lý do chính đáng. Một người có thể nhận dục từ một người cho đến nhiều người, không hạn chế số lượng. Sau khi nhận dục, người nhận dục nếu có duyên sự phải ra khỏi trú xứ, có thể chuyển sự gởi dục ấy cho một Tỳ-kheo khác.

Gởi dục khi Bố-tát thì nói: “Gởi dục và thanh tịnh”. Gởi dục khi Tỳ-tứ thì nói: “Gởi dục tỳ tứ”. Gởi dục khi làm các Tăng sự khác thì nói: “ Gởi dục Yết-ma”.

9. Trường hợp Tỳ-kheo mắc bệnh cuồng si

Nếu có Tỳ-kheo nào mắc bệnh cuồng si, khi Tăng Bố-tát hoặc nhớ và đến dự, hoặc không nhớ và không đến dự, thì Tăng phải tác pháp Yết-ma xác nhận vị ấy mắc bệnh cuồng si. Khi Tăng đã tác Yết-ma công nhận bệnh cuồng si rồi, thì lúc Bố-tát vị ấy đến dự hay không đến dự đều không phạm tội biệt chúng. Đến khi nào lành bệnh, Tăng sẽ tác pháp công nhận vị ấy hết bệnh cuồng si, để vị ấy

trở lại sinh hoạt bình thường như các Tỳ-kheo khác.

10. Linh động thuyết giới khi gặp nạn duyên.

Trong trường hợp đến ngày Bố-tát mà gặp những sự bất trắc xảy ra, như bị 8 nạn: 1. Do vua chúa; 2. Do giặc cướp, 3. Do nước, 4. Do lửa; 5. Do bệnh; 6. Do người; 7. Do ma quỷ hay do ác thú; 8. Hoặc Tăng chúng có sự tranh chấp, hoặc đang gặp lúc công việc nhọc nhằn, nơi Bố-tát chật chội không đủ chỗ, bị mưa bão làm trở ngại... thì Phật cho phép thuyết giới tóm lược.

Sau đây là năm thể thức thuyết giới:

1. Thuyết giới đầy đủ từ đầu đến cuối.
2. Thuyết giới tóm lược từ bài tựa giới kinh đến 2 pháp Bất định rồi kết thúc.
3. Thuyết từ bài tựa đến pháp Tăng tàn rồi kết thúc.
4. Thuyết từ bài tựa đến pháp Ba-la-di rồi kết thúc.
5. Chỉ nói bài tựa giới kinh rồi kết thúc.

Ngoài ra, Luật Ma-ha-tăng-kỳ còn cho phép, nếu nạn duyên đến quá gấp, lược thuyết cũng không đủ thì giờ, thì có thể nói: *Bạch chư Đại đức,*

hôm nay là ngày rằm, Bối-tát, mỗi người nên giữ gìn thân khẩu ý thanh tịnh, cẩn thận chớ buông lung. Rồi tự ý giải tán.

V. AN CƯ VÀ TỰ TỨ

1. An cư

1.1. Lý do An cư.

Theo luật Tứ phần thì nguyên nhân Phật chế định sự an cư là do nhóm sáu thầy Tỳ-kheo (lục quần Tỳ-kheo) thường du hành trong nhân gian bất cứ mùa nào, nhất là vào mùa mưa, họ dẫm đạp chết vô số côn trùng. Các cư sĩ thấy thế than phiền. Đức Phật hay biết việc ấy, Ngài khiển trách nhóm sáu thầy Tỳ-kheo, và chế định hằng năm các Tỳ-kheo phải an cư ba tháng vào mùa mưa, để tránh tình trạng làm thương tổn sinh mạng của chúng sinh, và để có cơ hội thúc liễm thân tâm, tịnh tu ba nghiệp.

1.2. Thời gian An cư.

Theo truyền thống Bắc truyền thì kiết hạ ngày 16 tháng tư âm lịch là tiền an cư, kiết hạ từ 17 tháng tư đến 16 tháng năm (hạn chót) là hậu an cư. Nếu trong chúng vừa có tiền an cư và hậu an cư thì đều làm lễ giải hạ vào ngày 15 tháng 7 âm lịch. Nhưng những người hậu an cư phải tiếp tục tu học

đủ ba tháng mới được rời khỏi trú xứ. Nếu gặp những năm có các tháng 4, 5 và 6 nhuận thì phải dời ngày nhập hạ lại một tháng nghĩa là lấy 15 tháng 7 làm chuẩn, tính ngược lên đủ ba tháng.

Theo truyền thống của Nam tông thì kiết hạ ngày 16 tháng 6 âm lịch và giải hạ ngày 15 tháng 9 âm lịch.

Để thuận tiện cho việc tu học, luật quy định tại nơi an cư cần có 5 điều kiện: 1. Không quá xa xóm làng; 2. Không quá gần xóm làng; 3. Không có các loại độc trùng, ác thú quấy phá; 4. Có thầy để y chỉ; 5. Có phương tiện tứ sự cúng dường tương đối thuận lợi.

1.3. Tác pháp An cư.

Thông thường các luật sư Trung Hoa quy định thành hai thể thức tác bạch An cư, nhưng luật bản thì không phân biệt việc này.

a. Tác pháp của hàng Thượng tọa.

Theo luật định vị thiên chủ hay vị Thượng tọa luật sư y chỉ của đại chúng phải tác bạch An cư trước nhất, sau đó mới nhận sự tác bạch của đại chúng. Đầu tiên vị Thượng tọa tác pháp đối thủ với một vị Thượng tọa gần ngang hàng với mình. Cả hai vị cùng đứng, hoặc cùng quỳ. Văn bạch như sau:

Đại đức nhất tâm niệm. Tôi Tỳ-kheo... nay y Tăng già lam... An cư ba tháng đầu mùa hạ (nói ba lần)

Sau khi vị luật sư tác pháp xong, các vị Thượng tọa khác theo thứ tự từ lớn tới nhỏ, tác pháp với vị Thượng tọa luật sư y chỉ ấy.

b. Tác pháp của đại chúng.

Đại chúng cũng theo thứ tự từ lớn tới nhỏ tuần tự tác pháp. Thầy Tỳ-kheo lớn nhất bước ra dẫn lễ vị luật sư y chỉ 1 lạy, rồi quỳ bạch:

(Lời tác bạch như trên).

Thượng tọa nói: *Vậy hãy cẩn thận chớ buông lung.*

Đáp: *Y giáo phụng hành.*

Hỏi: *Thầy y chỉ vị luật sư nào để an cư?*

Đáp: *Y chỉ (nói hiệu vị luật sư y chỉ) để an cư.*

Thượng tọa bảo: *Vậy có điều gì nghi ngờ nên đến hỏi vị ấy.*

Đáp: *Kính vâng.*

Xong, lễ ba lạy rồi lui ra.

Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni cũng tác pháp như trên, nhưng đổi các từ xưng hô

cho thích hợp. Ngoài ra còn có thể thức tâm niệm An cư.

c. Tâm niệm An cư.

Trong trường hợp sống độc cư (ở riêng một mình) không có người để y chỉ, Tỳ-kheo được phép tâm niệm An cư. Khi tác pháp tâm niệm, thầy Tỳ-kheo mặc y phục chỉnh tề, đến trước bàn Phật đảnh lễ, rồi quỳ bạch thành tiếng (không được nói thầm) như sau:

Con Tỳ-kheo... nay y (nói tên trú xứ) An cư 3 tháng đầu mùa hạ. (nói 3 lần)

Tỳ-kheo-ni phải nương tựa Tỳ-kheo để An cư, không được phép sống riêng, nên không có pháp tâm niệm An cư.

1.4. Ra ngoài cương giới.

Trong thời gian An cư các Tỳ-kheo phải an trú trong cương giới nỗ lực tu học, nhưng nếu có duyên sự đặc biệt có thể xin phép ra ngoài cương giới.

a. Ra ngoài cương giới từ 7 ngày trở xuống.

Nếu có duyên sự cần ra ngoài cương giới trong vòng 7 ngày trở lại, Tỳ-kheo phải tác pháp thọ nhật- xin một số ngày phép trước khi đi. Đây là pháp đối thủ, không phải bạch Tăng, mà chỉ bạch

với một Tỳ-kheo là đủ. Nếu thời gian 7 ngày mà công việc chưa xong thì phải trở về xin phép thêm bằng pháp “tàn dạ”, nghĩa là những đêm còn lại. Văn bạch như sau:

Đại đức nhất tâm niệm. Tôi Tỳ-kheo... đã thọ pháp ra ngoài giới 7 ngày, nay đã hết hạn, nhưng công việc chưa xong, còn cần đến (chừng ấy) ngày nữa. Kính mong Đại đức chứng tri.

b. Ra ngoài cương giới trên 7 ngày.

Nếu có việc cần ra ngoài cương giới trên 7 ngày Tỳ-kheo phải bạch Tăng xin phép và thời hạn xin phép tối đa là 40 ngày (trên 40 ngày coi như mất hạ).

Thầy Yết-ma bạch Tăng.

Kích bạch Đại đức Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay chấp thuận cho Tỳ-kheo... vì duyên sự... được phép ra ngoài cương giới trong vòng 10 ngày, sau đó sẽ trở về tiếp tục an cư. Các Đại đức nào chấp thuận việc ấy thì im lặng. Ai không chấp thuận hãy nói.

Tất cả đều im lặng, như vậy chứng tỏ Tăng đã chấp thuận cho Tỳ-kheo... vì duyên sự được phép ra ngoài cương giới trong vòng 10 ngày, sau đó trở về tiếp tục An cư. Tôi ghi nhận như vậy.

Ngoài ra có các điểm cần lưu ý sau đây:

- Nếu đang An-cư mà Tỳ-kheo bỗng nhiên ra khỏi giới không cho biết lý do thì coi như mất hạ.
- Tỳ-kheo-ni không được ra ngoài giới quá 07 ngày
- Nếu tại trú xứ đang an cư có 8 nạn sau đây xảy ra thì Tỳ-kheo được ra khỏi cương giới mà không bị mất hạ: 1. Nguy hiểm đến phạm hạnh; 2. Nguy hiểm vì có kho tàng; 3. Quỉ phá hoại; 4. Rắn độc; 5. Thú dữ, 6. giặc cướp; 7. Thiếu các thứ nhu dụng; 8. Tăng đang có sự chia rẽ. (Tứ phần Luật quyển 37, Đ.22, tr.834a)

2. Tự tứ

2.1. Ý nghĩa Tự tứ

Tiếng Phạn Pravàraṇa được phiên âm là Bát-hòa-la và dịch nghĩa là Tự tứ, thỉnh thỉnh hay tùy ý. Nghĩa là thỉnh cầu người khác chỉ cho những lỗi lầm mà mình đã vấp phải trong ba trường hợp: hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghi. Nếu tự mình nhận thấy có lỗi, sẽ thành tâm sám hối để được thanh tịnh. Mục đích của việc Tự tứ cũng giống như Thuyết giới, đó là biểu hiện sự thanh tịnh và hòa hợp của Tăng chúng. Cho nên Tự tứ là một hình thức: Thuyết giới không đọc giới bốn. Nhưng khác ở chỗ là Thuyết giới thực hiện nửa tháng một lần, còn Tự tứ thực hiện mỗi năm một

lần, vào ngày cuối của 3 tháng an cư, tức ngày 15 trăng tròn theo lịch Trung Quốc, hay ngày 30 cuối tháng theo lịch Ấn Độ.

a. Vấn đề túc số Tăng.

Khi thuyết giới, túc số Tăng tối thiểu là 4 Tỳ-kheo, nhưng khi Tự tứ, túc số Tăng tối thiểu phải là 5 Tỳ-kheo. Vì khi một trong 5 Tỳ-kheo bạch Tự tứ thì số còn lại chỉ có 4 người, đây là túc số tối thiểu để thực hiện pháp Yết-ma. Do đó, khi Tự tứ mà số người hiện diện từ 4 vị trở xuống đến 2 vị, thì chỉ được phép đối thủ Tự tứ. Còn nếu chỉ có một Tỳ-kheo thì sẽ tâm niệm Tự tứ.

b. Vấn đề gởi dục.

Trong khi Tự tứ, nếu Tỳ-kheo nào có duyên sự như pháp thì được phép gởi dục như lúc Thuyết giới. Nhưng khi thuyết giới thì nói “Gởi dục thanh tịnh”, còn lúc Tự tứ thì nói “Gởi dục Tự tứ”. Đó là điểm khác nhau giữa hai trường hợp gởi dục.

2.2. Tác pháp Tự tứ

Khi chúng Tăng An cư 3 tháng hoàn mãn, nghĩa là đủ 90 ngày, sẽ thực hiện việc Tự tứ. Những Tỳ-kheo hậu An cư cũng được Tự tứ chung một lần với các Tỳ-kheo tiền An cư, nhưng phải đợi hết thời hạn 3 tháng mới được phép rời khỏi trú xứ.

a. Vấn đề sám hối.

Cũng như lúc Thuyết giới, trước khi Tự tứ, các Tỳ-kheo cần phải sám hối cho ba nghiệp thanh tịnh. Việc làm này phải thực hiện trước Tự tứ một ngày, để tạo điều kiện thuận lợi cho ngày Tự tứ được tiến hành một cách viên mãn.

b. Ni chúng sai người thỉnh giáo giới Tự tứ.

Việc Ni chúng cử người đến Đại Tăng cầu xin giáo giới 3 sự Tự tứ là một trong 8 Kính pháp của Tỳ-kheo-ni. Chỗ khác nhau giữa việc cầu giáo giới trong ngày tụng giới và cầu giáo giới trong ngày Tự tứ là: Khi cầu giáo giới trong dịp tụng giới, sứ giả Ni có thể chúc thỉnh, nghĩa là nhờ một Tỳ-kheo xin giúp khi Tăng tác pháp Thuyết giới; trái lại, khi cầu thỉnh giáo giới Tự tứ, thì sứ giả Ni bắt buộc phải thân hành đến trước đại Tăng tác bạch cầu xin. (*văn tác bạch, xin xem Yết-ma Yếu Chỉ*).

c. Yết-ma Tự tứ.

Yết-ma Tự tứ là nói tổng quát, trong đây gồm 2 thể thức chủ yếu: 1/ Bạch nhị sai người nhận Tự tứ; 2/ Đơn bạch chính thức Tự tứ. Việc trước nhất cần tiến hành là:

(1). Tiền phương tiện.

Sau khi Tăng đã tập hợp đầy đủ trong giới trường, Thượng tọa hỏi:

- *Tăng đã tập hợp chưa?*

Duy na đáp:

- *Tăng đã tập hợp.*

- *Hòa hợp không?*

- *Hòa hợp.*

- *Người chưa thọ giới Cụ túc đã ra chưa?*

- *Đã ra.*

- *Các Tỳ-kheo không đến có gởi dục Tự tứ không?*

Việc Gởi dục, Nhận dục và Thuyết dục đều giống như khi Thuyết giới, chỉ khác là ở đây nói “Gởi dục Tự tứ” thay vì nói: “Gởi dục thanh tịnh”.

Thượng tọa hỏi tiếp:

- *Có ai sai Tỳ-kheo-ni đến thỉnh giáo giới Tự tứ không?*

Nếu có thì Duy na đáp: “Có”, và cho gọi sứ giả Ni vào. Sứ giả vào đánh lễ Đại Tăng, tác bạch cầu xin. Thượng tọa giáo giới khích lệ, rồi cho họ lui ra, đoạn, hỏi tiếp:

- *Tăng nay hòa hợp để làm gì?*

- *Yết-ma Tự tứ.*

(2). Yết-ma sai người nhận Tự tứ.

Căn cứ theo các bộ quảng luật thì đến ngày Tự tứ, mỗi Tỳ-kheo phải thỉnh cầu Tăng chỉ giáo những sai phạm mà mình đã vấp phải trong ba tháng An cư. Nhưng để thuận tiện cho việc tác pháp, các bộ Yết-ma còn qui định việc Tăng làm Yết-ma sai người nhận Tự tứ. Người này phải hội đủ 5 đức tính: 1. Không yêu; 2. Không ghét; 3. Không sợ sệt; 4. Không ngu dốt; 5. Biết ai Tự tứ rồi, ai chưa Tự tứ.

(3). Chính thức Tự tứ.

Theo nguyên tắc, vị Thượng tọa Thiên chủ Tự tứ trước nhất, tiếp đến, các vị thọ sai Tự tứ, rồi lần lượt đến các Tỳ-kheo khác. Người Tự tứ rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ người nhận Tự tứ một lễ, rồi nói:

Đại đức nhất tâm niệm. Hôm nay chúng Tăng Tự tứ. Tôi Tỳ-kheo (...) cũng Tự tứ. Nếu thấy, nghe hoặc nghi tôi có tội, kính xin Đại đức thương tưởng chỉ bảo. Nếu tôi thấy có tội, sẽ như pháp sám hối. (nói 3 lần)

Người nhận Tự tứ nói:

- *Tốt.*

Người Tự tứ đáp:

- *Xin vâng.*

Các Tỳ-kheo tuần tự từ lớn đến nhỏ nói Tự tứ như trên cho đến người cuối cùng.

(4). Tự tứ vẫn tắt.

Nếu khi bắt đầu Tự tứ mà gặp một trong 8 nạn thì Tăng có thể Tự tứ vẫn tắt. Tám nạn đó là: 1. Nạn vua chúa; 2. Nạn giặc cướp; 3. Nạn lửa; 4. Nạn nước; 5. Nạn bệnh; 6. Nạn người; 7. Nạn phi nhân; 8. Nạn độc trùng.

Hoặc gặp trường hợp Tăng chúng đông mà chỗ ngồi chật hẹp, hoặc bị trời mưa nhà dột, hoặc Tăng chúng có sự tranh chấp đều được phép Tự tứ giản lược. Thay vì một người nói Tự tứ 3 lần thì có thể đồng loạt nói Tự tứ 3 lần. Thậm chí, nếu tai nạn xảy ra quá gấp, thì Tăng có thể đồng bạch nói Tự tứ 2 lần hoặc 1 lần. Trong trường hợp này phải được Thượng tọa tuyên bố lý do rồi mới thực hiện.

(5). Đối thủ Tự tứ.

Như đã nói ở trên, nếu Tăng không đủ túc số 5 người để làm Yết-ma Tăng pháp Tự tứ mà chỉ có 4, 3, hoặc 2 người, thì sẽ thực hiện pháp đối thủ Tự tứ. Nghĩa là một người nói 3 lần Tự tứ với những người khác như sau: “Các Đại đức nhất tâm niệm. Hôm nay là ngày chúng Tăng Tự tứ, tôi Tỳ-kheo (...) thanh tịnh”. (3 lần).

(6). Tâm niệm Tự tứ.

Trong trường hợp Tỳ-kheo sống độc cư, không có những Tỳ-kheo khác để cầu xin Tự tứ thì phải y phục chỉnh tề, tâm niệm, miệng nói thành lời 3 lần Tự tứ như sau: “*Hôm nay là ngày chúng Tăng Tự tứ, con Tỳ-kheo (...) thanh tịnh*”. (3 lần)

d. Triển hạn ngày Tự tứ.

Thông thường, các Tỳ-kheo An cư xong ba tháng, tức 90 ngày phải tác pháp Tự tứ. Nhưng nếu vì một trong hai lý do sau đây thì Tăng có thể hòa hợp tuyên bố kéo dài thêm một tháng nữa, và thời gian tối đa là 4 tháng.

(1) Triển hạn Tự tứ để tiến tu.

Nếu đến ngày Tự tứ mà Tăng đang tu học tiến bộ lại nhận được tứ sự cúng dường đầy đủ, thuận lợi, thì Tăng có thể hòa hợp tuyên bố kéo dài thêm thời gian tu tập hầu đạt được những kết quả mỹ mãn. Thời gian tăng thêm này nhiều nhất là một tháng. Khi đáo hạn, Tăng sẽ làm lễ Tự tứ. Đối với những người tiền An cư, nếu thêm một tháng thì thời gian chót sẽ là 15 tháng 8; đối với những người hậu An cư, nếu thêm một tháng, thì thời hạn cuối cùng sẽ là 15 tháng 9.

(2) Triển hạn Tự tứ do Tăng bất hòa.

Trong trường hợp đến ngày Tự tứ mà Tăng đang có sự tranh chấp, hoặc có những Tỳ-kheo khách đến gây ra tình trạng bất hòa khiến Tăng khó thực hiện việc Tự tứ, thì vị Thiền chủ có thể tuyên bố kéo dài thêm một hoặc 2 kỳ Bố-tát. Nếu hết thời gian triển hạn tối đa là một tháng mà Tăng vẫn chưa hòa hợp, hoặc các Tỳ-kheo khách chưa đi, thì phải cưỡng bức các Tỳ-kheo hiểu sự ấy hòa hợp Tự tứ. Nếu không thể cưỡng bức, thì các Tỳ-kheo thanh tịnh phải cùng nhau ra ngoài cương giới, kết tiểu giới để Tự tứ.

e. Vấn đề ngăn Tự tứ.

Trong khi Tự tứ, nếu có người nào muốn ngăn người khác Tự tứ thì phải hội đủ 5 đức: 1. Nói đúng lúc, không nói phi thời; 2. Biết việc đó có thật, không phải hư dối; 3. Nói vì lợi ích, không phải vô ích; 4. Nói nhã nhặn, không thô lỗ; 5. Nói với từ tâm, không phải với ác ý.

Nếu vị này ngăn người khác Tự tứ vì những chứng cứ phạm tội xác thực, chẳng hạn tố cáo người kia phạm tội Ba-la-di, thì Tăng phải diệt tận rồi mới Tự tứ. Hoặc tố cáo người kia phạm tội Tăng tàn, thì Tăng phải làm Yết-ma kết tội Ba-lợi-bà-sa, hoặc Bản nhật tri, hoặc Ma-na-đỏa, hoặc xuất tội cho kẻ phạm tội xong, rồi mới Tự tứ.

Trái lại nếu người ngăn Tự tứ mà thân, khẩu, ý không thanh tịnh, thiếu trí, không biết hỏi đáp, thì Tăng nên nói với thầy: “Trưởng lão hãy thôi đi, không nên gây ra sự đấu tranh”. Thế rồi, Tăng cứ tiến hành Tự tứ mà không cần để ý đến ý kiến của ông ta.

Luật còn quy định: Người đang bệnh cũng không được ngăn người không bệnh Tự tứ. Và người không bệnh cũng không được ngăn người bệnh Tự tứ.

Hơn nữa, nếu tại một trú xứ nào khi Tự tứ không phát hiện được kẻ phạm tội, đến khi Tự tứ xong mới phát hiện, thì không nên khai lại tội của người ấy. Nếu ai sinh sự thì theo luật mà trị. (Tứ Phần Luật, quyển 38, Đ.22, tr.837-841)

VI. TẠP SỰ

1. Y Ca-thi-na

1.1. Nguyên nhân Phật chế Y Ca-thi-na.

Sau 3 tháng An cư, một số Tỳ-kheo từ các nơi về Xá vệ thăm viếng đức Thế Tôn. Trên đường đi, họ gặp phải những cơn mưa dầm, đường sá lầy lội, ba y bị ướt sũng, nên khi đến nơi, tất cả đều ẩm ướt và mệt mỏi. Sau khi trao đổi những lời thăm hỏi, đức Phật biết rõ tình cảnh vất vả của họ, Ngài bèn chế định, từ nay trở đi các Tỳ-kheo được phép

thọ y Ca-thi-na sau ngày Tự tứ. Các bộ luật đều nhất trí điểm này, riêng luật Ngũ phần còn nói rõ trường hợp Trưởng lão A-na-luật, vì tuổi già sức yếu, mang ba y đi đường xa, gặp trời mưa ướt nên càng mệt nhọc, do đó mà Phật cho phép các Tỳ-kheo được thọ y Ca-thi-na. Vì thọ y Ca-thi-na sẽ hưởng được một số quyền lợi đặc biệt.

1.2. Định nghĩa Y Ca-thi-na.

Ca-thi-na hay Ca-hi-na là phiên âm từ chữ Phạn Kathina, dịch nghĩa Công đức y hay Thuởng thiện y, tức chiếc y chứa nhiều công đức, chiếc y tưởng thưởng những việc thiện. Ý nói trải qua ba tháng An cư, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đã nỗ lực tu học, gặt hái được nhiều kết quả tốt đẹp, nên xứng đáng được tưởng thưởng một số quyền lợi nhất định. Về hình thức, luật cho phép dùng y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng hay An-đà-hội để làm y Ca-thi-na đều được cả.

1.3. Lợi ích của Y Ca-thi-na

Trong thời gian thọ trì y Ca-thi-na, các Tỳ-kheo được hưởng năm quyền lợi như sau:

1- Sức trường y: được cất giữ vải, y dư, quá 10 ngày mà không phạm tội.

2- Ly y túc: được rời y ngủ một chỗ khác (*ngày thường Phật chế Tỳ-kheo phải đem theo ba y và bát bên mình như chim có đôi cánh, không được lìa y ngủ một nơi khác*).

3- Biệt chúng thực: được ăn riêng chúng (*bình thường Phật không cho phép các Tỳ-kheo từ bốn người trở lên tách ra khỏi chúng, đi khát thực về ăn riêng*).

4- Triển chuyển thực: được phép thọ trai nhiều lần, tại nhiều chỗ trước giờ Ngọ.

5- Trước hoặc sau bữa ăn tách riêng đi vào xóm mà không cần báo cho các Tỳ-kheo khác biết. (*từ lúc bình minh đến khi ăn là trước bữa ăn, từ khi ăn xong đến bình minh hôm sau là sau bữa ăn. Phật chế định trước giờ ăn các Tỳ-kheo không được đi vào làng mà không báo cho những người khác biết*).

1.4. Thời gian hiệu lực của Y Ca-thi-na.

a. Thời gian tác pháp Yết-ma để thọ trì:

Thời gian này kể từ 16 tháng 7 âm lịch đến 15 tháng 8 âm lịch. Nếu y định làm Ca-thi-na đã có sẵn, chúng Tăng nên tác pháp thọ trì ngay trong ngày 16 tháng 7. Nếu chưa có, Tăng chúng có thể chờ đợi thí chủ cúng dường cho đến hạn chót 15

tháng 8. Trong khoảng thời gian này, ngày nào nhận được y thì tác pháp thọ trì vào ngày ấy.

b. Thời gian hiệu lực của y:

Theo luật Tứ phần hiệu lực của y Ca-thi-na kể từ ngày 16 tháng 7 đến 15 tháng 12 âm lịch, tức thời gian năm tháng. Nhưng theo luật Ngũ phần, hiệu lực ấy chỉ có 4 tháng, tức đến 15 tháng 11 âm lịch là hạn chót.^①

c. Thời gian may y.

Nếu không có y mà có vải định làm y Ca-hi-na thì vải ấy phải may xong và thọ trì trong một ngày. Nếu một người may không kịp thì Tăng sai nhiều người hợp sức cùng may.

Ở đây cũng cần nói thêm, luật định mỗi năm vào tháng Ca-đề tức từ 16/7 âl đến 15/8 âl, các Tỳ-kheo được quyền sắm thêm y mà không phạm luật. Nhưng, nếu có thọ trì y Ca-thi-na thì thời gian pháp định này kéo dài đến năm tháng, tức từ 16/7 đến 15/12 âl. Ngoài thời gian ấy, Tỳ-kheo có đủ 3 y không được sắm thêm y khác, nếu thí chủ có cúng dường y mới thì trong vòng 10 ngày phải đem tịnh

^① - Nếu tiền An cư được thọ y Ca-thi-na từ ngày 16/7 → 15/11 thì xả.

- Nếu hậu An cư thì thọ y Ca-thi-na ngày 16/8 và xả 15/12 (*Luật ngũ phần. Đ.22, tr. 153c*)

thí (đem cho người khác tượng trưng, tức hợp thức hoá quyền sở hữu của mình).

1.5. Người giữ y Ca-thi-na cần có 5 đức tính.

Về giá trị tinh thần của y thì mọi Tỳ-kheo đều được quyền bình đẳng hưởng thụ như nhau, nhưng việc bảo quản chỉ giao cho một Tỳ-kheo có đủ 5 đức tính như sau:

- 1- Không thiên vị (không yêu riêng ai)
- 2- Không giận dữ.
- 3- Không si mê.
- 4- Không sợ hãi.
- 5- Biết thể thức thọ Ca-thi-na.

Năm đức tính này tương tự như năm đức tính của người thọ Tự tứ, chỉ hơi khác ở điểm thứ năm là người thọ Tự tứ thì biết ai Tự tứ rồi, ai chưa Tự tứ.

Sau khi Tăng Yết-ma sai một Tỳ-kheo có năm đức tính kể trên giữ y công đức, vị này có bốn phận đem y cất ở một chỗ cao ráo, rắc hoa lên trên cúng dường và bảo quản cẩn thận cho đến 15/12. Đến ngày cuối, hoặc Tăng tác pháp tuyên bố chấm dứt hiệu lực của y, hoặc không tác pháp tuyên bố thì đương nhiên y cũng hết hiệu

lực. Theo tinh thần chung của các bộ luật thì sau khi y hết hiệu lực, thầy Tỳ-kheo lâu nay có trách nhiệm bảo quản mặc nhiên được sử dụng y ấy. Nhưng, theo luật Thiện Kiến, sau khi y hết hiệu lực, Tăng sẽ đem cho Tỳ-kheo nào mặc y rách. Nếu nhiều Tỳ-kheo mặc y rách thì cho Tỳ-kheo già nhất. Nếu không có người già thì cho người nhiều tuổi hạ chứ không được cho người thiếu phẩm chất.

1.6. Những người không được hưởng quyền lợi của y Ca-thi-na.

a. Năm trường hợp theo luật Thập tụng:

1- Người không có tuổi hạ (*vì khi nhập hạ, vị ấy là Sa-di, đến giữa mùa hạ mới thọ giới Cụ túc, nên chưa đủ tuổi hạ*).

2- Người phá An cư (*An cư không đúng quy định*).

3- Người hậu An cư (*theo truyền thống Bắc truyền thọ An cư từ ngày 17/4 đến 16/5 Âl là hậu an cư. Theo truyền thống Nam tông thọ An cư từ ngày 17/6 đến 16/7 Âl là hậu An cư*).

4- Người bị tấn (*vì phạm giới luật nên Tăng Yết-ma kết tội. Tấn có ba thứ: 1. Diệt tấn: vĩnh viễn cho ra khỏi Tăng đoàn; 2. Khu tấn: mời ra*

khỏi Tăng đoàn một khoảng thời gian nhất định; 3. Mặc tấn: Tăng chúng không giao thiệp với người phạm tội).

5- Người biệt trú (do phạm giới; chư Tăng cho ở riêng tại một chỗ).

b. Mười một trường hợp theo Hành Sự Sao Tư Trì Ký (Đ.40, tr. 252a):

1-Người vắng mặt lúc Yết-ma thọ trì y Ca-thi-na.

2- Người có nạn, tức bị chính quyền hay giặc bắt đi.

3- Người không có đại y, tức không có y Tăng-già-lê.

4- Người thuộc trú xứ khác.

5- Người trung và hậu an cư.

6- Người phá hạ (phá An cư).

7- Người không đồng kiết giới, tức Tỳ-kheo thuộc trú xứ khác cùng sinh hoạt thuyết giới chung mà không cùng chia sẻ quyền lợi, nên không được hưởng các quyền lợi về y vật.

8- Người phạm tội Tăng tàn.

9- Người đang hành biệt trú.

10-Người học hối, tức Tỳ-kheo phạm Ba-la-di (tội nặng) mà thành thật phát lồ, khẩn thiết xin

được tiếp tục tu học thì Tăng không diệt tẩn mà cho thọ trì 35 pháp để sám hối suốt đời.

11-Người bị tẩn.

Tóm lại, Luật Tứ Phần và Thập Tụng không chấp nhận người hậu An cư hưởng quyền lợi của y Ca-thi-na, nhưng luật Ma-ha-tăng-kỳ thì chấp nhận việc này. Luật này nói: Nếu cả chúng đều hậu An cư, thì đến ngày 16 tháng 8 vẫn được thọ y công đức, nhưng thời hạn chót hết hiệu lực cũng vẫn là 15 tháng 12.^①

1.7. Y Ca-thi-na mất hiệu lực trong các trường hợp.

a. Chín trường hợp theo luật Nam tông:

(Gồm chung cả trường hợp y hết hiệu lực và trường hợp người không được hưởng quyền lợi của y):

- 1- Cho người khác.
- 2- Bị trộm cướp lấy mất
- 3- Bị thân lấy đi.
- 4- Bị thoái hóa, phạm giới tội.
- 5- Hoàn tục.
- 6- Viên tịch.
- 7- Biến đổi giới tính.

^① _Luật Ngũ phần cũng chấp nhận người hậu An cư được hưởng công đức của y Ca-thi-na, nhưng chỉ có 4 tháng. (Đ.22, tr.153c)

8- Hòa hợp cùng xả (Yết-ma tuyên bố chấm dứt hiệu lực của y)

9- Bị hư rách.

b. Tám trường hợp theo luật Ngũ phần (Đ:22, tr. 153c):

1- Thời cánh: thời gian hiệu lực của y chấm dứt, tức 15/11 âl.

2- Thất y: y bị mất.

3- Văn thất: khi ra ngoài đại giới mà nghe tin y đã bị mất.

4- Viễn khứ: rời khỏi cương giới di chuyển đến 1 nơi khác.

5- Vọng đoạn: rời khỏi cương giới tìm y, nhưng đến đó không có y.

6- Y xuất giới: vì 1 lý do nào đó mà phải đem y ra ngoài cương giới.

7- Nhân xuất giới: đang ở ngoài cương giới mà hay tin Tăng đã tuyên bố chấm dứt hiệu lực của y.

8- Bạch nhị Yết-ma xả: Tăng tác Yết-ma tuyên bố chấm dứt hiệu lực của y.

1.8. Trường hợp không biết cách thọ y Ca-thi-na.

Nếu tại 1 trú xứ có từ 5 Tỳ-kheo trở lên mà không một ai biết tác pháp thọ y công đức thì các Tỳ-kheo này có thể đi đến một trú xứ khác thỉnh một Tỳ-kheo thông luật về tác pháp Yết-ma để thọ trì. Vị Tỳ-kheo khách này tuy được quyền tác pháp Yết-ma, nhưng không có quyền hưởng lợi ích của y công đức ấy. Quyền lợi này hoàn toàn thuộc về các Tỳ-kheo tại trú xứ đó mà thôi.

Tóm lại, trên đây đã trình bày về nguyên nhân, ý nghĩa, giá trị hiệu lực... và những gì liên quan đến y Ca-thi-na theo cả hai truyền thống Bắc và Nam tông. Nhưng ngày nay Nam tông vẫn còn giữ được truyền thống thọ trì y Ca-thi-na này một cách tốt đẹp, mà Bắc phương thì hầu như rất ít để ý đến, hoặc đã thất truyền từ lâu. (theo Pháp sư Thánh Nghiêm).

Ghi chú: Các chi tiết và thể thức thọ trì y Ca-thi-na xin xem Yết-ma Yếu Chỉ.

2. Phân vật

2.1. Phân loại Tăng vật.

Những vật sở hữu của Tăng chúng nói chung, thông thường chia làm bốn loại:

1/ *Thường trú thường trú*: vật thường trú của Tăng chúng thường trú, tức là bất động sản của Tăng chúng thường trú (hay Tăng chúng tại trú xứ).

2/ *Thập phương thường trú*: vật thường trú của Tăng chúng thập phương (hay bốn phương), tức là bất động sản của Tăng chúng thập phương.

3/ *Hiện tiền hiện tiền*: vật hiện tiền của Tăng chúng hiện tiền, tức là động sản của Tăng chúng hiện tiền.

4/ *Thập phương hiện tiền*: vật hiện tiền của Tăng chúng thập phương, tức là động sản của Tăng chúng thập phương.

Bất động sản là những tài sản cố định, hoặc không thuận tiện di chuyển đi nơi khác. Động sản là những vật nhẹ có thể đem đi nơi khác dễ dàng, tức là những vật thường dùng hằng ngày của chư Tăng.

Trên đây là vật sở hữu của Tăng chúng nói chung, còn vật sở hữu của Tăng chúng thập phương thì đại khái luật chia làm năm loại: 1. Ruộng đất; 2. Phòng ốc; 3. Vật thiết dụng; 4. Cây cối; 5. Hoa quả.

2.2. Nguồn gốc của Tăng vật.

Những tài sản của Tăng chúng sở hữu là do hai nguồn gốc:

1/ Vật do 7 chúng cúng dường.

Bảy chúng tức là chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Tùy theo nguyện vọng của người cúng dường mà xử lý như sau:

(1) Nếu họ cúng dường cho Tam bảo động sản hay bất động sản thì tài sản ấy chia làm ba phần, Tăng được một phần.

(2). Nếu họ cúng dường cho hai bộ Tăng (Tăng bộ và Ni bộ), thì tài sản ấy chia là hai phần, không kể nhân số (ví dụ Tăng chúng có 50 người, Ni chúng chỉ có 1 Sa-di-ni thì cũng chia làm 2 phần bằng nhau, Ni chúng nhận một phần. Hoặc trái lại cũng thế).

(3). Nếu họ cúng dường cho Tăng chúng thập phương, thì tài sản ấy thuộc Tăng chúng thập phương.

(4). Nếu họ cúng dường cho Tăng chúng hiện tiền, thì tài sản ấy thuộc Tăng chúng hiện tiền.

(5). Nếu họ cúng dường cho từng cá nhân, thì tài sản ấy thuộc về cá nhân.

Các vật được cúng dường cho Tăng, Tăng phải đem chia đều cho các Tỳ-kheo. Người đang bị Tăng tác Yết-ma trị phạt vẫn được hưởng một phần. Phần này nên để dưới đất, họ tự đến lấy hoặc sai

tịnh nhân đem cho. Nếu Tăng hòa hợp thì có thể chia đều cho cả Sa-di và tịnh nhân; hoặc cho Sa-di $\frac{1}{2}$, tịnh nhân $\frac{1}{3}$ hay $\frac{1}{4}$. Trái lại, nếu Tăng không đồng ý thì không được cho. (Quan điểm của các bộ Luật không nhất trí trong vấn đề này; do đó, có thể tùy nghi xử lý).

2/ Vật do năm chúng xuất gia qua đời để lại.

Cách xử lý như sau:

(1) Nếu người qua đời là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thì tài sản để lại do Tăng chúng xử lý.

(2) Nếu người qua đời là Sa-di, Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na thì tài sản để lại do bốn sư xử lý. Trường hợp không có bốn sư thì Tăng chúng xử lý.

(3). Nếu người qua đời là người mà Tăng đã Yết-ma diệt tẩn (cho ra khỏi Tăng đoàn), thì tài sản để lại thuộc về thân quyến, không thuộc của Tăng.

*** THỂ THỨC PHÂN CHIA.**

Những tài sản của người quá cố để lại trước khi Tăng đem phân chia nên trích một ít cho những người được ưu tiên sau đây:

(1)- Người nuôi bệnh: (Nếu người nuôi bệnh có 5 đức tính sau đây: 1. Cho bệnh nhân ăn uống đúng

lúc; 2. Chùi rửa, dọn dẹp những vật bất tịnh của người bệnh một cách vui vẻ; 3. Nuôi bệnh vì tình thương, không có ý vụ lợi; 4. Biết phương pháp chăm sóc để bệnh nhân chóng khỏi; 5. Có thể thuyết pháp làm cho bệnh nhân sinh tâm hoan hỷ).

(2)- Bốn sư (Thầy của người quá cố).

(3)- Người đầu tiên phát giác người chết. *(trong trường hợp người chết đột ngột, hoặc ở nơi không người, nếu hai người cùng thấy một lúc thì mặt người chết quay về phía người nào, người ấy sẽ được ưu tiên).*

(4)- Người thiếu những vật dụng tương tự như vật dụng mà người chết để lại.

Sau khi tưởng thưởng cho những người được quyền ưu tiên, các vật còn lại sẽ đem chia đều cho chúng Tăng. Nếu khách Tăng từ nơi khác đến gặp lúc đang Yết-ma phân vật vẫn được hưởng một phần, nhưng đến sau lúc Yết-ma thì không có.

Ngoài ra, còn nhiều quan điểm khác cũng cần lưu ý:

(1). Người chết tại trú xứ A mà tài sản để trú xứ B, ký thác cho một Tỳ-kheo ở trú xứ C, thì tài sản ấy thuộc quyền sở hữu của Tăng trú xứ C.

(2). Nếu người chết di chúc rằng thầy đã cho ai mượn vật gì đó, thì Tăng phải đòi về, hoặc là thầy đã mắc nợ ai, thì phải bán những di vật của thầy để trả nợ. Nếu lúc sinh tiền thầy đã hứa cho ai vật gì thì nên đem vật ấy cho họ. Nhưng nếu thầy di chúc rằng: “Sau khi tôi chết, đem vật này cho người này, vật nợ cho người kia...”, thì lời di chúc ấy xem như không có giá trị, Tăng được trọn quyền xử lý các tài sản ấy.

Một số chi tiết trong các vấn đề trên đây có lẽ ngày nay không còn thích hợp nữa, do đó, khi thực hiện cần uyển chuyển áp dụng cho phù hợp với thực tế và những phong tục của từng địa phương.

Ghi chú: Các chi tiết và thể thức thực hiện sự phân vật, xin xem Yết-ma Yếu Chỉ.



Chương 3

THỂ THỨC SÁM HỐI VÀ TRỪNG PHẠT

I. PHẠM TỘI VÀ SÁM HỐI

1. Khái quát về ngũ thiên thất tụ

Trong 250 giới điều của Tỳ-kheo bao gồm có 8 cột, 5 thiên, 7 tụ và 6 loại quả báo, liệt kê như đồ biểu dưới đây:

8 cột	5 thiên	7 tụ	6 quả
4. Ba-la-di	Ba-la-di	Ba-la-di	Diễm nhiệt địa ngục
13. Tăng tàn	Tăng tàn	Tăng tàn	Đại khiêu địa ngục
2. Bất định	Ba-dật đề	Ba-dật đề	Khiêu hoán địa ngục
30. Xả dọ			Chúng hợp địa ngục
90. Đơn dọ			
4. Hối quá	Đề-xá-ni	Đề-xá-ni	Hắc thành địa ngục
100. Chúng học	Đột-cát-la	Ác tác	Đẳng hoạt địa ngục
7. Diệt tránh		Ác thuyết	

Trên đây toàn là những danh từ chuyên môn vừa được dịch âm, vừa được dịch nghĩa, nên cần phải giải thích như sau:

(1). **Ba-la-di**, tiếng Phạn là Pàràjika, còn được dịch âm là Ba-la-thị-ca, nghĩa là tội khí (bỏ ra ngoài Phật pháp), tội đoạn đầu (như người bị chặt đầu, không thể dùng thuốc cứu chữa được nữa).

(2). **Tăng-già-bà-thi-sa**, tiếng Phạn là Samgha-vasesa (Sangha-disesa) dịch là Tăng tàn, nghĩa là kẻ bị trọng thương đối với Tịnh pháp của Tăng già nhưng vẫn còn có thể dùng phương pháp sám hối để cứu chữa được.

(3). **Bất định** (Aniyata), loại này không phải phạm một tội danh nào nhất định, có thể phạm Ba-la-di, Tăng tàn hoặc Ba-dật-đề, nên gọi là Bất định.

(4). **Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề**, tiếng Phạn là Nissaggiya Pàyattika (Nissaggiya Pàycittiya) đây là một tiếng Phạn hỗn hợp. Ni-tát-kỳ nghĩa là xả bỏ tất cả; Ba-dật-đề nghĩa là đọa. Hợp cả 2 gọi là Xả đọa. Tội này là do cất giữ những vật dụng mà mình không được phép cất giữ. Trước hết phải đem những vật ấy ra giữa Tăng thí xả, sau đó mới sám hối tội Ba-dật-đề.

(5). **Ba-dật-đề**, tiếng Phạn là Pàyattika (P: Pàcittiya) còn được dịch là Ba-dật-đề-ca, Ba-dạ-đề, nghĩa là tội phải đọa địa ngục. Vì phạm tội

này không có vật để xả bỏ, nên thông thường gọi là Đơn đoạ.

(6). Ba-la-đề-đề-xá-ni, tiếng Phạn là Pràti-desaniya (P. Patidesaniya), còn được dịch là Ba-la-xá-ni hay gọi tắt là Đề-xá-ni, ý nghĩa của nó là hướng về một người khác sám hối, nên gọi là Hướng bỉ hối.

(7). Thi-sa-ca-la-ni, tiếng Phạn là Siksà-kàrani (Sekkhiyavatta), còn được dịch là Thức-xoa-ca-la-ni có nghĩa là môn học, nên thông thường gọi là Ưng đương học hay Chúng học pháp.

(8). Diệt tránh (P. Adhikarana Samattha). Trong Tăng đoàn, khi có sự tranh chấp về một vấn đề gì đến nỗi phát sinh những ý kiến bất đồng, chia làm 2 phe đối lập nhau, thì phải dùng đến pháp Diệt tránh để giải quyết. Nghĩa là dùng pháp Yết-ma, lấy ý kiến của đa số làm ý kiến chung quyết.

(9). Thâu-lan-giá, tiếng Phạn Sthùlàtyaya (Thullaccaya) dịch là Đại chương thiện đạo, đại tội, thô ác, thô quá v.v..., hoặc gọi là phạm tội nặng, ô trước. Chủ yếu là do phạm tội Ba-la-di hoặc Tăng tàn mà chưa hoàn toàn đầy đủ. Nó gồm 2 loại: Nếu từ một tội khác mà phát sinh thì gọi là Tùng sinh Thâu-lan-giá, nếu nó phát sinh một cách độc lập thì gọi là Độc đầu Thâu-lan-giá.

(10). **Đột-cát-la**, tiếng Phạn là Duskṛta (Dukkata), còn được dịch là Đột-sắt-cơ-lý-đa, Đột-tất-các-lật-đa, độc-kha-đa v.v... Ở đây gồm có 2 loại tội danh là ác tác, thuộc thân nghiệp và ác thuyết, thuộc khẩu nghiệp. Tội này là do những sơ xuất, những lỗi nhỏ thuộc cử chỉ, ngôn ngữ, phạm vi của nó rất rộng, nên trong giới bản gọi là Chúng học giới.

Đối với 4 tội Ba-la-di, sự sám hối không giải quyết được gì, vì các tội này thuộc về tánh tội. Sám hối chỉ trừ được già tội, còn tánh tội thì phải chịu quả báo.

Trong các giới của Tỳ-kheo, có nhiều giới tánh tội và già tội giống nhau, cũng có một số giới chỉ có già tội. Có tánh tội tức có già tội, nhưng có già tội chưa chắc đã có tánh tội. Có một số giới gồm cả 2 tội, có một số giới chỉ có một tội, đại khái phạm giới dâm, trộm, sát, vọng, hủy báng v.v... thì phạm một lần cả 2 tội: tánh và già, còn phạm các giới về oai nghi thì chỉ thuộc già tội mà thôi.

• So sánh 5 thiên với ngũ hình (luật pháp của Trung Quốc đời nhà Tùy)

- Thiên Ba-la-di = tội Tử (tử hình).
- Thiên Tăng tàn = tội Lưu (đày đi xa).
- Thiên Ba-dật-đề = tội Đồ (khổ sai).

Chương III: Thể thức sám hối và trừng phạt

- Thiên Đề-xá-ni = tội Trượng (đánh bằng gậy).
- Thiên Pháp chúng học = tội Si (đánh bằng roi).

*** Thời gian thọ quả báo tại các cõi địa ngục:**

Diêm nhiệt địa ngục 16.000 năm = 92160 ức năm
(cõi trời Tha hóa) (cõi nhân gian)

Đại hào khiêu địa ngục 8.000... Hóa lạc = 23.040 ức năm

Hào khiêu địa ngục 4.000... Đâu suất = 5.760 ức năm

Chúng hợp địa ngục 2.000... Diệm ma = 1.440 ức năm

Hắc thành địa ngục 1.000... Dao lợi = 360 ức năm

Đẳng hoạt địa ngục 500... Tứ thiên vương = 90 ức năm

• Số người thọ sám thuộc các tội phạm

Tên tội	Pháp sám	Số người
1. Ba-la-di	Dữ học Ba-la-di	20 người
2. Tăng tàn	Sám Tăng tàn	20 người
3. Thâu-lan-giá	Thâu-lan-giá	4 người
4. Ba-dật-đề	Ba-dật-đề	3 người
5. Hối quá pháp	Hối quá pháp	1 người
6. Đột-cát-la	Đột-cát-la	tự trách tâm

2. Sám hối tội Ba-la-di

Người phạm tội Ba-la-di có 3 trường hợp xử trí:

2.1. Trường hợp phạm tội mà che giấu.

Nếu Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di mà che giấu, không phát lồ, thì Tăng phải tác pháp ức niệm. Khi Tỳ-kheo đã tự xác nhận tội trạng, Tăng sẽ bạch tứ Yết-ma diệt tận.

• ***Tác tiền phương tiện.***

Thầy Yết-ma hỏi và Duy na đáp:

- *Tăng đã tập hợp chưa?*
- *Tăng đã tập hợp.*
- *Hòa hợp không?*
- *Hòa hợp*
- *Người chưa thọ Cụ túc đã ra chưa?*
- *Trong đây không có người chưa thọ giới Cụ túc.*
- *Những Tỳ-kheo không đến có gởi dục Yết-ma không?*
- *Không có người vắng mặt.*
- *Tăng nay hòa hợp để làm gì?*
- *Để làm Yết-ma đuổi người phạm tội Ba-la-di.*

Thầy Yết-ma gọi người phạm tội vào làm lễ Tăng, rồi bảo: “*Tội của thầy đã phạm không thể sám hối. Vì ai phạm tội ấy, ví như người đã bị chặt*

đầu không thể sống lại được. Nếu thầy dốc lòng muốn sửa đổi thì nên tìm nơi núi rừng thanh vắng, ngày đêm tinh cần trì tụng lễ sám hối, thì thành sám hối, thì không tái phạm. Nếu cảm được chư Phật và Bồ-tát gia hộ, phóng hào quang, hiện tướng tốt cho thấy, thì đời này tuy không được trở lại làm Tỳ-kheo thanh tịnh, nhưng có thể chuyển được khổ báo nặng nơi cõi địa ngục, thành quả báo nhẹ trong hiện tại".

• Pháp bạch tứ Yết-ma đuổi hẳn.

Thầy Yết-ma bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo () này phạm tội Ba-la-di. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay bằng lòng cho Tỳ-kheo () phạm tội Ba-la-di pháp Yết-ma đuổi hẳn, không được ở chung, không được làm việc chung. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo () này phạm tội Ba-la-di, Tăng nay cho Tỳ-kheo () phạm tội Ba-la-di pháp Yết-ma đuổi hẳn, không được ở chung, không được làm việc chung, các Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo () phạm tội Ba-la-di pháp Yết-ma đuổi hẳn, không được ở chung, không được làm việc chung thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói (nói 3 lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo () phạm tội Ba-la-di pháp Yết-ma dưới hủn, không ở chung, không làm việc chung, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

2.2. Trường hợp phạm tội mà phát lồ.

Luật dạy: Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di mà hoàn toàn không có ý che giấu, sám hối như pháp, thì Tăng nên làm pháp Yết-ma cho người ấy giới Ba-la-di, bảo họ đến trước Tăng đánh lễ, quỳ gối chấp tay, cầu xin như sau:

- Bạch Đại đức Tăng! Con Tỳ-kheo () phạm tội Ba-la-di, hoàn toàn không có tâm che dấu. Nay theo Tăng xin giới Ba-la-di. Nguyện mong Tăng cho con Tỳ-kheo () giới Ba-la-di. Xin từ miễn cho. (3 lần)

• ***Tác tiên phương tiện*** (như thông lệ chỉ thay đổi những chỗ cần thiết).

• *Bạch tứ Yết-ma:*

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo () này phạm tội Ba-la-di, không có tâm che giấu, nay theo Tăng xin giới Ba-la-di. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho Tỳ-kheo () giới Ba-la-di. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo () này phạm tội Ba-la-di, không có tâm che giấu, nay theo

Tăng xin giới Ba-la-di. Các Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo () giới Ba-la-di, thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói (3 lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo () giới Ba-la-di, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Sau khi Yết-ma xong, thầy Yết-ma trao cho người thọ học 35 pháp sau đây, bắt phải giữ gìn suốt đời:

- 5 pháp liên quan đến tư cách làm thầy.

1. Không được truyền giới Cụ túc cho người.
2. Không được cho người y chỉ.
3. Không được nuôi Sa-di.
4. Không được giáo giới Tỳ-kheo-ni.
5. Dù được Tăng sai cũng không nên đến giáo giới ⁽¹⁾.

- 5 pháp liên quan đến Tăng.

1. Không được thuyết giới cho Tăng nghe (thuyết giới mỗi nửa tháng)
2. Không được vấn đáp Tỳ-ni trong chúng Tăng.

⁽¹⁾ – Nghĩa là trước đây đã được Tăng sai đi giáo giới, nhưng nay không được đi nữa.

3. Không được nhận làm Tri sự do Tăng sai.
4. Không được nhận làm người xử đoán việc ở nơi khác do Tăng sai.
5. Không được nhận làm người đại diện cho Tăng.

- 5 pháp tự thúc liễm chính mình.

1. Không được sáng sớm vào trong làng, chiều tối mới về.
2. Phải gần gũi các Tỳ-kheo.
3. Không được gần gũi ngoại đạo và cư sĩ.
4. Phải thuận theo pháp của Tỳ-kheo.
5. Không được nói chuyện thế tục.

- 5 pháp liên quan đến luật nghi.

1. Không được dạy Luật cho chúng, nhưng nếu không có ai dạy được thì cho phép dạy. (dạy Luật cho người khác)
2. Không được tái phạm tội này.
3. Không được phạm tội tương tự hay tội từng sinh, hoặc nặng hơn tội này ⁽²⁾.

⁽²⁾ – Tương tự: 3 tội Ba-la-di khác.

Tùng sinh: Tức loại tội Thâu-lan-giá của Ba-la-di.

Nặng hơn: Tức tội nghịch hay phá phạm hạnh người khác.

4. Không được chỉ trích việc Tăng làm pháp Yết-ma.

5. Không được chỉ trích người làm Yết-ma.

- 5 pháp liên quan đến sự phục vụ.

1. Không được để Tỳ-kheo thanh tịnh trải tòa cho mình ngồi.

2. Không được để Tỳ-kheo thanh tịnh múc nước cho mình rửa chân.

3. Không được để Tỳ-kheo thanh tịnh rót nước cho mình uống.

4. Không được để Tỳ-kheo thanh tịnh lau giày cho mình.

5. Không được để Tỳ-kheo thanh tịnh xoa bóp thân thể của mình.

- 5 pháp thuộc về lễ độ.

1. Không được nhận sự lễ bái của Tỳ-kheo thanh tịnh.

2. Không được nhận sự đưa rước của Tỳ-kheo thanh tịnh.

3. Không được nhận sự chào hỏi của Tỳ-kheo thanh tịnh.

4. Không được để Tỳ-kheo thanh tịnh cầm giữ y của mình.

5. Không được đề Tỳ-kheo thanh tịnh cầm giữ bát của mình.

- 5 pháp thuộc về kiểm chế.

1. Không được cử tội Tỳ-kheo thanh tịnh hoặc ức niệm, hoặc tự ngôn trị.

2. Không được làm nhân chứng việc của người khác.

3. Không được ngăn Tỳ-kheo thanh tịnh tụng giới.

4. Không được ngăn Tỳ-kheo thanh tịnh Tự tứ.

5. Không được tranh chấp với Tỳ-kheo thanh tịnh.⁽¹⁾

Ngoài ra, đối với sinh hoạt của Tăng chúng có những điều kiện liên quan đến người này như sau:

- Khi chúng Tăng Bố-tát tụng giới, người này đến dự hay không đến, Tăng chúng không phạm tội biệt chúng.

- Người này được phép tham dự 2 pháp Yết-ma Bố-tát và Tự tứ, nhưng không được tính vào túc số của Tăng.

⁽¹⁾ – Luật *Trùng Trị* và *Huyền Ty*.

- Khi Tăng Yết-ma Bố-tát cần túc số tối thiểu 4 Tỳ-kheo thanh tịnh, mà chỉ có 3 vị và vị học pháp này thì không được làm Tăng pháp Yết-ma mà chỉ đối thủ Bố-tát mà thôi. Ngoài ra, tất cả các pháp Yết-ma khác của Tăng, người này đều không được phép tham dự.

- Người được trao giới Ba-la-di này phải ngồi sau tất cả các Tỳ-kheo và trước tất cả Sa-di. Người này không được ngủ cùng phòng với Tỳ-kheo hay Sa-di quá 3 đêm.

- Nếu Tăng chúng nghi ngờ một Tỳ-kheo phạm giới Ba-la-di mà chưa có thể xác định được, thì hãy bảo họ tịnh tọa trong phòng, hướng dẫn họ thiền quán. Nếu giới thể của họ không bị ô nhiễm, thì họ sẽ vào được Định. Ngược lại, nếu giới thể đã bị phá vỡ thì họ không thể có được định tâm. Nhờ đó mà Tăng chúng có thể quyết đoán được sự phạm tội.

2.3. Trường hợp tái phạm.

Nếu vị này tái phạm tội Ba-la-di thì Tăng phải tác Yết-ma đuổi hẳn. Thể thức thực hiện như sau:

- ***Tác tiền phương tiện như thông lệ*** (chỉ thay đổi những chỗ cần thiết).

- ***Bạch tứ Yết-ma:***

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo () này phạm tội Ba-la-di, không có ý che giấu, đã theo Tăng xin giới Ba-la-di. Tăng đã cho Tỳ-kheo () giới Ba-la-di. Trong thời gian học pháp Học hối, Tỳ-kheo () này đã tái phạm tội Ba-la-di. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho Tỳ-kheo () tái phạm tội Ba-la-di này pháp Yết-ma đuổi hẳn, không được ở chung, không được làm việc chung. Đây là lời tác bạch.

Bạch Đại đức Tăng! Tỳ-kheo () này phạm tội Ba-la-di, không có ý che giấu, đã theo Tăng xin giới Ba-la-di. Tăng đã cho Tỳ-kheo () giới Ba-la-di. Trong thời gian thọ pháp Học hối, Tỳ-kheo () này tái phạm tội Ba-la-di. Tăng nay cho Tỳ-kheo tái phạm tội Ba-la-di này pháp Yết-ma đuổi hẳn, không được ở chung, không được làm việc chung. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo () tái phạm Ba-la-di, pháp Yết-ma đuổi hẳn thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. (3 lần)

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo () tái phạm tội Ba-la-di pháp Yết-ma đuổi hẳn, không được ở chung, không được làm việc chung, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Yết-ma xong, lấy lại y bát, rồi bảo họ rời khỏi trú xứ.

Ghi chú:

- Vị Tỳ-kheo phạm Ba-la-di về giới dâm là Nan-đề, được đức Phật ban cho pháp Học hối. Một hôm, Tỳ-kheo Nan-đề đang ngồi thiền dưới gốc cây, bỗng nhiên ma Ba-tuần hóa làm 1 cô gái đẹp, đến quyến rũ, phá hoại sự tu thiền của Tôn giả. Tôn giả trông thấy nó bèn khởi tâm say đắm, đứng dậy đến gần nó. Nó liền lùi xa. Tôn giả theo nó đến chỗ xác một con ngựa chết, cô gái ấy liền biến mất. Vì lửa dục vọng đang bốc mạnh, Tôn giả không thể kiềm chế được, liền hành dâm với tử thi con ngựa. Sau khi thỏa mãn dục vọng, Tôn giả cảm thấy rất ân hận, liền đi đến Thế Tôn, phát lồ tội lỗi vừa rồi, và xin Thế Tôn ban cho Tôn giả được phép học lại những pháp học của Tỳ-kheo (YMCN, trang 37).

- Trường hợp Tỳ-kheo nếu khởi tâm tham lấy trộm vật trị giá 5 tiền, nhưng khi lấy xong, liền hối hận, đem vật ấy trả lại chỗ cũ, rồi thành khẩn phát lồ, xin được học pháp Ba-la-di, thì Tăng có thể ban pháp Ba-la-di cho thầy.

- Về giới Đại vọng ngữ. Nếu nhân cơ hội có người khen mình tu hành đặc đạo, liền khởi tâm cao hứng nói vọng ngữ rằng đã chứng được pháp Thượng nhân. Nhưng liền sau đó hối hận, phát lồ, xin pháp học hối thì có thể ban cho pháp học hối.

- Về giới đoạn nhân mạng. Theo tinh thần chung của Luật tạng thì đã sát hại mạng người, dù

không có tâm che giấu, cũng không thể khai cho thọ pháp học hồi.

3. Sám hối tội Tăng tàn

3.1. Định nghĩa khái quát ⁽¹⁾

Nguyên chữ Sanskrit là Sanghavasena và chữ Pàli là Sanghadisesa được phiên âm là Tăng-già-bà-thi-sa, và được định nghĩa là Tăng tàn hay còn gọi là Tăng sơ tàn, Chúng dư, Chúng quyết đoán. Loại tội này được xem là tội nặng, chỉ kém tội Ba-la-di mà thôi. Người phạm tội này nếu phát lồ với một Tỳ-kheo thanh tịnh ngay sau khi phạm, thì Tăng sẽ cho thi hành pháp Ma-na-đỏa, rồi sau đó cho xuất tội. Trái lại, nếu phạm mà che giấu thì Tăng sẽ cho pháp Yết-ma phú tàng, tức là hành pháp biệt trú. Biệt trú tức là ở phòng riêng nhưng cùng sinh hoạt chung với Tăng chúng, và phải chấp hành mọi việc khó nhọc mà Tăng chúng phân công.

3.2. Hành phú tàng hay hành biệt trú.

Người phạm tội Tăng tàn mà cố ý che giấu (phú tàng) không chịu phát lồ ngay khi phạm tội, trải qua một thời gian mới phát lồ, hoặc được Tăng chúng phát hiện, thì Tăng sẽ cho pháp Yết-ma phú tàng. Pháp Yết-ma này được thực hiện với Tăng số là 4 Tỳ-kheo thanh tịnh.

Trong thời gian hành pháp biệt trú này phải chấp hành 35 pháp hạn chế như đã được trình bày trong giới học hối thuộc thiên tội Ba-la-di. Đồng thời phải thực hiện 8 yếu tố khác, như sau:

1. Khi đến chùa khác phải bạch với Tăng chúng tại đó biết là mình đang hành phú tàng.

2. Khi có Tỳ-kheo khách đến chùa thì phải bạch cho họ biết.

3. Khi đi ra ngoài trú xứ, gặp các Tỳ-kheo phải bạch cho họ biết.

4. Lúc ở tại chùa, gặp Tỳ-kheo đi kinh hành, phải bạch.

5. Lúc đau ốm phải nhờ người tin cậy bạch cho Tăng biết.

6. Không được ngủ chung phòng với 2, 3 Tỳ-kheo khác.

7. Không được ở tại trú xứ không có Tỳ-kheo.

8. Mỗi nửa tháng tụng giới phải bạch với Tăng.

Nếu không thực hiện một trong 8 điều trên đây thì ngày hành biệt trú ấy bị hủy bỏ, phạm thêm tội Đột-cát-la, nên pháp này gọi là thất dạ (mất đêm); nghĩa là trọn ngày đêm 24 giờ hành biệt trú ấy không được tính.

Người đang hành biệt trú, nếu hay tin có Tỳ-kheo khách không đáng tin cậy sắp đến trú xứ mình, vì sợ hổ thẹn khi phải trình báo, thì có thể báo cho một Tỳ-kheo biết rằng mình tạm đình chỉ thi hành pháp biệt trú. Sau đó, khi thời gian thích hợp, sẽ đến một Tỳ-kheo thanh tịnh, xin tiếp tục hành biệt trú trở lại. Trong trường hợp có duyên sự phải đi xa, nên xin nghỉ pháp biệt trú mà đi, đến lúc trở về sẽ xin tiếp tục trở lại.

Trong thời gian hành phú tàng có 2 trường hợp xảy ra: 1. Tái phát lồ; 2. Tái phạm.

1/ Tái phát lồ:

Trong khi đang hành phú tàng mà tái phát lồ hoặc một tội, hoặc nhiều tội với những số ngày khác nhau, thì Tăng sẽ căn cứ tội nào nhiều ngày nhất lấy đó làm tiêu biểu chung cho các tội, cộng với số ngày còn lại của tội trước, cho pháp Yết-ma biệt trú. Ví dụ phát lồ một lúc 3 tội: tội a che giấu 10 ngày, tội b che giấu 20 ngày và tội c che giấu 30 ngày, thì sẽ lấy số 30 ngày làm tiêu biểu. Đồng thời số ngày của tội trước còn lại 5 ngày, thì bấy giờ cho hành biệt trú với số ngày: $30 + 5 = 35$ ngày.

2/ Tái phạm

Nếu người đang hành biệt trú mà tái phạm thì có 2 trường hợp xảy ra: a. Phát lồ ngay sau khi phạm; b. Che giấu.

a. Phát lồ ngay sau khi phạm (nghĩa là không để qua cách đêm): Tăng sẽ cho tiếp tục hành số ngày biệt trú còn dang dở cho đến hết, rồi mới cho pháp Yết-ma Ma-na-đỏa.

b. Che giấu: nếu trong khi đang hành biệt trú mà tái phạm tội cũ rồi che giấu, sau đó hoặc tự phát lồ hoặc bị Tăng chứng phát hiện, thì số ngày đã hành biệt trú của tội trước coi như bị hủy bỏ. Do đó, phải hành lại toàn bộ số ngày của tội trước cộng với số ngày che giấu sau khi tái phạm. Trường hợp này gọi là **hoại phú tàng bản nhật trị**.

Người phạm tội trong khi thi hành pháp phú tàng mà không tái phát lồ, không tái phạm, chấp hành nghiêm chỉnh 35 pháp hạn chế và 8 pháp hỗ trợ, thì lúc thi hành xong sẽ đến xin Tăng ban cho mình pháp Yết-ma Ma-na-đỏa.

3.3. Hành Ma-na-đỏa.

Ma-na-đỏa là từ dịch âm của tiếng Phạn Mānāpya và tiếng Pāli Mānatta, được dịch nghĩa là duyệt chúng ý, tức làm cho tâm ý chúng Tăng vui thích, hay ý hỷ, nghĩa là làm cho tâm ý hoan hỷ. Pháp này phải thi hành trong thời gian 6 hôm

mà danh từ Luật gọi là lục dạ Ma-na-đỏa. Trong thời gian thi hành pháp Ma-na-đỏa này vẫn tiếp tục chấp hành 35 pháp hạn chế, còn 8 pháp hỗ trợ thì chỉ giải tỏa điều thứ 6, là được ngủ cùng phòng với 2, 3 Tỳ-kheo khác.

Túc số Tăng để thực hiện pháp Yết-ma Ma-na-đỏa này là 4 Tỳ-kheo thanh tịnh. Trong khi hành pháp Ma-na-đỏa có thể phát sinh hai trường hợp: 1. Tái phát lộ; 2. Tái phạm.

1/ Tái phát lộ: Nếu trong lúc hành Ma-na-đỏa mà tái phát lộ một tội phạm trước đã che giấu bao nhiêu ngày, thì Tăng bắt đình chỉ pháp Ma-na-đỏa, rồi cho pháp Yết-ma phú tàng bắt hành biệt trú số ngày đã che giấu. Sau khi thi hành xong, Tăng sẽ cho pháp Ma-na-đỏa trở lại. Khoảng này có hai thuyết: một thuyết cho rằng phải hành 6 đêm Ma-na-đỏa của tội phát lộ sau, cộng với số đêm còn lại của tội trước. Thuyết thứ hai cho rằng gộp chung hai khoản tội trước sau chỉ hành 6 đêm Ma-na-đỏa là đủ. Thuyết này thường được chấp nhận hơn.

2/ Tái phạm: Nếu đang hành Ma-na-đỏa mà tái phạm thì có thể dẫn đến một trong 2 trường hợp: a. Phát lộ ngay sau khi phạm; b. Che giấu.

a. **Phát lồ ngay khi phạm:** trường hợp này Tăng sẽ cho hành 6 đêm Ma-na-đỏa của tội tái phạm, cộng với số đêm còn lại của tội trước.

b. **Che giấu:** nếu người đang hành Ma-na-đỏa mà tái phạm tội cũ rồi che giấu, sau đó hoặc tự phát lồ, hoặc bị phát hiện, thì Tăng bắt đình chỉ Ma-na-đỏa, cho pháp Yết-ma phú tàng, phạt biệt trú số ngày đã che giấu. Sau khi hành xong biệt trú, Tăng sẽ bắt hành 6 đêm Ma-na-đỏa của tội tái phạm, cộng với toàn bộ 6 đêm Ma-na-đỏa của tội trước, thành 12 đêm. Đây gọi là **Hoại Ma-na-đỏa bản nhật trị**. Nghĩa là khi đang hành Ma-na-đỏa mà tái phạm nên số ngày đã làm ấy bị hủy bỏ, phải làm lại toàn bộ số ngày cũ.

3.4. Xuất tội hay giải tội

Người phạm tội Tăng tàn sau khi hoàn tất các công đoạn biệt trú (nếu có phú tàng) và Ma-na-đỏa, sẽ đến giữa Tăng xin pháp Yết-ma xuất tội. Để thực hiện pháp Yết-ma này túc số Tăng phải đủ 20 Tỳ-kheo thanh tịnh, 20 người là con số tối thiểu, nhiều hơn thì không sao (*các pháp bạch Yết-ma xin xem Yết-ma Chỉ nam*).

Sau khi được Tăng làm Yết-ma xuất tội thì đồng thời cũng giải tỏa luôn 35 pháp hạn chế và 8

pháp hỗ trợ. Thầy Tỳ-kheo này đương nhiên phục hồi phẩm chất Tỳ-kheo, được xem là một Tỳ-kheo thanh tịnh.

Trong trường hợp người phạm tội hành xong Ma-na-đỏa, Tăng chưa làm pháp Yết-ma xuất tội mà qua đời, thì Phật dạy rằng người ấy cũng được xem là thanh tịnh. (*Tăng già tác trì yếu tập, Hoằng Xuyên, tr. 271*)

3.5. So sánh cách xử trị giữa Tăng và Ni

Số giới Tăng tàn của Tỳ-kheo-ni là 17 và số giới Tăng tàn của Tỳ-kheo là 13 giới. Trong 9 giới đầu hề làm là phạm, còn 4 giới sau phải đến lần can gián thứ ba mà không bỏ mới gọi là phạm. Tuy gọi là ba lần can gián, nhưng cụ thể đến 9 lần: ba lần can gián ở chỗ vắng, ba lần can gián ở chỗ nhiều người và ba lần can gián ở giữa chúng Tăng. Nếu sau ba lần khuyên can giữa chúng Tăng mà không từ bỏ, mới thực sự phạm tội Tăng tàn.

Bảng so sánh thể thức xử trị giữa Tăng và Ni:

TĂNG	NI
1 Tăng có pháp Biệt trú	1' Ni không có pháp này, dù có che giấu hay không.
2 Số ngày hành Ma-na-đỏa = 6 ngày	2' Số ngày Ma-na-đỏa = 15 ngày, và phải hành giữa 2 bộ

- | | | |
|---|------------------------------|-------------------------------|
| | | Tăng và Ni. |
| 3 | Túc số làm Yết-ma Ma-na-đỏa | 3' Túc số là 8 người |
| | = 4 người | = 4 Tỷ-kheo và 4 Tỷ-kheo-ni. |
| 4 | Túc số làm Yết-ma xuất tội = | 4' Túc số là 40 người |
| | 20 người | = 20 Tỷ-kheo và 20 Tỷ-kheo ni |

★ **Ghi chú:**

1. Tội tàng sinh:

(1) - Người phạm tội Tàng tàn mà không phát lồ ngay để trải qua một đêm thì phạm thêm một tội Đột-cát-la **Kinh dạ phú tàng**, nghĩa là che giấu qua một đêm. Đến đêm kế tiếp cũng không phát lồ, sẽ phạm thêm tội Đột-cát-la **Tùy dạ triển chuyển phú tàng**, nghĩa là che giấu liên tục đêm này qua đêm khác. Tội Đột-cát-la này sẽ chịu khổ trong địa ngục Đẳng hoạt thời gian 90.000.000 năm. Đó là số năm thọ báo của một tội; nếu tội càng nhiều thì thời gian thọ báo càng tăng.

(2) - Người phạm tội thì không được nghe Tăng tụng giới, nếu nghe tụng thì phạm một tội Đột-cát-la.

(3) - Khi Tăng tụng giới hỏi 3 lần “có thanh tịnh không?” mà không chịu đứng dậy phát lồ thì phạm thêm một tội Đột-cát-la im lặng vọng ngữ.

(4) - Khi Tăng tụng giới, mình đến trễ, muốn được tham dự bèn tự nói mình thanh tịnh, thì phạm một tội Ba-dật-đề cố ý vọng ngữ.

(5) - Khi đối thủ tụng giới với 1, 2 Tỳ-kheo khác, tự nói mình thanh tịnh, phạm một tội Ba-dật-đề cố ý vọng ngữ.

(6) - Khi Tăng Tự tứ, tự nói mình thanh tịnh, phạm một tội Ba-dật-đề cố ý vọng ngữ.

(7) - Khi đối thủ Tự tứ, tự nói mình thanh tịnh, phạm một tội Ba-dật-đề cố ý vọng ngữ.

(8) - Khi tâm niệm tụng giới, tự nói mình thanh tịnh, phạm một tội Đột-cát-la.

(9) - Khi tâm niệm Tự tứ, tự nói mình thanh tịnh, phạm một tội Đột-cát-la.

(10) - Bản thân mình không thanh tịnh mà tụng giới cho Tăng, phạm một tội Đột-cát-la.

(11) - Bản thân mình không thanh tịnh mà nhận sự sám hối của người khác, phạm một tội Đột-cát-la.

Những tội phạm kể trên gồm có 4 phẩm Tùg sinh Ba-dật-đề, 6 phẩm Tùg sinh Đột-cát-la và một tội căn bản Tăng tàn, tội lớn tội nhỏ gồm 11 phẩm. Nếu trải qua đêm đầu che giấu (Kinh dạ phú tàng), đêm kế tiếp lại che giấu (Triển chuyển phú tàng) sẽ thành ra tất cả 33 phẩm tội.

Ở trên, tuy được liệt kê thành 11 khoản, nhưng không phải phạm đủ tất cả; Ví dụ: nếu đã

tham dự tụng giới với Tăng thì sẽ không có đối thủ và tâm niệm tụng giới. Do vậy, người làm Yết-ma phải tùy trường hợp mà hỏi.

2. Một số quan điểm cởi mở

- Trong bài tựa Luật Thập Tụng viết: Có 6 trường hợp sau đây khi phạm tội Tăng tàn, nếu phẩn phát dừng mãnh tự trách tâm, thành khẩn sám hối, thì có thể được xem là thanh tịnh, không đọa ác đạo. Đó là: 1. Bậc Thượng tọa có uy danh; 2. Bậc tôn túc có tiếng đức hạnh; 3. Người cả hổ thẹn; 4. Người đang lâm bệnh; 5. Tăng không đủ túc số để làm các pháp Yết-ma; 6. Tăng chúng không thanh tịnh. (*dẫn theo Trùng Trị Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu, Ngẫu Ích*)

- Luật Nhiếp đề cập: Có 6 hạng người khi phạm các lời giáo huấn (Chúng giáo: Tăng tàn), chỉ cần sám hối với một Tỳ-kheo thanh tịnh, thì tội có thể tiêu trừ. Đó là: 1. Người thọ trì tạng Kinh; 2. Người thọ trì tạng Luật; 3. Người thọ trì tạng Luận; 4. Người cả hổ thẹn; 5. Vị Thượng tọa cao tuổi nhất trong chúng; 6. Người có phước đức lớn.

Sáu hạng người này nếu bị trị phạt sẽ dẫn đến hậu quả không tốt đối với đại chúng. Do đó, nếu phạm tội mà họ quyết tâm sám hối, thì tội có thể trừ được.

3. Các trường hợp hoàn tục.

1. Xả giới làm cư sĩ.
2. Xả giới Cụ túc, làm Sa-di.
3. Bị điên loạn.
4. Bị bệnh tâm thần.
5. Bị bệnh trầm kha.
6. Bị Tăng cử tội “Có tội mà không thấy tội”.
7. Bị Tăng cử tội “Có tội mà không sám hối”.
8. Bị Tăng cử tội “Không chịu từ bỏ ác kiến”.

4. Các trường hợp truy phạt.

Nếu người phạm tội đang hành pháp phú tàng (Biệt trú) hay Ma-na-đỏa mà xả giới, hoặc bị tấn, hoặc bị điên cuồng, sau đó hoặc được giải tấn, hoặc lành bệnh, hoặc thọ Đại giới ở lại, thì vẫn phải thi hành đầy đủ các pháp dõ dang trước, rồi mới cho xuất tội.

a. Trường hợp phát lồ hoặc che giấu: Nếu Tỳ-kheo phạm 2 tội Tăng tàn mà một tội phát lồ, một tội che giấu rồi xả giới hoàn tục; về sau xuất gia thọ Đại giới trở lại, tội phát lồ trước lại phát lồ, tội che giấu trước lại che giấu, thì nên xử trí: Tội trước sau đều phát lồ cho pháp Yết-ma Ma-na-đỏa; tội trước sau đều che giấu cho pháp Biệt trú số ngày đã che giấu.

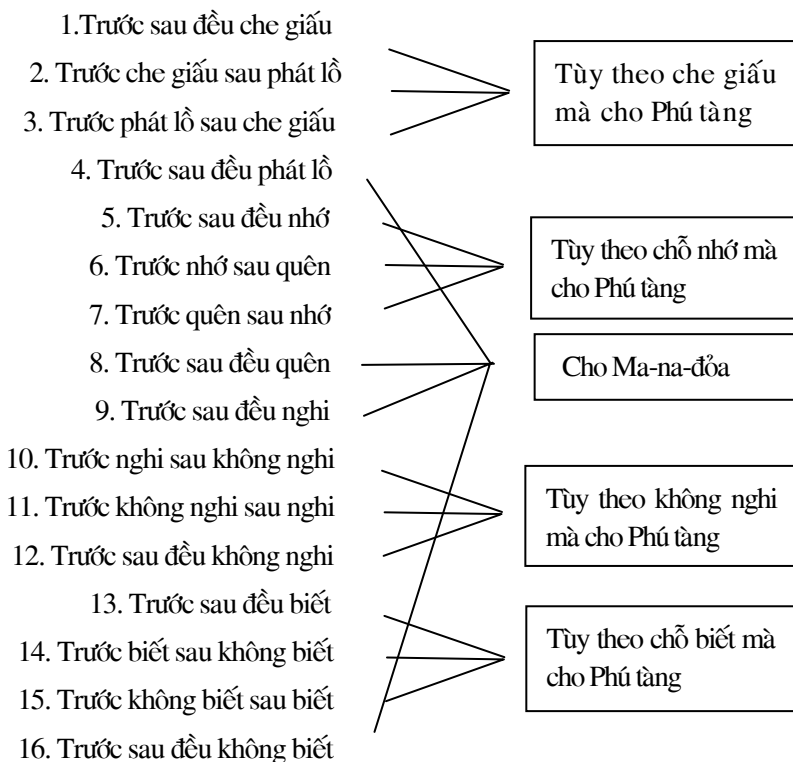
b. Trường hợp nhớ hoặc không nhớ: Nếu người phạm tội mà nhớ số tội phạm và nhớ số ngày, hoặc không nhớ số tội phạm nhưng nhớ số ngày, thì tùy theo số ngày nhớ được mà cho pháp Yết-ma phú tàng. Nếu nhớ số tội phạm mà không nhớ số ngày, hoặc không nhớ tội phạm cũng không nhớ số ngày, thì nên tính số ngày từ lúc thanh tịnh trở lại mà cho Yết-ma phú tàng.

c. Trường hợp nghi: Nếu người phạm tội Tăng tàn mà nghi là tội Thâu-lan-giá, Ba-dật-đề v.v..., rồi che giấu, thì đó không phải là che giấu. Trường hợp này nên bảo người ấy sám hối tội Đột-cát-la từng sinh, sám hối xong, cho pháp Yết-ma Ma-na-đỏa.

d. Trường hợp biết: Nếu người phạm tội Tăng tàn mà biết đó là Tăng tàn, rồi che giấu, đó mới gọi là che giấu (phú tàng). Trường hợp này nên bảo người ấy sám hối tội Đột-cát-la từng sinh; sau khi sám hối xong, cho pháp Yết-ma phú tàng.

Nói chung, trong 4 trường hợp trên, mỗi trường hợp gồm 4 khía cạnh mà danh từ chuyên môn gọi là Tứ cú, và tổng cộng gồm có 16 khía cạnh, như đồ biểu tóm tắt sau đây:

16 Trường hợp sau khi tu lại



(Luật *Huyền Ty* – tr.452)

4. Sám hối tội Thâu-lan-giá

4.1. Định nghĩa và phân loại:

Sau hai thiên tội Ba-la-di và Tăng tàn là tội Thâu-lan-giá. Tội này chủ yếu phát sinh là do phạm 2 thiên tội trên mà chưa đầy đủ. Thâu-lan-giá là cách phiên âm của tiếng Pàli Thullaccaya, và tiếng Phạn Sthulātaya. Ngoài cách phiên âm trên, còn có những cách phiên âm khác là: Thâu-lan-giá-da, Thâu-la-giá, Thổ-la-giá, Tốt-thổ-la-để-dã. Đồng thời được dịch nghĩa là: Thô tội; trọng tội; thô ác; thô quá; đại tội; đại chướng thiện đạo v.v...

Tội này được chia thành 2 loại: a. Độc đầu; b. Tùng sinh.

a. **Độc đầu**, hay còn gọi là quả đầu; tự tánh; căn bản; cứu cánh; quả lan; chánh tội; dĩ toại tội.

b. **Tùng sinh**, hay còn gọi là phương tiện; nhân lan; vị toại tội.

Mỗi khoản tội trên đều được chia thành 3 bậc:

(1). Thượng phẩm; (2). Trung phẩm; (3). Hạ phẩm.

Như trên đã nói: Tội Thâu-lan-giá phát sinh từ 2 tội Ba-la-di và Tăng tàn mà chưa đầy đủ. Do đó, ta có thể lập sơ đồ để trình bày cho dễ hiểu như sau:

Thâu-lan-giá	dưới mức Ba-la-di	dưới mức Tăng tàn
1 .Thượng phẩm =	bạc (1)	
2. Trung phẩm =	bạc (2) =	bạc (1)
3 .Hạ phẩm =	bạc (3) =	bạc (2)

Đồng thời chúng được trình bày cụ thể:

(1). a. *Thượng phẩm độc đầu* gồm có: chủ xướng phá pháp luân Tăng; trộm lấy 4 tiền; trộm vật của thường trụ; giết loài phi nhân...

(1). b. *Thượng phẩm tùng sinh* gồm có: muốn phạm giới dâm, 2 căn tiếp xúc mà nam căn chưa vào trong nữ căn; muốn trộm 5 tiền mà lấy chưa đủ số, định giết người mà người chưa chết; định nói mình chứng thánh quả mà nói không rõ, người nghe không hiểu...

(2). a. *Trung phẩm độc đầu* gồm có: định phá Yết-ma Tăng; đồng lõa phá pháp luân Tăng; trộm 3 tiền hay 2 tiền...

(2). b. *Trung phẩm tùng sinh* gồm có: hai thân kề nhau mà nam căn chưa vào trong nữ căn; muốn lấy 5 tiền nhưng chỉ rờ mà chưa lấy, hoặc lấy ít hơn 5 tiền và chưa đem đi; định giết người mà người kia chưa bị hại...

(3). a. *Hạ phẩm độc đầu* gồm có: ác tâm hủy báng Tăng; cạo lông 3 chỗ: nách, đại tiện và tiểu

tiện; để khóa thân; mang da người; dùng bát bằng đá (vì bát này dành cho Phật dùng); ăn máu thịt sống...

(3). b. Hạ phẩm tùng sinh gồm có: nhận làm mai mối, đến nói với nhà kia mà không trở về báo lại; định làm phòng lớn, phòng nhỏ nhưng chưa làm; định hủy báng Tăng, nhưng chưa nói liền từ bỏ; phá Tăng và ngoan cố, nhưng khi Tăng vừa bạch Yết-ma liền từ bỏ...

4.2. Thể thức sám hối.

1/ Thể thức bạch Tăng để xin sám hối.

Sau khi Tăng tập họp, người phạm tội đến trước Tăng, quỳ gối tác bạch như sau:

- *Xin Đại đức Tăng lắng nghe, tôi Tỳ-kheo (nói tên) phạm tội Thâu-lan-giá (nói tên tội), nay đến trước Tăng cầu xin sám hối; kính mong đại Tăng cho tôi Tỳ-kheo (...) sám hối, xin từ bi thương xót. (xin 3 lần)*

Vị Thượng tọa bảo:

- *Thầy đã 3 lần cầu xin, và Tăng chúng đã mặc nhiên chuẩn thuận; vậy trước hết thầy hãy thỉnh một vị làm sám chủ để thầy sám hối.*

Người phạm tội tùy nghi đến trước vị nào mà mình kính mến nhất, lạy một lạy, quỳ gối chấp tay cầu thỉnh như sau:

- *Đại đức nhất tâm niệm, tôi Tỳ-kheo (nói tên), nay xin thỉnh Đại đức nhận làm sám chủ tội Thâu-lan-giá. Xin từ bi thương xót. (nói 3 lần).*

2/ Thế thức bạch Tăng để nhận sám hối:

Vị Đại đức này nhận lời rồi, liền phải bạch Tăng.

- *Xin Đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo (nói tên) phạm tội Thâu-lan-giá (nói tên tội), nay đến trước đại Tăng xin sám hối, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng bằng lòng cho tôi Tỳ-kheo (...) làm sám chủ cho Tỳ-kheo (...) thì tôi sẽ nhận.*

Vị Thượng tọa đáp: *Được lắm.*

Khi Tăng đã chuẩn thuận, người thọ sám nên đánh lễ Tăng một lạy, rồi mới nhận người kia sám hối. Nhưng nếu trong chúng không có vị Thượng tọa nào lớn hơn mình thì khỏi đánh lễ, mà bảo người kia đến trước mình, quỳ gối chấp tay, rồi hỏi các chi tiết:

- *Từ khi thầy phạm tội đến nay đã trải qua bao nhiêu ngày tháng? Khi vừa phạm tội, thầy đã từng đến trước một Tỳ-kheo thanh tịnh nào để phát lồ chưa?*

Chương III: Thế thức sám hối và trường phạt

Nếu đáp đã phát lồ tức là không có tội phú tàng, nếu nói chưa phát lồ tức là đã mắc các tội phú tàng, liền hỏi tiếp:

- Lẽ ra khi vừa phạm tội thầy phải đến trước vị Tỳ-kheo thanh tịnh để phát lồ sám hối; nhưng vì không phát lồ để đến hôm sau nên sinh ra một tội Đột-cát-la, do kinh hạ phú tàng (che giấu qua một đêm).

Thế rồi, đến ngày kế tiếp lại không phát lồ nên sinh thêm một tội Đột-cát-la tùy dạ triển chuyển phú tàng (che dấu liên tục qua đêm sau). Đã che giấu tất nhiên không thanh tịnh, nên không được nghe tụng giới, thế mà thầy lại nghe Tăng thuyết giới, cho nên phạm thêm một tội Đột-cát-la.

Hơn nữa, khi Tăng tụng đến giới ấy (giới đã phạm), hỏi 3 lần có thanh tịnh không, đáng lẽ thầy phải đứng dậy phát lồ, nếu như sợ làm náo loạn, thì thầy có thể nói khẽ với người ngồi bên cạnh rằng: “Tôi phạm tội ấy, đợi khi tụng giới xong, tôi sẽ phát lồ”. Thế nhưng, thầy không làm như vậy, nên phạm thêm một tội Đột-cát-la vì im lặng vọng ngữ.

Hai tội Đột-cát-la trên lẽ ra thầy phải phát lồ ngay, nhưng vì không phát lồ nên từ 2 tội này sinh thêm 2 tội Đột-cát-la kinh dạ phú tàng và tùy dạ triển chuyển phú tàng.

Sau khi nghe trình bày xong, vị sám chủ kết luận:

- Căn cứ theo những gì thầy đã trình bày thì thầy đã phạm 8 tội nhỏ: hai tội Tùng sinh (Nghe tụng giới và im lặng vọng ngữ) và 6 tội phú tàng. Vậy thầy phải thỉnh một vị sám chủ đến chỗ vắng để sám hối các tội nhỏ, xong rồi mới trở vào giữa chúng sám hối tội chính (Thâu-lan-giá).

3/ Thế thức sám hối tiểu tội tùng sinh.

Người phạm tội sau khi nghe dạy, có thể thỉnh ngay vị ấy hoặc một vị khác làm sám chủ để sám hối các tiểu tội tùng sinh. Và sau khi cầu thỉnh, vị kia đã đồng ý, bèn đem nhau đến chỗ vắng, quỳ gối chấp tay, tác bạch sám hối như sau:

- Đại đức nhất tâm thương tưởng, tôi Tỳ-kheo... phạm tội Đột-cát-la vì nghe thuyết giới và im lặng vọng ngữ. Nay tôi đến trước Đại đức xin phát lồ sám hối, không dám tái phạm. Nguyện xin Đại đức chứng nhận tôi là người thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh Bố-tát. (nói 1 lần)

Vị sám chủ bảo: “*Thầy hãy tự trách mình và quyết tâm sửa đổi*”.

Đáp: “*Xin vâng*”.

Vị sám chủ trở lại trong chúng, tuyên bố: “Tôi đã nhận sự sám hối của người kia xong rồi”.

Thượng tọa nói: “Tốt lắm”.

Vị sám chủ lại bảo người phạm tội: “Bây giờ thầy hãy sám hối tội căn bản *Thâu-lan-giá*”.

4/ Chính thức sám hối Thượng phẩm Thâu-lan-giá.

Người phạm tội đến trước vị sám chủ quỳ gối chấp tay tác bạch:

- *Đại đức nhất tâm thương tưởng, tôi Tỳ-kheo... phạm tội Thâu-lan-giá..., nay đến trước Đại đức phát lồ sám hối, không dám che giấu; vì sám hối thì được an lạc, không sám hối thì không an lạc. Kính xin Đại đức chứng nhận tôi đã thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh Bố-tát. (nói 3 lần)*

Vị sám chủ nói: “*Thầy hãy tự trách lấy mình, mà quyết tâm sửa đổi*”.

Người phạm tội đáp: *Xin vâng*, rồi lay một lay, quỳ gối chấp tay, lắng nghe Thượng tọa giáo huấn.

Bấy giờ, vị Thượng tọa giáo huấn:

- Hôm nay, Tăng chúng thanh tịnh nhóm họp tuân theo sự chế định của Phật mà tác pháp sám hối cho thầy đã xong. Nhưng e rằng sự phát tâm của thầy chưa được thành thật thì không thể sạch hết tội lỗi. Vậy, muốn sạch hết tội lỗi, thầy phải vận dụng lòng chí thành đánh lễ thiên Phật (ngàn vị Phật) để sám hối, và trì niệm thần chú trong một thời gian. Nhờ công đức lễ bái tụng niệm ấy mà tội trước được tiêu trừ, tội sau không phát sinh, và thầy phải lập nguyện kiên cố rằng: “Thà bỏ thân mạng chứ không bao giờ tái phạm”.

Người phạm tội đáp: Y giáo phụng hành, rồi đầu thành đánh lễ đại chúng 3 lay.

5/ Thế thức sám hối Trung phẩm Thâu-lan-giá.

Tội trung phẩm này chỉ sám hối với 4 Tỳ-kheo. Do đó, nếu trong cương giới có số Tỳ-kheo nhiều hơn 4 người, thì chỉ thỉnh 4 người ra ngoài cương giới để sám hối. Vì, nếu sám hối riêng với 4 người này trong trú xứ, thì Tăng phạm tội biệt chúng. Nếu tại trú xứ chỉ có 4 Tỳ-kheo thì có thể tác pháp sám hối ngay trong trú xứ. Trong số 4 người ấy, một người làm sám chủ, còn lại 3 người, nên không thể áp dụng Tăng pháp Yết-ma mà chỉ áp dụng pháp đối thủ sám hối.

Nếu trường hợp trong trú xứ chỉ có 3 người cũng có thể thực hiện pháp sám hối này. Về thể thức thỉnh vị sám chủ, tác bạch sám hối và lời giáo huấn của Thượng tọa thì cũng tương tự như trong pháp sám Thượng phẩm ở trên.

6/ Thể thức sám hối hạ phẩm Thâu-lan-giá.

Người phạm tội này phải sám hối với một Tỷ-kheo thanh tịnh, chỉ trừ việc bạch Tăng xin sám hối, ngoài ra các việc còn lại giống như trước. Trong Tỳ-ni Mẩu nói: “Nếu Thượng tọa sám hối trước Hạ tọa, thì phải thực hiện 4 việc:

1. Trật vai áo bên phải.
2. Cởi bỏ giày dép.
3. Chắp tay cung kính.
4. Trình bày tội mình đã phạm.

Còn Hạ tọa sám hối trước Thượng tọa thì thêm một việc quỳ gối nữa. Thế nhưng, Tứ Phần Luật thì bảo: “Khi Thượng tọa sám hối trước Hạ tọa cũng phải thực hiện các việc kể trên, chỉ trừ việc đánh lễ sát dưới chân”.

5. Sám hối tội Xả đọa

Tiếp sau thiên tội Thâu-lan-giá thứ 3, bây giờ đề cập đến thiên tội thứ 4. Trong thiên này gồm có 2 phần: tội Xả đọa và tội Đơn đọa.

Trước hết hãy nói về tội Xả đọa. Tiếng Phạn Nissaggiya-pàyattika được phiên âm là Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Ni-tát-kỳ nghĩa là xả bỏ tất cả; Ba-dật-đề nghĩa là Đọa. Người phạm tội này là do cất giữ những vật trái quy định, thế nên, trước hết phải mang vật ấy ra thí xả giữa chúng Tăng, rồi sám hối tội Đọa. Nếu phạm tội này mà không sám hối sẽ đọa vào địa ngục Chúng hợp, chịu khổ hai ngàn năm, tức là khoảng 144.000.000 năm ở cõi nhân gian.

Chữ Xả ở đây gồm có 3 nghĩa:

1. Xả tài: Xả bỏ tài vật đã phạm để trừ cái duyên phạm tội; **2. Xả tâm:** xả bỏ tâm tham luyến đối với vật để lìa cái nhân gây tội; **3. Xả tội:** sám hối đúng pháp sẽ dứt trừ được tội lỗi.

Người phạm tội này trước hết phải đem vật đã phạm ra xả giữa chúng Tăng rồi thỉnh một Tỷ-kheo thanh tịnh làm chủ sám, để sám hối tội lỗi đã phạm ngay giữa chúng Tăng. Do đó, pháp sám hối này gọi là Chúng pháp đối thủ. Tuy nhiên, nếu tại một trú xứ chỉ có 4, 3 hoặc 2 Tỷ-kheo, thì cũng có thể sám hối được, nhưng phải

sám hối với sự hiện diện của tất cả, chứ không được sám hối biệt chúng.

Luật quy định, trong 30 điều này, nếu phạm điều 11 (dùng tơ tầm làm ngọa cụ) thì phải tự tay cắt vụn tơ tầm, trộn lẫn với đất dẻo, rồi trét vào tường. Nếu phạm điều 18 (cất giữ vàng bạc) và điều 19 (mua bán bảo vật), thì nên xả cho cư sĩ có đạo tâm, chứ không được xả giữa chúng Tăng, rồi sám hối với một người ở ngoài đại giới (trú xứ). Ngoài ra, nếu phạm 27 giới còn lại, thì phải xả và sám hối ở giữa chúng Tăng.

5.1. Thể thức xả vật và sám hối

Người phạm tội đem vật đã phạm ra giữa chúng Tăng, quỳ gối, chắp tay, bạch:

- *Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo... cố chứa y dư, phạm tội Xả đạo. Nay xin xả cho chúng Tăng. (nói 1 lần)*

1/ Thể thức xin Tăng để sám hối.

Sau khi xả vật xong, người này lại tiếp tục xin Tăng sám hối.

- *Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo... cố chứa y dư, phạm tội Xả đạo. Y ấy đã xả cho Tăng; nay có (bao nhiêu) tội Ba-dật-dề, xin đến trước Tăng cầu cầu sám hối, mong Tăng cho tôi*

Tỳ-kheo... sám hối. Xin hãy từ bi lân mẫn. (xin 3 lần)

Vị làm Yết-ma bảo: *“Chúng Tăng không nói gì tức là đã mặc nhiên chấp nhận, vậy thầy hãy thỉnh một vị làm chủ sám, để sám hối tội phạm”*

2/ Thế thức thỉnh vị chủ sám hối.

Người phạm tội liền đến trước một Tỳ-kheo làm lễ, quỳ gối, chấp tay, thỉnh như sau:

- Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo... nay kính thỉnh Đại đức làm chủ sám hối tội Ba-dật-dề; xin Đại đức vì tôi làm chủ sám hối tội Ba-dật-dề. Mong Đại đức từ bi lân mẫn. (xin 3 lần)

3/ Thế thức xin Tăng để làm chủ sám.

Vị Tỳ-kheo được thỉnh phải bạch với Tăng như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Vị Tỳ-kheo... có chứa y dư, phạm tội Xả đạo. Y ấy đã xả cho Tăng; trong đây phạm (bao nhiêu) tội Xả đạo. Nay theo Tăng xin sám hối. Nếu Tăng bằng lòng cho tôi làm chủ sám để thầy ấy sám hối, thì tôi sẽ nhận. (nói 1 lần)

Sau khi Tăng đã đồng ý, vị chủ sám phải rời tòa, đến đánh lễ Thượng tọa 1 lay. Nhưng nếu không có ai lớn hơn mình, thì khỏi phải lễ, mà bảo người kia quỳ gối, chấp tay trước mình, rồi hỏi các

khoản: đã phạm tội từ bao lâu; có phát lồ hay che giấu; có sử dụng vật đã phạm hay không và có nghe Tăng tụng giới hay không v.v...; gồm có 5 phẩm Ba-dật-đề, 7 phẩm Đột-cát-la được tóm tắt như sau:

1. Chứa vật dư, phạm căn bản Ba-dật-đề.
2. Khi Tăng tụng giới, tự nói mình thanh tịnh, phạm Ba-dật-đề.
3. Khi đối thủ tụng giới, tự nói mình thanh tịnh, phạm Ba-dật-đề.
4. Khi Tăng Tự-tứ, tự nói mình thanh tịnh, phạm Ba-dật-đề.
5. Khi đối thủ tự-tứ, tự nói mình thanh tịnh, phạm Ba-dật-đề.
6. Tự mình có tội mà tụng giới cho Tăng, phạm Đột-cát-la.
7. Tự mình có tội mà nghe Tăng tụng giới, phạm Đột-cát-la.
8. Khi Tăng tụng giới, 3 lần hỏi mà im lặng vọng ngữ, phạm tội Đột-cát-la.
9. Khi tâm niệm tụng giới, tự nói mình thanh tịnh, phạm Đột-cát-la.
10. Khi tâm niệm Tự tứ, tự nói mình thanh tịnh, phạm Đột-cát-la.

11. Tự mình có tội mà nhận người khác sám hối, phạm Đột-cát-la.

12. Sử dụng vật đã vi phạm, phạm Đột-cát-la.

(*Tứ Phần Giới Bốn Như thích*, Hoàng Tấn soạn, Thích Hành Trụ dịch, tr. 246)

Người phạm tội nếu che giấu, thì ngoài tội căn bản Ba-dật-đề còn phạm thêm một hoặc nhiều tội Ba-dật-đề và Đột-cát-la từng sinh trên đây. Do đó, phải thỉnh một vị sám chủ khác, hoặc thỉnh vị vừa rồi, đi đến chỗ vắng để sám hối các tội từng sinh Đột-cát-la và Ba-dật-đề.

4/ Sám hối tội từng sinh Đột-cát-la

Người phạm tội quỳ gối, chắp tay bạch sám hối như sau:

- *Đại đức nhất tâm thương tưởng! Tôi Tỳ-kheo... phạm tội sử dụng vật bất tịnh, nghe Tăng thuyết giới và im lặng vọng ngữ (có bao nhiêu tội từng sinh Đột-cát-la kể ra hết) gồm có (bấy nhiêu) tội.*

Nay đến trước Đại đức phát lồ sám hối, không dám tái phạm, nguyện xin Đại đức chứng nhận rằng tôi thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh Bố-tát. (nói 1 lần)

Người thọ sám bảo: “*Thầy hãy tự trách lấy mình mà sinh tâm từ bỏ*”.

Người phạm tội đáp: “Xin vâng”.

Rồi sám hối tiếp tội từng sinh Ba-dật-đề, nếu như có phạm.

5/ Sám hối tội từng sinh Ba-dật-đề.

Người phạm tội bạch sám hối như sau:

Đại đức nhất tâm thương tưởng! tôi Tỳ-kheo... có phạm tội Ba-dật-đề do im lặng vọng ngữ v.v..., không nhớ số lượng là bao nhiêu (nếu nhớ số lượng thì phải nêu ra rõ ràng). Nay đến trước Đại đức phát lồ không dám che giấu, sám hối thì được an lạc, không sám hối thì không an lạc, biết mình phạm tội, nay đã phát lồ, không dám tái phạm. Kính xin Đại đức chứng nhận rằng tôi đã thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh Bồ-tát. (nói 3 lần)

Người thọ sám bảo: “*Thầy hãy tự trách lấy mình mà sinh tâm từ bỏ*”.

Người sám hối đáp: “Xin vâng”.

Sau khi sám hối xong, cả hai người cùng vào trong Tăng, người thọ sám tuyên bố: “*Tôi đã nhận sự sám hối các tội từng sinh của người kia rồi*”.

Vị Thượng tọa bảo: “*Tốt lắm*”.

6/ Sám hối tội căn bản Ba-dật-đề

Bấy giờ người phạm tội quỳ gối, chấp tay bạch sám hối như sau:

- Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo... có chứa y dư quá 10 ngày, phạm tội Xả đạo. Y này đã xả cho Tăng. Trong đây có (bao nhiêu) tội Ba-dật-đề, nay hướng đến Đại đức phát lồ sám hối, không dám che giấu, sám hối thì được an lạc, không sám hối thì không an lạc, biết mình phạm tội nay đã phát lồ không dám tái phạm. Kính xin Đại đức chứng nhận rằng tôi đã thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh Bố-tát. (nói 3 lần)

Người thọ sám bảo: “*Thầy hãy tự trách mình mà sinh tâm từ bỏ*”.

Người sám hối đáp: “*Xin vâng*”, đoạn lễ tạ Thượng tọa rồi lui ra.

5.2. Thể thức trả lại vật

Vật dư thừa chủ yếu có 5 thứ:

1. Vải cất giữ trong vòng một tháng.
2. Y do thí chủ vì việc gấp mà cúng dường.
3. Bát dư thừa, ngoài cái mà Luật cho phép.
4. Loại thuốc 7 ngày còn thừa.
5. Chiếc y dư, ngoài ba cái luật định.

Trên nguyên tắc, các vật đã phạm, sau khi xả giữa chúng Tăng, sẽ thành tịnh vật (vật không có lỗi), và Tăng nên để cách một hôm, tác pháp hoàn lại chủ cũ. Nhưng nếu chiếc y phạm trong trường hợp ngủ cách ly với y, thì sau khi người phạm tội sám hối xong, sẽ được trao ngay tại đó. Vì nếu để qua cách đêm thì người này sẽ phạm tội thiếu y. Trong trường hợp thứ hai, nếu người này có công việc phải rời khỏi trú xứ gấp, và Tăng chúng đông đúc, tập hợp khó khăn, thì vật phạm kia cũng được trao lại ngay lúc ấy. Ngoài hai trường hợp này, các trường hợp khác phải để cách đêm mới trao lại. Vì, nếu trao ngay lại, thì vật phạm trước và vật nhận sau sẽ có thời gian liên tục, như vậy trái với Luật định.

Nhưng theo Luật Sư Hoàng Xuyên, trong Tăng Già Tác Trì Yếu Tập, trang 312, thì chỉ trừ 5 vật kể trên và các điều cất giữ vàng bạc, mua bán bảo vật, dùng tơ tằm làm ngọa cụ, ngoài ra các vật thuộc 22 giới khác từ ly y tức cho đến giới biển thủ Tăng vật, đều nên trao ngay tại lúc ấy.

1/ Thể thức trao lại vật ngay khi ấy:

Vị sám chủ hai tay cầm y, bạch như sau:

Bạch Đại đức Tăng, Tỳ-kheo... này cố chứa y dư quá 10 ngày, phạm tội Xả đọa. Y này đã xả cho

chúng Tăng. Nếu Tăng bằng lòng, thì giờ đây đem y này trả lại cho Tỳ-kheo... đây là lời tác bạch.

Bạch Đại đức Tăng! Tỳ-kheo... này cố chứa y dư quá 10 ngày, phạm tội Xả đạo. Y ấy đã xả cho chúng Tăng. Tăng nay đem y ấy trả lại cho Tỳ-kheo... các Đại đức nào bằng lòng Tăng nay đem y ấy trả lại cho Tỳ-kheo... thì im lặng; ai không bằng lòng thì nói.

Tăng đã bằng lòng trả y lại cho Tỳ-kheo..., vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

2/ Thể thức để qua đêm trao lại vật:

Nếu như không có nhân duyên đặc biệt thì 5 vật kể trên phải để trải qua đêm mới trao lại. Nhưng khi tập hợp Tăng, nếu tác pháp tại giới trường thì không cần phải thuyết dục. Nghĩa là không cần phải tập hợp toàn bộ Tăng mà chỉ tập hợp một số người vẫn được. Thể thức như đã trình bày ở trên.

3/ Thể thức trao lại bát:

Nếu cái bát của thầy Tỳ-kheo sử dụng, chưa hàn đủ 5 chỗ, mà vì chuộng đẹp, sắm thêm bát mới, thì cái bát này sau khi xả giữa chúng Tăng, Tăng bắt buộc phải để hôm sau mới hoàn lại.

Luật Tăng Kỳ nói: Sau khi ấn định ngày giờ hoàn lại bát, phải thông báo cho mọi người mang theo cái bát mình đang sử dụng lúc đến tập họp.

Khi Tăng tập họp xong, lại cử một người đi đưa bát. Người này trước hết cầm cái bát đã phạm ấy đến dâng cho Thượng tọa. Nếu ngài thích đổi, thì xin lại cái bát cũ của ngài, đem đến Trung tọa đổi tiếp. Cứ thế lần lượt cho đến cái bát cuối cùng của người thấp hạ nhất. Sau đó đem cái bát này trao cho người đã phạm tội, bắt phải giữ gìn cho đến trọn đời, không được sử dụng, không được tịnh thí và không được làm vỡ. Hoặc giả, Tăng chúng không ai muốn đổi cái bát ấy, thì cuối cùng bát ấy cũng được trao lại cho chủ cũ và bắt phải giữ gìn như trên.

6. Sám hối tội Ba-dật-đề

Sám hối tội này chủ yếu giống như sám hối tội Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, chỉ khác nhau là không có tài vật để xả bỏ. Khi sám hối thì thỉnh một Tỳ-kheo thanh tịnh, rồi đối thủ sám hối ngay trong trú xứ (giới nội) mà không phạm tội biệt chúng.

Vị Tỳ-kheo cầu sám hối phải đến trước một Tỳ-kheo thanh tịnh làm lễ 3 lạy, chấp tay, quỳ gối thỉnh như sau:

*- Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo (mỗ
giáp) cố ý vọng ngữ (giới thứ nhất của Ba-dật-đề),*

phạm tội Ba-dật-đề. Nay xin thỉnh Đại đức làm chủ sám hối, mong Đại đức vì tôi làm chủ sám hối. Xin thương xót tôi (3 lần).

Vị sám chủ đáp: “Tốt”.

Vị kia nói: “*Xin vâng*”. Rồi lạy 1 lạy.

Nếu vị thọ sám là Thượng tọa, hoặc là Sư trưởng thì nên bảo: “*Cho phép ông sám hối*”.

6.1. Thể thức thẩm sát các tội từng sinh

Người xin sám hối lạy vị chủ sám 1 lạy, rồi chấp tay quỳ xuống. Vị sám chủ bắt đầu hỏi: “Thầy phạm tội ấy đến nay đã bao lâu rồi? Đã từng hướng đến người khác phát lồ chưa?”

(Nếu đáp có phát lồ thì không phạm tội phú tàng. Nếu đáp chưa phát lồ tức là có tội phú tàng. Đáp xong, lại hỏi tiếp).

Sau khi thầy phạm tội này rồi có nghe Tăng thuyết giới vào mỗi nửa tháng hay không?

(Nếu đáp “có” thì nên bảo):

- Sau khi thầy phạm tội này, lẽ ra phải hướng đến thầy Tỳ-kheo thanh tịnh phát lồ sám hối, nhưng vì không sám hối để trải qua 1 đêm, nên từ tội Ba-dật-đề này phát sinh 1 tội Đột-cát-la phú

tàng. Hôm sau, lẽ ra phải phát lồ, thầy không phát lồ nên lần lượt trải qua 1 đêm, do đó mắc thêm 1 tội Đột-cát-la phú tàng. Thầy phạm tội mà che giấu không chịu phát lồ thì bản thân không thanh tịnh, không nên nghe giới, thế mà thầy lại nghe giới, nên lại phạm thêm một tội Đột-cát-la do nghe Tăng thuyết giới. Tội này lại cũng không phát lồ, rồi trải qua một đêm che giấu, tiếp theo đêm sau lần lượt che giấu, thế là mắc phải hai tội từng sinh. Luật dạy: “Khi Tăng thuyết giới, trải qua 3 lần hỏi, người nào nhớ biết mình có tội mà không phát lồ thì phạm Đột-cát-la”. Thầy đã nghe Tăng thuyết giới, tụng đến giới ấy (tức là giới đã phạm), lại hỏi đến 3 lần “có thanh tịnh hay không?”, lẽ ra phải phát lồ, mà vì không phát lồ nên phạm tội Đột-cát-la khi Tăng thuyết giới mà im lặng vọng ngữ. Tội này lại cũng không phát lồ, trải qua đêm che giấu, rồi lần lượt đêm kế tiếp che giấu, nên mắc phải hai tội từng sanh”.

Mỗi mỗi hỏi xong, thẩm định có hay không, tùy đáp nhiều hay ít, có (bao nhiêu) tội từng sanh, liền bảo:

Căn cứ vào những điều thầy đã nói thì gồm chung có 8 tội nhỏ: Một là nghe giới, phạm 1 Đột-cát-la. Hai là im lặng vọng ngữ, phạm 1 Đột-cát-la. Hai phẩm tội này mỗi tội đều có trải qua đêm, rồi

đêm kế tiếp che giấu, và 2 phẩm che giấu tội căn bản Ba-dật-đề, cho nên gọi là 8 phẩm tiểu tội. Trước đây thầy thỉnh làm chủ sám hối tội Ba-dật-đề, nay thầy phải thỉnh riêng tôi làm chủ sám hối tội Đột-cát-la. Trước hết phải sám hối tội nhỏ cho xong, sau đó mới sám hối tội Ba-dật-đề.

6.2. Thể thức thỉnh vị chủ sám tội Đột-cát-la

Người xin sám hối làm lễ một lạy, rồi chấp tay, quỳ xuống, thỉnh như sau:

- Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo (mỗ giáp), nay xin thỉnh Đại đức làm chủ lễ sám hối tội Đột-cát-la. Kính mong Đại đức vì tôi làm chủ lễ sám hối tội Đột-cát-la. Xin thương xót tôi. (3 lần)

Vị thọ sám nói: “*Tốt lắm.*”

Người sám hối nói: “*Xin vâng*”, rồi lạy 1 lạy.

6.3. Thể thức sám hối tội Tùng sanh Đột-cát-la

Người phạm tội quỳ gối, chấp tay bạch:

- Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo (mỗ giáp), cố vọng ngữ (ngoài ra, tùy theo tội phạm, tên tội, chủng loại mà kê khai riêng ra), phạm tội Ba-dật-đề, trải qua một đêm che giấu, rồi qua đêm kế tiếp lại lần lượt che giấu, đồng thời nghe Tăng thuyết giới, và im lặng vọng ngữ, phạm tội Đột-cát-

la. Trải qua đêm lại che giấu, tiếp theo đêm sau lại che giấu, phạm thêm tội Đột-cát-la, không nhớ số lượng (nếu chỉ có một lần thì không cần dùng câu “không nhớ số lượng” mà chỉ nói):

Nay hướng đến Đại đức phát lồ sám hối, không dám làm nữa. Kính mong Đại đức chứng minh cho tôi.(3 lần)

Vị chủ sám bảo: “Hãy tự trách tâm thấy mà sinh nhàm chán”.

Đáp: “Xin vâng”, rồi lạy 1 lạy.

6.4. Chính thức sám hối tội căn bản Ba-dật-đề

Người sám hối quỳ gối, chấp tay, tác bạch như sau:

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo (mỗ giáp), cố vọng ngữ, phạm (bao nhiêu) tội Ba-dật-đề (nếu nhiều quá không nhớ số thì đổi hai chữ “bao nhiêu” thành ra nhiều tội).

Nay hướng đến Đại đức phát lồ sám hối, không dám che giấu. Sám hối thì được an lạc, không sám hối thì không an lạc, nhớ những tội đã phạm xin phát lồ, đã biết không dám che giấu nữa. Mong Đại đức nhớ cho tôi thanh tịnh, giới thân đầy

đủ, thanh tịnh Bố-tát (ức ngã thanh tịnh, giới thân Cự túc, thanh tịnh bố tát). (nói 3 lần).

Vị sám chủ bảo: “*Hãy tự trách tâm thầy mà sinh nhàm chán*”.

Đáp: “*Xin vâng*”, rồi lạy 1 lạy.

(Tăng già tác trì yếu tập, trang 323 - 333)

7. Sám hối tội Ba-la-đề-Đề-xá-ni

Ba-la-đề-đề-xá-ni là phiên âm của chữ (Pàli) Patidesaniya, dịch nghĩa là Hường bĩ hối, Tỳ-kheo gồm 4 pháp, Tỳ-kheo-ni có 8 pháp. Tội này là do vấn đề ăn uống mà tăng trưởng lòng tham làm hỏng lòng tín kính của thí chủ, cho nên Phật ngăn cấm. Căn bản Luật Nhiếp nói: Tại một trú xứ, hiện có bao nhiêu Tỳ-kheo, thì đều phải đối diện trình bày riêng với từng người, không giống như các tội khác, nên gọi là Hường bĩ hối (hường đến người kia sám hối). Khi phạm tội này, thì phải bày tỏ ngay, không được diên trì.

Căn cứ Luật Tăng Kỳ, Thập Tụng và Tứ Phần, khi phạm tội này, phải hướng đến một người, nói lên một lần sự hối lỗi, tội liền được tiêu trừ.

7.1. Phân biệt tướng của tội.

Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà tự tay nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con; hoặc tại nhà cư sĩ, ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni trao cho; hoặc không bệnh mà nhận thức ăn của người học gia; hoặc ở A-lan-nhã không bệnh mà tự tay nhận thức ăn của thí chủ để ăn, thì thành tội. Trong 4 pháp này, nếu nhận thức ăn do Tỳ-kheo-ni trao cho, mà không có Tỳ-kheo nào khuyến cáo, thì thành phạm tội. Những Tỳ-kheo này đều phải hướng vào nhau mà nói lời sám hối (nghĩa là người phạm tội hướng vào người cùng ăn với mình mà nói lời hối lỗi), thì tội mới tiêu trừ. Ngoài ra, 3 pháp kia chỉ cần hướng đến một Tỳ-kheo nói lời sám hối, thì tội được tiêu trừ.

7.2. Thế thức thỉnh vị chủ sám hối tội

Đề-xá-ni

Người xin sám hối phải đến một Tỳ-kheo thanh tịnh, đánh lễ 3 lạy, quỳ gối, chắp tay, xin như sau:

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo (mỗ giáp), không bệnh mà ở tại thôn xóm kia, tự tay nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con để ăn, (ngoài ra tùy theo chỗ phạm mà kể ra từng loại tên riêng...) phạm tội Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nay kính thỉnh Đại đức làm chủ sám hối, mong Đại đức vì tôi làm chủ sám hối. Xin thương xót. (3 lần).

Sám hối chủ đáp: “*Tốt*”.

Người ấy nói: “*Xin vâng*”. Rồi lạy một lạy.

Nếu người thọ sám là Thượng tọa, hoặc Sư trưởng, thì nên nói: “*Cho phép thầy sám hối*”.

Theo Căn Bản Luật Nhiếp thì khi phạm tội này phải trình bày ngay, không được để lâu, không giống như những tội khác, nên không có các tội phú tàng. Hơn nữa, trong San Bồ Yết Ma và Hành Sự Sao đều không có đề cập đến việc sám hối tiểu tội phú tàng.

7.3. Thể thức sám hối chính

Người xin sám hối, quỳ trước vị sám chủ chấp tay, chí thành xả tội:

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo (mỗ giáp) không bệnh mà ở tại thôn xóm cố ý tự tay nhận lấy thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con để ăn, phạm tội Ba-la-đề-đề-xá-ni, phạm pháp đáng quả trách, lẽ ra không nên làm. Nay hướng đến Đại đức xin sám hối.(nói 3 lần)

Sám hối chủ hỏi: “*Thầy có thấy tội không?*”.

Người sám hối đáp: “*Có thấy*”.

- *Cẩn thận chớ có tái phạm.*

- *Xin thành kính ghi nhận.*

(Lạy 1 lạy rồi trở về vị trí)

8. Sám hối tội Đột-cát-la

Trường hợp phạm tội Đột-cát-la có hai loại không giống nhau.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: “Nếu cố ý làm thì đối diện sám hối với một người. Nếu làm vì lầm lỡ thì tự trách tâm sám hối”.

8.1. Thể thức thỉnh vị chủ sám hối

Người xin sám hối, tùy ý đến một Tỳ-kheo thanh tịnh, làm lễ, quỳ gối chắp tay, thỉnh như sau:

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo (mỗ giáp), cố ý mặc Tăng-già-lê không tề chỉnh, phạm tội Đột-cát-la. Nay xin thỉnh Đại đức làm chủ sám hối, mong Đại đức vì tôi làm chủ sám hối. Xin thương xót (3 lần).

Sám hối chủ nói: “*Tốt*”.

Người xin sám hối nói: “*Xin vâng*”, rồi lạy 1 lạy.

Nếu sau khi phạm rồi che giấu, hoặc một ngày hoặc nhiều ngày mới sám hối thì nên thẩm xét các tội từng sanh, gồm 5 phẩm, hoặc đủ hoặc không đủ, các việc không nhất định, tùy phạm mà nói. Nếu có, trước hết sám hối tội từng sinh rồi đến căn bản. Cách thức sám hối, tương tự như sám tội Ba-dật-đề. Nếu không che giấu thì thỉnh vị chủ sám rồi, liền sám hối tội căn bản.

8.2. Phép sám hối tội do cố ý

Người xin sám hối, lại phải đối diện với vị chủ sám, quỳ gối chấp tay, chí thành xả tội:

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo (mỗ giáp), cố ý mặc y Tăng-già-lê không tề chỉnh, phạm tội Đột-cát-la. Nay hướng đến Đại đức phát lồ sám hối, không dám làm lại, mong Đại đức chứng minh cho. (nói 1 lần)

Vị sám chủ bảo: *“Thầy hãy tự trách lấy mình mà sinh tâm từ bỏ”*.

Người sám hối nói: *“Xin vâng”*.

Ở đây chỉ căn cứ vào giới thứ 2 trong 100 giới chúng học, ngoài ra nếu phạm các giới khác thì cách sám hối giống như trên, chỉ có tên tội là khác thôi.

Nếu phá An cư, thì nói: *“Cố phá An cư, phạm tội Đột-cát-la. Nay hướng đến Đại đức phát lồ sám hối, v.v..”*

Người phá An cư, dù có sám hối cũng không được tuổi hạ, không được y công đức, chỉ khi mệnh chung khỏi sa vào địa ngục; nếu như không sám hối thì mệnh chung sẽ rơi vào địa ngục.

8.3. Sám hối tội do vô ý

Nếu vô ý làm thì pháp sám hối không cần đối diện với người khác, mà chỉ tự trách tâm mình.

Nếu không làm nữa, thì tội liền tiêu diệt. Người phạm tội phải sửa soạn đầy đủ oai nghi, tâm sinh tầm quý, miệng nói như sau:

Tôi Tỳ-kheo (mỗ giáp), sơ ý mặc y Tăng-già-lê không tề chỉnh, phạm tội Đột-cát-la, tôi nay tự trách tâm mà hối lỗi. (nói 1 lần).

II. VI PHẠM VÀ TRỪNG PHẠT

1. Pháp Yết-ma khiến trách

Sự kiện phạm tội xảy ra như sau:

Lúc bấy giờ Phật đang ở tại nước Xá-vệ, có hai Tỳ-kheo Trí Tuệ và Lô-ê-na, ưa đấu tranh, mắng chửi nhau, miệng vung ra đao kiếm, chỉ trích lẫn nhau. Nếu có những Tỳ-kheo khác cũng ưa đấu tranh như thế thì họ liền đến khuyên: “Các thầy hãy nỗ lực, chớ để thua bọn kia. Các thầy là hạng nghe nhiều có trí tuệ, của cải cũng nhiều hơn bọn kia, lại có đông bạn bè tri thức. Chúng tôi sẽ làm bạn với các thầy”. Do đó, trong Tăng chúng chưa có sự tranh chấp thì xảy ra tranh chấp; đã có tranh chấp thì không thể dập tắt. Bấy giờ có các Tỳ-kheo thiếu dục, tri túc, nghiêm trì giới luật, khiển trách hai Tỳ-kheo kia, rồi đi đến bạch với Thế Tôn. Thế Tôn bèn cho tập hợp các Tỳ-kheo, rồi khiển trách hai Tỳ-kheo ấy: “Các người làm những việc sai trái, chẳng hợp oai nghi, chẳng

phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm những việc không nên làm. Vì sao hai người lại đấu tranh, mắng chửi nhau như thế?”. Rồi Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo bạch tứ Yết-ma khiến trách hai Tỳ-kheo ấy qua thủ tục: tập họp Tăng, **tác cử** (nêu tội); tác cử xong, **tác ức niệm** (bảo họ hãy nhớ lại tội của mình); tác ức niệm xong, mới **kết tội** (dữ tội).

Thầy Yết-ma bạch Tăng như sau:

- Bạch Đại đức Tăng! Tỳ-kheo Trí Tuệ và Lô-ê-na hay đấu tranh, mắng chửi nhau. Nếu có Tỳ-kheo nào xích mích với người khác thì họ đến khuyên rằng: “Các thầy là hạng đa văn trí tuệ, của cải cũng nhiều hơn bọn họ, lại có đông bạn bè tri thức. Chúng tôi sẽ làm bạn với các thầy”. Do đó, khiến Tăng chưa có sự tranh chấp thì sinh ra tranh chấp, đã có tranh chấp thì không thể dập tắt. Thuận theo Tăng thời đã đến, xin Tăng bằng lòng cho Tỳ-kheo... pháp Yết-ma khiến trách. Sau này nếu còn đấu tranh, mắng chửi nhau nữa, thì Tăng sẽ trị tội nặng hơn. Đây là lời tác bạch.

- Bạch Đại đức Tăng! Tỳ-kheo Trí Tuệ và Lô-ê-na hay đấu tranh, mắng chửi nhau. Nếu có Tỳ-kheo nào xích mích với người khác thì họ đến khuyên rằng: “Các thầy là hạng đa văn trí tuệ, của cải cũng nhiều hơn bọn họ, lại có đông bạn bè tri

thức. Chúng tôi sẽ làm bạn với các thầy”. Do đó, khiến Tăng chưa có sự tranh chấp thì sinh ra tranh chấp, đã có tranh chấp thì không thể dập tắt. Thuận theo Tăng thời đã đến, xin Tăng bằng lòng cho Tỳ-kheo... pháp Yết-ma khiển trách. Sau này nếu còn đấu tranh, mắng chửi nhau nữa, thì Tăng sẽ trị tội nặng hơn. Đại đức nào bằng lòng việc Tăng cho Tỳ-kheo... pháp Yết-ma khiển trách, thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. (3 lần)

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo... pháp Yết-ma khiển trách, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Sau khi kết tội, hai Tỳ-kheo ấy phải thi hành 35 việc, từ việc thứ nhất: “không được truyền đại giới cho người”, cho đến việc 35: “không được tranh chấp với Tỳ-kheo thanh tịnh”, như trường hợp người học hối.

Nếu sau đó họ ăn năn hối cải, không gây gổ nhau nữa, thì có thể xin Tăng làm Yết-ma giải trừ pháp khiển trách, và Tăng sẽ bạch tứ Yết-ma giải trừ pháp khiển trách cho họ.

Trái lại nếu họ không chấm dứt gây gổ nhau, thì Tăng sẽ cho pháp Yết-ma **xả trí** (*vứt bỏ ra ngoài Tăng đoàn*). (*Căn Bản Ni Đà Na*).

Hoặc giả họ phạm năm pháp sau đây thì Tăng cũng không cho giải trừ pháp Yết-ma khiển trách:

1. Dựa thế lực vua chúa.
2. Dựa thế lực các quan.
3. Dựa thế lực kẻ khác.
4. Dựa thế lực ngoại đạo.
5. Dựa thế lực Tăng đoàn.

(Căn Bản Bách Nhất Yết Ma)

2. Pháp Yết-ma tấn xuất

Lúc bấy giờ tại nước Ky-ly-na, có hai Tỳ-kheo cưu trú tên A-thấp-ty và Phú-na-bà-ta, có những hành vi bất hảo, làm hoen ố nhà người, ai cũng thấy, ai cũng nghe. Họ tự trồng hoa và khuyên người khác trồng hoa, rồi hái hoa kết thành tràng, đem tặng các nhà bạch y. Họ sống chung đụng với nam nữ cư sĩ, cùng ngồi một giường, ăn một bát, uống một ly, ca múa, cười đùa. Hoặc chơi các thứ nhạc cụ, hoặc người khác thổi nhạc, họ liền hòa theo; hoặc thổi sáo, thổi tù và, đánh trống; hoặc giả tiếng chim công, chim hạc; hoặc chạy, hoặc giả vờ đi khắp khiêng; hoặc huyết sáo, hoặc làm trò hề. Bấy giờ có các Tỳ-kheo từ nước Già-thi du hành đến nước Ky-ly-na. Sáng sớm, họ mặc y cầm bát vào thành khát thực, đi đứng có oai nghi thứ tự, nghiêm trang, tề chỉnh, mắt ngó thẳng phía trước không liếc ngó hai bên. Các cư sĩ thấy thế liền bảo nhau: “Đây là những người nào mà mắt dăm dăm

phía trước, không ngó qua ngó lại hai bên, không có vẻ thân thiện, không chào hỏi an ủi ai cả, rất mất cảm tình. Chúng ta không nên cúng dường những người này mà chỉ cúng dường hai Tỳ-kheo A-thấp-ty và Phú-na-bà-ta của chúng ta mà thôi”. Do đó, hai Tỳ-kheo này được thức cúng dường dễ dàng. Các Tỳ-kheo nước Già-thì suy nghĩ: “Các Tỳ-kheo kỳ cựu này có những hành vi bất hảo, xa rời các Tỳ-kheo tốt, làm những việc xấu thậm chí còn làm sứ giả cho người”. Nghĩ thế rồi, họ bèn về trình lên Thế Tôn. Thế Tôn liền cho gọi hai Tỳ-kheo ấy đến khiển trách, rồi bảo các Tỳ-kheo bạch tứ Yết-ma khu tấn hai Tỳ-kheo ấy. (*Tứ Phần Luật, Đ 22 tr 890b-891b*).

Thể thức bạch Yết-ma như sau:

- *Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này, ở thôn xóm (...), làm hoen ố nhà người, làm hạnh xấu. Làm hoen ố nhà người ai cũng thấy cũng nghe, làm hạnh xấu ai cũng thấy cũng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho Tỳ-kheo.. pháp Yết-ma tấn xuất, khiển trách như sau: “Thầy làm hoen ố nhà người, làm hạnh xấu. Làm hoen ố nhà người ai cũng thấy cũng nghe, làm hạnh xấu ai cũng thấy cũng nghe. Thầy nên rời khỏi nơi này, không nên ở đây nữa”. Đây là lời tác bạch.*

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này, ở thôn xóm (...), làm hoen ố nhà người, làm hạnh xấu. Làm hoen ố nhà người ai cũng thấy cũng nghe, làm hạnh xấu ai cũng thấy cũng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho Tỳ-kheo... pháp Yết-ma tấn xuất, khiển trách như sau: “Thầy làm hoen ố nhà người, làm hạnh xấu. Làm hoen ố nhà người, ai cũng thấy cũng nghe, làm hạnh xấu ai cũng thấy cũng nghe. Thầy nên rời khỏi nơi này, không nên ở đây nữa”. Các Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo... này pháp Yết-ma tấn xuất thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

- Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo... pháp Yết-ma tấn xuất, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Sau khi tăng đã cho pháp Yết-ma tấn xuất, vị này phải tuân hành 35 pháp như người học hồi. Luật Tăng Kỳ còn bảo: “Sau khi làm pháp Yết-ma, phải cho người này ở bên ngoài già lam”.

Luận Tỳ-bà-sa nói: “Làm hoen ố nhà người tức là làm những việc xấu, phá hoại lòng tín kính của người khác. Người tại gia đem của cải của mình cúng dường Tam bảo là để gieo trồng thiện căn, cầu được phước báo. Nếu người xuất gia đem của tín thí cho lại người tại gia tức là làm mất lợi ích của họ, khiến lòng tín kính của họ đối với Tam bảo bị

thương tổn, đồng thời còn làm cho những người xuất gia khác mất các thứ lợi dưỡng”.

Người bị tẩn xuất, nếu biết ăn năn hối cải, tùy thuận chúng Tăng, không dám trái nghịch, thì Tăng sẽ bạch tứ Yết-ma giải pháp tẩn xuất. Nhưng theo Luật Nhiếp, nếu phạm 20 việc sau đây thì không cho giải pháp tẩn xuất:

1. Ở trong Tăng chúng, không siêng năng, không tỏ vẻ cung kính.
2. Ở trong Tăng chúng, không biết khiêm tốn, vẫn giữ tính ngạo mạn.
3. Ở ngoài Tăng chúng, không phục tùng pháp trị phạt.
4. Ở ngoài Tăng chúng, tỏ ra ngang bướng, không biết cung kính.
5. Không cầu được giải trừ pháp diệt tận, không sám hối lỗi lầm.
6. Hoặc cậy thế nhà vua.
7. Hoặc cậy thế quan tòa
8. Hoặc nương tựa ngoại đạo.
9. Hoặc nương nhờ người có thế lực.
10. Không nương tựa chúng Tăng.
11. Mặc áo như người thế tục.
12. Mặc áo ngoại đạo.

13. Nương nhờ ngoại đạo mà sống.
14. Làm những việc không đáng làm.
15. Không tu tập những giới luật của Tỳ-kheo.
16. Hoặc mắng Tỳ-kheo.
17. Hoặc có khi giận dữ đối với Tỳ-kheo.
18. Hoặc là nguyên rủa Tỳ-kheo
19. Hoặc làm cho chúng Tăng mất lợi.
20. Hoặc không muốn ở chung với chúng Tăng.

3. Pháp Yết-ma y chỉ

Lúc đức Thế Tôn đang ở nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo Tăng Sô, ngu si, không biết phép tắc, phạm nhiều lỗi lầm, thường ở chung với các người bạch y, không tuân theo giới luật. Phật biết được việc đó bèn khiển trách Tỳ-kheo Tăng Sô, rồi bảo chúng Tăng bạch tứ Yết-ma, cho Tăng Sô pháp y chỉ.

Thầy Yết-ma tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này ngu si, không biết phép tắc, phạm nhiều lỗi lầm, cùng ở chung với các cư sĩ, không tuân theo giới luật. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay bằng lòng cho Tỳ-kheo... pháp Yết-ma y chỉ. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này ngu si, không biết phép tắc, phạm nhiều lầm lỗi, cùng ở chung với các cư sĩ, không tuân theo giới luật, Tăng nay cho Tỳ-kheo... pháp Yết-ma y chỉ, các Đại đức nào bằng lòng việc Tăng cho Tỳ-kheo... pháp Yết-ma y chỉ thì im lặng, ai không bằng lòng thì hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất (lần thứ 2, thứ 3 cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo... pháp Yết-ma y chỉ, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Sau khi Tăng tác pháp Yết-ma, vị này phải y chỉ thầy Tỳ-kheo đa văn, trí tuệ, có đức, mà nghiêm trì giới luật, nỗ lực tu học, không được buông lung. Lại phải tuân hành 35 pháp như người học hối.

Nếu một thời gian sau, vị này biết ăn năn hối cải, tùy thuận chúng Tăng, tu học tiến bộ, Tăng sẽ làm Yết-ma giải pháp y chỉ cho thầy. [Tăng Kỳ tập III, tr. 419, 423, 439] [tập IV, tr. 168]

4. Pháp Yết-ma cấm đến nhà cư sĩ

(Yết-ma phát hỉ)

Nguyên nhân sự việc xảy ra như sau:

Bấy giờ đức Thế Tôn đang ở tại nước Xá-vệ, hai Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên hướng

dẫn 500 Tỳ-kheo từ nước Già-thi du hành đến Mật Lâm, và đang cư trú tại vườn A-ma-lê. Cư sĩ Chấ-đa-la hay tin ấy, liền đến viếng thăm, được hai Tôn giả thuyết pháp khai thị khiến ông rất hoan hỷ. Do đó, ông cung thỉnh hai Tôn giả và Tăng chúng hôm sau đến nhà ông thọ trai. Được hai ngài chấp thuận, ông liền về nhà chuẩn bị bữa cơm cúng dường. Khi ấy, một vị Tỳ-kheo cưu trú tại vườn A-ma-lê là Thiện Pháp, suy nghĩ: “Ta hãy đến nhà cư sĩ Chấ-đa-la, xem cách thức ông cúng dường thức ăn cho Tỳ-kheo khách và Tỳ-kheo chủ khác nhau như thế nào”. Thế rồi, thầy đi đến đó, vào thẳng trong bếp, thấy toàn những thức ăn thượng hảo hạng, bèn nổi xùng, nói với cư sĩ Chấ-đa-la: “Trong các thức ẩm thực mà cư sĩ sửa soạn cúng dường so với các thức ăn thượng hạng của thế gian thì chẳng thua kém chút nào, chỉ tiếc là thiếu hồ ma tử (xác mè ép: thức ăn tồi) mà thôi”.

Cư sĩ liền nói: “Trưởng lão Thiện Pháp, thầy từng gìn giữ kho báu chánh pháp như căn, lực, giác ý, thiền định, chánh thọ, mà sao lại nói những lời thô bỉ như thế! Tôi đã chuẩn bị những thức ăn mỹ diệu như thế này thì còn dùng hồ ma tử làm chi nữa? Tôi xin nêu một ví dụ, người có trí khi nghe ví dụ sẽ tự hiểu lấy: ví như tại một nước kia không có gà. Rồi có người đem đến bán một con gà mái. Con gà này, vì không có gà cồ, nên rập với một con quạ, rồi để

trứng, nở ra gà con. Nhưng gà con này không kêu được tiếng gà, cũng không kêu được tiếng quạ; do đó, nên gọi là gà quạ. Cũng như thế đó Thiện Pháp, thầy đã gìn giữ kho báu chánh pháp như căn, lực mà lại nói những lời thô bỉ thì chẳng khác gì con gà quạ kia”.

Thiện Pháp giận dữ trách: “Cư sĩ đã mắng tôi, tôi đi về đây”.

Cư sĩ nói: “Đại đức Thiện Pháp! Tôi không nói ác, cũng không có mắng, Đại đức nên vui vẻ sống tại Mật Lâm này, tôi sẽ cung cấp y phục, ngựa cưỡi, thức ăn, thuốc men cho Đại đức. Đại đức đừng đi đâu cả; có đi đâu rồi cũng trở về đây thôi. Nếu Đại đức có đến chỗ đức Thế Tôn, thì xin hãy trình bày trung thực những gì xảy ra giữa tôi và Đại đức.”

Thiện Pháp giận dữ, từ biệt cư sĩ, đi đến chỗ Thế Tôn, trình bày đầy đủ sự kiện vừa rồi lên Thế Tôn. Thế Tôn bèn dùng nhiều phương tiện khiến trách Thiện Pháp, rồi bảo chúng Tỳ-kheo bạch tứ Yết-ma, ngăn không cho Thiện Pháp đến nhà cư sĩ Chát-đa-la nữa.

Thể thức bạch tứ Yết-ma như sau:

- *Đại đức Tăng xin lắng nghe! Cư sĩ (Chát-đa-la) kia là người đàn việt có lòng tin, thường ưa bố thí, cúng dường chư Tăng. Thế mà Tỳ-kheo*

(Thiện Pháp) dùng lời hạ tiện, mạ lỵ ông. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay bằng lòng làm Yết-ma cấm Tỳ-kheo (Thiện Pháp) đến nhà cư sĩ. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Cư sĩ (Chất-đa-la) kia là người đàn việt có lòng tin, thường ưa bố thí, cúng dường chư Tăng. Thế mà Tỳ-kheo (Thiện Pháp) dùng lời hạ tiện, mạ lỵ ông. Tăng nay bằng lòng làm Yết-ma cấm Tỳ-kheo (Thiện Pháp) đến nhà cư sĩ. Các Đại đức nào bằng lòng việc Tăng làm Yết-ma cấm Tỳ-kheo (Thiện Pháp) đến nhà cư sĩ thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ 2, lần thứ 3 cũng nói như thế).

- Tăng đã bằng lòng làm Yết-ma cấm Tỳ-kheo (Thiện Pháp) đến nhà cư sĩ, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Tăng làm pháp Yết-ma này với điều kiện người cư sĩ có 5 pháp sau đây:

1. Biết cung kính cha.
2. Biết cung kính mẹ.
3. Biết tôn kính Sa-môn.
4. Biết tôn kính Bà-la-môn.
5. Giữ gìn kiên cố những việc cần phải giữ gìn.

Nếu cư sĩ trái với 5 pháp trên, thì Tăng sẽ không làm yết ma ngăn Tỳ-kheo. Hơn nữa, pháp Yết-ma này là dành cho những Tỳ-kheo phạm 10 pháp sau đây:

1. Dùng lời ác độc mắng cư sĩ.
2. Dùng phương tiện làm cho nhà cư sĩ giảm sút đạo tâm.
3. Làm cho họ thất lợi.
4. Làm cho họ mất chỗ ở.
5. Làm cho nhà cư sĩ náo loạn.
6. Hủy báng Phật trước mặt cư sĩ.
7. Hủy báng Pháp trước mặt cư sĩ.
8. Hủy báng Tăng trước mặt cư sĩ.
9. Mắng cư sĩ bằng những lời hạ tiện.
10. Hứa với cư sĩ một điều gì đó mà không thực hiện.

Tỳ-kheo bị Tăng cho pháp Yết-ma này phải tuân thủ 35 pháp như người học hối.

Tiếp đến, Tăng sẽ sai một Tỳ-kheo có đủ 8 pháp sau đây, đưa Tỳ-kheo Thiện Pháp đến nhà cư sĩ Chất-đa-la để sám hối:

1. Đa văn.
2. Nói năng khéo léo.

3. Hiểu rõ việc mình làm.
4. Hiểu được ý người khác.
5. Chịu lắng nghe lời người khác trình bày.
6. Có thể ghi nhớ được sự việc.
7. Không có khuyết điểm.
8. Hiểu rõ ý nghĩa lời nói thiện hay ác.

(Tứ phần Luật, Đ22 tr. 893a.)

Tôn giả A-nan có đủ 8 pháp ấy nên được Tăng bạch nhị Yết-ma sai dẫn Thiện Pháp đi sám hối. Khi đến nơi, tôn giả A-nan nói với cư sĩ như sau để sám hối: “Tăng đã trách phạt Tỳ-kheo Thiện Pháp rồi”.

Nếu cư sĩ chấp nhận cho sám hối thì tốt; nếu không chấp nhận thì phải dẫn Tỳ-kheo kia đến chỗ mà cư sĩ mất thấy, tai không nghe, bảo phải sám hối như pháp. Rồi trở lại nói với cư sĩ như sau để sám hối: “*Thầy Tỳ-kheo kia trước đây phạm tội, nay sám hối xong, tội đã trừ diệt*”.

Nếu ông ta cho sám hối thì tốt, bằng không chịu, thì người phạm tội phải thân hành đến sám hối với cư sĩ.

Trong trường hợp cư sĩ ấy vẫn không chịu nhận sám hối, thì chúng Tăng nên bảo vị Tỳ-kheo kia dời đi nơi khác. Nếu thầy không đi thì sau này

xảy ra điều gì rắc rối, Tăng sẽ không chịu trách nhiệm. Nhưng may mắn là trong trường hợp vừa rồi cư sĩ Chất-đa-la đã thuận tình cho sám hối, và Tỳ-kheo Thiện Pháp cũng ăn năn hối lỗi, tùy thuận chúng Tăng, không dám trái nghịch. Rồi ít lâu sau đó, thầy đến xin Tăng giải Yết-ma cho mình. Do đó, Tăng đã đồng ý yêu cầu của thầy, tiến hành giải pháp Yết-ma.

Thầy Yết-ma bạch Tăng như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tăng đã làm Yết-ma cấm Tỳ-kheo... này đến nhà cư sĩ. Tỳ-kheo này đã tùy thuận chúng Tăng, không dám trái nghịch. Nay theo Tăng xin giải Yết-ma cấm đến nhà cư sĩ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay giải pháp Yết-ma cấm đến nhà cư sĩ. Đây là lời tác bạch.

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tăng đã làm Yết-ma cấm Tỳ-kheo... này đến nhà cư sĩ. Tỳ-kheo này đã tùy thuận chúng Tăng, không dám trái nghịch. Nay theo Tăng xin giải Yết-ma cấm đến nhà cư sĩ. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng giải pháp Yết-ma cấm đến nhà cư sĩ cho Tỳ-kheo... thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất (lần thứ 2, lần thứ 3 cũng thế).

Tăng đã bằng lòng giải pháp Yết-ma cấm Tỳ-kheo... đến nhà cư sĩ vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

5. Pháp Yết-ma cử tội không nhận tội

Lúc bấy giờ Tỳ-kheo Xiển-đà phạm tội, các Tỳ-kheo khác bảo thầy: “Thầy phạm tội, vậy có thấy không?”. Xiển-đà đáp: “Tôi không thấy”

Các Tỳ-kheo thiếu dục, tri túc khiến trách Xiển-đà rồi đi đến trình lên Thế Tôn. Thế Tôn dùng vô số phương tiện khiến trách Xiển-đà, rồi bảo các Tỳ-kheo bạch tứ Yết-ma, kết tội Tỳ-kheo Xiển-đà có tội mà không thấy tội. Thủ tục tiến hành như sau: Tập hợp Tăng rồi nêu lên tội (tác cử); nêu tội rồi bảo vị ấy nhớ lại (tác ức niệm); bảo nhớ lại rồi mới kết tội (dữ tội).

Thầy Yết-ma tác bạch với Tăng:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Xiển-đà này phạm tội. Các Tỳ-kheo khác hỏi: “Thầy phạm tội vậy có thấy không?” Xiển-đà đáp: “Tôi không thấy”. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho Tỳ-kheo... pháp Yết-ma cử tội không thấy tội. Đây là lời tác bạch.

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Xiển-đà này phạm tội. Các Tỳ-kheo khác hỏi: “Thầy phạm tội vậy có thấy không?” Xiển-đà đáp: “Tôi

không thấy”. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho Tỳ-kheo... pháp Yết-ma cử tội không thấy tội. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng làm Yết-ma kết tội Xiển-đà không thấy tội thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ 2, thứ 3 cũng thế).

- Tăng đã bằng lòng làm Yết-ma kết tội Tỳ-kheo Xiển-đà không thấy tội, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Sau khi Tăng làm Yết-ma, vị này phải tuân hành 35 pháp như người học hối. Nếu người này biết ăn năn hối cải, tùy thuận chúng Tăng, thì Tăng sẽ làm Yết-ma giải tội.

6. Pháp Yết-ma cử tội, có tội mà không sám hối

Bấy giờ Tỳ-kheo Xiển-đà phạm tội, các Tỳ-kheo bảo: “Thầy có tội, phải sám hối.” Xiển-đà đáp: “Tôi không sám hối”. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy bạch lên đức Thế Tôn. Thế Tôn khiển trách Xiển-đà, rồi bảo các Tỳ-kheo bạch tứ yết ma cử tội Xiển-đà có tội mà không sám hối. Mọi thủ tục diễn tiến như trường hợp cử tội không thấy tội. Sau đó, nếu vị này ăn năn hối lỗi, muốn được giải tội, thì có thể xin Tăng pháp Yết-ma giải tội vào các dịp Tăng thọ trai hoặc Bố-tát.

7. Pháp Yết-ma khuyên người bỏ ác kiến

Lúc bấy giờ Tỳ-kheo A-lợi-tra sinh ra ác kiến như sau: “Theo tôi hiểu ý nghĩa pháp do Phật thuyết giảng, thì phạm dâm dục không phải là pháp chương đạo”.

Các Tỳ-kheo nghe A-lợi-tra sinh ác kiến như thế, liền đến chất vấn thầy. A-lợi-tra bèn xác nhận kiến giải của mình là như vậy. Các Tỳ-kheo bèn khuyến cáo A-lợi-tra: “Này A-lợi-tra! Thầy chớ nói như thế. Chớ hủy báng Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Ngài đã dùng vô số phương tiện chỉ rõ cách đoạn trừ dâm dục, diệt trừ các ý nghĩ về dâm dục, dập tắt sức nóng của dục, vượt qua sự trói buộc của ái nhiễm. Thế Tôn đã dùng nhiều ví dụ để nói về dục: dục giống như hầm lửa lớn, như bó đuốc cỏ khô, như trái chín trên cây, như vật mượn tạm, như miếng xương khô, như cục thịt, như những gì đã thấy trong mộng, như dằm trên mũi dao nhọn, như cái nồi đựng đầy nước để ngoài nắng gắt, như rắn độc, như lưỡi dao đang múa, như mũi kích nhọn. Chính đức Thế Tôn đã nói như vậy. Này A-lợi-tra! Đức Như Lai đã dạy: “Đoạn dục, xa lìa cấu uế, điều phục khát ái, diệt trừ hang ổ của dục, rời bỏ mọi trói buộc, ái hết Niết-bàn”. Thế thì vì sao thầy lại bảo rằng hành dâm

không phải là pháp chương đạo?”. Mặc dù các Tỳ-kheo đã ân cần khuyên bảo A-lợi-tra như vậy, nhưng thầy vẫn kiên trì chấp chặt ác kiến, và khẳng định rằng: “Đó mới là điều chân thật, ngoài ra đều hư vọng”. Các Tỳ-kheo không biết phải làm sao, bèn đem việc ấy đến trình lên đức Thế Tôn. Thế Tôn bèn cho gọi A-lợi-tra đến khiển trách, rồi bảo chúng Tăng từ nay về sau, nếu có Tỳ-kheo nào khởi lên ác kiến thì trước hết sai một Tỳ-kheo thanh tịnh đến khuyên can: *“Này Đại đức, Đại đức không nên không nghe lời khuyên can. Đại đức hãy nghe lời khuyên can. Đại đức phải như pháp khuyên can các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng như pháp khuyên can Đại đức. Hàng đệ tử của Phật phải khuyên can lẫn nhau, chỉ bảo lẫn nhau, sám hối với nhau, mới tăng thêm lợi ích. Đại đức nên bỏ việc ấy đi, đừng để Tăng khiển trách, mà phạm tội nặng”*.

Can như thế mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ, thì phải tập họp Tăng để khuyên can.

Thể thức bạch Yết-ma như sau:

- *Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo (mỗ giáp) có ác kiến, không nghe lời người khác. Các Tỳ-kheo dùng giới luật để dạy bảo mà không chịu nghe lời, lại còn nói với các Tỳ-kheo rằng: “Các Đại đức đừng bảo tôi tốt hay xấu. Tôi cũng không bảo các Đại đức tốt hay xấu. Xin các Đại đức hãy thôi*

đi, đừng khuyên bảo tôi làm chi”. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng hãy khuyên vị Tỳ-kheo... này như sau: “Thầy không nên không nghe lời khuyên can mà nên nghe lời. Thầy nên như pháp khuyên can các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng như pháp khuyên can thầy. Hàng đệ tử Phật phải khuyên can lẫn nhau, chỉ bảo lẫn nhau, sám hối lẫn nhau, mới tăng thêm lợi ích.” Đây là lời tác bạch.

Tác bạch xong, thầy Yết-ma lại bảo:

- Nay Đại đức! Tôi đã tác bạch xong, còn 3 lần Yết-ma nữa. Đại đức nên bỏ việc đó đi, đừng để Tăng khiển trách mà thêm tội nặng.

Nếu nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời, thì bạch Yết-ma lần thứ nhất:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo... này có ác kiến không chịu nghe lời khuyên can. Các Tỳ-kheo dùng giới luật như pháp dạy bảo mà không nghe lời, lại còn nói với các Tỳ-kheo: “Các Đại đức chớ bảo tôi tốt hay xấu. Tôi cũng không bảo các Đại đức tốt hay xấu. Các Đại đức hãy thôi đi, chớ bảo tôi làm chi”. Tăng nay khuyên vị Tỳ-kheo... này bỏ việc ấy, như sau: “Thầy không nên không nghe lời, mà nên nghe lời. Thầy nên như pháp khuyên can các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng phải như pháp khuyên can thầy. Hàng đệ tử của Phật có khuyên can lẫn nhau, chỉ bảo lẫn nhau, sám hối lẫn nhau,

mới tăng thêm lợi ích”. Các Đại đức nào bằng lòng để Tăng khuyên can vị Tỳ-kheo... bỏ việc ấy thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói”. Đây là Yết-ma lần thứ nhất.

Bạch Yết-ma lần thứ nhất xong, nên bảo:

- Nay Đại đức! Tôi đã bạch Yết-ma lần thứ nhất xong, còn hai lần Yết-ma nữa Đại đức nên bỏ việc ấy đi, chớ để Tăng khiển trách mà mắc tội nặng.

Nếu vâng lời thì tốt, bằng không vâng lời thì bạch Yết-ma lần thứ hai như trên: Xong hai lần Yết-ma lại bảo:

- Nay Đại đức! Tôi đã bạch Yết-ma lần thứ hai xong, còn một lần Yết-ma nữa. Đại đức nên bỏ việc ấy đi, chớ để Tăng khiển trách mà thêm tội nặng.

Nếu vâng lời thì tốt, bằng không vâng lời, thì bạch Yết-ma lần thứ ba như trên, rồi kết luận:

- Tăng đã khuyên vị Tỳ-kheo... bỏ việc ấy xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Khi Yết-ma xong mà bỏ thì phạm 6 tội Đột-cát-la (vì đã được khuyên can ở chỗ vắng 3 lần, và khuyên can ở chỗ nhiều người 3 lần), và 4 tội Thâu-lan-giá, (vì để trải qua 1 lần bạch và 3 lần Yết-ma

ở giữa chúng Tăng). Tăng Yết-ma xong mà không bỏ thì phạm tội Tăng tàn.

Luật Tăng Kỳ nói: “Đối với người có ác kiến này, Tăng chúng không nên sống chung, không nên cùng nói chuyện, cùng ăn chung, cùng làm việc Phật, Pháp, Tăng, không cùng Bố tát, tụng kinh và làm các pháp Yết-ma. Có thể mời ngoại đạo ngồi, chứ không mời người bị cử tội này ngồi. Nếu người này bị bệnh thì Tăng chúng không nên chăm sóc, mà chỉ nhờ đàn việt hoặc thân nhân của vị ấy đến chăm sóc. Nếu vị ấy chết thì không nên dùng hương hoa, thức ăn uống cúng dường tử thi. Tăng cũng không nên chia y bát, không nên dùng lễ hỏa thiêu, mà nên lấy y bát buộc vào cổ, đặt tử thi lên giường, khiêng ra ngoài già lam, rồi tuyên cáo rằng: “Việc của chúng Tăng đã thanh tịnh. Không nên khởi ác tâm đối với Tỳ-kheo ác kiến này.” Sở dĩ làm như vậy là để người sau đừng bắt chước thói ác kiến ấy. Nếu trường hợp mục đồng hay người đón củi nhặt được y bát của người ấy đem đến cúng dường, thì chúng Tăng có thể nhận lấy, vì xem như đó là tịnh vật do họ cúng dường. [Tăng kỳ, tập III, tr 294]

8. Pháp Yết-ma can người phá Tăng

Bản chất của Tăng là thanh tịnh và hòa hợp, nên khi Tăng không còn hòa hợp, chia thành nhóm riêng, sinh hoạt và làm pháp Yết-ma riêng, thì gọi là phá hòa hợp Tăng. Sự phá hòa hợp Tăng gồm có 18 yếu tố như sau:

1. Như pháp mà bảo là phi pháp.
2. Phi pháp mà bảo là như pháp.
3. Đúng luật mà cho rằng không đúng luật.
4. Không đúng luật mà cho rằng đúng luật.
5. Phạm tội mà cho rằng không phạm.
6. Không phạm tội mà cho rằng phạm.
7. Tội nhẹ mà cho rằng tội nặng.
8. Tội nặng mà cho rằng tội nhẹ.
9. Tội có thể sám hối mà cho rằng không thể sám hối.
10. Tội không thể sám hối mà cho rằng có thể sám hối.
11. Tội thô ác mà cho rằng không thô ác.
12. Tội không thô ác mà cho rằng thô ác.
13. Việc nên làm mà cho rằng không nên làm.
14. Việc không nên làm mà cho rằng nên làm.
15. Phật có chế định mà cho rằng Phật không chế định.

16. Phật không chế định mà cho rằng Phật có chế định.

17. Phật có dạy mà cho rằng Phật không dạy.

18. Phật không dạy mà cho rằng Phật có dạy.

(Tứ Phần Luật, Đ 22, tr. 883a.)

Chung quy, việc phá Tăng bao gồm trong 2 trường hợp:

1. Phá Yết-ma Tăng.
2. Phá Pháp luân Tăng.

Trường hợp phá Yết-ma Tăng là trong một trú xứ có ít nhất 8 Tỳ-kheo, chia làm hai nhóm, làm Yết-ma riêng, sinh hoạt riêng, đó gọi là phá Yết-ma Tăng. Phá Yết-ma Tăng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đều có thể phá được, và trong quá khứ, hiện tại, cũng như tương lai đều có thể phá. Trái lại, phá Pháp luân Tăng, ít nhất phải có 9 Tỳ-kheo như pháp, chia làm hai nhóm, một nhóm 5 người, một nhóm 4 người. Trong nhóm 5 người, có một người tự xưng là Phật, đối lập với đức Phật, đề xướng một giáo pháp hay pháp luân khác với pháp luân của Phật, và cho đó là con đường chơn chánh hướng đến Niết-bàn, rồi 4 người kia phụ họa theo. Pháp luân của Phật chỉ cho 8 thánh đạo, tức là 8 con đường chính hướng đến 4 quả Sa-môn.

Phá Pháp luân Tăng phải là Tỳ-kheo như pháp ở trong cùng cương giới hay ngoài cương giới đều có thể phá, và chỉ có một trường hợp duy nhất xảy ra vào thời đức Phật, do Đề-bà-đạt-đa đề xướng. Tỳ-kheo-ni không thể phá pháp luân Tăng. Luật Thập tụng thuật lại việc Đề-bà-đạt-đa phá Pháp luân Tăng như sau: Điều-đạt (Đề-bà-đạt-da) xuất gia với thiện tâm, trong 12 năm đầu tu hành tinh tấn, nhưng sau đó ưa tu phép thần thông, phé bỏ chánh đạo. Ông muốn đảo chánh Phật, để giành quyền lãnh đạo chúng Tỳ-kheo, bèn cấu kết với vua A-xà-thế, xúi vua sát hại phụ vương để cướp ngôi, còn ông lật đổ Phật để làm lãnh tụ. Một hôm, ông bàn bạc với 4 người đệ tử là Cự-già-lê, Càn-đà-phiêu, Ca-lưu-la-đề-xá và Tam-văn-đạt-đa, rồi cùng nhau đến thưa với Phật: “Bạch Thế Tôn! Thế Tôn tuổi tác đã cao, nên giao chúng Tăng lại cho con. Thế Tôn chỉ cần hưởng thọ pháp lạc hiện tại, để chúng Tăng cho con lãnh đạo”.

Phật dạy: “Này Điều-đạt! Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, có đại trí tuệ thần thông như thế, mà ta còn không giao chúng Tăng cho họ thay, huống gì người là người ngu, là thầy chết, mà ta lại đem Tăng chúng giao cho người hay sao?” Bị đức Phật bác bỏ ý đồ đen tối của mình, Điều-đạt bèn bàn với 4 đệ tử tâm phúc như sau: “Ta với các người hãy cùng nhau phá hòa hợp Tăng, hoại

pháp luân của Sa-môn Cù-đàm. Làm được như thế chúng ta sẽ nổi tiếng là người đã phá hòa hợp Tăng và hoại pháp luân”.

Đã ráp tâm như thế, Điều-đạt liền xướng xuất 5 điều phi pháp:

1. Tỳ-kheo suốt đời mặc y phần tảo.
2. Tỳ-kheo suốt đời sống theo hạnh khát thực.
3. Tỳ-kheo suốt đời chỉ ăn mỗi ngày một bữa.
4. Tỳ-kheo suốt đời ngủ dưới khoảng đất trống.
5. Tỳ-kheo suốt đời không ăn thịt.

(Đ23, tr.259a)

Luật dạy: Khi biết có một nhóm Tỳ-kheo muốn phá Tăng, thì Tăng nên sai một Tỳ-kheo thân tình với nhóm người ấy đến khuyên can họ. Nếu khuyên can không được, thì sai 2, 3 Tỳ-kheo đến khuyên can. Nếu 2, 3 người khuyên can cũng không có kết quả, thì phải họp Tăng, bạch tứ Yết-ma khuyên can. (thể thức tương tự như các pháp Yết-ma trước)

Thầy Yết-ma bạch:

- *Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo (mỗ giáp) này muốn dùng phương tiện phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Nếu thời gian thích hợp*

đối với Tăng, Tăng nay làm Yết-ma khuyên thầy bỏ việc ấy như sau: “Này Tỳ-kheo... thầy đừng nên phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Này Tỳ-kheo... thầy nên cùng chúng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh cãi, như sữa hòa với nước, sống an lạc trong Phật pháp”. Đây là lời tác bạch. (Tác bạch rồi thầy Yết-ma nên khuyên người ấy) Này Đại đức! Tôi đã tác bạch xong, còn 3 lần Yết-ma nữa, thầy nên bỏ việc ấy, đừng để Tăng làm Yết-ma mà thêm tội nặng.

Nói như thế rồi, nếu nghe lời thì tốt, nếu không nghe lời thì bạch Yết-ma lần thứ nhất:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo... này muốn dùng phương tiện phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Tăng nay khuyên can bỏ việc ấy: “Này Tỳ-kheo... thầy đừng phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Thầy nên cùng chúng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh cãi, như sữa hòa với nước, sống an lạc trong Phật pháp”.

- Các Đại đức nào bằng lòng việc Tăng làm Yết-ma khuyên Tỳ-kheo... bỏ việc ấy thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất.

Làm yết ma như thế rồi, nên can người ấy rằng:

- *Này Đại đức! Tôi đã bạch Yết-ma lần thứ nhất xong, còn hai lần Yết-ma nữa. Thầy nên bỏ việc ấy, đừng để Tăng làm Yết-ma mà thêm tội nặng.*

Nếu nghe lời thì tốt. Nếu không nghe lời thì Yết-ma lần thứ 2 như trên. Xong 2 lần Yết-ma nên khuyên:

- *Này Đại đức! Tôi đã bạch Yết-ma lần thứ 2 xong rồi, còn một lần Yết-ma nữa, thầy nên từ bỏ việc ấy, đừng để Tăng làm Yết-ma mà thêm tội nặng.*

Nếu bỏ thì tốt, bằng không bỏ thì bạch Yết-ma lần thứ 3 như trên rồi kết luận:

- *Tăng đã bằng lòng làm Yết-ma khuyên Tỳ-kheo... bỏ việc ấy xong, vì im lặng, tôi ghi nhận như vậy.*

Trong pháp khuyên can này, nếu bạch lần đầu chưa xong mà bỏ thì phạm tội Đột-cát-la. Nếu bạch xong mới bỏ thì phạm tội Thâu-lan-giá nhẹ. Nếu một lần bạch và một lần Yết-ma xong mà bỏ, thì phạm hai tội Thâu-lan-giá nhẹ. Nếu 1 lần tác bạch và 2 lần Yết-ma xong mà bỏ thì phạm 3 tội Thâu-lan-giá nặng. Nếu 3 lần Yết-ma xong mà không bỏ, thì phạm tội Tăng tàn. Nếu hoàn toàn chưa bạch, và không bỏ, thì chỉ phạm tội Đột-cát-la.

(Tỳ-ni Tác Trì Tục Thích, Tục Tạng kinh, tập 65, tr. 292-294).

9. Pháp Yết-ma khiển trách đệ tử

Nếu có đệ tử không tuân theo phép tắc của thiền môn, không phụng sự Hòa thượng, A-xà-lê, không biết hổ thẹn, không nghe lời dạy bảo, làm những việc trái oai nghi, không cung kính, bướng bỉnh cứng đầu, kết bạn với kẻ ác; ưa đến nhà phụ nữ, thiếu nữ, Hoàng môn; hoặc đến tinh xá của Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, thì Hòa thượng, A-xà-lê phải làm Yết-ma khiển trách. Pháp Yết-ma này tuân tự làm 3 việc:

1. Gọi đệ tử đến trước mặt.
2. Nêu ra lỗi lầm, bắt họ phải thừa nhận.
3. Cân nhắc lỗi lầm để khiển trách đúng mức.

Khi đệ tử có lỗi, thầy phải dạy bảo hết lòng, không nên vì tình thương mà bỏ qua không nói đến; hoặc là khi đệ tử có lỗi nhẹ mà nổi giận khiển trách một cách gay gắt. Làm như thế là cư xử không thích đáng. Người trên đã tự coi thường mình thì phép mô phạm không được tuân thủ, người dưới sẽ bất bình, việc phụng sự sẽ chênh mảng. Thế nên phải xử sự thích đáng, mừng giận

đúng lúc, theo đúng luật mà dạy dỗ quở trách, đó mới gọi là người hướng dẫn giỏi.

Khi khiển trách có 5 cách nói:

1. Nay tôi khiển trách ông, ông hãy đi đi.
2. Ông đừng vào phòng tôi.
3. Ông đừng làm thị giả cho tôi nữa.
4. Ông đừng đến chỗ tôi nữa.
5. Tôi không nói chuyện với ông.

Đó là cách Hòa thượng khiển trách đệ tử.

Người đệ tử sau khi bị khiển trách thì mỗi ngày 3 lần: sáng, trưa và chiều phải đến Hòa thượng, A-xà-lê sám hối. Cách sám hối phải làm là bỏ giày dép, để trần vai áo bên phải, chân phải quỳ xuống đất, chắp tay nói lời sám hối:

- Kính bạch Hòa thượng, con... nay xin sám hối, không dám tái phạm nữa. (nói 3 lần).

Nếu cho sám hối thì tốt, bằng không cho thì mỗi ngày phải đến sám hối 3 lần như thế. Nếu đã làm như vậy mà thầy vẫn không cho, thì phải nhúng nhường tùy thuận, tìm mọi phương tiện để sửa đổi lỗi lầm. Thế nhưng nếu đã nhúng nhường tùy thuận, mà thầy vẫn không nhận sự sám hối, thì Tăng sẽ theo đúng pháp mà trị thầy.

Nếu đệ tử bị trị phạt, chưa sám hối, mà thầy lại nhận sự cung cấp và nhận làm người y chỉ, thì đó là việc phi pháp, cần phải trị phạt thầy.

Luật Thập Tụng nói: “Nếu đệ tử có 5 điều:

1. Không thương (thầy).
2. Không kính.
3. Không hổ.
4. Không thẹn.
5. Ửa đến những nơi không đáng đến mà Hòa thượng không răn dạy, thì Hòa thượng mắc tội”.

10. Pháp khuyến và đuổi Sa-di tà kiến

Pháp Yết-ma này chia làm hai giai đoạn: Trước hết, khuyến Sa-di ấy bỏ ác kiến, nếu khuyến không có kết quả thì Tăng sẽ làm Yết-ma đuổi hẳn. Pháp Yết-ma này không cho đương sự có mặt.

Bấy giờ có 2 Sa-di Yết-ma và Ma-hầu-ca, cùng làm hạnh bất tịnh (đồng tính luyến ái), và tự bảo nhau: “Bọn chúng ta từng theo Phật nghe pháp, chúng ta hiểu rằng, việc hành dâm dục không phải là pháp chương đạo”. Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn khiển trách 2 Sa-di ấy, rồi bạch lên Thế Tôn (*Tứ Phần luật, Đ22, tr. 683c.*).

Luật Căn Bản lại nêu một trường hợp khác:

Hai Sa-di Lợi Thích và Trường Đại cùng sống chung với các Tỳ-kheo. Trong số các Tỳ-kheo có người đùa cợt, vuốt ve hai Sa-di. Sau đó, họ hối hận về hành vi bất tịnh của mình, nên nỗ lực tu tập, và chứng quả A-la-hán, có thần thông tự tại bay trên hư không. Hai Sa-di thấy thế, nên cho rằng sự hành dâm dục không phải là pháp chương đạo. Mặc dù được các Tỳ-kheo khuyến cáo rằng sự suy nghĩ của họ là ác kiến, nhưng các Sa-di vẫn cố trưng bằng chứng sai lầm của mình. (*Luật Căn Bản, Đ 23, tr. 841b*).

Khi sự kiện trên được trình lên Thế Tôn, Thế Tôn liền dạy các Tỳ-kheo bạch tứ Yết-ma khuyên can hai Sa-di kia bỏ ác kiến ấy.

Thế thức bạch Yết-ma như sau:

- *Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Các Sa-di này tự bảo nhau: “Theo chỗ chúng ta nghe pháp mà Thế tôn giảng dạy, thì việc hành dâm dục không phải là pháp chương đạo”. Tăng nay khuyên các Sa-di này bỏ việc ấy như sau: “Này các Sa-di, các người chớ phỉ báng Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn là việc bất thiện. Đức Thế Tôn không bảo như thế. Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện dạy rằng dâm dục là pháp chương đạo”. Đây là lời tác bạch.*

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Các Sa-di này tự bảo nhau: “Theo chỗ chúng ta nghe pháp mà Thế tôn giảng dạy, thì việc hành dâm dục không phải là pháp chuống đạo”. Tăng nay khuyên các Sa-di này bỏ việc ấy như sau: “Này các Sa-di, các người chớ phỉ báng Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn là việc bất thiện. Đức Thế Tôn không bảo như thế. Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện dạy rằng dâm dục là pháp chuống đạo”. Các Đại đức nào đồng ý việc Tăng khiển trách những Sa-di này bỏ ác kiến thì im lặng, ai không đồng ý hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ 2, lần thứ 3 cũng thế).

- Tăng đã đồng ý khiển trách các Sa-di này, vì im lặng; tôi ghi nhận như vậy.

Theo luật, sự khuyên can Sa-di bỏ ác kiến này không giống với thể thức khuyên can Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni. Vì khi khuyên can Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thì phải tuần tự khuyên can đến 3 giai đoạn.

Nếu Tăng đã ba lần Yết-ma xong mà Sa-di không bỏ ác kiến, thì sẽ làm Yết-ma đuổi hẳn.

The thể thức bạch Yết-ma như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Các Sa-di này đã được Tăng khuyến cáo bỏ ác kiến, mà ngoan cố không bỏ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho các Sa-di này pháp Yết-ma đuổi hẳn,

bảo như sau: “Này các Sa-di, từ nay trở đi, các người không được nói: Phật là đức Thế Tôn của con, không được đi theo các Tỳ-kheo khác. Những Sa-di khác được ngủ chung phòng với Tỳ-kheo hai đêm, ba đêm, nhưng các người thì không được. Các người hãy rời khỏi đây, đi nơi khác, không được ở đây nữa”. Đây là lời tác bạch.

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Các Sa-di này đã được Tăng khuyến cáo bỏ ác kiến, mà ngoan cố không bỏ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho các Sa-di này pháp Yết-ma đuổi hẩn, bảo như sau: “Này các Sa-di, từ nay trở đi, các người không được nói: Phật là đức Thế Tôn của con, không được đi theo các Tỳ-kheo khác. Những Sa-di khác được ngủ chung phòng với Tỳ-kheo hai đêm, ba đêm, nhưng các người thì không được. Các người hãy rời khỏi đây, đi nơi khác, không được ở đây nữa”. Các Đại đức nào đồng ý việc Tăng cho những Sa-di này pháp Yết-ma đuổi hẩn thì im lặng; ai không đồng ý hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất, (lần thứ 2, lần thứ 3 cũng thế).

- Tăng đã đồng ý cho các Sa-di này pháp Yết-ma đuổi hẩn, vì im lặng; tôi ghi nhận như vậy.

Làm Yết-ma xong, phải đuổi những Sa-di ấy ra khỏi già lam. Các Tỳ-kheo không được chứa chấp. Trong trường hợp Sa-di phạm 4 trọng giới thì nên làm Yết-ma đuổi hẩn. Ngoài ra, nếu phạm các

tội khác thì tùy theo nặng nhẹ hoặc khuyên dạy, hoặc đuổi hẳn. Thế thức Yết-ma dựa theo trên đây, chỉ thay đổi những chỗ cần thiết.

11. Pháp Yết-ma can Tỳ-kheo-ni theo Tỳ-kheo phạm tội

Lúc bấy giờ Tỳ-kheo Xiển-đà bị Tăng cử tội, nhưng thầy không tùy thuận chúng Tăng và chúng Tăng cũng chưa giải pháp cử tội. Thế mà Tỳ-kheo-ni Ủy Thứ lại săn sóc hầu hạ Xiển-đà. Các Tỳ-kheo-ni can cô không được làm như thế, nhưng Ủy Thứ bảo rằng Tỳ-kheo Xiển-đà là anh cô, nên cô phải có bốn phận cúng dường, chăm sóc. Các Tỳ-kheo-ni liền đem việc đó bạch với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch lên Thế Tôn, Thế Tôn cho gọi Ủy Thứ đến khiển trách, rồi dạy các Tỳ-kheo-ni bạch tứ Yết-ma, cho cô Ủy Thứ pháp khiển trách. Thế thức tác bạch như sau:

- Xin Đại đức Ni Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni (mỗ giáp) này biết Tỳ-kheo (mỗ giáp) kia đã bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không tùy thuận, không sám hối. Do đó, Tăng chưa cho phép ở chung, thế mà cô này tùy thuận Tỳ-kheo ấy. Các Tỳ-kheo-ni đã bảo rằng: “Tỳ-kheo ấy đã bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không tùy thuận, không sám hối. Do

đó, Tăng chưa cho phép ở chung. Cô không được tùy thuận”, thế mà cô này vẫn ngoan cố tùy thuận. Nếu thời gian thích hợp đối với Ni Tăng, Ni Tăng nay cho cô này pháp Yết-ma khiển trách, bảo phải bỏ việc ấy: “Này sư cô! Tỳ-kheo ấy đã bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không tùy thuận, không sám hối. Do đó, Tăng chưa cho phép ở chung. Sư cô không nên tùy thuận”. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch xong, vị Yết-ma nên bảo:

- Cô nên biết, tôi đã bạch xong, còn 3 lần Yết-ma nữa, cô nên bỏ việc ấy, đừng để Ni Tăng cử tội mà thêm tội nặng.

Nếu cô ấy nghe lời khuyên bảo thì tốt, bằng không nghe lời khuyên bảo, thì phải làm Yết-ma lần thứ nhất:

- Xin Đại đức Ni Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni (mỗ giáp) này biết Tỳ-kheo (mỗ giáp) kia đã bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không tùy thuận, không sám hối. Do đó, Tăng chưa cho phép ở chung, thế mà cô này tùy thuận Tỳ-kheo ấy. Các Tỳ-kheo-ni đã bảo cô rằng: “Tỳ-kheo ấy đã bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không tùy thuận, không sám hối. Do đó, Tăng chưa cho phép ở chung. Cô không được tùy thuận”, thế mà cô vẫn ngoan cố tùy thuận. Ni

Tăng nay cho cô này pháp Yết-ma khiển trách bảo phải bỏ việc ấy: “Này sư cô! Tỳ-kheo ấy đã bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không tùy thuận, không sám hối. Do đó, Tăng chưa cho phép ở chung. Sư cô không nên tùy thuận”. Các Đại đức Ni Tăng nào bằng lòng việc Ni Tăng cho Tỳ-kheo-ni này pháp Yết-ma khiển trách bảo phải bỏ việc ấy thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất.

Làm Yết-ma lần thứ nhất xong nên bảo:

- Này cô! Tôi đã bạch Yết-ma lần thứ nhất xong, còn hai lần Yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc ấy, chớ để Ni Tăng cử tội mà thêm tội nặng.

Nếu cô ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời, thì tiếp tục làm Yết-ma lần thứ hai. Hai lần Yết-ma xong lại bảo:

- Cô nên biết, tôi đã bạch hai lần Yết-ma xong, còn 1 lần Yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc ấy, đừng để Ni Tăng cử tội mà thêm tội nặng.

Nếu cô ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời, thì làm Yết-ma lần thứ 3 như trên, rồi kết luận:

- Ni Tăng đã bằng lòng làm Yết-ma khiển trách Tỳ-kheo-ni này khiến phải bỏ việc ấy xong, vì im lặng; tôi ghi nhận như vậy.

Pháp khiển trách trên đây, nếu bạch chưa xong mà bỏ thì phạm một tội Đột-cát-la. Nếu bạch xong mới bỏ thì phạm một tội Thâu-lan-giá nhẹ. Nếu qua 1 lần bạch và 1 lần Yết-ma xong mới bỏ thì phạm 2 tội Thâu-lan-giá nhẹ. Nếu qua một lần tác bạch và 2 lần Yết-ma xong mới bỏ thì phạm 3 tội Thâu-lan-giá nặng. Nếu 3 lần Yết-ma xong mà không bỏ thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu trước khi chưa bạch thì tất cả những ai tùy thuận thầy Tỳ-kheo bị cử tội ấy đều phạm Đột-cát-la. Nếu khi tác pháp mà có Tỳ-kheo bảo: “đừng bỏ”, thì người này phạm Thâu-lan-giá. Nếu khi chưa tác pháp mà khuyên “đừng bỏ”, thì người này phạm tội Đột-cát-la. Tỳ-kheo-ni cũng thế.

(Tỳ-ni Tác Trì Tục Thích, Tục Tạng kinh 65, tr.299-300)

12. Pháp Yết-ma cảnh cáo Tỳ-kheo của Ni chúng

Phật chế pháp thứ nhất trong 8 Kính pháp của Tỳ-kheo-ni là: “Tỳ-kheo-ni dù 100 tuổi mà khi thấy Tỳ-kheo mới thọ giới cũng phải đứng dậy lễ bái, trải tòa, mời ngồi. Pháp này phải cung kính tôn trọng gìn giữ suốt đời, không được vi phạm.” Nhưng Phật cũng dạy: “Nếu có Tỳ-kheo đánh mắng Tỳ-kheo-ni, hoặc thóa mạ hoặc ném hoa, tạt nước,

hoặc nói những lời thô bỉ, trá ngụy khuyến dụ, thì cho phép Tỳ-kheo-ni bạch nhị Yết-ma tác pháp không lễ kính”. Thể thức tác bạch như sau:

- *Xin Đại đức Ni Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo (mỗ giáp) này đánh mắng Tỳ-kheo-ni, thậm chí dùng những lời trá ngụy khuyến dụ. Nếu thời gian thích hợp đối với Ni Tăng, Ni Tăng nay làm Yết-ma không lễ bái Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.*

- *Xin Đại đức Ni Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo (mỗ giáp) này đánh mắng Tỳ-kheo-ni, thậm chí dùng những lời trá ngụy khuyến dụ. Nếu thời gian thích hợp đối với Ni Tăng, Ni Tăng nay làm Yết-ma không lễ bái. Đại đức Ni nào bằng lòng Ni Tăng làm Yết-ma không lễ bái Tỳ-kheo... thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.*

- *Ni Tăng đã bằng lòng làm Yết-ma không lễ bái Tỳ-kheo... vì im lặng; tôi ghi nhận như vậy.*

Pháp Yết-ma này kết cũng như giải, đều không có sự hiện diện của bị cáo.

Nếu thầy Tỳ-kheo này, sau đó ăn năn hối cải, tùy thuận Tỳ-kheo-ni, không dám trái nghịch, thì có thể đến chùa Ni, lễ độ chấp tay xin giải pháp Yết-ma như sau: “Trước đây vì vô trí, tôi đã xúc phạm quý Sư cô, từ nay trở đi tôi hứa sẽ không tái phạm nữa, xin các Sư cô giải pháp Yết-ma cho tôi”.

Ni chúng nếu xét thấy đúng như lời trình bày của thầy, thì sẽ giải pháp Yết-ma không lễ kính.

Thể thức bạch Yết-ma như sau:

- *Xin Đại đức Ni Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo (mỗi giáp) này đã được Ni chúng làm pháp Yết-ma không lễ kính, sau đó đã tùy thuận Tỳ-kheo-ni, không dám trái nghịch. Nay đến Ni chúng xin giải pháp Yết-ma không lễ kính. Nếu thời gian thích hợp đối với Ni chúng, Ni chúng giải pháp Yết-ma không lễ kính. Đây là lời tác bạch.*

- *Xin Đại đức Ni Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo (mỗi giáp) này đã được Ni chúng làm pháp Yết-ma không lễ kính, sau đó đã tùy thuận Tỳ-kheo-ni, không dám trái nghịch. Nay đến Ni chúng xin giải pháp Yết-ma không lễ kính. Ni chúng nay giải pháp Yết-ma không lễ kính cho Tỳ-kheo... này. Đại đức Ni nào bằng lòng để Ni chúng giải pháp Yết-ma không lễ kính cho Tỳ-kheo... này thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.*

- *Ni chúng đã bằng lòng giải pháp Yết-ma không lễ kính cho Tỳ-kheo... này, vì im lặng; tôi ghi nhận như vậy.*

13. Pháp Yết-ma phú bát (tẩy chay)

Nguyên nhân sự việc gồm có 3 xuất xứ:

1/ *Tứ Phần*: Tỳ-kheo Từ Địa vì bất mãn Tỳ-kheo Đạp-bà Ma-la-tử (Dabba-Malaputta), cho rằng Tôn giả ấy chia phòng cho mình không công bằng, nên xúi bạn thân là cư sĩ Đại Ly-xa vu cáo Đạp-bà phạm tội Ba-la-di. Đại Ly-xa nghe lời Từ Địa, đợi khi Phật và chúng Tăng tập hợp, liền đến vu khống Tỳ-kheo Đạp-bà xâm phạm vợ ông. Phật liền hỏi Đạp-bà có đúng thế không. Đạp-bà bạch: “Bạch Thế Tôn, con từ lúc sinh ra cho đến ngày nay, dù trong giấc chiêm bao cũng chưa từng tưởng đến sự dâm dục, huống nữa là khi tỉnh”. Do thế, Phật bèn bảo các Tỳ-kheo gạn hỏi Đại Ly-xa. Đại Ly-xa thành khẩn thưa rằng đó là do Tỳ-kheo Từ Địa xúi ông vu cáo. Do đó, Phật bảo các Tỳ-kheo bạch nhị Yết-ma cho cư sĩ Ly-xa pháp phú bát, Tăng chúng không được qua lại tiếp xúc với Đại Ly-xa nữa.

2/ *Tăng Kỳ*: Ưu-bà-tắc Pháp Dự thường thỉnh chư Tăng đến nhà thọ trai. Mỗi lần chư Tăng đến, ông đem nghĩa lý trong kinh điển ra hỏi, vị nào trả lời không trôi chảy, ông chê bai và tỏ vẻ khinh thường ra mặt. Vì thế chúng Tăng không muốn đến nhà cư sĩ Pháp Dự nữa. Phật biết được việc đó, liền cho phép Tăng chúng làm pháp Yết-ma phú bát đối với gia đình Pháp Dự.

3/ *Bách Nhất Yết-ma* (Đ.24, tr.492b): Cư sĩ Lật Cô Tỳ Thiện Hiền, vì bị ác tri thức mê hoặc, vu

cáo Tỳ-kheo Thật Lực phạm tội Ba-la-di. Các Tỳ-kheo liền bạch lên Thế Tôn. Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo đơn bạch Yết-ma cho cư sĩ Thiện Hiền pháp phú bát.

Trước khi làm pháp Yết-ma này, Tăng chúng phải thẩm xét, nếu gia đình cư sĩ ấy có 5 sự kiện sau đây, thì Tăng sẽ thực hiện pháp Yết-ma:

1. Bất hiếu với cha.
2. Bất hiếu với mẹ.
3. Không kính trọng Sa-môn.
4. Không kính trọng Bà-la-môn.
5. Không cung phụng Tỳ-kheo.

Nếu trái lại 5 việc trên thì không nên làm Yết-ma phú bát. Hoặc gia đình nào có 10 pháp sau đây cũng nên làm Yết-ma phú bát:

1. Mắng chửi, hủy báng Tỳ-kheo.
2. Làm cho Tỳ-kheo bị tổn hại.
3. Làm cho Tỳ-kheo mất lợi ích.
4. Làm cho Tỳ-kheo không có chỗ ở.
5. Đấu tranh, gây rối loạn chúng Tỳ-kheo.
- 6.7.8. Nói xấu Phật, pháp, Tăng trước mặt Tỳ-kheo.
9. Vu khống Tỳ-kheo phạm hạnh bất tịnh.

10. Xâm phạm đến Tỳ-kheo-ni.

Thể thức tác bạch như sau:

- *Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Cư sĩ (mỗ giáp) này vu khống Tỳ-kheo thanh tịnh (mỗ giáp) phạm tội Ba-la-di vô căn cứ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho cư sĩ... pháp Yết-ma phú bát, không qua lại gia đình ấy nữa. Đây là lời tác bạch.*

- *Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Cư sĩ (mỗ giáp) này vu khống Tỳ-kheo thanh tịnh (mỗ giáp) phạm tội Ba-la-di vô căn cứ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho cư sĩ... pháp Yết-ma phú bát; không qua lại gia đình ấy nữa. Các Đại đức nào bằng lòng việc Tăng làm Yết-ma phú bát không qua lại gia đình ấy nữa thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.*

Tăng đã bằng lòng cho cư sĩ... pháp Yết-ma phú bát, vì im lặng, tôi ghi nhận như vậy.

Sau khi Tăng làm Yết-ma xong, liền cử một sứ giả đến báo cho gia đình ấy biết rằng Tăng đã làm Yết-ma phú bát đối với gia đình ông. Sứ giả do Tăng sai cần có 8 đức tính như sau:

1. *Có thể nghe:* Khi được Tăng sai bảo ủy thác, nghe rõ, ghi nhớ không sai sót.
2. *Có thể nói:* Đối với các bậc trí thức không hề khiếp sợ.

3. *Tự hiểu được vấn đề*: Tự mình lãnh hội được sự việc, không cần người khác chỉ bảo.
4. *Có thể làm cho người khác hiểu*: Biết người ta muốn gì nói ra hợp với ý họ.
5. *Có thể nhận lời chỉ bảo của người*: Biết lãnh hội những lời nói có ích, không nói những lời tổn hại.
6. *Có thể ghi nhớ*: Thông suốt sự việc và nghĩa lý, khéo hộ trì giới luật.
7. *Không làm lẫn*: Trình bày chính xác, không nói lộn xộn.
8. *Phân biệt được việc phải trái*: Khi bị chất vấn không bối rối, trình bày khiến người ta hoan hỷ.

(*Tỳ-ni Tác Trì Tục Thích, Tục Tạng 65, tr.306*).

Nếu cư sĩ này, sau đó ăn năn sám hối, tùy thuận chúng Tăng, không dám trái nghịch, thì có thể đến chúng Tăng xin giải pháp Yết-ma phú bát, và Tăng sẽ làm Yết-ma như sau:

- *Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Vừa rồi Tăng đã cho cư sĩ... pháp Yết-ma phú bát, không qua lại gia đình ấy nữa. Nay cư sĩ ấy đã tùy thuận chúng*

Tăng, không dám trái nghịch, đến xin Tăng giải pháp Yết-ma phú bát. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay giải pháp Yết-ma phú bát cho cư sĩ... và đi lại như trước. Đây là lời tác bạch.

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Vừa rồi Tăng đã cho cư sĩ... pháp Yết-ma phú bát, không qua lại gia đình ấy nữa. Nay cư sĩ ấy đã tùy thuận chúng Tăng, không dám trái nghịch, đến xin Tăng giải pháp Yết-ma phú bát. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng giải pháp Yết-ma phú bát cho cư sĩ... và đi lại như trước thì im lặng, ai không bằng lòng thì nói.

- Tăng đã bằng lòng giải pháp Yết-ma phú bát cho cư sĩ và đi lại như trước, vì im lặng, tôi ghi nhận như vậy.

(Tăng kỳ IV, tr. 51)

14. Pháp Yết-ma công nhận học gia

(Đây thuộc về loại Yết-ma bảo vệ)

Từ học gia là chỉ cho gia đình cả hai vợ chồng đều đã kiến đế, tức đã chứng đắc thánh quả từ Dự Lưu đến Bất Hoàn. Xuất xứ của pháp Yết-ma này mỗi bộ nêu một gia đình khác nhau, nhưng đều là các thánh đệ tử tại gia nổi tiếng thời đức Phật. Theo Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da Bách Nhất Yết-ma (Đ.24, tr.475) thì đây là gia

đình trưởng giả Sư Tử. Sau khi nghe Phật thuyết pháp, họ đã đoạn trừ phiền não, chứng quả Dự Lưu ngay tại chỗ. Do đó, đối với Tam bảo họ phát khởi lòng tịnh tín sâu xa, thường đem tài sản đến cúng dường, đến nỗi gia cảnh trở nên khánh kiệt, nên bị các người thế tục chê bai. Vì thế, đức Phật bảo các Tỳ-kheo tác pháp Yết-ma học gia, ngăn không cho các Tỳ-kheo đến nhà trưởng giả Sư Tử nữa. Thế thức bạch Yết-ma như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Có một gia đình cư sĩ ở tại..., cả hai vợ chồng đều đã thành tựu tịnh tín, là đệ tử Phật, tài sản bị khánh tận. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay tác pháp Yết-ma xác nhận đó là học gia. Các Tỳ-kheo không ai được đến gia đình ấy để nhận thức ăn. Đây là lời tác bạch.

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Có một gia đình cư sĩ ở tại..., cả hai vợ chồng đều đã thành tựu tịnh tín, là đệ tử Phật, tài sản bị khánh tận. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay tác pháp Yết-ma xác nhận đó là học gia. Các Tỳ-kheo không ai được đến gia đình ấy để nhận thức ăn. Các Đại đức nào bằng lòng việc Tăng tác Yết-ma xác nhận cư sĩ ấy là học gia thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng tác Yết-ma xác nhận cư sĩ ấy là học gia, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Nếu qua một thời gian, gia đình ấy làm ăn phát đạt, đời sống trở nên sung túc, thì họ có thể đến thỉnh cầu chư Tăng giải pháp Yết-ma học gia bằng cách tác bạch như sau:

- Kính bạch Đại đức Tăng! Con là... có niềm tin kiên cố thuần thành đối với Tam bảo, thường đem tài sản bố thí cúng dường những người đến xin, không hề hối tiếc. Do nhân duyên ấy mà tài sản trở nên khánh kiệt, dẫn đến bần cùng. Đại đức Tăng vì thể thương tưởng, tác pháp Yết-ma học gia đối với gia đình con, khiến Thánh chúng không đến nhà con. Hiện nay, tài sản của con đã sung túc trở lại. Con đến thỉnh cầu chư Tăng giải pháp Yết-ma học gia cho gia đình con. Ngưỡng mong Đại đức Tăng từ bi hứa khả. (bạch 3 lần)

Nếu xét thấy đúng như lời trình bày của gia chủ thì Tăng sẽ làm Yết-ma giải pháp học gia, bằng cách tác bạch như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Có một gia đình cư sĩ ở tại... cả hai vợ chồng đều đã thành tựu tịnh tín, là đệ tử Phật. Do nhiệt tình bố thí cúng dường, nên gia sản của họ trở nên khánh kiệt. Vì thế, trước đây Tăng đã tác pháp Yết-ma học gia cho gia đình ấy. Nay gia đình ấy tài vật đã sung túc

như trước, nên đến thỉnh cầu Tăng giải pháp Yết-ma học gia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay giải pháp Yết-ma học gia cho gia đình ấy. Đây là lời tác bạch.

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Có một gia đình cư sĩ ở tại... cả hai vợ chồng đều đã thành tựu tịnh tín, là đệ tử Phật. Do nhiệt tình bố thí cúng dường, nên gia sản của họ trở nên khánh kiệt. Vì thế, trước đây Tăng đã tác pháp Yết-ma học gia cho gia đình ấy. Nay gia đình ấy tài vật đã sung túc như trước, nên đến thỉnh cầu Tăng giải pháp Yết-ma học gia. Tăng nay giải pháp Yết-ma học gia cho gia đình ấy. Các Đại đức nào bằng lòng việc Tăng giải pháp Yết-ma học gia thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

- Tăng đã bằng lòng giải pháp Yết-ma học gia cho cư sĩ ấy, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Pháp Yết-ma này không được thực hiện khi có sự hiện diện của đối tượng Yết-ma. Sau khi Tăng giải pháp Yết-ma xong, các Tỳ-kheo sẽ đi lại gia đình ấy thọ nhận thức ăn như trước.

(Tỳ-ni Tác Trì Tục Thích, Châu Hoằng, Tục Tạng 65, tr.290).

Chương 4

GIỚI BỒ-TÁT

I. KINH ĐIỂN CĂN BẢN CỦA GIỚI BỒ-TÁT

Những Kinh điển liên quan đến giới pháp mà Bồ-tát phải thọ trì được đề cập trong sáu bản sau đây:

- 1. Bồ-Tát Anh Lạc Bản Nghiệp Kinh**
- 2. Phạm Võng Kinh Bồ-Tát Giới Bản**
- 3. Du-Già Sư Địa Luận Bồ-Tát Giới Bản**
- 4. Bồ-Tát Địa Trì Kinh**
- 5. Bồ-Tát Thiện Giới Kinh**
- 6. Ưu-Bà-Tắc Giới Kinh**

Sau đây là tóm lược nội dung của phần Giới kinh trong các bản Kinh trên.

1. Bồ-tát anh lạc bản nghiệp kinh

Kinh này ở trong Đại Chính Tạng, tập 24, ký hiệu 1485, do Trúc Phật Niệm đời Diêu Tần dịch khoảng năm (376-378), gồm hai quyển, tám phẩm. Nội dung kinh nói về 52 thứ bậc của Bồ-tát. **Anh**

lạc bản nghiệp là lối dụng ngữ theo hệ thống Kinh Hoa Nghiêm, cho nên giáo tướng của kinh này với kinh Hoa Nghiêm phù hợp nhau rất nhiều chỗ. Vì dùng 52 địa vị của Bồ-tát là: **Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Vô Cấu Địa và Đẳng Giác Địa** mà có tên gọi như vậy. Ở phần bài tựa của phẩm Đại Chúng Thọ Học nói về tam tụ tịnh giới như sau:

- Dùng 84.000 pháp môn lập ra **Nhiếp Thiện Pháp Giới**.

- Dùng từ bi hỷ xả, 4 vô lượng tâm lập ra **Nhiếp Chúng Sinh Giới**. (Nhiều Ích Hữu Tình Giới).

- Dùng 10 Ba-la-di lập ra **Nhiếp Luật Nghi Giới** (10 Ba-la-di này với 10 trọng giới của kinh Phạm Võng giống nhau).

Bản kinh này ngoài ảnh hưởng của Kinh Hoa Nghiêm còn chịu ảnh hưởng của kinh Phạm Võng khá nặng; vì nội dung của Tam tụ tịnh giới thuộc giới Đại thừa. Đặc biệt là giới Bồ-tát có pháp thọ mà không có pháp bỏ, một lần thọ là vĩnh viễn không mất, dù phạm giới Ba-la-di cũng không mất giới thể. Vì chủ trương giới lấy tâm làm thể.

Khi khảo cứu bản kinh này thì tại Ấn Độ không có căn cứ lịch sử thật sự. Mọi thứ kinh luật tại Trung Quốc từ “Pháp Kinh Lục” trở đi đều chép là do Trúc Phật Niệm đời Diêu Tần dịch; nhưng trong phần dịch kinh thuộc “Xuất Tam Tạng ký tập” thì không thấy tên của nó, mà thấy ghi trong phần Thất dịch tập kinh lục (những kinh lục tập loại mất tên người dịch). **Lịch Đại Tam Bảo Ký** nói rằng ngoài bản dịch của Trúc Phật Niệm còn có bản dịch của Trí Nghiêm đời Tống. Thế nhưng, các học giả hiện đại căn cứ tính chất không xác định về dịch giả và nội dung của kinh để kiểm tra thì cho rằng bản kinh này do người Trung Quốc biên soạn. (PQĐTĐ, tr.5227a).

2. Phạm Võng kinh Bồ-tát giới bản

Kinh này ở trong Đại Chánh Tạng tập 24, ký hiệu 1484, tương truyền do Cưu-ma-la-thập (344-413) đời Hậu Tần dịch (nhưng chưa có gì chắc chắn), gồm 2 quyển, thuyết minh về cấp bậc tu hành của Bồ-tát và giới tướng của 10 giới trọng và 48 giới khinh. Theo bài tựa của kinh này do Tăng Triệu viết thì nguyên bản đầy đủ gồm 61 phẩm, 112 quyển mà bản này là phẩm thứ 10 của bộ đó. Vì giáo pháp của chư Phật trùng trùng vô tận, dùng để trang nghiêm pháp thân mà không chướng ngại nhau giống như mạng lưới của Phạm Thiên vương, do đó nên kinh này có tên là kinh Phạm Võng.

Quyển thượng trình bày việc đức Phật Thích Ca tiếp độ đại chúng tại cõi thiên thứ tư khiến họ trở về cung Kim Cương Quang Minh ở thế giới Liên Hoa Tạng, bằng cách đưa thánh chúng đến trước đức Lô-Xá-Na hỏi về nhân hạnh của Bồ-tát, rồi đức Lô-Xá-Na nói rộng về 10 phát thú, 10 tâm trưởng dưỡng, 10 tâm kim cương và 40 pháp môn của Thập-địa.

Quyển hạ trình bày về 10 giới trọng và 48 giới khinh của Bồ-tát, dựa theo sự chỉ dạy của đức Thích Ca ngay dưới cội Bồ đề tại thế giới Ta-bà này.

Kinh này được xem là thuộc quyển kinh đệ nhất nói về giới luật của Đại thừa, được giới Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam trọng thị. Vị tăng Nhật Bản là Tối Trừng căn cứ vào nội dung của kinh cho rằng nó có liên quan đến giới luật ở thời điểm mà nó xuất hiện. Giới của kinh này khác với giới của Tiểu thừa, vì không phân biệt tại gia, xuất gia, chủ trương căn cứ vào giới cộng thông của chúng sinh, lấy việc tự giác về Phật tính làm cơ sở.

Bản kinh này được xem là thuộc hệ thống của Kinh Hoa Nghiêm. Tuy nhiên về nội dung còn được dẫn dụng từ nhiều kinh khác. Do đó, các học giả suy định rằng nó không phải được dịch từ Phạn văn mà do người Trung Quốc biên soạn vào khoảng

cuối đời Lưu Tống. Xưa nay bản kinh này được thịnh hành nhất là quyển hạ, và gọi là Phạm Võng Bồ-tát Giới Kinh, Bồ-tát Giới Bản v.v... Về số giải có rất nhiều, nhưng các bản sau đây là chủ yếu:

1. **Bồ-tát giới nghĩa số**, 2 quyển, do Trí Khải đời Tùy soạn.

2. **Bồ-tát giới số**, 3 quyển, do Minh Khoáng đời Đường soạn để bổ sung bộ số giải của Trí Khải.

3. **Phạm Võng Kinh Bồ-tát giới bản số**, 6 quyển, do Pháp Tạng đời Đường soạn.

4. **Bồ-tát giới bản số**, 3 quyển, do Nghĩa Tịch, người Tân La (Triều Tiên) thuật.

(PQĐTD, tr.4642c-3c)

3. Du-già sư địa luận Bồ-tát giới bản

Giới bản này được gọi gọn là **Bồ-tát giới bản**, nằm trong Đại Chính Tạng, tập 24, với ký hiệu 1501, do Pháp sư Huyền Trang (600-664) dịch. Giới bản này thuộc quyển 40 và 41 của bộ Du-già Sư địa luận, gồm 100 quyển, cũng do Huyền Trang dịch và được đưa vào Đại Chính Tạng tập 30. Nội dung của Giới bản này trình bày 4 giới Tha Thắng (Ba-la-di) và 3 giới khinh; lấy Tam tụ tịnh giới làm cơ sở; tuy cũng gồm chung cả đạo tục, nhưng trước hết phải là 7 chúng đệ tử thuộc Tiểu thừa đã thọ giới trải qua

một thời gian không vi phạm, thì mới được thọ giới này. Thế nên, đây thuộc về loại Tiệm giới.

4. Bồ-tát địa trì kinh

Giới bản của bộ kinh này có tên là **Bồ-tát Giới bản**, gồm 1 quyển ở trong Đại Chính Tạng, ký hiệu 1500, do Đàm Vô Sấm (385-433) đời Bắc Lương dịch. Giới bản này thuộc về quyển 4 trong bộ **Bồ-tát Địa Trì Kinh** gồm 10 quyển, do Đàm Vô Sấm dịch, được đưa vào Đại Chính Tạng tập 30. Nội dung của Giới bản trình bày giới văn của Bồ-tát gồm 4 giới Ba-la-di và 41 giới khinh. Tương truyền bộ **Bồ-tát Địa Trì Kinh** do đức Di-lặc thuyết, luận sư Vô Trước chép, nhưng người Tây Tạng cho rằng đây là tác phẩm của Vô Trước.

5. Bồ-tát thiện giới kinh

Bản kinh này gồm 2 bản, đều do Cầu-na-bạt-ma (367-431) đời Lưu Tống dịch và được đưa vào Đại Chính Tạng tập 30. Bản đầu gồm 9 quyển, ký hiệu là 1582, gồm phần Bài tựa, Chánh tông và phần Lưu thông. Bản hai gồm 1 quyển, ký hiệu là 1583, được rút ra từ quyển 4 và 5 của bộ 9 quyển; nội dung trình bày về 8 giới trọng và 46 giới Đột-cát-la (giới khinh) của Bồ-tát; nghĩa là chỉ có phần Chánh tông.

Bản 9 quyển này được sao ra từ Bồ-tát Địa trong Du-già Sư Địa Luận, và được chỉnh lý thành thể tài của kinh.

6. Ưu-bà-tắc giới kinh

Bản kinh này tiếng Phạn là Upāsaka-sīla-sutra, gồm 7 quyển, 28 phẩm, do Đàm Vô Sấm đời Bắc Lương dịch năm 426, được đưa vào Đại Chính Tạng tập 24, ký hiệu là 1488. Ngoài ra, nó còn có tên là **Thiện Sanh Kinh Ưu-bà-tắc Giới bản**. Phật vì trưởng giả Thiện Sanh mà nói về Tam quy ngũ giới cho hàng Đại thừa tại gia có niềm tin. Nội dung thuyết minh về phát tâm, lập nguyện, tu hành, trì giới, tinh tấn, thiền định, trí huệ v.v... Đặc biệt tại phẩm Thọ Trì, trừ việc thuyết minh về năm giới của tại gia Bồ-tát, còn đề cập đến 6 pháp, 28 thất ý có liên quan đến giới pháp Đại thừa 10 trọng, 48 khinh của kinh Phạm Võng. Bản kinh này có dẫn nhiều tên kinh luật nên địa vị của nó khá đặc biệt, được người Trung Quốc rất trọng thị. (*PQĐTĐ*, tr.6409c).

Mấy điểm cần ghi nhận:

- Nếu phân biệt về phương diện chốn tiệm thì Kinh Anh Lạc (số 1), Phạm Võng (số 2) thuộc về **đốn giới**; Kinh Du-già (số 3), Địa Trì (số 4), Thiện Giới (số 5) và Ưu-bà-tắc (số 6) thuộc về **tiệm giới**.

- Hai Kinh Anh Lạc, Phạm Võng đều có nguồn gốc từ hệ thống Kinh Hoa Nghiêm và được các học giả suy định là do người Trung Quốc biên soạn.

- Ba Kinh Du-già, Địa Trì và Thiện Giới đều bắt nguồn từ luận Du-già Sư Địa, cùng chung một nguyên bản, nhưng khác bản dịch, do đó, có tính cách đại đồng tiểu dị.

- Phạm Võng giới bản có vẻ khắt khe phiền toái hơn, người thọ rồi phải tuyệt đối y giáo phụng hành, tuân thủ nghiêm chỉnh giới trọng cũng như giới khinh; còn Du-già giới bản có vẻ phương tiện quyền xảo hơn, dù nhiễm ô cũng chưa phải đã phạm.

- Tại Trung Quốc, Phạm Võng giới bản tỏ ra thịnh hành; còn tại Tây tạng thì chỉ dùng Du-già giới bản.

- Ưu-bà-tắc giới thuộc giới Đại thừa của người tại gia chứ chưa hẳn là giới Bồ-tát.

II. NỘI DUNG CÁC GIỚI BẢN

A. Giới bản Phạm Võng

★ 10 Giới trọng

1. Không được tàn sát:

Là Phật tử thì phải khởi tâm từ bi che chở và cứu giúp tất cả mọi loài, tuyệt đối không được dùng bất cứ phương tiện gì để tàn sát hay bảo người tàn sát bất cứ một sinh vật nào.

2. Không được trộm cướp:

Là Phật tử thì phải phát tâm từ bi khuyên người làm phước, cho nên không được tự mình trộm cướp hay bảo người trộm cướp bất cứ một vật gì của bất cứ ai, dù vật nhỏ nhiệm như cây kim ngọn cỏ cũng không được cố ý trộm cướp.

3. Không được dâm dục:

Là Phật tử thì phải phát tâm từ bi cứu độ tất cả, cho nên không được tự mình dâm dục hay bảo người dâm dục với bất cứ nữ nhân nào, thậm chí đối với thiên nữ hay giống cái nào trong loài vật cũng đều không được cố ý dâm dục.

4. Không được vọng ngữ:

Là Phật tử thì phải phát ngôn chân chính và khuyên người nói lời chân chính, cho nên tuyệt đối không được tự mình vọng ngữ hay bảo người vọng ngữ với bất cứ phương cách nào.

5. Không được buôn rượu:

Là Phật tử thì phải làm cho chúng sinh phát sinh trí tuệ, cho nên không được tự mình mua bán rượu hay bảo người mua bán rượu, vì rượu là nhân tố gây ra mọi thứ tội lỗi.

6. Không được nói xấu đồng đạo:

Là Phật tử thì không lược nói xấu những người đồng đạo; khi nghe những kẻ ác tâm trong hàng ngũ ngoại đạo và nhị thừa công kích những sai trái trong tổ chức Phật giáo còn phải sinh tâm từ bi giáo hóa họ từ bỏ ác tâm, hướng gì lại tự mình bôi mớ những lỗi lầm của người đồng đạo, dù xuất gia hay tại gia.

7. Không được khen mình chê người:

Là Phật tử thì lẽ ra phải thay thế hết thảy chúng sinh chịu lấy những sự phỉ báng và tủ nhục, việc xấu thì nhận về cho mình, việc tốt thì dành cho người khác, thế nên, không được tự tán dương mình mà phỉ báng người khác.

8. Không được tiếc lẫn tài, pháp:

Là Phật tử thì khi gặp bất cứ người nghèo thiếu nào đến cầu xin, cũng phải tùy theo nhu cầu của họ mà cung cấp những thứ mình có; hoặc có ai đến cầu xin nghe pháp cũng phải giảng giải cho họ hiểu; thế nên, không được tự mình tiếc lẫn tài,

pháp hay bảo người tiếc lẫn tài pháp mà không chịu phát tâm bố thí.

9. Không được giận dữ không nguôi:

Là Phật tử thì không được giận dữ hay bảo người giận dữ mà phải sinh tâm từ bi khoan dung đối với tất cả chúng sinh, nhất là những kẻ đã xúc phạm mình; khi họ biết ăn năn cầu xin sám hối, thì không được mắng chửi, đánh đập hay cự tuyệt sự hối lỗi của họ.

10. Không được phỉ báng Tam bảo:

Là Phật tử thì không được tự mình phỉ báng hay bảo người phỉ báng Tam bảo; khi nghe kẻ ngoại đạo hay người ác tâm buông lời phỉ báng đức Phật thì cảm thấy như tim mình bị 300 mũi kiếm đâm vào, huống gì lại tự miệng mình thốt ra lời phỉ báng.

Nếu Phật tử phạm một trong mười điều trên tức là phạm tội Ba-la-di của Bồ-tát.

★ 48 Giới khinh

1. Không được bất kính với thầy bạn.

Nếu Phật tử sắp nhận địa vị quốc vương, đại thần thì nên thọ giới Bồ-tát; khi thọ giới rồi phải sinh tâm cung kính tôn trọng các bậc tôn túc giáo phẩm; khi trông thấy các ngài phải đứng dậy tiếp đón, chào hỏi lễ độ, chứ không được sinh tâm kiêu căng vô lễ.

2. Không được uống các thứ rượu.

Là Phật tử thì không được uống rượu hoặc mời người khác uống, vì rượu là nguyên nhân phát sinh vô số lỗi lầm, do đó, bất cứ loại rượu gì cũng không được uống.

3. Không được ăn các thứ thịt

Là Phật tử thì không được ăn thịt của bất cứ loại sinh vật nào, vì ăn thịt thì làm hỏng mất hạt giống từ bi, khiến sinh vật trông thấy đều khiếp sợ bỏ chạy.

4. Không được ăn đồ cay nồng.

Là Phật tử thì không được ăn 5 thứ cay nồng là tỏi, kiệu, hành, nén và hẹ.

5. Không được không khuyển người sám hối.

Là Phật tử thì khi thấy người đồng giới phạm tội, phải khuyên bảo họ thành tâm sám hối, chứ không được làm ngơ trước tội lỗi của họ.

6. Không được không cầu chánh pháp.

Là Phật tử thì khi trông thấy các vị pháp sư tinh thông giáo pháp Đại thừa đi đến, phải đứng dậy cung kính đón tiếp lễ bái, cung cấp các thứ cần

thiết, đồng thời cung thỉnh vị pháp sư ấy thuyết pháp cho mình nghe mỗi ngày 3 lần.

7. Không được không đi nghe pháp.

Là Phật tử thì khi biết nơi nào có vị pháp sư thuyết giảng kinh điển, giới pháp, đều phải đến nghe và tiếp thu một cách thành kính.

8. Không được phản lại giới pháp Đại thừa.

Là Phật tử thì không được phản bội giáo pháp Đại thừa, cho rằng giáo pháp ấy không do Phật thuyết, rồi thọ trì những kinh luật của Nhị thừa, ngoại đạo ác kiến, với nội dung phủ nhận Phật tính.

9. Không được không giúp đỡ người bệnh.

Là Phật tử thì khi thấy bất cứ người bệnh nào cũng phải hết lòng chăm sóc như phụng sự chính đức Phật, nhất là khi cha mẹ, sư trưởng đau ốm lại càng phải dốc lòng chữa trị; vì trong các đám ruộng phước thì sự chăm sóc người bệnh là đám ruộng phước tốt nhất.

10. Không được tàng trữ dụng cụ sát sinh.

Là Phật tử thì không được tàng trữ bất cứ dụng cụ gì có thể dùng để sát hại sinh vật, vì lẽ Phật tử Bồ-tát thì đối với kẻ sát hại cha mẹ mình, cũng không được giết lại để trả thù, huống chi lại tàng trữ những vật dùng để sát hại các sinh vật vô tội.

11. Không được làm kẻ chủ mưu gây chiến.

Là Phật tử thì không được vì lợi lộc hay vì ác ý mà làm sứ thần liên minh quân sự, gây ra chiến tranh, làm tổn hại sinh mệnh của đồng loại.

12. Không được buôn bán tàn nhẫn.

Là Phật tử thì không được cố ý buôn bán người, súc vật và các dụng cụ ma chay.

13. Không được vô cớ phỉ báng người khác.

Là Phật tử thì không được vu khống những người hiền lương nhân đức, những vị pháp sư, Hòa thượng v.v... rằng họ phạm 7 tội nghịch, 10 giới nặng một cách vô cớ.

14. Không được thiêu đốt bữa bái.

Là Phật tử thì không được sinh tâm tàn ác phóng hỏa đốt cháy núi rừng, đồng nội, đến nỗi lửa

cháy lan đến thành ấp, xóm làng, nhà cửa và cây cối của dân chúng.

15. Không được chỉ dạy sai lệch.

Là Phật tử thì phải hướng dẫn, chỉ dạy kinh luật Đại thừa cho bất cứ ai cần đến, chứ không được chỉ dạy cho họ kinh luật của Nhị thừa và học thuyết của ngoại đạo tà kiến.

16. Không được nói pháp rối loạn.

Là Phật tử thì phải học tập thấu đáo kinh giới của Đại thừa, rồi đem thuyết giảng cho những ai cần đến một cách chính xác, chứ tuyệt đối không được vì tham lợi mà giảng giải rối loạn, sai lạc kinh điển và giới pháp của Đại thừa.

17. Không được ý thế ham cầu.

Là Phật tử thì không được vì lợi lộc, danh vọng mà thân cận giới quyền quý, rồi cậy thế lực của họ, yêu sách, chiếm đoạt tài sản của người khác một cách ngang ngược.

18. Không được mù mờ làm thầy.

Là Phật tử thì phải thọ trì, học hỏi giới pháp của Bồ-tát cho thông suốt, chứ không được mù mờ mà làm pháp sư truyền giới cho người khác.

19. Không được hủy báng người có giới đức.

Là Phật tử thì không được sinh tâm xấu ác phỉ báng, vu khống những vị Tỳ-kheo có giới đức một cách vô cớ.

20. Không được không phóng sinh và làm phước.

Là Phật tử thì phải thực hiện phóng sinh và khuyến khích mọi người phóng sinh, đồng thời phải xem hai giới nam, nữ như cha mẹ của chính mình, nhất là khi cha mẹ, anh em qua đời, phải cung thỉnh pháp sư thuyết giảng kinh giới Bồ-tát, để tạo phước lành cầu cho họ được siêu sinh.

21. Không được giận dữ báo thù.

Là Phật tử thì không được trả thù đối với những kẻ đã gây họa cho mình, vì lẽ, tàn sát sự sống là trái với đạo hiếu sinh của Bồ-tát; nhất là những Bồ-tát xuất gia thì càng phải thể hiện tâm đại bi xóa bỏ mọi oán thù.

22. Không được kiêu căng không học.

Là Phật tử thì không được tự thị thông minh, giàu sang, địa vị, tuổi tác, rồi khinh thường những vị pháp sư nghèo hèn, thấp kém, nhỏ tuổi, vì thế

không chịu đến thọ giáo, mặc dù họ có đủ tài đức xứng đáng để dạy bảo mình.

23. Thọ giới phải đúng quy định, không được không truyền kinh giới.

Là Phật tử, sau khi Phật Niết-bàn, muốn thọ giới Bồ-tát, mà trong vòng ngàn dặm không có vị pháp sư truyền giới, thì có thể sám hối cho đến khi nào thấy được tướng tốt, rồi tự thọ giới trước tượng Phật, Bồ-tát là đắc giới. Nếu không thấy được tướng tốt thì có thọ cũng không đắc giới. Nhưng, nếu thọ trước vị pháp sư, thì thọ là đắc giới, vì do sự kế thừa liên tục. Hơn nữa, nếu là pháp sư thì không được tự cho mình thông hiểu kinh luật, thân cận kẻ quyền quý, rồi khinh khi những người tha thiết cầu học, không chịu giải đáp những thắc mắc của họ.

24. Không được học các sách khác

Là Phật tử thì không được bỏ giáo pháp cao quý của Đại thừa mà học tập sách vở phỉ nhận Phật tánh của Nhị thừa, ngoại đạo và những luận thuyết thế tục tạp nhạp khác.

25. Không được lạm dụng gây rối.

Là Phật tử, sau khi Phật Niết-bàn, nếu có trách nhiệm điều hành các pháp sự và những cơ sở

của giáo hội, thì phải khéo léo hòa giải mọi sự mâu thuẫn và giữ gìn chu đáo các vật dụng của Tam bảo.

26. Không được không đãi khách Tăng chu đáo.

Là Phật tử đã thọ giới Tỳ-kheo Bồ-tát, khi thấy những khách Tăng từ xa đến thì phải đón rước, tiếp đãi niềm nở, ân cần, cung cấp cho họ những nhu yếu cần thiết. Nếu có thí chủ cúng dường chúng Tăng thì phải cúng dường các vị khách Tăng bình đẳng như những Tỳ-kheo cưu trú.

27. Không được thọ thỉnh riêng biệt.

Là Phật tử thì tuyệt đối không được lấy những lợi dưỡng mà thí chủ cúng dường (cho Tăng) làm của mình, vì những lợi dưỡng ấy là của chư Tăng mười phương.

28. Không được thỉnh Tăng riêng biệt

Là Phật tử, dù xuất gia hay tại gia Bồ-tát, khi muốn thỉnh chư Tăng để cúng dường cầu phước, thì phải thỉnh chư Tăng theo thứ tự mà thầy tri sự đã sắp xếp, chứ không được thỉnh riêng, vì thỉnh riêng là nề nếp của ngoại đạo. Hơn nữa, nếu thỉnh riêng

thì dù thỉnh 500 vị Thánh Tăng cũng không bằng thỉnh một vị Tăng phạm phu theo thứ tự.

29. Không được sống bằng tà mạng.

Là Phật tử thì không được vì vụ lợi, tàn ác mà làm nghề mai dâm, coi tướng, tốt xấu, đoán mộng lành dữ, làm các chú thuật và pha chế thuốc độc v.v..., vì làm những việc ấy thì trái với đạo từ bi của Bồ-tát.

30. Không được làm những việc điên đảo.

Là Phật tử thì không được sinh tâm bất kính phỉ báng Tam bảo, nói tốt làm xấu, tâm lý đảo điên, phá trai phạm giới, không tuân thủ giới luật Phật chế.

31. Không được không cứu không chuộc.

Là Phật tử sống trong thời mạt pháp đầy những nhiễu nhương, nếu thấy hàng ngoại đạo hay kẻ tàn ác đem bán các tranh tượng Phật và Bồ tát, bán các kinh luật, hoặc đem bán những người xuất gia để làm tội đòi cho quan lại, thì phải phát tâm từ bi, tìm mọi phương tiện mua lại các tranh tượng Phật, Bồ-tát và chuộc lại các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đã bị bán.

32. Không được làm tổn hại chúng sinh.

Là Phật tử thì không được cất giữ dao gậy, cung tên, mua bán gian lận, dựa thế kẻ cầm quyền

cướp đoạt tài sản của người, cũng không được dùng tâm ác độc phá hoại sự thành công của kẻ khác, và nuôi các loại súc vật như chồn heo mèo chó.

33. Không được tà tâm làm quấy

Là Phật tử thì không được sinh tâm tàn nhẫn xem nam nữ đấu sức, không được xem nghe ca múa, không được cờ bạc, bói toán và làm liên lạc cho giặc.

34. Không được rời tâm Bồ-đề

Là Phật tử thì phải nghiêm trì giới pháp đã lãnh thọ, ngày đêm 6 thời đều đọc tụng, như giữ chiếc phao khi bơi qua biển cả, và tuyệt đối không một giây phút nào rời khỏi tâm Bồ-đề.

35. Không được không phát đại nguyện

Là Phật tử thì phải phát nguyện hiếu thuận với cha mẹ, sư trưởng, Tam bảo; nguyện gặp được bậc pháp sư cao minh, nguyện kiên trì gìn giữ giáo pháp của Phật dù phải mất mạng.

36. Không được không phát đại thệ

Là Phật tử thì phải phát thệ rộng lớn, kiên trì giữ giới pháp của chư Phật, thà bỏ thân mạng, quyết không đem cái thân phá giới mà thọ dụng 4 sự cúng dường của thí chủ; thà hủy hoại 6 căn, chứ

quyết không để cho 6 căn đấm trước 6 trần mà vẫn ngang nhiên hưởng thọ thí chủ cúng dường; đồng thời thề nguyện làm cho tất cả chúng sinh đều thành Phật đạo.

37. Không được không hành đầu-đà và Bố-tát hằng tháng.

Là Phật tử thì mỗi năm phải thực hành đầu-đà trong hai kỳ mùa đông và mùa hạ; dù đi bất cứ nơi đâu cũng phải mang theo 18 vật dụng cần thiết bên mình, và không được mạo hiểm đi đến những nơi có tai nạn nguy hiểm, hằng tháng phải thực hiện Bố-tát 2 lần, đọc tụng 10 giới trọng và 48 giới khinh.

38. Không được ngồi không thứ tự.

Là Phật tử thì phải ngồi đứng có thứ tự đúng với chánh pháp, nghĩa là ai thọ giới trước thì ngồi trước, ai thọ giới sau thì ngồi sau, chứ không kể là già hay trẻ; tuyệt đối không được ngồi hỗn loạn như những kẻ ngoại đạo ngu si.

39. Không được không làm lợi lạc.

Là Phật tử thì phải khuyến hóa mọi người xây dựng chùa tháp, kiến thiết Tăng xá; trong những lúc gặp hoạn nạn đau ốm, hay khi những người thân như cha mẹ, sư trưởng v.v... qua đời,

nên trì tụng, diễn giảng kinh luật Đại thừa để cầu phước.

40. Không được chọn lựa truyền giới

Là Phật tử thì khi cho người thọ giới Bồ-tát không được chọn lựa, vì từ chư thiên các cõi trời Sắc giới, Dục giới cho đến loài người, thậm chí cả quỷ thần hễ ai nghe hiểu được tiếng nói của giới sư Bồ-tát thì đều có thể thọ giới Bồ-tát; ngoại trừ những kẻ phạm 7 tội nghịch, vì những người này dù có thọ cũng không đắc giới. Khi truyền giới rồi giới sư phải dạy giới tử mặc pháp y bằng màu sắc pha tạp (hoại sắc). Người xuất gia khi đã thọ giới Bồ-tát thì không được lay bất cứ ai dù là cha mẹ hay quốc vương.

41. Không được vì tham lợi mà làm thầy.

Là pháp sư Bồ-tát thì phải hiểu thể thức trao truyền giới pháp Bồ-tát, không được cho người phạm 7 tội nghịch thọ giới. Khi giới tử thọ giới mà phạm 10 giới nặng thì giới sư phải dạy họ sám hối trước hình tượng Phật và Bồ-tát cho đến khi nào thấy được tướng tốt như thấy Phật đến sờ trên đầu, thấy ánh sáng hay hoa sen thì tội lỗi mới tiêu tan. Nếu như không thấy được tướng tốt thì phải thọ lại giới pháp. Nếu phạm 48 giới nhẹ thì đối thủ sám hối với một vị đồng pháp thanh tịnh, tội sẽ tan biến.

Nhưng nếu phạm 7 tội nghịch thì dù có sám hối cũng không có hiệu quả. Là pháp sư thì phải am tường các vấn đề trên, chứ không được tham danh lợi mà làm thầy một cách mù mờ.

42. Không được nói giới cho kẻ ác.

Là Phật tử thì không được nói giới pháp cao quý của chư Phật cho những kẻ chưa thọ giới Bồ-tát, cho hàng ngoại đạo và những người ác, những kẻ phủ nhận Phật tính, ngoại trừ quốc vương.

43. Không được cố ý phạm giới.

Nếu Phật tử đã lãnh thọ giới pháp của chư Phật mà cố ý hủy phạm thì không được nhận mọi vật hiến cúng của thí chủ. Khi người này đi đến đâu thì bọn quỷ sẽ quét dấu chân cho mất, và sẽ bị người đời lên án là tên đạo tặc trong Phật pháp.

44. Không được không trọng kinh luật.

Là Phật tử thì phải trân trọng kinh luật Đại thừa, phải dùng những phương tiện tốt nhất để ghi chép và cất giữ vào trong hộp bằng thất bảo.

45. Không được không giáo hóa người và vật.

Là Phật tử thì phải phát tâm đại bi, khi thấy bất cứ ai đều nên khuyên thọ lãnh 3 quy y và 10

giới pháp; hoặc khi thấy loài cầm thú thì khuyên chúng phát tâm bồ-đề.

46. Không được thuyết pháp trái phép tắc.

Người xuất gia thọ giới Bồ-tát khi đi truyền giáo thì phải giữ đúng thể thức tôn quý của một vị pháp sư, không được đứng thuyết pháp cho thính chúng ngồi nghe.

47. Không được khống chế Phật giáo.

Nếu quốc vương, thái tử, đại thần v.v... đã đem đức tin thanh tịnh lãnh thọ giới pháp cao quý của chư Phật thì không được ý thị quyền quý cao sang mà phá hoại chánh pháp của Như Lai bằng cách đặt ra những quy định kiềm chế 4 chúng đệ tử của Phật xuất gia hành đạo, hoặc không cho xây chùa đúc tượng, truyền bá kinh luật; hoặc đặt ra chức thống quản để chế ngự Tăng chúng, lập sổ hộ tịch để kiểm tra chư Tăng; hoặc để cho Tỳ-kheo Bồ-tát đứng dưới đất mà bạch y cư sĩ lại ngồi trên tòa cao, trái với tôn ti trật tự theo tinh thần của giới pháp.

48. Không được phá hoại đạo pháp.

Là Phật tử đã có hảo tâm xuất gia thì không được dựa dẫm thế lực của vua quan, xuyên tạc giới pháp của Phật, bắt ép những người xuất gia phải

làm công cụ cho chính quyền. Nếu làm như thế thì đó là con vi trùng trong thân sư tử ăn thịt sư tử, là người Phật tử phá hoại Phật pháp chứ không phải ngoại đạo ma vương nào phá hoại Phật pháp. Người đã lãnh thọ giới pháp của chư Phật thì phải hết lòng gìn giữ, khi thấy kẻ ác phá hoại Phật pháp thì mình tự cảm thấy như bị trăm ngàn mũi kim đâm vào tim mình; huống gì lại đang tâm hòa theo kẻ ác để làm bằng hoại Phật pháp.

*(Bảng tóm tắt này dựa vào **Bồ-tát giới Phạm Võng** của HT. Trí Quang, xb.1994)*

B. Giới bản Du-già

*** 4 Giới trọng**

1. Vì tham cầu lợi dưỡng mà khen mình chê người thì phạm tội Tha thắng (Ba-la-di).

2. Gặp người xin tiền, xin pháp mà không bố thí, thì phạm tội Tha thắng.

3. Vì giận dữ đánh người bị thương, có người can mà không nghe, thì phạm tội Tha thắng.

4. Hủy báng giáo pháp Bồ-tát, đề xướng giáo lý mới, thì phạm tội Tha thắng.

*** 43 Giới khinh**

1. Không cúng dường Tam bảo, thì phạm Khinh tội.

2. Tham danh lợi, thì phạm Khinh tội.

3. Khinh người đồng pháp, thì phạm Khinh tội.

4. Người mời cúng dường mà không đến, thì phạm khinh tội.

5. Không nhận vật do người bố thí, thì phạm Khinh tội.

6. Không thí pháp cho người cầu xin, thì phạm Khinh tội.

7. Không làm lợi ích cho người, thì phạm Khinh tội.

8. Cùng học chung với Thanh Văn, thì phạm Khinh tội.

9. Vì phương tiện lợi tha, được làm các nghịch hạnh:

(1) Trừng trị người ác để cứu độ họ.

(2) Đoạt lại vật của kẻ cướp, để họ khỏi dọa địa ngục.

(3) Có thể hành dâm với người nữ, để cảm hóa họ.

(4) Có thể nói vọng ngữ, để cứu người khỏi đọa lạc.

(5) Có thể nói lời ly gián, để cứu người khỏi quả khổ.

(6) Có thể nói lời thô ác, để làm lợi cho người.

(7) Có thể nói thêu dệt, để dẫn người vào đường thiện.

10. Nếu cười nói múa may làm trò cười cho thiên hạ, thì phạm Khinh tội.

11. Nếu nói: “Chán Niết-bàn, không cần đoạn phiền não”, thì phạm Khinh tội.

12. Nói điên đảo pháp Bồ-tát, thì phạm Khinh tội.

13. Không cứu giúp người bị khốn khổ, thì phạm Khinh tội.

14. Nếu đánh mắng lại kẻ đánh mắng mình, thì phạm Khinh tội.

15. Không tha thứ người xâm phạm mình, thì phạm Khinh tội.

16. Không nhận người khác sám hối, thì phạm Khinh tội.

17. Giận hờn người khác mà không nguôi, thì phạm Khinh tội.

18. Tham của bố thí, ái nhiễm đồ chúng, thì phạm Khinh tội.

19. Lười biếng, mê ngủ, thì phạm Khinh tội.

20. Nói nhảm nhí mất thì giờ, thì phạm Khinh tội.

21. Kiêu căng không cầu thầy dạy, thì phạm Khinh tội.

22. Không bỏ tham dục, thì phạm Khinh tội.

23. Tham đắm thiền vị cho là công đức, thì phạm Khinh tội.

24. Nếu nói: “Bồ-tát không nên học pháp Tiểu thừa”, thì phạm Khinh tội.

25. Bỏ tạng Bồ-tát, học tạng Thanh văn, thì phạm Khinh tội.

26. Bỏ nội điển, học ngoại điển, thì phạm Khinh tội.

27. Đam mê nghiên cứu dị luận, ngoại đạo, thì phạm Khinh tội.

28. Phật pháp thậm thâm không tin mà hủy báng, thì phạm Khinh tội.

29. Dù giáo pháp khó hiểu, khó tin cũng không được hủy báng; nếu hủy báng thì phạm Khinh tội.

30. Vì sân si khen mình, chê người, thì phạm Khinh tội.

31. Kiêu căng không chịu đi nghe pháp, thì phạm Khinh tội.

32. Khinh thường, chê bai pháp sư, thì phạm Khinh tội.

33. Vì oán hận, không giúp đỡ bạn, thì phạm Khinh tội.

34. Giận dữ không giúp người bệnh, thì phạm Khinh tội.

35. Vì giận mà nói điên đảo giáo pháp cho người muốn nghe, thì phạm Khinh tội.

36. Không biết tri ân, báo ân, thì phạm Khinh tội.

37. Thấy chúng sinh gặp nạn mà không giải cứu, thì phạm Khinh tội.

38. Có người đến xin tiền, thức ăn mà không cho, thì phạm Khinh tội.

39. Nuôi Tăng chúng mà không cấp dưỡng, thì phạm Khinh tội.

40. Vì giận dữ mà không giáo hóa người khác, thì phạm Khinh tội.

41. Không tán thán người tài đức, thì phạm Khinh tội.

42. Không trị phạt kẻ đáng trị phạt, thì phạm Khinh tội.

43. Có thần túc mà không dùng để nhiếp phục kẻ ác, thì phạm Khinh tội.

(Tóm tắt Du-già Giới bản (Bồ-tát Giới bản), No.1501, Đ.24, tr.1110b)

C. Giới bản Ưu-bà-tắc

★ Sáu giới trọng

1. Từ thân này đến thân thành Phật, trong thời gian ấy, không được sát sinh.

2. Từ thân này đến thân thành Phật, trong thời gian ấy, không được trộm cắp.

3. Từ thân này đến thân thành Phật, trong thời gian ấy, không được tà dâm.

4. Từ thân này đến thân thành Phật, trong thời gian ấy, không được nói dối.

5. Từ thân này đến thân thành Phật, trong thời gian ấy, không được nói dối của người tại gia và người xuất gia.

6. Từ thân này đến thân thành Phật, trong thời gian ấy, không được bán rượu, nấu rượu.

★ 28 Giới khinh

1. Không cúng dường cha mẹ, sư trưởng, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

2. Say đắm rượu chè, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

3. Cố ý gồm ghê không chăm sóc người bệnh khổ, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

4. Khi gặp người hành khát, không nhiều thì ít, phải tùy tâm mà bố thí, nếu để họ đi về tay không, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

5. Nếu thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Trưởng lão, bậc Tôn đức, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di v.v... không đứng dậy nghinh tiếp, lễ bái hỏi thăm, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

6. Nếu thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hủy phạm giới đã thọ, sinh tâm kiêu mạn, rồi nói rằng: “Ta hơn những người kia, những người kia không bằng ta”, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

7. Trong mỗi tháng có sáu ngày trai, nếu không đi thọ Bát quan trai giới, không cúng dường Tam bảo, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

8. Trong khoảng 40 dặm, có nơi thuyết pháp, mà không đến nghe, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

9. Thọ dụng vật của thường trụ Tăng như: ngọa cụ, giường, tòa ngồi, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

10. Nghi trong nước có vi trùng, nhưng vẫn tùy tiện dùng, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

11. Không có bạn mà vẫn một mình đi vào những nơi hiểm nạn, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

12. Một mình ngủ lại tại chùa Ni, nếu là Ưu-bà-tắc, hoặc chùa Tăng, nếu là Ưu-bà-di, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

13. Vì của cải, thân mạng mà đánh mắng người giúp việc, trẻ con hầu hạ, hoặc người ngoài..., đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

14. Nếu đem thức ăn dư thừa dâng cúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, hoặc cung cấp cho người đồng giới, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

15. Nếu nuôi (những loài vật ăn thịt) như mèo, chồn..., đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

16. Khi có các loài vật như voi, ngựa, trâu, dê, lừa, lạc đà v.v... mà không làm phép tịnh thí cho

những người chưa thọ giới, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

17. Nếu không sắm các thứ y bát, tích trượng, ngọa cụ (để phòng khi cần cúng dường cho vị xuất gia thọ Bồ-tát giới), đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

18. Nếu vì nuôi thân mạng mà phải làm ruộng, nhưng không tìm nước trong (để tưới) và đất ruộng cũ (để trồng trọt), đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

19. Nếu vì nuôi thân mạng mà mở tiệm buôn bán hàng hóa, thì khi đã thỏa thuận giá cả với ai rồi, không được đem bán cho người trả giá cao hơn. Cân đấu dùng để cân đo hàng hóa phải đúng mức đã định từ trước; nếu cân đấu không đúng mức, phải sửa chữa lại cho đúng mức. Nếu không như vậy, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

20. Nếu hành dục tại chỗ không thích hợp, không đúng lúc, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

21. Nếu buôn bán mà đẩy giá lên xuống, mua rẻ, bán đắt, gian lận trốn thuế, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

22. Trái phạm luật pháp nhà nước, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

23. Nếu có lúa mới, hoa trái, dưa rau các thứ đầu mùa, không cúng dường Tam bảo mà thọ dụng trước, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

24. Nếu chúng Tăng không chấp thuận mà vẫn tự mình thuyết pháp, tán thán quan điểm riêng của mình, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

25. Trên đường đi mà dành đi trước Tỳ-kheo, Sa-di, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

26. Khi dọn thức ăn ở giữa Tăng chúng, mà thiên vị thầy mình lựa chọn các thứ ngon dâng nhiều hơn các vị khác, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

27. Nếu nuôi tằm, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

28. Trên đường đi gặp người bệnh tật mà không dừng lại chăm sóc, làm các phương tiện, dặn bảo những người tại chỗ giúp đỡ, lại thản nhiên bỏ đi, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

III. KHỞI NGUYÊN CỦA GIỚI PHÁP BỒ-TÁT

Tại Ấn Độ, giới pháp Bồ-tát hình thành từ lúc nào và cách thức thọ như thế nào thì không làm sao tra cứu được. Nhưng giới Bồ-tát được truyền sang Trung Hoa thì có hai xuất xứ:

1. Giới Bồ-tát Phạm Võng của ngài Cưu-ma-la-thập:

Theo truyền thuyết, đức Phật Thích-ca truyền cho ngài Di-lặc, ngài Di-lặc lần lượt truyền xuống cho hơn 20 vị Bồ-tát, rồi pháp sư La-thập đem giới pháp này truyền sang Trung Hoa. Lần đầu tiên, các Sa-môn Tuệ Dung, Đạo Tường v.v... hơn 800 người thỉnh pháp sư La-thập truyền cho giới pháp này.

2. Địa Trì Giới Bốn của Tam tạng Đàm Vô Sám:

Theo Lương Cao Tăng Truyện, khi Đàm Vô Sám đến Trung Quốc, có Sa-môn Đạo Tấn (hay Pháp Tấn), Trương Dịch tha thiết thỉnh cầu Ngài truyền cho giới Bồ-tát. Ngài bảo họ thành tâm Sám hối và họ đã chí thành sám hối, do đó, mộng thấy đức Phật Thích-ca và các Đại sĩ truyền giới Bồ-tát cho mình. Hôm sau, Tấn cùng hơn 10 người khác đến chỗ Sám tường thuật lại giấc mộng, khi vừa trông thấy họ, Sám biết là họ đã cảm được giới, bèn dẫn đến trước tượng Phật, nói giới tướng cho họ nghe. Rồi sau đó, Sám phiên dịch Địa Trì Giới Bản, làm cơ sở cho giới Bồ-tát. Theo giới bản này thì pháp Bồ-tát từ Bồ-tát Liên Hoa Tạng lần lượt truyền xuống hơn 30 vị Bồ-tát rồi đến Trung Quốc.

IV. ĐIỀU KIỆN TRUYỀN THỌ GIỚI BỒ-TÁT

1. Điều kiện của giới tử

Giới tử muốn thọ giới Bồ-tát phải có hai điều kiện chủ yếu sau đây:

1.1. Phải có cái thiện để cảm giới:

Theo Bồ-tát Giới Bản Sớ của pháp sư Nghĩa Tịch thì người muốn thọ giới Bồ-tát phải có 10 thắng hạnh như sau:

(1) Sinh tâm tha thiết đối với Vô thượng Bồ-đề.

(2) Suốt đời lìa ác tri thức, gần thiện tri thức.

(3) Suốt đời hối lỗi, tùy hỷ khuyến thỉnh Phật pháp, hồi hướng chúng sanh, tăng trưởng Phật đạo.

(4) Suốt đời đem hết năng lực cúng dường Tam bảo.

(5) Suốt đời biên chép đọc tụng kinh điển Phương Đẳng, vì người giảng giải.

(6) Sinh lòng thương xót, tùy sức cứu giúp những người cô độc, nghèo khổ, vi phạm pháp luật.

(7) Suốt đời tinh tấn cần cầu Phật đạo.

(8) Khi ở trong trần lao ngũ dục có phiền não phát sinh, phải tìm cách khắc phục.

(9) Khi tâm cầu Vô thượng Bồ-đề bị lui sụt hay khi tâm sinh tham đắm pháp Tiểu thừa, phải tìm cách trừ diệt.

(10) Xả bỏ được tất cả vật sở hữu, không tiếc cả thân mạng.

1.2. Không có cái ác làm chướng giới:

Chủ yếu là 3 loại: Phiền não chướng; nghiệp chướng và báo chướng.

1/ Phiền não chướng gồm bốn thứ:

a) *Phóng dật*: do phóng dật thành tánh, tạm thời khó sửa đổi, vì thế không thọ giới được.

b) *Không tha thiết*: Tự mình không quyết tâm và theo bạn xấu, không mong mỗi việc thọ giới.

c) *Bị người khác ràng buộc*: Hoặc bị bậc Tôn trưởng, chồng, chủ nhân, vua, giặc, oan gia câu thúc, nên thân tâm chẳng được tự do, vì thế không được thọ giới.

d) *Sinh hoạt cùng khổ*: Luôn luôn bị sự sinh hoạt chi phối, lo lắng, vì thế không rảnh nghĩ đến thọ giới.

2/ Nghiệp chướng có hai thứ:

a) *Phạm 7 tội nghịch*: Làm thân Phật ra máu; giết cha; giết mẹ; giết Hòa thượng; giết A-xà-lê; phá pháp luân Tăng; giết Thánh nhân (La-hán của Tiểu thừa và hàng Thập Địa Bồ-tát trở lên của Đại thừa).

b) *Phạm 10 giới trọng*: Tức phạm 10 giới trọng theo Kinh Anh Lạc và Phạm Võng.

3/ Báo chương có 4 thứ:

- a) Địa ngục.
- b) Ngạ quỷ.
- c) Súc sinh - không hiểu được lời của Pháp sư.
- d) Sinh Bắc-câu-lô-châu, người bầm tính hạ liệt không tin nhân quả, ý chí bạc nhược.

2. Điều kiện của pháp sư

Giới Bồ Tát vốn là giới “Đạo Tục Thông hành” (người xuất gia và tại gia cùng thọ như nhau) và có nhiều thứ, nên điều kiện của Giới sư cũng có những quan điểm bất đồng. Quan điểm của kinh Anh Lạc là rộng rãi hơn hết, kinh này cho rằng: “*Vấn đề Giới sư thì vợ chồng, lục thân đều có thể làm thầy truyền giới cho nhau được cả*”. Nhưng Giới bốn Phạm Võng do ngài La Thập truyền thì nói: “*Thầy phải là người xuất gia đầy đủ 5 đức*” như sau:

- 1) Kiên trì tịnh giới.
- 2) Đủ 10 giới lạc.
- 3) Hiểu rộng Luật tạng.
- 4) Có công phu tu thiền.
- 5) Có trí tuệ sâu, biện tài vô ngại.

Lại còn có 4 đức khác:

1) *Đồng pháp Bồ-tát*: biểu thị không phải là người học pháp Tiểu Thừa.

2) *Đã phát đại nguyên*: biểu thị không phải là người chưa phát tâm Bồ-đề.

3) *Có trí có lực*: biểu thị đối với văn nghĩa của kinh luật hiểu được, giữ được.

4) *Có khả năng trao truyền*: biểu thị có khả năng dùng ngôn ngữ để thuyết pháp rõ ràng khiến người dễ hiểu, nhờ thế họ khai mở được tâm trí.

Đó là những điều kiện của Giới sư, còn về số lượng của giới sư thì các bộ giới bản cũng không được nhất trí. Trong Kinh Địa Trì và Anh Lạc đều nói chỉ có một giới sư..

Trong Nghĩa Sớ của Phạm Võng cũng chỉ nói có một giới sư. Như vậy, quan điểm cho rằng chỉ có một giới sư thì được nhiều sự đồng tình hơn. Vả lại, giới sư là người giữ vai trò trung gian hướng dẫn giới tử thọ giới, còn giới sư chính thức của giới Bồ-tát vẫn là chư Phật và chư Bồ-tát, mặc dù chỉ hiện hữu qua hình tượng.

V. THỂ THỨC THỌ GIỚI BỒ TÁT

Vấn đề thọ giới Bồ-tát theo Kinh Anh Lạc gồm có 3 mức độ: “Thượng phẩm giới: thọ trước sự

hiện diện của Phật và Bồ-tát; Trung phẩm giới: Sau khi Phật, Bồ-tát diệt độ, trong vòng nghìn dặm có người đã thọ giới Bồ-tát, phải đến thỉnh lễ, thỉnh vị ấy truyền giới cho mình, nói như sau: “Kính thỉnh Đại Tôn giả làm thầy truyền giới cho con”; Hạ phẩm giới: Sau khi Phật diệt độ, trong vòng nghìn dặm không có pháp sư, được phép ở trước hình tượng Phật, Bồ-tát quỳ gối chấp tay tự thọ giới.

Đó là 3 mức độ thọ giới; nhưng ngày nay cách Phật đã xa, chỉ còn duy trì 2 thể thức thọ giới là tự thọ giới và thọ giới với pháp sư. Điều giới khinh thứ 23 của Phạm Võng nói: “Sau khi Phật diệt độ, người hảo tâm muốn thọ giới Bồ-tát mà trong vòng nghìn dặm không có pháp sư để truyền giới, thì có thể sám hối trước hình tượng Phật, Bồ-tát từ 7 ngày trở lên cho đến khi nào thấy được hảo tướng, như thấy Phật sờ tay trên đầu v.v..., rồi tự thọ giới trước hình tượng Phật, Bồ-tát, liền đắc giới. Nhưng nếu thọ giới trước vị pháp sư đã thọ giới Bồ-tát, thì không cần thấy hảo tướng, hễ thọ là đắc giới. Vì vị pháp sư ấy đã được sư sư truyền thọ, lại nhờ tâm tôn kính của giới tử nên đắc giới”.

Giới Bồ-tát khác với giới Tỳ-kheo là có thể thọ từng phần hay toàn bộ, còn giới Tỳ-kheo thì bắt buộc phải thọ tất cả một lần.

1. Thể thức tự thọ giới

Về thể thức này, Đại sư Hoàng Nhất đã dựa vào Kinh Anh Lạc soạn ra như sau:

1.1. Lễ kính Tam Bảo:

- Nhất tâm đánh lễ quá khứ thế tận quá khứ tế nhất thiết chư Phật.
- Nhất tâm đánh lễ vị lai thế tận vị lai tế nhất thiết chư Phật.
- Nhất tâm đánh lễ hiện tại thế tận hiện tại tế nhất thiết chư Phật.
- Nhất tâm đánh lễ quá khứ thế tận quá khứ tế nhất thiết tôn Pháp.
- Nhất tâm đánh lễ vị lai thế tận vị lai tế nhất thiết tôn Pháp.
- Nhất tâm đánh lễ hiện tại thế tận hiện tại tế nhất thiết tôn Pháp.
- Nhất tâm đánh lễ quá khứ thế tận quá khứ tế như thiết hiền Thánh Tăng.

- Nhất tâm đánh lễ vị lai thế tận vị lai tế nhất thiết hiền thánh Tăng.
- Nhất tâm đánh lễ hiện tại thế tận hiện tại tế nhất thiết hiền thánh Tăng.

1.2. Thọ tứ y (Tứ bất hoại tín).

- Từ nay đến tận vị lai tế, con nguyện đem thân quy y Phật, quy y pháp, quy y Tăng, quy y giới pháp (nói 3 lần).

1.3. Sám hối 3 nghiệp

- Nếu hiện tại, thân, khẩu, ý tạo 10 điều ác, thì nguyện cho đến cùng tận đời vị lai không sinh khởi nữa.
- Nếu trong tương lai, thân, khẩu, ý tạo 10 điều ác, thì nguyện cho đến cùng tận đời vị lai không sinh khởi nữa.
- Nếu trong quá khứ, tạo 10 điều ác, thì nguyện cho đến cùng tận đời vị lai không sinh khởi nữa.

Sám hối như vậy rồi, ba nghiệp thanh tịnh như lưu ly, trong ngoài đều chiếu sáng (nói 3 lần).

1.4. Phát bốn thệ nguyện lớn.

- Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.
- Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.
- Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.
- Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

1.5. Tự thệ thọ năm trọng giới.

- Từ nay cho đến khi thành Phật, trong khoảng thời gian ấy, không được cố ý sát sinh. Nếu phạm thì không phải hạnh Bồ-tát, mất 42 pháp Hiền thánh; có thể giữ được không? (tự đáp): Được.

- Từ nay cho đến khi thành Phật, trong khoảng thời gian ấy, không được cố ý vọng ngữ. Nếu phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất 42 pháp Hiền thánh; có thể giữ được không? (tự đáp): Được.

- Từ nay cho đến khi thành Phật, trong khoảng thời gian ấy, không được cố ý tà dâm. Nếu phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất 42 pháp Hiền thánh; có thể giữ được không? (tự đáp): Được.

- Từ nay cho đến khi thành Phật, trong khoảng thời gian ấy, không được cố ý trộm cướp. Nếu phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất 42 pháp Hiền thánh; có thể giữ được không? (tự đáp): Được.

- Từ nay cho đến khi thành Phật, trong khoảng thời gian ấy, không được cố ý bán rước. Nếu phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất 42 pháp Hiền thánh; có thể giữ được không? (tự đáp): Được.

1.6. Tán thán giới đức.

Thọ giới rồi vượt qua tứ ma, thoát khỏi nỗi khổ trong 3 cõi, đời đời không mất giới này, thường theo người hành trì cho đến khi thành Phật.

1.7. Hồi hướng.

Tụng “*Thọ giới công đức thù thắng hạnh...*” rồi tụng 3 quy y và hồi hướng.

2. Thể thức thọ giới với Pháp sư.

(Xem phần phụ lục: Nghi thức truyền giới Bồ-tát tại gia)

VI. THỂ THỨC SÁM HỐI

Theo Bồ-tát giới Yết-ma văn thuộc Du-già thì người phạm tội chia làm 3 bậc, thượng, trung và hạ. Bậc thượng thì không thể sám hối, phải thọ giới lại, bậc trung và hạ mới có thể sám hối, được trình bày như sau:

1. Nếu Bồ-tát phạm Thượng phẩm triền, tức thường thường phạm 4 tha thắng (Ba-la-di) mà

không hổ thẹn, còn sinh ưa thích cho là công đức thì xem như mất giới, phải thọ lại.

2. Nếu Bồ-tát phạm Trung phẩm triền, tức vô tình phạm bốn tha thắng, liền sinh tâm tà quý thì có thể sám hối với 3 người trở lên, sám hối xong được xem là thanh tịnh.

3. Nếu Bồ-tát phạm Hạ phẩm triền, tức phạm 4 tha thắng nhẹ và các giới khinh thì có thể đối thủ sám hối với một người, liền được thanh tịnh.

(Bồ-tát Giới Yết-ma văn Đ.24, tr.1106).

Theo Bồ-tát Phạm Võng, giới khinh thứ 41 trình bày về hai thể thức sám hối như sau:

1/ Nếu người phạm mười giới trọng thì phải ngày đêm 6 thời lễ bái chư Phật cho đến khi thấy hảo tướng như Phật đến xoa trên đầu, thấy hào quang của Phật, thấy hoa sen, hoặc các tướng kỳ lạ khác thì tội được tiêu diệt. Nhưng, nếu không thấy được hảo tướng thì phải thọ giới lại.

2/ Nếu phạm 48 giới khinh thì đối thủ sám hối với một người, tội liền tiêu diệt. *(Phạm Võng kinh Lô-xá-na Phật thuyết Bồ-tát Tâm địa Giới phẩm đệ thập, quyển hạ, Đ.24, tr.1008c)*. Người nhận sự sám hối, tốt nhất là chúng Bồ-tát thanh tịnh, đồng pháp; nếu như không có Bồ-tát thì sám

hối với Tỳ-kheo Tiểu thừa cũng được. Ngoài ra, nếu phạm giới nhẹ mà không gặp người thanh tịnh để sám hối, thì tự trách tâm sám hối cũng được.

1. Trường hợp xả giới hay mất giới

Theo Bồ-tát giới Yết-ma văn thì có 2 nguyên nhân làm cho xả giới hay mất giới:

1) Xả bỏ tâm bồ đề, tức tâm cầu Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

2) Phạm thượng phẩm triền (như trên đã nói) thì coi như đã xả giới, phải thọ lại; vì trường hợp này sám hối không có hiệu quả.

Ngoài ra, nếu phạm 1 trong 7 tội nghịch thì đương nhiên mất giới; trong trường hợp này không thể sám hối cho tiêu tội và cũng không được thọ giới lại.

Giới Bồ-tát khi đã thọ rồi thì vĩnh viễn không mất, dù tái sinh bất cứ ở đâu, ngoại trừ phạm 7 tội nghịch. Nếu kiếp lai sinh, gặp bậc thiện tri thức, liền phát tâm bồ-đề thọ giới pháp Bồ-tát, thì đó là thọ lại, chứ giới thể xưa kia vẫn không mất.

2. Thể thức bố-tát

Phật tử sau khi đã thọ giới Bồ-tát phải thực hiện việc bố tát mỗi tháng hai lần như giới Tỳ-kheo. Khi Bố-tát, một người đọc lại 10 giới trọng và 48 giới khinh, trước hình tượng Phật, Bồ-tát, còn những người khác ngồi kính cẩn lắng nghe. Đồng thời, không cho những người chưa thọ giới Bồ-tát và những người phạm tội mà chưa sám hối tham dự.

Bồ-tát nếu không tụng giới mỗi nửa tháng thì phạm tội khinh cấu. Bồ-tát tại gia nếu không có tịnh thất riêng mà trong vòng một do tuần (10km-15 km) có tự viện Bố-tát, thì phải đến đó tham dự. Tuy nhiên, nếu trong nhà huyên náo và trong vòng một do tuần không có tự viện làm lễ Bố-tát thì không Bố-tát mà không phạm tội.

Ngoài ra, vấn đề tôn ti trật tự cũng cần phải biết. Nếu là Bồ-tát Tỳ-kheo thì phải căn cứ vào giới lap của Tỳ-kheo để sắp xếp theo thứ tự. Vì giới Tỳ-kheo mới đích thực là nền tảng duy trì Phật pháp và hàng Tỳ-kheo mới là chúng Trung tôn có đủ tư cách để chủ trì các pháp sự. Nếu Bồ-tát tại gia thì căn cứ vào ngày giờ thọ giới Bồ-tát mà sắp xếp thứ tự.

VII. SO SÁNH GIỚI TỖ-KHEO VÀ GIỚI BỒ-TÁT

1. a. Giới Tỳ-kheo có lịch sử thực sự, do Phật chế định.

b. Giới Bồ-tát có tính cách huyền sử, bị các học giả suy định là sản phẩm của người Trung Quốc.

2. a. Chỉ dành cho người xuất gia.

b. *Đạo tục thông hành giới*: người xuất gia và tại gia đều thọ trì như nhau.

3. a. Chỉ dành cho loài người.

b. Danh cho mọi loài chúng sanh từ cõi trời Sắc giới trở xuống, hễ ai hiểu được lời nói của Pháp sư đều có thể thọ giới, chỉ trừ những kẻ phạm 7 tội nghịch.

4. a. Chủ yếu nhằm mục đích tự giác.

b. Chủ yếu nhằm mục đích giác tha, lợi tha là chính.

5. a. Được chế định dần dần, nghĩa là **“Tùy phạm tùy chế”** (*phạm vấn đề gì chế giới vấn đề đó*)

b. Được chế định một lần đầy đủ tất cả các giới.

6. a. Thọ một lần phải đủ toàn bộ các giới.

b. Có thể thọ toàn phần hoặc thọ từng phần, tùy theo khả năng.

7. a. Chỉ có một cách thọ giới.

b. Có 2 cách thọ giới: Thọ giới với Pháp sư hoặc tự thọ giới.

8. a. Giới sư chính thức là Tăng, do Tăng chủ trì.

b. Giới sư chính thức là chư Phật, chư Bồ-tát, vị Pháp sư chỉ giữ vai trò trung gian, hướng dẫn.

9. a. Giới sư phải là vị Tỳ-kheo 10 hạ trở lên.

b. Giới sư hoặc là vị Tỳ-kheo Bồ-tát, hoặc là một cư sĩ đã thọ giới Bồ-tát.

10. a. Già nạn của giới tử: 13 già nạn và 15 khinh nạn.

b. Già nạn của giới tử: gồm 7 tội nghịch (ngoài 5 tội nghịch như Tỳ-kheo còn thêm 2 tội nữa là: giết Hòa thượng, giết A-xà-lê).

11. a. Có pháp Yết-ma

b. Không có pháp Yết-ma.

12. a. Hễ phạm 4 Ba-la-di thì không thể sám hối và có sám hối cũng không thể trở lại thanh tịnh.

b. Phạm trọng giới (tương đương giới Ba-la-di) vẫn có thể sám hối để diệt tội.

13. a. Giới Tỳ-kheo chỉ có hiệu lực trong một kiếp.

b. Giới Bồ-tát khi đã thọ trì vĩnh viễn không mất giới, dù tái sinh ở đâu, ngoại trừ phạm 7 tội nghịch, phạm thượng phẩm trọng giới và bỏ tâm Bồ-đề.

14. a. Chưa phân biệt giữa Tiểu thừa và Đại thừa.

b. Đã phân biệt Tiểu thừa và Đại thừa: Các giới khinh 8, 15, 24 nói: **“Không được phản lại giáo pháp của Đại thừa mà học tập giáo pháp của Tiểu thừa”**.

15. a. Giới Tỳ-kheo là nền tảng để duy trì mạng mạch Phật giáo và là căn cứ để thiết lập tôn ti trật tự.

b. Giới Bồ-tát nhằm hỗ trợ đắc lực sứ mệnh hoàng dương chánh pháp hóa độ chúng sanh.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1

GIỚI BẢN CỦA ĐẠI TỶ-KHEO THUỘC LUẬT MA-HA-TĂNG-KỲ

(Đ 22, tr. 549A)

Tam Tạng Phật-đà-bạt-đà-la (Buddha-bhadra) người Thiên Trúc dịch (từ Phạn sang Hán) vào đời Đông Tấn (415-419). Thích Phước Sơn dịch từ Hán sang Việt.

Sáu pháp cần ghi nhớ:

1. Phải biết số ngày trong tháng, như ngày mồng một, mồng hai, cho đến ngày 14, 15, hoặc tháng đủ hay tháng thiếu, đều phải biết.

2. Sáng sớm phải tính toán việc thí thực: “Nếu hôm nay được thức ăn thì ta nên cúng dường cho thầy A; nếu thầy A không bằng lòng nhận thì ta sẽ ăn” (nói 3 lần như vậy).

3. Hằng ngày phải ghi nhớ về số hạ lạp của mình là bao nhiêu.

4. Phải ghi nhớ số y mà mình phải gìn giữ và số y mà mình đã tịnh thí.

5. Phải nhớ là không được ăn với một chúng riêng (một nhóm người riêng ngoài chúng Tăng).

6. Phải nhớ là mình có bệnh hay không có bệnh.

Vì Yết-ma bắt đầu nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Một tháng của mùa Đông đã trôi qua, thiếu một đêm, nhưng thừa một đêm đối với 3 tháng còn lại. Sự già chết đã đến gần, Phật pháp sắp hủy diệt. Các Đại đức vì sự đạt đạo cần phải một lòng tinh tấn. Vì sao vậy? Vì chư Phật nhờ một lòng tinh tấn mà đạt được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hướng gì là các pháp trợ đạo khác.

Những người chưa thọ giới Cụ túc đã ra rồi, vậy Tăng nay hội họp trước hết là để làm gì?

- (Một người đáp:) Để Bố-tát tụng giới.

Các Đại đức nào không đến thì Tỳ-kheo (nhận dục của họ) hãy trình bày sự gởi dục và thanh tịnh (của họ với đại chúng).

Có ai nhận sự chúc thỉnh của Tỳ-kheo-ni không?

(Nếu không thì đáp): Không có Tỳ-kheo-ni chúc thỉnh.

Chấp đôi bàn tay lại,
Đảnh lễ đức Thế Tôn
Giờ tôi sắp tụng giới,
Tăng hãy lắng lòng nghe.
Dù cho phạm tội nhỏ,
Phải cực kỳ lo sợ.
(549b) Có tội quyết sám hối,
Về sau đừng tái phạm.
Tâm như ngựa ruổi dong,
Phóng dật khó kiềm chế.
Phật dạy giữ giới hạnh,
Như nắm dây cương chắc.
Lời này từ kim khẩu,
Người thiện cần phải tin.
Lòng tin như ngựa thuần,
Phá được quân phiền não.
Nếu ai chẳng vâng lời,
Cũng không ưa thích giới.
Người ấy như ngựa chững,
Chết trong quân phiền não.
Người giữ giới kiên cố,
Như trâu mao giữ đuôi.
Cột tâm không phóng dật,
Như khỉ bị xích xiềng.

*Ngày đêm thường tỉnh tấn,
Cầu trí huệ chân thật,
Thì đời sống người này,
Sống trong sự thanh tịnh.*

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay là ngày rằm, Bố-tát tụng giới. Nếu thời gian của Tăng đã đến, thì Tăng hãy nhất tâm lắng nghe, cùng nhau Bố-tát tụng giới. Đây là lời tác bạch.

Thưa các Đại đức! Hôm nay là ngày Bố-tát tụng giới. Tăng hãy nhất tâm lắng nghe. Nếu ai có tội thì phải phát lồ, không có tội thì im lặng. Vì im lặng mà biết các Đại đức thanh tịnh; như một Tỳ-kheo được ai hỏi điều gì thì phải như thật trả lời. Cũng vậy, Tỳ-kheo nào ở trong chúng sau khi được hỏi ba lần, nhớ biết mình có tội mà không phát lồ thì phạm tội cố ý vọng ngữ. Thưa các Đại đức! Phật dạy, cố ý vọng ngữ là pháp chướng đạo. Thế nên, Tỳ-kheo nào muốn được thanh tịnh thì khi nhớ mình có tội cần phải phát lồ. Vì phát lồ thì an ổn, không phát lồ thì tội càng thêm nặng.

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong bài tựa của giới kinh, giờ xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (hỏi ba lần như vậy).

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

GIỚI BA-LA-DI

Thưa các Đại đức, đây là 4 giới **Ba-la-di** cứ mỗi nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới.

1. *Nếu Tỳ-kheo đã thọ giới Cụ túc ở giữa chúng Tăng hòa hợp, không trả giới, giới sa sút, không rời khỏi Tăng đoàn mà hành dâm với người khác, thậm chí với cả loài súc sinh, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với Tăng chúng).*

(549c) Bấy giờ Phật an trú tại thành Tỳ-xá-li (Vesali), nhằm ngày 27 tháng 11 của mùa Đông, năm thứ năm sau khi thành Phật. Sau bữa cơm, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, lúc bóng xế độ một người rười, vì Trưởng lão Da-xá con của Ca-lan-đà (Yasa-Kalandaka-putta) mà chế ra giới này.

Những gì Phật đã chế thì phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

2. *Nếu Tỳ-kheo lấy trộm vật của người khác trong thôn xóm hay chỗ đất trống, rồi tùy theo vật lấy trộm mà nhà vua hoặc bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc trục xuất, khiển trách: “Ôi, kẻ nam tử! Người là quân trộm cướp, là kẻ ngu si”, thì Tỳ-kheo ăn trộm ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng.*

Bấy giờ Phật an trú tại thành Vương Xá, vào ngày mồng mười tháng mười của mùa Đông, năm thứ sáu sau khi thành đạo. Sau bữa ăn, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, lúc bóng chiều độ một người rưỡi, vì Trưởng lão Đạt-nị-già (Dhaniya) con của người thợ gốm - có việc liên quan đến vua Bình-sa (Bimbisara) và Tỳ-kheo mặc y phần tảo - mà chế ra giới này. Những gì Phật đã chế thì phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

3. Nếu Tỳ-kheo tự tay mình giết người, hoặc đi tìm dao đưa cho người ta tự sát, khuyến khích chết, ca ngợi sự chết, nói: “Ôi! Làm người sống mà khổn khổ thì thà chết còn tốt hơn”, trong tâm suy nghĩ tìm đủ mọi cách ca ngợi rằng chết là khoái trá, nhân đó mà người kia chết chứ không có lý do nào khác, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng.

Bấy giờ, Phật an trú tại thành Tỳ-xá-li (Vesali), vào ngày 24 tháng 10 của mùa Đông, năm thứ sáu sau khi thành Phật. Trước bữa ăn, Ngài ngồi quay mặt về hướng Bắc, lúc bóng mặt trời độ một người rưỡi, vì các Tỳ-kheo nuôi bệnh liên quan đến việc Lộc Trọng (Miga-Dandika) ngoại đạo (sát hại các Tỳ-kheo) mà chế ra giới này. Những gì Phật đã chế thì phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

4. Nếu Tỳ-kheo chưa biết, chưa thấy mà tự xưng rằng: “Tôi đã được thánh pháp hơn người, có tri kiến thù thắng, tôi biết như vậy, thấy như vậy”, sau đó, hoặc bị kiểm tra, hoặc không bị kiểm tra về việc phạm tội, mà vì muốn mình thanh tịnh nên nói như sau: “Thưa Trưởng lão, tôi không biết mà nói rằng biết, không thấy mà nói rằng thấy, đó là những lời hư dối không thật”, thì Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng, trừ Tăng thượng mạn.

Bấy giờ, Phật an trú tại thành Xá Vệ (Sàvatthi), vào ngày 13 tháng 11 của mùa Đông, năm thứ sáu sau khi thành Phật. Sau bữa ăn, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, lúc bóng chiều độ 3 người rưỡi, vì các Tỳ-kheo ở thôn xóm và các Tỳ-kheo tăng thượng mạn mà chế ra giới này. Những gì Phật đã chế thì phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong 4 giới Ba-la-di, giờ đây xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần)

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thưa các Đại đức, sau đây là 13 giới **Tăng-già-bà-thi-sa (Sanghadisesa)**, cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc lại một lần vào dịp tụng giới.

1. Nếu Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh - ngoại trừ trong giấc mộng - thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

2. Nếu Tỳ-kheo, bị tâm dâm dục kích thích, bèn dùng thân mình cọ xát với thân người nữ, hoặc nắm tay, hoặc nắm tóc, hoặc nắm các bộ phận khác nơi cơ thể của họ cọ xát để tìm lạc thú, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

3. Nếu Tỳ-kheo bị tâm dâm dục kích thích, nên nói với người nữ bằng những lời bản thủ, bảo họ tùy thuận hành dâm với mình như bọn nam nữ trẻ tuổi, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

4. Nếu Tỳ-kheo, vì dục tâm kích thích, ở trước người nữ khen ngợi việc họ tự hiến thân cho mình, nói rằng: “Này chị (hay em), nếu chị hiến dâng sự dâm dục cho vị Sa-môn giữ giới thanh tịnh, hành thiện pháp, tu phạm hạnh như tôi, đó là sự dâng hiến bậc nhất”, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

5. Nếu Tỳ-kheo nhận làm sứ giả để tác hợp cho nam nữ thành vợ chồng, hay tư thông với nhau trong chốc lát, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

6. Nếu Tỳ-kheo tự đi xin vật liệu về làm phòng, không có thân chủ giúp đỡ thì phải trừ tính làm phòng chiều dài 12 gang tay Phật, chiều rộng

7 gang tay Phật. Đồng thời phải mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ làm phòng, nơi ấy không có tai nạn, không có phương hại. Nếu Tỳ-kheo tự đi xin vật liệu về làm phòng, không có thân chủ giúp đỡ, mà làm chỗ có tai nạn, có phương hại, cũng không mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm phòng, lại làm quá quy định, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

7. Nếu Tỳ-kheo muốn làm phòng lớn có thân chủ giúp đỡ, cũng phải dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm phòng, nơi ấy không có tai nạn, không có phương hại. Nếu Tỳ-kheo làm phòng lớn có thân chủ giúp đỡ mà làm ở chỗ có tai nạn, có phương hại, cũng không mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ làm phòng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

8. Nếu Tỳ-kheo vì tức giận không vui mà vu khống Tỳ-kheo thanh tịnh vô tội là phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ, muốn phá hoại hạnh thanh tịnh của Tỳ-kheo ấy, rồi sau đó hoặc bị kiểm tra, hoặc không bị kiểm tra, Tỳ-kheo này bèn nói rằng: “Việc ấy không có căn cứ, vì tức giận nên tôi nói (như vậy)”, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

9. Nếu Tỳ-kheo vì tức giận không vui, rồi dùng một việc nhỏ thuộc lĩnh vực khác không phải Ba-la-di để vu cáo Tỳ-kheo khác phạm tội Ba-la-di, nhằm phá hoại phạm hạnh của vị ấy, rồi sau đó, hoặc bị kiểm tra, hoặc không bị kiểm tra, bèn nói: “Vì

tức giận nên tôi đem một việc nhỏ thuộc lĩnh vực khác để vu cáo”, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

10. Nếu Tỳ-kheo vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng, nên cố gắng tìm mọi cách để phá việc của Tăng, gây nên tranh chấp lẫn nhau, thì các Tỳ-kheo nên can gián rằng: “Trưởng lão đừng vì mục đích phá sự hòa hợp của Tăng mà tìm đủ mọi cách để gây ra tranh chấp lẫn nhau. Trưởng lão nên hợp tác với Tăng (cùng làm việc với Tăng). Vì sao vậy? Vì Tăng có hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, giống như nước hòa với sữa, cùng học một giáo pháp, điều gì đúng pháp thì bảo là đúng pháp một cách rõ ràng, thì mới sống an lạc”. Khi can gián như vậy mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phải can gián đến lần thứ hai, thứ ba. Bấy giờ bỏ thì tốt, nếu không bỏ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

11. Nếu một, hai, hoặc nhiều Tỳ-kheo đồng ý tương trợ Tỳ-kheo khác, cùng nói, cùng ý kiến muốn phá sự hòa hợp của chúng Tăng, lúc ấy có các Tỳ-kheo can gián, rồi vị Tỳ-kheo đồng lõa này nói: “Trưởng lão, đừng nói việc tốt xấu của Tỳ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì vị ấy là Tỳ-kheo nói đúng pháp, nói đúng luật. Những gì vị ấy thấy và nói ra đều có thể chấp nhận được. Chúng tôi cũng có thể chấp nhận. Vị Tỳ-kheo ấy biết mới nói, chứ không phải không biết mà nói”, thì các Tỳ-kheo nên can gián

rằng: “Trưởng lão đừng nói rằng vị Tỳ-kheo đó nói đúng pháp, nói đúng luật. Vì sao vậy? Vì vị này không phải là Tỳ-kheo nói đúng pháp, nói đúng luật. Nay Trưởng lão, thầy đừng hỗ trợ việc phá Tăng mà phải vui vẻ hỗ trợ việc Tăng hòa hợp. Vì sao vậy? Vì Tăng có hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp nhau, như nước hòa với sữa, cùng học một giáo pháp, điều gì đúng pháp thì bảo là đúng pháp một cách rõ ràng, thì mới sống an lạc”. Khi can gián như vậy mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì nên can gián đến lần thứ hai, thứ ba. Bấy giờ nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

12. Nếu có Tỳ-kheo nói năng ngang ngạnh, rồi được các Tỳ-kheo cùng sống chung trong giới pháp chỉ bảo đúng pháp, đúng luật mà lại ngoan cố nói rằng: “Trưởng lão, thầy đừng nói về việc tốt xấu của tôi. Tôi cũng không nói về việc tốt xấu của thầy”, thì các Tỳ-kheo nên can gián rằng: “Trưởng lão, khi các Tỳ-kheo cùng sống chung trong giáo pháp chỉ bảo đúng pháp, đúng luật, thì thầy không nên không công nhận, mà trái lại thầy cũng phải chỉ bảo các Tỳ-kheo khác đúng pháp, đúng luật. Vì sao vậy? Vì các đệ tử của đức Như Lai có chỉ bảo lẫn nhau, can gián lẫn nhau, cùng xuất tội cho nhau, thì thiện pháp mới tăng trưởng”. Khi can gián như vậy mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì nên can gián đến lần thứ hai, thứ ba. Bấy giờ, nếu bỏ

việc ấy thì tốt; nếu không bỏ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

13. Nếu Tỳ-kheo sống nương tựa vào thành ấp xóm làng mà làm hoen ố nhà người ta, làm những việc xấu, làm hoen ố nhà người ta ai cũng thấy cũng nghe, làm những việc xấu ai cũng thấy cũng nghe, thì các Tỳ-kheo nên can gián rằng: “Trưởng lão, thầy đã làm hoen ố nhà người ta, làm những việc xấu; làm hoen ố nhà người ta ai cũng thấy cũng nghe, làm những việc xấu ai cũng thấy cũng nghe, thầy hãy đi đi, không nên ở đây nữa”. Nếu khi ấy Tỳ-kheo này nói: “Tăng thiên vị, thù hận, sợ hãi và ngu si. Vì sao vậy? Vì có các Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi”, thì các Tỳ-kheo nên can gián rằng: “Này Trưởng lão, thầy đừng nói rằng: “Tăng thiên vị, thù hận, sợ hãi và ngu si. Có các Tỳ-kheo đồng tội như nhau mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi”. Vì sao vậy? Vì Tăng không thiên vị, thù hận, sợ hãi và ngu si. Này Trưởng lão, thầy đã làm hoen ố nhà người ta, làm những việc xấu, làm hoen ố nhà người ta ai cũng thấy cũng nghe, làm những việc xấu ai cũng thấy cũng nghe. Thầy hãy đi đi, đừng ở đây nữa”. Khi can gián như vậy mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì can gián đến lần thứ hai, thứ ba. Bấy giờ, nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Này các Đại đức, tôi đã tụng xong 13 pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Chín pháp đầu hễ làm là phạm tội, còn bốn pháp sau phải đến ba lần can gián mà không bỏ mới có tội. Nếu Tỳ-kheo phạm một tội nào, thì tùy theo thời gian che giấu, (Tăng) nên cho hành pháp Ba-lợi-bà-sa (biệt trú). Khi hành pháp Ba-lợi-bà-sa xong, phải hành pháp Ma-na-đỏa (ý hỷ) sáu ngày, sáu đêm giữa Tăng. Khi hành pháp Ma-na-đỏa xong, phải xuất tội ở giữa 20 vị Tăng. Nếu Tăng không đủ 20 người, thì tội của Tỳ-kheo ấy không được giải trừ mà các Tỳ-kheo khác còn bị khiển trách. Việc đó theo nguyên tắc là như vậy.

Nay xin hỏi các Đại đức, ở trong đây có thanh tịnh không? (hỏi 3 lần)

Vì các Đại đức ở trong đây thanh tịnh nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

(Hết 13 việc)

Thưa các Đại đức, đây là hai pháp **Bất định** cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới.

1. Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ ở chỗ che khuất, chỗ có thể hành dâm được, rồi một Ưu-bà-di đáng tin cậy trình bày lại chính xác một trong ba pháp: hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề; đồng thời vị Tỳ-kheo ấy tự nói:

“Tôi ngồi chỗ ấy”, thì Tăng nên căn cứ vào lời trình bày chính xác của Ưu-bà-di đáng tin cậy kia mà trường trị vị Tỳ-kheo ấy một trong ba pháp: hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề. Đây là pháp Bất định thứ nhất.

2. (551a) Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ ở chỗ trống trải, không thể hành dâm được, rồi có một Ưu-bà-di đáng tin cậy trình bày lại đúng sự thật một trong hai pháp: hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, đồng thời vị Tỳ-kheo ấy tự nói: “Tôi ngồi chỗ ấy”, thì Tăng nên tùy theo lời trình bày đúng sự thật của Ưu-bà-di đáng tin cậy ấy mà trị phạt thích đáng một trong hai pháp: hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề. Đây là pháp Bất định thứ hai.

Này các Đại đức, tôi đã tụng xong hai pháp Bất định, giờ xin hỏi các Đại đức ở trong đây có thanh tịnh không? (3 lần)

Vì các Đại đức ở trong đây thanh tịnh nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

(Hết hai pháp Bất định).

Thưa các Đại đức, đây là 30 pháp **Ni-tát-kì-ba-da-đề** cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc lại một lần vào dịp tụng giới:

1. Nếu thời gian sấm y đã hết, y Ca-thi-na cũng đã xả mà Tỳ-kheo nhận được y thừa (ngoài 3 cái pháp định) thì được phép cất giữ trong vòng 10 ngày. Nếu cất giữ quá thời gian ấy thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

2. Nếu thời gian sấm y đã hết, y Ca-thi-na cũng đã xả, mà Tỳ-kheo rời một trong 3 y ngủ tại chỗ khác, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề, ngoại trừ Tăng Yết-ma cho phép.

3. Nếu thời gian sấm y đã hết, y Ca-thi-na cũng đã xả, khi ấy được vài phi thời mà Tỳ-kheo cần dùng thì nên lấy, rồi tức tốc may thành y để mặc. Nếu chưa đủ mà có chỗ hy vọng (tìm được thêm) thì được phép cất trong vòng một tháng, để đợi cho đủ. Nếu quá thời gian ấy thì dù đủ hay không đủ đều phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo lấy y của Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề, ngoại trừ trao đổi.

5. Nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập giũ, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

6. Nếu Tỳ-kheo theo cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến xin y, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề, ngoại trừ trường hợp đặc biệt. Trường hợp đặc biệt là trường hợp bị mất y.

7. Nếu Tỳ-kheo bị mất y thì khi ấy được theo cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến xin y. Nếu họ cho một cách hào phóng thì được lấy tối đa là hai cái (y trên và y dưới). Nếu lấy quá giới hạn thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

8. Nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ chuẩn bị giá tiền sắm y cúng cho Tỳ-kheo mỗi giáp, rồi tự nghĩ: “Ta chuẩn bị số tiền như thế để mua y như thế cúng cho Tỳ-kheo mỗi giáp” mà không cho Tỳ-kheo ấy biết (551b), nhưng khi nghe được tin, Tỳ-kheo ấy bèn đến nhà cư sĩ khuyên: “Lành thay cư sĩ! Ông (bà) hãy dùng số tiền sắm y như thế mua chiếc y màu sắc như thế cho tôi”, thì khi được y, phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

9. Nếu cư sĩ, vợ cư sĩ vì Tỳ-kheo, mỗi người chuẩn bị một số tiền sắm y như thế, rồi bàn nhau: “Chúng ta chuẩn bị số tiền sắm y như thế để mua chiếc y như thế cho Tỳ-kheo mỗi giáp”, mà không cho Tỳ-kheo ấy biết (551b), nhưng khi nghe được tin, Tỳ-kheo ấy bèn đến nhà cư sĩ, khuyên: “Lành thay các cư sĩ! Mỗi người hãy chuẩn bị tiền sắm y như thế, rồi cùng chung lại mua một chiếc y màu sắc như thế cho tôi”, thì khi được y phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

10. Nếu vua hay đại thần sai sứ giả đem tiền sắm y đến cúng cho Tỳ-kheo, và nói: “Số tiền sắm y

này là của vua, của đại thần (mỗ giáp) đưa đến cho Tôn giả, xin Tôn giả nhận cho”, thì bấy giờ, Tỳ-kheo nên nói: “Tôi không được nhận tiền sấm y. Nếu đưa y thích hợp thì tôi mới nhận được”. Rồi sứ giả hỏi: “Tôn giả có người giúp việc không?”, mà Tỳ-kheo thấy cần y, thì nên chỉ người làm vườn, hoặc Ưu-bà-tắc cho sứ giả, và nói: “Người đó thường hay giúp việc cho Tỳ-kheo”. Sứ giả khi ấy nên đến người đó khuyên dụ: “Lành thay vị chấp sự! Nhờ ông nhận số tiền sấm y này để mua y như thế cho Tỳ-kheo mỗ giáp. Khi nào Tỳ-kheo ấy đến lấy y, thì ông đưa giúp cho”. Gởi gắm xong, sứ giả nên trở lại chỗ Tỳ-kheo, nói: “Tôi đã khuyên dụ người giúp việc mà tôn giả đã chỉ sấm y giúp rồi, khi nào cần y, thì đến đó lấy”. Thế thì khi cần y, Tỳ-kheo nên đến chỗ người giúp việc nói: “Tôi cần y, tôi cần y”, lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế. Nếu được y thì tốt, nếu không được thì lần thứ tư, thứ năm, thứ sáu nên đến đứng im lặng trước người giúp việc. Nếu được thì tốt, nếu không được mà đến đòi quá giới hạn ấy, thì khi được y phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề. Trong trường hợp không lấy được, thì Tỳ-kheo hoặc tự đi, hoặc nhờ người khác đến chỗ người xuất tiền sấm y, nói: “Ông (bà) đã vì Tỳ-kheo mỗ giáp đưa tiền sấm y, nhưng chung cục Tỳ-kheo ấy không lấy được số tiền sấm y do ông cúng, vậy xin báo cho ông biết, đừng để mất tiền”. Vấn đề này nguyên tắc là như vậy. (hết 10 việc)

11. Nếu Tỳ-kheo dùng lông dê toàn màu đen làm phụ cụ mới thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo làm phụ cụ mới thì nên dùng hai phần lông dê thuần màu đen, một phần màu trắng và một phần màu lẫn lộn. Nếu quá số phần ấy thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo dùng tơ tằm trộn với lông dê thuần màu đen làm phụ cụ mới thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

14. **(551c)** Nếu Tỳ-kheo làm phụ cụ mới thì nên sử dụng đến 6 năm. Nếu phụ cụ chưa đủ 6 năm mà bỏ, hoặc không bỏ, làm phụ cụ mới thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề; ngoại trừ Tăng Yết-ma cho phép.

15. Nếu Tỳ-kheo làm phụ cụ hay tọa cụ mới thì nên dùng một miếng phụ cụ cũ chừa một gang tay Phật may chồng lên phụ cụ mới để cho hoại sắc. Nếu không dùng một miếng cũ may chồng lên phụ cụ hay tọa cụ mới thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo đi đường được lông dê mà mình thấy cần, thì có thể lấy mang đi trong vòng 3 do tuần. Nếu mang đi quá giới hạn ấy, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giết, nhuộm, chải lông dê, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm vàng, bạc, hoặc sai người khác cầm sắm soi với tâm tham luyến, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo mua bán các thứ hàng hóa thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo mua bán đổi chác các loại vàng, bạc, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề. (Hết 20 giới).

21. Nếu Tỳ-kheo có bát thừa (ngoài cái pháp định) thì được cất trong 10 hôm. Nếu cất quá 10 hôm, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo dùng bát chưa vá đủ năm chỗ, mà vì thích đẹp, xin bát mới, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề. Cái bát này phải xả giữa chúng Tăng. Rồi Tăng nên đem cái bát kém nhất đưa cho người ấy, nói: “Trưởng lão! Thầy phải sử dụng cái bát này cho đến khi vỡ”. Việc này nguyên tắc là như vậy.

23. Nếu Tỳ-kheo bị bệnh cần uống sữa chua, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi và mỡ, thì nên nhận một lần để uống 7 ngày. Nếu quá 7 ngày mà những thứ còn thừa không bỏ, vẫn cứ uống, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo khác, rồi sau đó tức giận không vui, hoặc tự mình, hoặc sai người đoạt lại y ấy, thì khi được y, phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

25. Trong vòng một tháng cuối mùa xuân, Tỳ-kheo nên tìm vải may áo tắm mưa, rồi trong nửa tháng còn lại nên may thành áo để dùng. Nếu chưa đến thời gian đó mà đi tìm vải may áo tắm mưa rồi may thành áo để dùng, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo tự đi xin chỉ sợi, rồi nhờ thợ dệt không phải bà con dệt thành vải, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

27. **(552a)** Nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ sai thợ dệt dệt vải để may y cho Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo trước đó không được mời, mà vì thích đẹp, nên đến khuyên thợ dệt: “Lành thay cư sĩ! Tấm vải này dệt cho tôi đó. Ông nên dệt cho thật đẹp, dày, dài và rộng, rồi tôi sẽ trả công cho ông bằng tiền hoặc bằng thực phẩm”, thì khi nhận được vải, phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

28. Nếu còn 10 hôm nữa mới đến ngày Tự tứ, mà thí chủ cúng dường y cấp thời, thì Tỳ-kheo nào cần dùng được phép nhận, rồi cất cho đến thời gian

của y. Nếu cất quá thời gian ấy thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã trong ba tháng hạ, chưa đến tháng cuối mùa hạ mà gặp những việc đáng nghi ngờ lo sợ thì có thể gởi một trong ba y tại nhà dân, sống cách ly với y trong 6 hôm. Nếu quá 6 hôm thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề; ngoại trừ Tăng Yết-ma cho phép.

30. Nếu Tỳ-kheo biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng, mà vận động họ cúng cho mình, thì phạm tội Ni-tát-kì-ba-dạ-đề. (Hết 30 việc)

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong 30 pháp Ni-tát-kì-ba-dạ-đề, giờ xin hỏi các Đại đức ở trong đây có thanh tịnh không? (hỏi 3 lần)

Vì các Đại đức ở trong đây thanh tịnh nên im lặng; tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là 92 pháp **Ba-dạ-đề** cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc lại một lần vào dịp tụng giới.

1. Nếu Tỳ-kheo biết mà cố ý nói dối thì phạm tội Ba-dạ-đề.

2. Nếu Tỳ-kheo đem chủng tộc tương mạo của Tỳ-kheo khác ra châm chọc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

3. Nếu Tỳ-kheo nói 2 lưỡi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo biết Tăng đã dập tắt sự tranh chấp đúng như pháp, như luật mà muốn làm phát sinh trở lại, nói: “Việc Yết-ma này chưa xong, phải làm lại”, làm như vậy là nhằm gây rối chứ không gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

5. Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người nữ quá 5, 6 lời, thì phạm tội Ba-dạ-đề; ngoại trừ có người đàn ông trí thức tham dự.

6. Nếu Tỳ-kheo dạy người chưa thọ giới Cụ túc đọc những câu, những bài pháp, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

7. Nếu Tỳ-kheo nói với người chưa thọ giới Cụ túc rằng mình đã được pháp hơn người như sau: “Tôi biết như vậy, thấy như vậy”, thì dù nói thật cũng phạm tội Ba-dạ-đề.

8. Nếu Tỳ-kheo biết tội thô ác của Tỳ-kheo khác mà đem nói với người chưa thọ giới Cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề; ngoại trừ Tăng Yết-ma cho phép.

9. **(552b)** Nếu Tỳ-kheo nào lúc đầu đã đồng ý đem vật dùng để chia cho Tăng cho người khác, nhưng sau đó ngăn cản, nói: “Trưởng lão, thầy có ý

thiên vị nên đem vật của Tăng cho người ấy”, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

10. Nếu vào dịp tụng giới của mỗi nửa tháng mà Tỳ-kheo nào nói: “Trưởng lão, thầy tụng làm chi ba cái giới lật vật ấy khiến cho các Tỳ-kheo sinh ra nghi ngờ, hối hận!”, nói như thế là nhằm khinh chê giới luật chứ không gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề. (Hết 10 việc)

11. Nếu Tỳ-kheo hủy hoại mầm sống của cây, phá hỏng chỗ ở của quỷ, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo nói những vấn đề khác làm náo loạn người khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo chê trách chức sự của Tăng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo tự mình hay sai người khác đem bày biện giường nằm, ghế ngồi, mền gối ở chỗ đất trống nơi trú xứ của Tăng, rồi lúc ra đi không tự mình cất hay sai người đem cất, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo tự mình hay sai người khác trải giường nệm trong phòng của chúng Tăng, rồi lúc ra đi không tự mình hay sai người khác đem cất, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo vì tức giận không vui mà tự mình hay sai người lôi Tỳ-kheo khác ra khỏi phòng của Tăng, dù chỉ nói: “Ông hãy đi đi!”, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo biết trong phòng của Tăng đã có Tỳ-kheo khác trải giường nệm trước rồi, mình đến sau cũng trải đồ đạc ra, với ý định làm nhiễu loạn, để người kia bỏ đi chứ không có gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo đặt giường có chân nhọn trên lầu, trên gác của Tăng để ngồi, hoặc nằm, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo biết nước có sinh trùng mà tự mình hoặc sai người đem tưới trên cỏ, trên đất, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo tự kinh doanh làm phòng lớn có cửa lớn, cửa sổ, thì nên làm ở chỗ đất ít cỏ, rồi sai người lợp chừng 3 lớp là vừa. Nếu lợp quá 3 lớp, thì phạm tội Ba-dạ-đề. (hết 20 việc)

21. Nếu Tỳ-kheo nào không được Tăng sai mà tự đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo nào được Tăng sai đi giáo giới Tỳ-kheo-ni mà ở lại từ lúc mặt trời lặn cho đến trước bình minh hôm sau, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

23. Nếu Tỳ-kheo nào đến trú xứ của Ni giáo giới mà không bạch với thiện Tỳ-kheo, thì phạm tội Ba-dạ-đề; ngoại trừ trường hợp đặc biệt. Trường hợp đặc biệt là khi bị bệnh.

24. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: “Trường lão vì việc ăn uống mà giáo giới Tỳ-kheo-ni”, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo ngồi với một Tỳ-kheo-ni ở chỗ trống vắng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

26. **(552c)** Nếu Tỳ-kheo hẹn đi chung đường với Tỳ-kheo-ni, dù chỉ đi qua một làng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo hẹn đi chung thuyền với Tỳ-kheo-ni, ngược dòng hay xuôi dòng, thì phạm tội Ba-dạ-đề; ngoại trừ đi đò ngang qua sông.

28. Nếu Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo may y cho Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo biết bữa ăn ấy do Tỳ-kheo-ni vận động mới có, mà ăn, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

31. Nếu gia đình nào chỉ cúng dường một bữa ăn mà Tỳ-kheo không bệnh ăn hơn một bữa, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

32. Nếu Tỳ-kheo ăn nhiều chỗ (trong ngày), thì phạm tội Ba-dạ-đề; ngoại trừ khi có bệnh, khi ốm yếu.

33. Nếu Tỳ-kheo ăn no rồi, rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn lại, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

34. Nếu Tỳ-kheo nào biết vị Tỳ-kheo khác ăn no rồi, rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực, mà muốn làm náo loạn, nên mời: “Trưởng lão, hãy ăn món này”, rồi vị ấy ăn, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

35. Nếu thức ăn người ta không cho, thì Tỳ-kheo không được lấy bỏ vào miệng. Nếu bỏ vào miệng, thì phạm tội Ba-dạ-đề; ngoại trừ nước và tăm xỉa răng.

36. Nếu Tỳ-kheo ăn phi thời, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

37. Nếu Tỳ-kheo để dành thức ăn mà ăn, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

38. Nếu Tỳ-kheo đến nhà bạch y, mà họ cúng dường bánh bún một cách hào phóng, thì nên nhận chừng ba bát, rồi ra ngoài cùng ăn với Tỳ-kheo

không bệnh. Nếu nhận quá số ấy và không cùng ăn với người khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

39. Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà vì muốn sướng thân đi xin các thức mỹ vị như sữa tươi, sữa chua, sữa đông váng, dầu, mật, đường phèn, cá, thịt để ăn, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

40. Nếu Tỳ-kheo ăn với một nhóm riêng, thì phạm tội Ba-dạ-đề; ngoại trừ khi bệnh, khi sắp y, khi đi đường, khi ở trên thuyền, khi đại chúng đại hội, khi ngoại đạo bố thí ẩm thực. (Hết 40 việc).

41. Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà vì bản thân, hoặc tự mình, hoặc sai người đốt cỏ, cây, phân bò, thì phạm tội Ba-dạ-đề; ngoại trừ có lý do chính đáng.

42. Nếu Tỳ-kheo ngủ chung một phòng với người chưa thọ giới Cụ túc quá 3 đêm, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

43. Nếu Tỳ-kheo gọi dục yết ma rồi, sau đó tức giận không vui, nói thế này: “Tôi không gọi dục (về việc) không tốt ấy. Pháp Yết-ma đó không thành tựu. Tôi không gọi dục trong trường hợp này”, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

44. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: “Trưởng lão, thầy đi với tôi vào xóm làng, tới nhà kia, rồi tôi sẽ đưa hoặc bảo người khác đưa thức ăn

cho thầy”, nhưng sau đó muốn đuổi người ấy đi, bèn nói: “Ông hãy đi đi, tôi ngồi với ông không vui, tôi ngồi một mình vui hơn”, làm như thế (là để cho người kia mất ăn chứ không có gì khác), thì phạm tội Ba-dạ-đề.

45. Nếu Tỳ-kheo nói thế này: “Trưởng lão, tôi biết đức Thế Tôn nói về pháp chương ngại đạo, nhưng khi thực hành pháp ấy thì không có gì là chương ngại hết”, thì các Tỳ-kheo nên khuyên can rằng: “Trưởng lão! Thầy đừng hủy báng đức Thế Tôn. Hủy báng đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn không nói như thế. Đức Thế Tôn nói pháp chương ngại đạo thì quả thực là chương ngại đạo. Thầy hãy bỏ việc ác này đi”. Khi khuyên can như thế mà vẫn kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba (cho bỏ việc ấy). Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Tăng nên làm Yết-ma cử tội Tỳ-kheo ấy.

46. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác không bỏ ác kiến, Tăng đã làm Yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật, nhưng vị ấy chưa làm đúng pháp, đúng luật mà cùng ăn chung, ở chung một phòng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

47. Nếu Sa-di nói thế này: “Đức Như Lai nói rằng dâm dục là pháp chương ngại đạo, nhưng tôi

biết rằng khi thực hiện dâm dục không phải là *chướng ngại đạo*”, thì các Tỳ-kheo nên khuyên can rằng: “Này Sa-di kia, người chớ hủy báng Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn không nói như thế. Đức Thế Tôn nói rằng dâm dục quả thật là *pháp chướng đạo*. Người hãy bỏ việc ác này đi”. Khi khuyên can như vậy mà kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phải đuổi đi, nói: “Từ nay về sau, người không được nói rằng Phật là thầy của tôi, cũng không được ngủ với Tỳ-kheo 3 đêm. Người đi đi, không được ở đây nữa”. Nếu Tỳ-kheo biết Sa di không bỏ ác kiến, bị đuổi đi, chưa làm đúng pháp mà dụ dỗ đem về nuôi dưỡng, cùng ăn chung, sống chung, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

48. Nếu Tỳ-kheo được y mới thì nên dùng 3 màu: xanh, đen, mộc lan, hoặc một trong 3 màu nhuộm cho hoại sắc. Nếu không làm cho hoại sắc mà mặc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

49. Nếu Tỳ-kheo tự mình, hoặc bảo người lấy những vật báu hoặc những bảo vật có giá trị tại trú xứ của Tăng, thì phạm tội Ba-dạ-đề; ngoại trừ tự lấy cất đợi chủ đến tìm mà trả lại.

50. Nếu Tỳ-kheo chưa đủ nửa tháng mà tắm một lần thì phạm tội Ba-dạ-đề; ngoại trừ trong hai tháng rưỡi đặc biệt, tức một tháng rưỡi cuối mùa

xuân, một tháng đầu mùa hạ, và những khi trời nóng, khi bệnh, khi gió, khi mưa, khi làm việc và khi đi đường. (Hết 50 việc)

51. (553a) Nếu Tỳ-kheo biết nước có sinh trùng mà uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

52. Nếu Tỳ-kheo tự tay đưa thức ăn cho nam nữ đạo sĩ lỏa thể thì phạm tội Ba-dạ-đề.

53. Nếu Tỳ-kheo biết nơi đó là chỗ để hành dâm của nhà mình thọ trai, mà ngồi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

54. Nếu Tỳ-kheo biết nơi đó là chỗ kín đáo của nhà mình thọ trai, mà ngồi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

55. Nếu Tỳ-kheo xem quân sĩ xuất trận thì phạm tội Ba-dạ-đề.

56. Nếu Tỳ-kheo có lý do chính đáng thì được đến ở lại trong quân trại 3 đêm. Nếu ở quá 3 đêm thì phạm tội Ba-dạ-đề.

57. Nếu Tỳ-kheo có lý do chính đáng thì được ở lại trong quân trại 3 đêm. Nhưng nếu xem quân sĩ xuất trận, phát cờ, nghinh chiến, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

58. Nếu Tỳ-kheo giận dữ không vui, đánh Tỳ-kheo khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

59. Nếu Tỳ-kheo tức giận không vui dơ tay dọa đánh Tỳ-kheo khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

60. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm tội thô ác mà che giấu, thì phạm tội Ba-dạ-đề. (Hết 60 việc).

61. Nếu Tỳ-kheo cố ý sát hại mạng sống của súc sinh thì phạm tội Ba-dạ-đề.

62. Nếu Tỳ-kheo cố ý làm cho Tỳ-kheo khác sinh hoang mang, nghi ngờ, không vui trong giây lát, nhằm để chơi đùa chứ không có gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

63. Nếu Tỳ-kheo đã tịnh thí y cho 5 chúng (xuất gia), sau đó còn lấy dùng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

64. Nếu Tỳ-kheo vì chơi đùa mà tự mình hoặc sai người đem giấu y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của Tỳ-kheo khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

65. Nếu Tỳ-kheo làm cho Tỳ-kheo khác sợ hãi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

66. Nếu Tỳ-kheo đùa giỡn trong nước, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

67. Nếu Tỳ-kheo dùng tay chỉ chỗ nhau, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

68. Nếu Tỳ-kheo hẹn ước cùng đi chung đường với người nữ, dù chỉ đi qua một làng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

69. Nếu Tỳ-kheo cùng ngủ chung một nhà với người nữ, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

70. Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ ở chỗ kín đáo, thì phạm tội Ba-dạ-đề. (hết 70 việc).

71. Nếu Tỳ-kheo biết người kia chưa đủ 20 tuổi mà cho thọ giới Cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Người ấy đã không được gọi là thọ giới Cụ túc, mà các Tỳ-kheo còn đáng bị khiển trách.

72. Nếu Tỳ-kheo biết những kẻ ấy là quân trộm cướp mà hẹn đi chung đường với chúng, dù chỉ đi qua một làng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

73. (553c) Nếu Tỳ-kheo tự tay đào đất, hoặc chỉ bảo người khác, nói: “Đào chỗ đất này”, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

74. Nếu có thí chủ xin cúng dường cho Tỳ-kheo 4 tháng thì Tỳ-kheo được nhận. Nhưng nếu nhận quá thời gian ấy, thì phạm tội Ba-dạ-đề; ngoại trừ họ mời lại, hay mời lâu dài.

75. Nếu Tỳ-kheo được các Tỳ-kheo khuyên: “Trưởng lão, thầy phải học, đừng phạm 5 thiên tội”, mà nói: “Tôi không nghe lời thầy. Nếu có vị Trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu rộng thì tôi sẽ theo học hỏi, và vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ tuân hành”, thì phạm tội

Ba-dạ-đề; ngoại trừ trường hợp đặc biệt là khi vị Tỳ-kheo ấy muốn được lợi ích của chánh pháp và muốn hỏi Tỳ-kheo khác.

76. Nếu Tỳ-kheo uống các thứ rượu thì phạm tội Ba-dạ-đề.

77. Nếu Tỳ-kheo khinh thường Tỳ-kheo khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

78. Khi các Tỳ-kheo tranh cãi nhau mà Tỳ-kheo nào đứng im lặng lắng nghe, với suy nghĩ: “Họ có nói điều gì ta hãy ghi nhớ”, chỉ vì mục đích như thế chứ không có gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

79. Khi Tăng họp giải quyết công việc mà Tỳ-kheo nào không gửi dục, đứng dậy bỏ đi không bạch với Tăng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

80. Nếu Tỳ-kheo ở nơi A-luyện-nhã đi vào thôn xóm lúc phi thời mà không bạch với thiện Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề; ngoại trừ có việc gấp. (Hết 80 việc)

81. Nếu Tỳ-kheo ăn ở cùng một chỗ với Tỳ-kheo khác mà trước bữa ăn, sau bữa ăn không bạch với thiện Tỳ-kheo, đi đến nơi khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề; ngoại trừ thời gian của y.

82. Nếu Tỳ-kheo đi vào cung vua khi phu nhân (của vua) chưa cất bảo vật, dù chỉ bước vào khỏi cửa, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

83. Nếu Tỳ-kheo đục khoét xương, răng, sừng làm ống đựng kim thì phải phá bỏ rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

84. Nếu Tỳ-kheo làm chân giường thì phải làm cao chừng 8 ngón tay Phật, trừ chỗ tra vào thành giường. Nếu cao quá mức ấy thì phải cắt bỏ (rồi sám hối) tội Ba-dạ-đề.

85. Nếu Tỳ-kheo dùng bông vải làm nệm để ngồi hoặc nằm, thì phải moi bỏ rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

86. Nếu Tỳ-kheo làm tọa cụ thì phải làm đúng mức quy định: chiều dài 2 gang tay Phật, chiều rộng một gang tay rưỡi, rồi may thêm (mỗi chiều) một gang tay rưỡi. Nếu làm quá mức quy định thì phải cắt bỏ rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

87. Nếu Tỳ-kheo may áo che ghế thì phải may chiều dài 4 gang tay Phật, chiều rộng 2 gang tay. **(554a)** Nếu quá mức quy định thì phải cắt bỏ rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

88. Nếu Tỳ-kheo may áo tắm mưa thì phải may chiều dài 6 gang tay Phật, chiều rộng 2 gang

tay rưỡi. Nếu may quá giới hạn thì phải cắt bỏ rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

89. Nếu Tỳ-kheo may y thì phải may theo kích thước y của đức Như Lai. Y của Như Lai chiều dài 9 gang tay Phật, chiều rộng 6 gang tay Phật. Nếu may quá giới hạn ấy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

90. Nếu Tỳ-kheo vì tức giận không vui mà vô cớ vu khống Tỳ-kheo khác phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

91. Nếu Tỳ-kheo biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng, mà vận động cúng cho người khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

92. Khi Tăng tụng giới vào mỗi nửa tháng mà Tỳ-kheo nào nói rằng: “Trưởng lão, nay tôi mới biết pháp ấy được đưa vào giới kinh để đọc vào dịp tụng giới của mỗi nửa tháng”, nhưng các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo ấy không những đã ngồi trong chỗ tụng giới 2, 3 lần mà còn nhiều hơn nữa, thì Tỳ-kheo ấy không thể lấy lý do không biết để mà chạy tội. Khi ấy Tăng phải tùy theo vị ấy phạm tội nào mà trị tội ấy đúng pháp, đồng thời nên khiển trách: “Trưởng lão, thầy đã để mất lợi ích. Khi tụng giới vào mỗi nửa tháng, thầy không tôn trọng, không chú tâm lắng tai nghe giới”. Khiển trách xong, Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-dạ-đề. (Hết 92 việc)

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong 92 pháp Ba-da-đề. Giờ xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (hỏi 3 lần).

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng; việc này tôi ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức, đây là 4 pháp **Ba-la-đề-đề-xá-ni** cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới.

1. Nếu Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã không có bệnh, không thông tri trước (với người bên ngoài), người bên ngoài không hay biết mà ở ngay trong trú xứ nhận lấy thức ăn, rồi nhai, hoặc nuốt, thì phải đến Tỳ-kheo khác hối lỗi rằng: “Thưa Trưởng lão, tôi phạm tội đáng khiển trách”. Đây là cách hối quá.

2. Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà nhận lấy thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà bạch y, thì phải đến Tỳ-kheo khác sám hối rằng: “Thưa Trưởng lão, tôi phạm tội đáng khiển trách”. Đây là cách hối quá.

3. Nếu Tỳ-kheo được bạch y mời đến nhà thọ trai, mà khi ấy có Tỳ-kheo-ni đứng trước (bàn ăn) chỉ bảo (bạch y), nói: “Hãy bưng com cho Tỳ-kheo này, bưng canh cho Tỳ-kheo kia, hoặc dọn cá, dọn thịt v.v...”, thì các **(554b)** Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-

kheo-ni ấy rằng: “Này chị em, hãy đứng yên trong chốc lát, đợi các Tỳ-kheo ăn xong đã”. Nếu không có một Tỳ-kheo nào khiển trách Tỳ-kheo-ni ấy, thì các Tỳ-kheo phải đến Tỳ-kheo khác sám hối rằng: “Thưa Trưởng lão, tôi phạm tội đáng khiển trách”. Đây là cách hối quá.

4. Nếu có học gia nào Tăng đã làm pháp Yết-ma học gia, mà Tỳ-kheo nào không được mời trước lại đến đó tự tay nhận lấy thức ăn rồi nhai hoặc ăn, thì Tỳ-kheo ấy phải đến Tỳ-kheo khác sám hối rằng: “Thưa Trưởng lão, tôi phạm tội đáng khiển trách”. Đây là cách hối quá.

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong 4 pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni. Giờ xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (hỏi 3 lần)

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức, đây là các pháp **chúng học** cứ nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới.

1. Cần phải học: mặc nội y tề chỉnh.
2. Cần phải học: mặc 3 y tề chỉnh.
3. Cần phải học: khéo che thân kín đáo khi vào nhà bạch y.

4. Cần phải học: nhìn thẳng phía trước khi vào nhà bạch y.

5. Cần phải học: nói nhỏ nhẹ khi vào nhà bạch y.

6. Cần phải học: không được cười khi vào nhà bạch y.

7. Cần phải học: không được trùm đầu khi vào nhà bạch y.

8. Cần phải học: không được lật trái y khi vào nhà bạch y.

9. Cần phải học: không được đi nhón gót khi vào nhà bạch y.

10. Cần phải học: không được chống nạnh khi vào nhà bạch y. (10 việc)

11. Cần phải học: không được đi lặc lư cái thân khi vào nhà bạch y.

12. Cần phải học: không được lúc lắc cái đầu khi vào nhà bạch y.

13. Cần phải học: không được đánh đàn xa khi vào nhà bạch y.

14. Cần phải học: che thân kín đáo khi ngồi trong nhà bạch y.

15. Cần phải học: nhìn thẳng phía trước khi ngồi trong nhà bạch y.

16. Cần phải học: nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong nhà bạch y.

17. Cần phải học: không được cười khi ngồi trong nhà bạch y.

18. Cần phải học: không được trùm đầu khi ngồi trong nhà bạch y.

19. **(554c)** Cần phải học: không được lật trái y khi ngồi trong nhà bạch y.

20. Cần phải học: không được ngồi bó gối trong nhà bạch y (20 việc).

21. Cần phải học: không được ngồi tréo chân trong nhà bạch y.

22. Cần phải học: không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y.

23. Cần phải học: không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y.

24. Cần phải học: chú tâm khi nhận thức ăn.

25. Cần phải học: ăn cơm và canh bằng nhau.

26. Cần phải học: không được moi xung quanh bát mà ăn.

27. Cần phải học: không được ngậm cơm búng má mà ăn.

28. Cần phải học: không được le lưỡi mà ăn.
29. Cần phải học: không được ăn cơm lớn miếng.
30. Cần phải học: không được hả miệng chờ cơm mà ăn. (30 việc)
31. Cần phải học: không được chọn thức ăn mà ăn.
32. Cần phải học: không được cắn một nửa món ăn mà ăn.
33. Cần phải học: không được ngậm cơm mà nói.
34. Cần phải học: không được dùng tay vét bát mà ăn.
35. Cần phải học: không được liếm tay mà ăn.
36. Cần phải học: không được mút ngón tay mà ăn.
37. Cần phải học: không được nhai thức ăn ra tiếng.
38. Cần phải học: không được hút thức ăn mà ăn.
39. Cần phải học: không được nuốt nguyên vện thức ăn.
40. Cần phải học: không được làm đổ tháo cơm trong khi ăn. (40 việc)

41. Cần phải học: không được vung tay khi ăn.
42. Cần phải học: không được ngó thức ăn trong bát của người bên cạnh với tâm so sánh.
43. Cần phải học: chú tâm nhìn vào bát mà ăn.
44. Cần phải học: khi không bệnh không được đòi thức ăn ngon cho mình.
45. Cần phải học: không được lấy cơm phủ trên canh để mong được thêm canh nữa.
46. Cần phải học: không được dùng tay dơ bần cầm bát đựng cơm.
47. Cần phải học: không được đem thức ăn thừa trong bát đổ xuống đất.
48. **(555a)** Cần phải học: không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe, ngoại trừ khi bệnh.
49. Cần phải học: không được ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, ngoại trừ khi bệnh.
50. Cần phải học: không được ngồi dưới thấp thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe, ngoại trừ khi bệnh. (50 việc)
51. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe, ngoại trừ khi bệnh.

52. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe, ngoại trừ khi bệnh.

53. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người trùm đầu nghe, ngoại trừ khi bệnh.

54. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người quán đầu nghe, ngoại trừ khi bệnh.

55. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người ngồi chồm hóm bó gối nghe, ngoại trừ khi bệnh.

56. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người đứng nhón gót nghe, ngoại trừ khi bệnh.

57. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người cầm đao nghe, ngoại trừ khi bệnh.

58. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe, ngoại trừ khi bệnh.

59. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe, ngoại trừ khi bệnh.

60. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe, ngoại trừ khi bệnh.

61. Cần phải học: không được đi sau thuyết pháp cho người đi trước mình nghe, ngoại trừ khi bệnh.

62. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người ngồi trên ngựa, trên xe nghe, ngoại trừ khi bệnh.

63. Cần phải học: mình ở ngoài lề đường, không được thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe, ngoại trừ khi bệnh.

64. Cần phải học: không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi, ngoại trừ khi bệnh.

65. Cần phải học: không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trong nước, ngoại trừ khi bệnh.

66. Cần phải học: không được đứng đại tiểu tiện, ngoại trừ khi bệnh.

(Hết 66 pháp chúng học)

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong các pháp chúng học, giờ xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (hỏi 3 lần)

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức, đây là 7 pháp **Diệt tránh** cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới.

1. Tùy theo việc nào, tùy theo người nào nên cho pháp Tỳ-ni Hiện tiền, thì cho pháp Tỳ-ni Hiện tiền.

2. Người nào nên cho pháp Tỳ-ni Ưc niệm, thì cho pháp Tỳ-ni Ưc niệm.

3. **(555b)** Người nào nên cho pháp Tỳ-ni Bất si, thì cho pháp Tỳ-ni Bất si.

4. Người nào nên cho pháp Tỳ-ni Tự ngôn trị, thì cho pháp Tỳ-ni Tự ngôn trị.

5. Người nào nên cho pháp Tỳ-ni Mịch tội tướng thì cho pháp Tỳ-ni Mịch tội tướng.

6. Người nào nên cho pháp Tỳ-ni Đa nhơn mịch tội tướng, thì cho pháp Tỳ-ni Đa nhơn mịch tội tướng.

7. Người nào nên cho pháp Tỳ-ni Như thảo phú địa, thì cho pháp Tỳ-ni Như thảo phú địa.

(Hết 7 pháp Diệt tránh)

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong 7 pháp Diệt tránh, giờ xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (hỏi 3 lần)

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức, đây là pháp tùy thuận cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới. Tùy thuận hành trì pháp này tức là tùy thuận hai bộ Tỳ-ni vậy.

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong pháp tùy thuận, giờ xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (hỏi 3 lần)

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng bài tựa của giới kinh, đã tụng 4 pháp Ba-la-di, đã tụng 13 pháp Tăng-già-bà-thi-sa, đã tụng 2 pháp Bất định, đã tụng 30 pháp Ni-tát-kì-Ba-dạ-đề, đã tụng 92 pháp Ba-dạ-đề, đã tụng 4 pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, đã tụng các pháp chúng học, đã tụng 7 pháp Diệt tránh, đã tụng pháp tùy thuận. Đó là giới luật của đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri được đưa vào trong giới kinh. Pháp này là pháp Tùy thuận, tất cả đều phải học, không được vi phạm.

Phật dạy (về 7 bài kệ của 7 đức Phật):

1. Đức Tỳ-bà-thi Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì chúng Tăng tịch tĩnh, mà nói giới tóm tắt như sau:

*“Nhẫn nhục đạo bậc nhất,
Niết-bàn đích tối thượng.*

*Xuất gia nã hại người,
Không đáng gọi Sa-môn”.*

2. Đức Thi-khí Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì chúng Tăng tịch tĩnh mà nói giới tóm tắt như sau:

*“Cũng như người sáng mắt,
Tránh được đường nguy hiểm.
Bậc thông minh trong đời,
Tránh xa mọi điều ác”.*

3. Đức Tỳ-diệp-bà Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì chúng Tăng tịch tĩnh mà nói giới tóm tắt như sau:

*“Không bới móc, tạt đổ,
Tuân hành các học giới,
Ăn uống có điều độ,
Thường ở chỗ thanh vắng.
Tâm tịnh vui tinh tấn,
Là lời chư Phật dạy”.*

4. Đức Câu-lưu-tôn Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì chúng Tăng tịch tĩnh mà nói giới tóm tắt như sau:

*“Tỳ-kheo vào xóm làng,
Như ong đi tìm hoa*

*Hút mật rồi bay đi,
Chẳng hại gì hương sắc.
Không phá hoại việc người,
Không xem làm hay không;
Chỉ xét hành vi mình,
Có tốt hay không tốt”.*

5. Đức Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì chúng Tăng tịch tĩnh mà nói giới tóm tắt như sau:

*“Muốn tâm mình tốt chớ buông lung,
Thiện pháp Thánh nhân luôn gắng học.
Những người trí tuệ tâm chuyên chú,
Phiền não ưu sầu đoạn tuyệt ngay”.*

6. Đức Ca-diếp Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì chúng Tăng tịch tĩnh mà nói giới tóm tắt như sau:

*“Chớ làm mọi điều ác,
Tuân hành các hạnh lành,
Giữ tâm chí trong sạch,
Là lời chư Phật dạy”.*

7. Đức Thích-ca-mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì chúng Tăng tịch tĩnh mà nói giới tóm tắt như sau:

*“Lành thay phòng hộ thân,
Khéo giữ gìn lời nói.
Lành thay phòng hộ tâm,
Tất cả đều khéo giữ.
Tỳ-kheo giữ tất cả,
Sẽ xa lìa thống khổ.
Tỳ-kheo giữ miệng ý,
Giữ thân không làm ác,
Ba nghiệp đều thanh tịnh,
Chắc chắn được Thánh quả.
Ai đánh mắng mình, không trả đũa.
Ai oán hận ta vẫn tự nhiên.
Với người sân hận, lòng thanh thản
Mặc ai làm ác, ta không làm.
Bảy đức Phật Thế Tôn,
Thường cứu độ thế gian,
(556a) Từng thuyết giới kinh này,
Giờ tôi đã tụng xong.
Chư Phật và đệ tử,
Đều tôn kính giới này.*

*Vừa tôn kính giới kinh,
Vừa kính trọng lẫn nhau,
Ai đầy đủ tâm quý,
Sẽ được đạo vô vi”.*

Tôi đã tụng xong giới kinh. Tăng đã nhất tâm
Bố-tát hoàn mãn. Sau đây là tóm tắt giới Ma-ha-
tăng-kỳ:

*“Giữ thân miệng trong sạch,
Nhiếp tâm luôn ghi nhớ.
Nghe nhiều trí huệ sinh,
Đều lấy giới làm gốc.
Giới là kho châu báu,
Cũng là bảy thánh tài.
Giới là vị thuyền trưởng,
Chèo qua biển sinh tử.
Giới là ao nước trong,
Tẩy rửa mọi phiền não.
Giới là thuật vô úy,
Tiêu trừ các độc hại.
Giới là người bạn lành,
Dắt mình qua nẻo ác.
Giới là vị cam lồ,*

*Chư Thánh đều nhờ giới.
Giữ giới tâm bất động,
Chuyên tinh không phóng dật.
Không hủy hoại giới tướng,
Tâm cũng không tà vạy,
Mới gọi là tịnh giới.
Được chư Phật tán dương.
Thế nên hãy hoan hỷ,
Giữ giới thân thanh tịnh”.*

Giới bản của Đại Tỳ-kheo thuộc Luật Ma-ha-tăng-kỳ đến đây là hết.

Phụ lục 2
I. ĐỐI CHIẾU CÁC BỘ LUẬT (LUẬT TỨ PHẦN)
A. TỨ PHẦN – NGŨ PHẦN – PĀLI

TỨ PHẦN		NGŨ PHẦN		PĀLI	
Phần	Pháp (Kiến độ)	Phần	Pháp (Kiến độ)	Vagga	Khandhaka
I	1. Tứ Ba-la-di 2. Thập tam tăng tàn 3. Nhị bất định 4. Tam thập xả đọa 5. Cửu thập đốn đề 6. Tứ đề xá ni 7. Thức xoa ca la ni	I	1. Ba-la-di pháp 2. Tăng tàn pháp 3. Bất định pháp 4. Xả đọa pháp 5. Đọa pháp 6. Hồi quá 7. Chứng học pháp 8. Thất diệt tránh pháp	Sutta-vibhaṅga	1. Pārājika 2. Saṅghādisesa 3. Aniyata 4. Nissaggiya 5. Pācittiya 6. Pāṭidesaniya 7. Sekhiyā dhammā 8. Satta adhikaraṇa-samathā dhammā
II	1. Ba-la-di pháp 2. Tăng tàn pháp 3. Xả đọa pháp 4. Đốn đề pháp 5. Thọ giới kiến độ 6. Thuyết giới kiến độ	II	1. Ni luật Ba-la-di pháp 2. Ni luật tăng tàn pháp 3. Ni luật xả đọa pháp 4. Ni luật đọa pháp 5. Ni luật hồi quá pháp 6. Ni luật chứng học	Bhikkhuni-vibhaṅga	1. Pārājika 2. Saṅghādisesa 3. Nissaggiya 4. Pācittiya 5. Pāṭidesaniya 6. Sekhiyā dhammā 7. Satta adhikaraṇa-samathā dhammā 1. Mahākkhandhaka
		III	1. Thọ giới pháp 2. Bố tát pháp		

[illegible]

	bách 4. Thất bách tập pháp Tỳ-ni 5. Điều bộ 6. Tỳ-ni tăng nhất		10. Thất bách tập pháp 7. Điều phục pháp		11. Pañcasatika 12. Sattasatika
--	--	--	---	--	--

B. PHẠM BẢN - THẬP TỤNG - TỨ PHẦN

Mūlasarvāstivāda	Thập tụng	Tụng	Tứ phần	Phần
Bhaiṣaṃyavastu	6. Y dược Pháp	IV	4. Dược kiện độ	III
Cīvaravastu	7. Y Pháp	IV	3. Y kiện độ	III
Kaṭṭhinavastu	1. Ca-thi-na-y	V	5. Ca-thi-na kiện độ	III
Ko'sambakavastu	2. Câu-xá-di pháp	V	6. Câu-thiêm-di kiện độ	III
Karmavastu	3. Chiêm-ba pháp	V	7. Chiêm-ba kiện độ	III
Pāṇḍulohitavastu	4. Bàn-trà Lộ-già pháp	V	8. Ha trách kiện độ	III
Pudgalavastu	5. Tăng tàn hồi pháp	V	9. Nhân kiện độ	III
Pārivāsikavastu	5. Tăng tàn hồi pháp	V	10. Phú tàng kiện độ	III
Posadhasthāpanavastu	6. Già pháp	V	11. Già kiện độ	III
'Sayanāsanavastu	7. Ngọa cụ pháp	V	1. Phòng xá kiện độ	IV
Pravrajyāvastu	1. Thọ cụ túc giới pháp	IV	5. Thọ giới kiện độ	II
Posadhavastu	2. Bồ tát pháp	IV	6. Thuyết giới kiện độ	II
Pravāraṇāvastu	3. Tự tứ pháp	IV	8. Tự tứ kiện độ	II
Varṣavastu	4. An cư pháp	IV	7. An cư kiện độ	II & III
Carmavastu	5. Bì cách pháp	IV	2. Bì cách pháp	III
Saṅghabhedavastu	8. Tránh sự pháp	V	12. Phá tăng kiện độ	III

II. ĐỐI CHIẾU NỘI DUNG CÁC BỘ

A. ĐỐI CHIẾU THIÊN TỰ

1. THIÊN TỰ TỶ-KHEO

I. Ba-la-di, II. Tăng-già-bà-thi-sa, III. Bất định, IV. Ni-tát-kì, V. Ba-dật-đề, VI. Ba-la-đề-đề-xá-ni, VII. Chúng học pháp, VIII. Diệt tránh.

		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	Tổng
Tứ phần		4	13	2	30	90	4	100	7	250
Ngũ phần		4	13	2	30	91	4	100	7	251
Tăng kỳ		4	13	2	30	92	4	66	7	218
Thập tụng	A*	4	13	2	30	90	4	107	7	257
	B**	4	13	2	30	90	4	113	7	263
Căn bản		4	13	2	30	90	4	99	7	249
Giải thoát		4	13	2	30	90	4	96	7	246
Tì-nại-da		4	13	2	30	90	4	113	7	263
Ưu-ba-li vấn		4	13		30	92	4	72		215
Pāli		4	13	2	30	92	4	75	7	227
Sarvāstivāda		4	13	2	30	90	4	113	7	263
Mūlasarvāstivāda		4	13	2	30	90	4	108	7	258
So sor thar pa		4	13	2	30	90	4	108	7	258

* Thập tụng Quảng luật

** Thập tụng giới bản

2. THIÊN TỰ TỶ-KHEO-NI

I. Ba-la-di, II. Tăng-già-bà-thi-sa, III. Ni-tát-kì, IV. Ba-dật-đề, V. Ba-la-đề-đề-xá-ni, VI. Chúng học pháp, VII. Diệt tránh.

	I	II	III	IV	V	VI	VII	Tổng
Tứ phần	8	17	30	178	8	100	7	348
Ngũ phần	8	17	30	210*	8	100	7	373**
Tăng kỳ	8	19	30	141	8	77	7	290
Thập tụng	8	17	30	178	8	106	7	354
Căn bản	8	20	30	180	11	99	7	257
Pāli	8	17	30	166	8	75	7	311

* Giới bốn: 210; Quảng luật: 207. ** Giới bốn: 373; Quảng luật: 370

B. ĐỐI CHIẾU HỌC XỨ'
1. HỌC XỨ' TỶ-KHEO

TP: Tứ phần, NP: Ngũ phần, TK: Tăng kỳ, TT: Thập tụng, CB: Căn bản, PL: Pāli

I. BA-LA-DI

.....	TP	NP	TK	TT	CB	PL
1. Bất tịnh hạnh	1	1	1	1	1	1
2. Bất dữ thủ	2	2	2	2	2	2
3. Đoạn nhân mạng	3	3	3	3	3	3
4. Đại vọng ngữ	4	4	4	4	4	4
Tổng số	4	4	4	4	4	4

II. TĂNG-GIÀ-BÀ-THI-SA

.....	TP	NP	TK	TT	CB	PL
1. Cố ý tiết tình	1	1	1	1	1	1
2. Xúc chạm nữ nhân	2	2	2	2	2	2
3. Nói lời thô tục	3	3	3	3	3	3
4. Yêu sách cứng đường	4	4	4	4	4	4
5. Mai mối	5	5	5	5	5	5
6. Lập thất nhỏ	6	6	6	6	6	6
7. Cắt chùa lớn	7	7	7	7	7	7
8. Vô căn báng	8	8	8	8	8	8
9. Giả căn báng	9	9	9	9	9	9
10. Phá tăng	10	10	10	10	10	10
11. Tùy thuận phá tăng	11	11	11	11	11	11
12. Ô tha gia	12	13	13	12	12	13
13. Ác tánh bất thọ nhân ngữ	13	12	12	13	13	12
Tổng số	13	13	13	13	13	13

III. BẤT ĐỊNH

.....	TP	NP	TK	TT	CB	PL
Điều 1	1	1	1	1	1	1
Điều 2	2	2	2	2	2	2
Tổng số	2	2	2	2	2	2

IV. NI-TÁT-KỲ-BA-DẬT-ĐỀ

.....	TP	NP	TK	TT	CB	PL
1. Súc trường y	1	1	1	1	1	1
2. Ngủ lia y	2	2	2	2	2	2
3. Chờ y một tháng	3	3	3	3	3	3
4. Nhận y phi thân lý ni	4	4	4	4	5	5
5. Nhờ phi thân lý ni giặt y cũ	5	5	5	5	4	4
6. Xin y nơi nhà phi thân lý	6	6	6	6	6	6
7. Nhận y quá phần	7	7	7	7	7	7
8. Khuyến cư sĩ tăng giá y	8	8	8	8	8	8
9. Khuyến hai nhà tăng giá y	9	9	9	9	9	9
10. Yêu sách giá y quá hạn	10	10	10	10	10	10
11. Ngọa cụ bằng tơ tằm	11	21	13	11	11	11
12. Ngọa cụ toàn đen	12	22	11	12	12	12
13. Ngọa cụ quá phần	13	23	12	13	13	13
14. Ngọa cụ dưới sáu năm	14	24	14	14	14	14
15. Ngọa cụ không hoại sắc	15	25	15	15	15	15

16. Quây lông dê	16	26	16	16	16	16
17. Nhờ chải lông dê	17	27	17	17	17	17
18. Cầm giữ vàng bạc	18	30	18	18	18	18
19. Kinh doanh tài bảo	19	28	20	19	19	19
20. Buôn bán	20	29	19	20	20	20
21. Chứa bát dư	21	20	21	21	21	21
22. Đổi bát mới	22	19	22	22	22	22
23. Xin chỉ sợi	23	11	26	23	23	26
24. Chỉ dẫn thợ dệt	24	12	27	24	24	27
25. Đoạt lại y	25	13	24	25	25	25
26. Thuộc bảy ngày	26	15	23	30	30	23
27. Y tắm mưa	27	17	25	28	28	24
28. Y cấp thí	28	18	28	26*	26	28
29. A-lan-nhà gặp nạn lia y	29	16	29	27**	27	29
30. Xoay tăng vật về mình	30	14	30	29	29	30
Tổng số	30	30	30	30	30	30

* Giới bản: 26; Quảng luật: 27. ** Giới bản: 27; Quảng luật: 26

V. BA-DẬT-ĐỀ

.....	TP	NP	TK	TT	CB	PL
1. Cố ý vọng ngữ	1	1	1	1	1	1
2. Mãng nhiếp	2	2	2	2	2	2
3. Nói ly gián	3	3	3	3	3	3
4. Ngủ chung buồng người nữ	4	56	69	65	65	6
5. Ngủ chung buồng người chưa thọ Cụ túc	5	7	42	54	54	5

6. Đọc kinh chung	6	6	6	6	6	4
7. Nói thô tội	7	9	8	8	7	9
8. Nói pháp thượng nhân	8	8	7	7	8	8
9. Thuyết pháp quá năm lời	9	4	5	5	5	7
10. Đào phá đất	10	59	73	73	73	10
11. Phá hoại thực vật	11	11	11	11	11	11
12. Nói quanh	12	12	12	13	13	12
13. Nói xấu tăng sai	13	13	13	12	12	13
14. Trải tọa cụ tăng không cất	14	14	14	14	14	14
15. Trải ngoại cụ trong phòng tăng	15	15	15	15	15	15
16. Chen lấn chỗ ngủ	16	17	17	17	17	16
17. Đuôi tỳ-kheo ra ngoài	17	16	16	16	16	17
18. Ghế ngồi không vững	18	18	18	18	18	18
19. Dùng nước có trùng	19	20	19	19	19	20
20. Cất nhà lớn	20	19	20	20	20	19
21. Giáo giới ni không được tăng sai	21	21	21	21	21	21
22. Giáo thọ ni sau mặt trời lặn	22	22	22	22	22	22
23. Giáo thọ ni vì lợi dưỡng	23	24	24	23	23	24
24. Cho y cho tỳ-kheo ni	24	26	28	26	24	25
25. May y cho tỳ-kheo ni	25	27	29	27	25	26
26. Ngồi với tỳ-kheo ni ở chỗ khuất	26	25	25	28	29	30
27. Hẹn đi chung đường với tỳ-kheo ni	27	28	26	24	26	27
28. Đi chung thuyền với tỳ-kheo ni	28	29	27	25	27	28

29. Thức ăn do tỳ-kheo ni khuyến hóa	29	30	30	30	30	29
30. Đi chung đường với người nữ	30	33	31	32	32	31
31. Lữ quán một bữa ăn	31	33	31	32	32	31
32. Triển chuyển thực	32	31	32	31	31	33
33. Biệt chúng thực	33	32	40	36	36	32
34. Nhận quá ba bát	34	34	38	33	33	34
35. Dư thực pháp	35	35	33	34	34	35
36. Mời người túc thực	36	36	34	35	35	36
37. Phi thời thực	37	38	36	37	37	37
38. Thức ăn cách đêm	38	39	37	38	38	38
39. Bỏ vào miệng vật không được cho	39	37	35	39	39	40
40. Yêu sách mỹ thực	40	41	39	40	40	39
41. Cho ngoại đạo ăn	41	40	52	44	44	41
42. Trước sau bữa ăn đi đến nhà khác không báo	42	82	81	81	81	46
43. Ngồi trong nhà đang có ăn	43	*	54	42	42	43
44. Ngồi với người nữ ở chỗ khuất	44	42	70	42	42	44
45. Ngồi một mình với nữ tại chỗ trống	45	44	*	29	*	45
46. Đuôi đi không cho thức ăn	46	76	44	51	51	42
47. Thuộc bốn tháng	47	62	74	74	74	47
48. Xem quân trận	48	45	55	45	45	48
49. Ngủ lại trong quân	49	46	56	46	46	49

50. Xem quân đội chiến đấu	50	47	57	47	47	50
51. Uống rượu	51	57	76	79	79	51
52. Đua giong trong nước	52	55	66	64	64	53
53. Thọc củ nôn	53	54	67	63	63	52
54. Bắt kính	54	58	77	78	78	54
55. Dọa nhát tỳ-kheo	55	73	65	66	66	55
56. Nửa tháng tắm	56	70	50	60	60	57
57. Đốt lửa	57	68	41	52	52	56
58. Giấu vật dụng của tỳ-kheo	58	78	64	67	67	60
59. Tự tiện dùng y không hỏi chủ	59	81	63	68	68	59
60. Hoại sắc y mới	60	77	48	59	58	58
61. Đoạn sinh mạng	61	51	61	61	61	61
62. Uống nước cỏ trùng	62	20	51	41	41	62
63. Cô gieo nghi hồi	63	52	62	62	62	77
64. Che giấu thô tội	64	74	50	50	50	64
65. Truyền cù túc người chưa đủ tuổi 20	65	61	71	72	72	65
66. Khỏi lại tránh sự	66	5	4	4	4	63
67. Đi chung với cướp	67	66	72	71	71	66
68. Kiên trì ác kiến	68	48	45	55	55	68
69. Hỗ trợ tỳ-kheo bị xả trí	69	49	46	56	56	69
70. Bao che sa-di bị đuổi	70	50	47	57	57	70
71. Không chịu học giới	71	63	75	75	75	71

72. Kinh chế học giới	72	10	10	10	10	72
73. Vô tri học giới	73	64	92	83	83	73
74. Phủ nhận yết ma	74	80	9	9	9	81
75. Không dữ dục	75	53	79	77	77	80
76. Dữ dục rồi hối	76	79	43	53	53	79
77. Nghe lên đầu tranh	77	60	78	76	76	78
78. Sân đánh tỷ-kheo	78	71	58	48	48	74
79. Nhá đánh tỷ-kheo	79	72	59	49	49	75
80. Vu khống tăng tàn	80	75	90	69	69	76
81. Thâm nhập vương cung	81	65	82	82	82	83
82. Cầm nắm bảo vật	82	69	49	58	58	84
83. Phi thời vào xóm	83	83	80	80	80	85
84. Giường cao quá lượng	84	85	85	85	85	87
85. Đệm bông	85	84	86	86	86	88
86. Ống đựng kim	86	86	83	84	84	86
87. Ni-sur-đần quá lượng	87	87	86	89	87	89
88. Phú sang y	88	88	87	88	88	90
89. Áo tắm mưa	89	89	88	87	89	91
90. Lượng y Như Lai	90	90	89	90	90	92
Tổng số	90	91	92	90	90	92

VI. DIỆT TRÁNH

.....	TP	NP	TK	TT	CB	PL
1. Hiện tiền	1	1	1	1	1	1
2. Ưc niệm	2	2	2	2	2	2
3. Bất si	3	3	3	3	3	3
4. Tự ngôn trị	4	5	4	4	6	4
5. Mịch tội tướng	5	4	5	5	4	6
6. Đa nhân ngữ	6	6	6	6	5	5
7. Như thảo phủ địa	7	7	7	7	7	7

2. HỌC XỨ TỖ-KHEO NI

I. BA-LA-DI

a. Thông giới (như Tỳ-kheo): 1-4

b. Bất cộng giới:

Tứ phần	Pāli
5. Ma xúc	5
6. Bất sự	8
7. Phú tăng trọng tội	6
8. Tùy thuận bị xử	7

II. TĂNG-GIÀ-BÀ-THI-SA

Tứ phần	Pāli
1. Mai mối*	1
2. Vô căn báng*	2
3. Giả căn báng*	3
4. Tổ tụng	4
5. Độ nữ tặc	5
6. Tự ý giải tội	7
7. Độc hành	6
8. Nhận của nam nhiễm	8
9. Tán trợ ni khát thực bất chính	9
10. Phá hòa hiệp tăng*	10
11. Tùy thuận phá tăng*	11
12. Ô tha gia*	12
13. Ác tánh bất thọ gián ngữ*	13
14. Tương thân tương trợ ác hành	16
15. Tán trợ ác hành	17
16. Dọa bỏ đạo	14
17. Vu tăng thiên vị	15

III. NI-TÁT-KỲ

c. Thông giới: 1 – 18 (như tỳ-kheo)

d. Bất cộng giới: 19 – 30

Tứ phần	Pāli
19. Cần vật này lại đòi vật kia	4 & 5
20. Lạm dụng vật Tăng	6 & 8
21. Lạm dụng vật tự mình xin cho Tăng	7
22. Lạm dụng vật dụng đàn việt	10
23. Lạm dụng vật đàn việt cúng cho Tăng	7 & 9
24. Chứa bát dư	1
25. Đồ dùng có màu sắc	*
26. Hứa cho Tỳ-kheo-ni y bệnh	(*)
27. Y phi thời	2
28. Đổi y rồi đoạt lại	3
29. Xin y nặng	11
30. Xin y nhẹ	12

(*) Cf. pā. 47

IV. BA-DẬT-ĐỀ

Tứ phần	Pāli
70. An tở	1
71. Cạo lông ba chỗ	2
72. Tẩy tịnh quá phần	5
73. Hồ giao	4
74. Cùng vỗ	3
75. Hầu quạt nước Tỳ-kheo đang ăn	6
76. Xin ngủ cốc sống	7
77. Đại tiểu tiện trên cỏ tươi	9
78. Đổ đại tiểu tiện ngoài đường	8
79. Xem nghe ca múa	10
80. Nói chuyện với nam chỗ khuất	12
81. Đi với người nam chỗ khuất	12

82. Thì thăm với nam mà không đồng bạn	14
83. Đi không nói với chủ nhà	15
84. Ngồi trên giường không hỏi chủ nhà	16
85. Tự tiện trải chỗ ngồi nghỉ không hỏi chủ	17
86. Cùng người nam trong nhà tối	11
87. Thuật lời nghe không rõ	18
88. Thê thốt	19
89. Đấm ngực khóc	20
90. Hai người nằm chung giường	31
91. Chung nệm chăn	32
92. Cố ý gây phiền	33
93. Không chăm sóc ni sống chung bệnh	34
94. Đuổi ni an cư ra khỏi phòng	35
95. Du hành suốt bốn mùa	39
96. An cư xong không đi	40
97. Du hành biên giới mất an ninh	38
98. Du hành trong quốc giới không an ninh	37
99. Thân cận cư sĩ	36
100. Du lâm cung vua	41
101. Lộ hình tắm sông	21
102. Y tắm quá lượng	22
103. May y quá năm ngày	23
104. Quá năm ngày không xem tăng-già-lê	24
105. Cản trở cúng y cho Tăng	26
106. Lấy y của người khác mặc	27
107. Cho bạch y, ngoại đạo y sa-môn	28
108. Ngăn Tăng chia y	29
109. Mong Tăng không xuất y ca-thi-na	30
110. Ngăn Tăng xuất y ca-thi-na	30
111. Không vì người đập tắt tránh sự	45
112. Cho bạch y ngoại đạo thức ăn	46
113. Làm người sai khiến cho bạch y	44

Luật học tỉnh yếu

114. Tự tay quay sợi	43
115. Ngồi nằm trên giường bạch y	42
116. Tá túc không từ biệt chủ	*
117. Học chú thuật thế tục	49
118. Dạy người chú thuật	50
119. Độ nữ đang có thai	61
120. Độ phụ nữ đang cho bú	62
121. Độ đồng nữ chưa đủ hai mươi	71
122. Độ đồng nữ không hai năm học giới	72
123. Độ sa-di-ni không cho sáu pháp	63
124. Truyền Cụ túc Tăng chưa thuận	64
125. Thập nhị tăng giá	65
126. Độ nữ tăng giá không bạch Tăng	67
127. Cho người như vậy thọ Cụ túc	70
128. Độ đệ tử không dạy học giới	68
129. Không có hai năm theo Hòa thượng ni	69
130. Độ học pháp ni không bạch Tăng	73
131. Chưa đủ 12 hạ mà độ người	74
132. Tăng chưa cho phép mà độ người	75
133. Chê Tăng có thiên vị	76
134. Độ người cha mẹ phụ chủ không đồng ý	80
135. Độ nữ đang mê luyện người nam	79
136. Sau hai năm học giới không trao Cụ túc	78
137. Nhận y mà không trao giới Cụ túc	77
138. Một năm độ hai người	82, 83
139. Cách đêm chánh pháp Yết-ma	*
140. Không đến nhận giáo thọ	58
141. Nửa tháng không cầu Tăng giáo thọ	59
142. Tự tứ trước hai bộ Tăng	57
143. An cư nơi không có Tỳ-kheo	56
144. Đột nhập chùa Tỳ-kheo	51
145. Mạ lỵ Tỳ-kheo	52

146. Mạ lỵ ni chúng	53
147. Nhờ đàn ông mổ nặn nhọt	60
148. Bội ước thỉnh thực	54
149. Tật đổ về gia đình	55
150. Thoa bột hương	88
151. Xức dầu vùng (mề)	89
152. Sai Tỳ-kheo-ni xoa bóp	90
153. Sai Thức-xoa-ma-na xoa bóp	91
154. Sai Sa-si-ni xoa bóp	92
155. Sai phụ nữ bạch y xoa bóp	93
156. Mặc váy lót	86
157. Chứa đồ trang sức	87
158. Mang giày dép, cầm dù	84
159. Ngồi xe cộ đi đường	85
160. Vào thôn không mặc tăng-kỳ-chi	96
161. Xẩm tối đến nhà cư sĩ	*
162. Mở cửa tăng-già-lam đi ra lúc xẩm tối	*
163. Mở cửa tăng-già-lam đi ra lúc mặt trời lặn	*
164. Không tiền hậu an cư	*
165. Trao Cự túc người nữ bệnh nhị đạo	*
166. Trao Cự túc người hai hình	*
167. Trao Cự túc người hai đường hiệp lại	*
168. Trao Cự túc cho người mắc nợ	*
169. Học kỹ thuật của thế tục tà mạng	49*
170. Dạy bạch y chú thuật của thế tục	*
171. Bị đuổi mà không đi	*
172. Hỏi nghĩa Tỳ-kheo không xin phép	95
173. Gây phiền phức kẻ ở trước người đến sau	33
174. Xây tháp trong tăng-già-lam có tỳ-kheo	*
175. Không lễ bái tỳ-kheo mới thọ giới	*
176. Đi uốn éo làm duyên	*
177. Trang điểm hương thơm	87*

178. Sai nữ ngoại đạo xoa hương	93
---------------------------------	----

V. BA-LA-ĐỀ-ĐỀ-XÁ-NI

Tứ phần	Pāli
1. Xin bơ	1
2. Xin dầu	2
3. Xin mật	3
4. Xin mật mía	4
5. Xin sữa	7
6. Xin sữa đông	8
7. Xin cá	5
8. Xin thịt	6

(Luật Tứ Phần, HT. Thích Đồng Minh dịch, NXB Tổng Hợp TPHCM, 2006, tr. 55-76.)

Phụ lục 3

NGHI THỨC TRUYỀN GIỚI BỒ-TÁT TẠI GIA

*(Trích từ “Nghị thức truyền giới và Bồ-tát...”,
HT. Thích Trí Thủ, in năm 1974, từ trang 16 ->
trang 45)*

A. PHẦN MỞ ĐẦU

Chung với Bồ-tát xuất gia. Nhưng lúc truyền giới, Bồ-tát tại gia được truyền trước, Bồ-tát xuất gia được truyền sau hoặc ngược lại, hoặc Giới sư được phân làm hai ban, một ban truyền giới xuất gia, và một ban truyền giới tại gia, tại chánh điện (XG) và tại giảng đường (TG).

I. TẠI NHÀ PHƯƠNG TRƯỢNG HOẶC TẠI TĂNG ĐƯỜNG:

Lễ Thỉnh Sư

1. Vị dẫn thỉnh: Sau khi khai 3 tiếng chuông báo chúng báo hiệu giờ truyền giới bắt đầu, khoảng 10 phút, vị dẫn thỉnh đánh ba hồi khánh và 4 tiếng, xướng rằng:

- *Cung thỉnh chư Tôn đức an tọa.*

- *Chư giới tử cầu thọ Bồ-tát giới tỳu ban.* (xuất gia trước tại gia sau).

2. Đại diện giới tử tác bạch cầu thỉnh Giới sư:

Nam mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Ngưỡng bạch chư Tôn đức, chúng con có duyên sự xin đầu thành đánh lễ tác bạch (Tất cả đồng lễ một lay, quỳ bạch):

Ngưỡng bạch chư Tôn đức, chúng con là... bấy lâu có lòng khát ngưỡng Giới pháp Bồ-tát, hôm nay gặp đủ duyên lành, chúng con thành tâm đánh lễ thỉnh chư Tôn đức, không quản lao nhọc, đăng đàn truyền cho chúng con Giới pháp Bồ-tát (xuất gia và tại gia). Cúi xin chư Tôn đức ai mãn hứa khả để chúng con được ân triêm công đức. (Bạch 3 lần).

3. Lời hứa khả của Giới sư:

Lành thay, để truyền thừa sự nghiệp của đức Phật, chư Tôn đức hiện tiền đều hoan hỷ hứa khả.

4. Đại diện giới tử bạch:

Nam mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật:

Trên chư Tôn đức đã từ bi hứa khả cho rồi, chúng con xin đầu thành đánh lễ cúng dường tam bá. (đồng lễ 3 lay)

5. Thỉnh chư Tôn đức lên Tổ đường:

Dẫn thỉnh xướng:

- *Chư giới tử xuất ban.*
- *Cung thỉnh chư Tôn đức tề nghệ Tổ đường.*

(Đoàn cung thỉnh gồm có tàn, lọng, bê tích, khánh pháp hiệu, ngũ âm v.v... dẫn đầu, giới tử quỳ hai hàng từ Tăng đường đến Tổ đường).

II. TẠI TỔ ĐƯỜNG:

1. Giới sư và giới tử lễ Tổ:

Dẫn thỉnh xướng:

- *Cung thỉnh chư Tôn đức lập ban, niệm hương cáo Tổ. (Niệm hương xong xướng lễ Tổ):*

- *Nhất tâm đảnh lễ Tây Thiên Đông Độ Việt Nam Lịch Đại chư vị Tổ sư Hòa thượng tam bá.*

- *Cung thỉnh chư Tôn đức phân lập lưỡng ban.*

- *Chư giới tử Bồ-tát tỳu ban.*

- *Nhất tâm đảnh lễ Tây Thiên Đông Độ Việt Nam Lịch Đại chư vị Tổ sư Hòa thượng tam bá: (giới tử đồng lễ)*

2. Thỉnh chư Giới sư lên chánh điện:

- *Chư giới tử thối ban. (giới tử và đoàn cung nghinh Giới sư lên chánh điện)*

- *Cung thỉnh chư Tôn đức tề nghệ Tam bảo tiền.*

III. TẠI CHÁNH ĐIỆN:

1. Lễ niệm hương, bạch Phật:

Dẫn thỉnh xướng:

- *Cung thỉnh chư Tôn đức lập ban.*
- *Chư giới tử tỳ ban.*
- *Chư giới tử! Hộ quỳ, hiệp chưởng.*
- *Khởi Bát nhã chung cổ.*
- *Cung thỉnh Giới sư niệm hương, bạch Phật, cầu gia bị.*

2. Giới sư đánh lễ: (giới tử vẫn quỳ)

Sau khi Giới sư niệm hương, dẫn thỉnh xướng lễ:

- *Nhất tâm đánh lễ, tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai thập phương thường trụ chư Phật. (1 lạy)*

(Đại chúng đồng lạy, nếu chỗ rộng, không thì chỉ xá)

- *Nhất tâm đánh lễ, tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai thập phương thường trụ tôn Pháp. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ, tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai thập phương thường trụ Hiền Thánh Tăng. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ, đạo tràng Giáo chủ Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ Phạm Võng Giáo chủ Lô-xá-na Phật. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ Thiên hoa Đài thượng Thiên bách ức hóa thân Thích-ca Mâu-ni Phật. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ đương hội đạo tràng nhất thiết chư Phật. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ Đại Hạnh Phổ Hiền Vương Bồ-tát. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ Đại Từ Di Lặc Bồ-tát. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ Bốn Tôn Địa Tạng Vương Bồ-tát Ma-ha-tát. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ Chư vị Hộ Pháp Bồ-tát. (1 lạy)*

3. Tán hương: A-xà-lê cử tán:

Nhất trần tài nhiệt, hải tạng viên châu, hà sa chư Phật hiện mao đầu, xứ xứ tiện quy lưu, hương ái sơ phù, tâm địa giới châu lưu.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ-tát Ma-ha-tát.

4. Thỉnh chư Tôn đức thăng tòa:

Dẫn thỉnh xướng:

- Chư giới tử! Hồ quỳ, hiệp chương.

Dẫn thỉnh quỳ phía hữu, phía để chuông gia trì, quay mặt vào giữa, chấp tay, xướng rằng:

Nhất chú chiên đàn hương

Cử khởi biến thập phương

Thỉnh sư đăng bảo tọa

Bình pháp quảng tuyên dương.

(Giới sư thăng tòa. Có thể chia thành 2 ban, nếu giới tử đông. Một ban ở tại chánh điện truyền giới Bồ-tát xuất gia. Một ban khác được cung thỉnh ra giảng đường truyền giới Bồ-tát tại gia).

Dẫn thỉnh đứng lên, xướng:

- Chư giới tử! Khởi thân, chí thành đánh lễ tam bái.

- Chư giới tử xuất ban.

Vị dẫn thỉnh trở về chỗ ngồi cùng ngồi như chư Tôn đức.

B. PHẦN TRUYỀN GIỚI BỒ-TÁT:

I. KHAI LUẬT KỆ:

Giới sư chủ đàn đứng dậy, cầm thủ lư, cử tụng:

*Nguyện thử hương hoa vân
Biến mãn thập phương giới
Nhất thiết chư Phật độ
Vô lượng hương trang nghiêm
Cụ túc Bồ-tát đạo
Thành tựu Như Lai hương.*

Nam mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Khai Luật kệ:

*Vô thượng thậm thâm Tỳ-ni pháp
Bách thiên vạn kiếp nan tạo ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai Tỳ-ni nghĩa.*

Giới sư chủ đàn để thủ lư xuống bàn, ngồi kiết già an tọa.

II. HỌP TĂNG, KIẾT TIỂU GIỚI:

1. Họp Tăng: Yết-ma A-xà-lê vỗ thủ xích, hỏi rằng:

- Đại đức Tăng đã họp đông đủ chưa?
- Tăng đã họp (dẫn thỉnh đáp).
- Hòa hiệp không?
- Hòa hiệp.
- Người chưa thọ giới Bồ-tát đã ra chưa?
- Đã ra.
- Các Tỳ-kheo không đến họp, có thuyết dục không.
- Không
- Tăng hội họp để làm gì?
- Vì người hảo tâm, Yết-ma truyền Bồ-tát Đại giới.

2. Kiết tiểu giới: (Nếu gặp chỗ chưa kiết giới. Chỗ đã kiết giới rồi thì không cần). Yết-ma A-xà-lê bạch rằng:

- Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng nay họp một chỗ, kiết tiểu giới, nếu Tăng phải thời mà đến, Tăng thuận cho, kiết Tiểu giới, bạch như thế, tác bạch có thành không?
- Thành (chúng Tăng đồng đáp)
- Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng nay hội họp một chỗ kiết Tiểu giới, các Trưởng lão bằng lòng

thì im lặng, ai không bằng lòng thì nói. Yết-ma có thành không?

- *Thành (chúng Tăng đồng đáp)*
- *Tăng đã bằng lòng kiết Tiểu giới xong. Tăng bằng lòng cho nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy. (Tất cả đồng chấp tay, cúi đầu xá).*

III. TRUYỀN GIỚI BỒ-TÁT TẠI GIA:

1. Giới tử tỳ ban, đánh lễ:

Dẫn thỉnh đánh khánh, xướng:

- *Giới tử cầu thọ giới Bồ-tát tại gia tỳ ban.*

(nam phía trái, nữ phía phải)

- *Các giới tử hãy nghe tôi xướng và theo mỗi tiếng chuông, chí thành đánh lễ.*

- *Nhất tâm đánh lễ, tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai thập phương thường trụ chư Phật. (1 lạy)*

(Đại chúng đồng lạy, nếu chỗ rộng, không thì chỉ xá)

- *Nhất tâm đánh lễ, tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai thập phương thường trụ tôn Pháp. (1 lạy)*

- Nhất tâm đánh lễ, tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai thập phương thường trụ Hiền Thánh Tăng. (1 lạy)

- Nhất tâm đánh lễ, đạo tràng Giáo chủ Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật. (1 lạy)

- Nhất tâm đánh lễ Phạm Võng Giáo chủ Lô-xá-na Phật. (1 lạy)

- Nhất tâm đánh lễ Thiên hoa Đài thượng Thiên bách ức Hóa thân Thích-ca Mâu-ni Phật. (1 lạy)

- Nhất tâm đánh lễ đương hội đạo tràng nhất thiết chư Phật. (1 lạy)

- Nhất tâm đánh lễ Đại Hạnh Phổ Hiền Vương Bồ-tát. (1 lạy)

- Nhất tâm đánh lễ Đại Từ Di Lạc Bồ-tát. (1 lạy)

- Nhất tâm đánh lễ Bốn Tôn Địa Tạng Vương Bồ-tát Ma-ha-tát. (1 lạy)

- Nhất tâm đánh lễ đương hội đạo tràng chư tôn Bồ-tát. (1 lạy)

- Nhất tâm đánh lễ Lịch đại chư vị Tổ sư Bồ-tát (1 lạy)

- *Nhất tâm đánh lễ A-xà-lê Hòa thượng. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ Yết-ma A-xà-lê. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ Giáo thọ A-xà-lê. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ thất vị Tôn Chứng sư. (1 lạy)*

- *Nhất tâm đánh lễ hiện tiền chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng già. (1 lạy)*

2. Hướng dẫn giới tử thỉnh sư:

Dẫn thỉnh xướng và hướng dẫn:

- *Chư giới tử, hồ quỳ, hiệp chưởng.*

- *Các giới tử, các vị đã nhất tâm đánh lễ chư Phật, chư Bồ-tát, chư Tổ và Liệt vị Giới sư. Giờ này, để khỏi bỏ ngỡ trong khi nói lời tác bạch cần cầu được truyền trao Đại giới Bồ-tát, các giới tử hãy nói lặp lại theo lời tôi hướng dẫn sau đây:*

- *Đại đức nhất tâm niệm, đệ tử pháp danh là... cầu xin Đại đức truyền trao cho tất cả tịnh giới Bồ-tát. Cúi xin Đại đức không vì một nhọc, thương tưởng, hứa khả lời thỉnh cầu của chúng con. (Bạch 3 lần, theo tiếng khánh, 3 lần cúi đầu lễ bái).*

Giới sư đáp rằng:

- *Lành thay! Chư Tôn đức đều hoan hỷ hứa khả.*

3. Khai đạo giới tử:

Giáo thọ sư dạy bảo rằng:

- *Này các Giới tử! Nền biết rằng theo tiếng Phạn, Giới được gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, dịch là Bảo giải thoát, có nghĩa là giới thường bảo hộ người tu hành, giải thoát sinh tử, đạt đến vô thượng Bồ đề. Bởi thế, Giới là vị Đạo sư của quả vị tối thượng Bồ đề, là đường tắt vào Vô thượng Đại Niết-bàn. Quá khứ chư Phật nhờ giới mà thành đạo. Hiện tại chư Phật lấy giới để độ sinh. Vị lai người tu hành sẽ nhờ giới mà được giải thoát. Giới là nền tảng của thiền định và trí tuệ. Muôn đức trang nghiêm, giới là căn bản. Vì thế, kinh có nói rằng: Giới như vị lương y hay trị ba độc tham, sân, si. Giới như thuyền bè đưa người qua bể khổ. Giới như chuỗi anh lạc để trang nghiêm Pháp thân. Nhưng giới này có ba thứ: một là giới tại gia là 5 giới và 8 giới; hai là giới xuất gia là 10 giới và 250 giới, ba là Đạo tục thông hành giới là Bồ-tát tam tụ tịnh giới, là giới mà các Phật tử sắp lãnh thọ.*

Thế nào là Tam tụ tịnh giới?

1. **Nhiếp luật nghi giới:** Không làm các điều ác, để cầu chứng Pháp thân.

2. **Nhiếp thiện pháp giới:** Làm mọi việc lành, để cầu chứng Báo thân.

3. **Nhiều ích hữu tình giới:** Làm lợi ích cho hết thấy chúng sinh, để cầu chứng Hóa thân.

Giới thể tuy một, nhưng vì nhân duyên của các hàng xuất gia và tại gia không giống nhau nên sự hành trì do đó có khác. Tức là phân biệt có xuất gia Bồ-tát và tại gia Bồ-tát giới.

Giới pháp tại gia Bồ-tát này do đức Thích Tôn vì thương tưởng các hàng tại gia bị nhiều trần duyên trói buộc, nhưng đã đồng mãnh phát Bồ-đề tâm, cầu thành Phật đạo, hộ trì chánh pháp vĩnh viễn trường tồn, giáo hóa chúng sinh, tu hành thiện nghiệp, nên Ngài đã phương tiện khai thị trong kinh Ưu-bà-tắc giới.

Giới pháp này chính là căn bản của hết thấy thiện pháp. Nếu ai thành tựu được giới pháp như vậy, chẳng những sẽ chứng đắc Tu-đà-hoàn quả cho đến A-na-hàm quả, mà còn sẽ dẫn đến Bồ-tát đạo. Nếu ai phá giới này, sẽ đọa lạc trong ba ác đạo.

Giới pháp này là bất khả tư nghì. Vì sao vậy? Vì người đã thọ giới pháp này tuy là tại gia hưởng thọ ngũ dục mà không bị chướng ngại các Thánh đạo.

- Các giới tử! Các người có phải vì thương tưởng hết thấy chúng sinh mà cầu thọ giới pháp này chăng?

Giới tử đáp: - Bạch Hòa thượng, chính phải.

4. Hỏi về già nạn:

Về các già nạn, Giáo thọ sư lại hỏi tiếp rằng:

- Các giới tử! Để được thọ giới Bồ-tát, các giới tử phải là người không có 7 tội chướng. Bây giờ tôi hỏi các vị, các vị cứ như sự thật mà đáp.

1. Nay Phật không còn ở đời, nhưng những hành động moi khoét tượng Phật, phá chùa, hoại tháp, đều giống với tội làm thân Phật ra máu. Phật tử có phạm tội này không?

- Mô Phật, không. (Giới tử đáp).

2. Phật tử có giết cha không?

- Mô Phật, không.

3. Phật tử có giết mẹ không?

- Mô Phật, không.

4. Phật tử có giết Hòa thượng không?

- *Mô Phật, không.*

5. *Phật tử có giết A-la-hán không?*

- *Mô Phật, không.*

6. *Phật tử có phá Yết-ma Tăng không?*

- *Mô Phật, không.*

7. *Phật tử có giết Thánh Tăng không?*

- *Mô Phật, không.*

Dẫn thỉnh xướng:

- *Khởi thân đảnh lễ tam bá. (Giới tử lễ 3 lạy)*

Hồ quy, hiệp chuông.

5. Giới sư thỉnh Phật và Bồ-tát làm Thập sư:

Giới sư hướng dẫn giới tử thỉnh Phật và Bồ-tát làm Thập sư, để cầu giới. Giới sư dạy rằng:

*Các giới tử! Các vị đã không có các già nạn, tức các vị có thể thọ lãnh giới Bồ-tát. Bây giờ, các vị phải hết lòng cầu thỉnh **Phật Thích-ca làm Hòa thượng, Bồ-tát Văn Thù và Di Lặc làm A-xà-lê, mười phương Như Lai là Tôn chứng sư, mười phương Bồ-tát là bạn lữ đồng học.** Các vị hãy nhất tâm lập lại theo lời tôi hướng dẫn để cầu thỉnh.*

- *Đệ tử pháp danh là... nhất tâm phụng thỉnh, đức Thích-ca Như Lai, vì con làm Hòa thượng. Con nương theo Hòa thượng, để được thọ giới tại gia Bồ-tát, xin thương xót chúng con. (3 lần thỉnh, 3 lần cúi đầu xá).*

- *Đệ tử pháp danh là... nhất tâm phụng thỉnh Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát vì con làm Yết-ma A-xà-lê. Con nương tựa theo A-xà-lê để được thọ giới tại gia Bồ-tát, xin thương xót chúng con. (3 lần thỉnh, 3 lần cúi đầu xá)*

- *Đệ tử pháp danh là... nhất tâm phụng thỉnh Di Lặc Bồ-tát vì con làm Giáo thọ A-xà-lê, con nương theo A-xà-lê để được thọ giới tại gia Bồ-tát, xin thương xót chúng con. (3 lần thỉnh, 3 lần cúi đầu xá)*

- *Đệ tử pháp danh là... nhất tâm phụng thỉnh thập phương Như Lai, vì con làm Tôn chứng. Con nương theo các đức Như Lai để được thọ giới tại gia Bồ-tát, xin thương xót chúng con. (3 lần thỉnh, 3 lần cúi đầu xá)*

- *Đệ tử pháp danh là... nhất tâm phụng thỉnh thập phương chư đại Bồ-tát, vì con làm bạn lữ đồng học, con nương theo các Bồ-tát để được giới tại gia Bồ-tát xin thương xót chúng con. (3 lần thỉnh, 3 lần cúi đầu xá)*

Hướng dẫn giới tử, Dẫn thỉnh xướng:

- Khởi thân đánh lễ chư Phật, chư Bồ-tát tam bá.

- *Hồ quỳ, hiệp chưởng.*

6. Dẫn sư thay giới tử bạch xin giới

Hướng dẫn giới tử thỉnh, Dẫn sư dạy rằng:

- *Các giới tử, nay tôi hướng dẫn các vị cầu xin giới Bồ-tát tại gia. Các vị hãy lặp lại theo lời tôi nói:*

- *Chúng con pháp danh là... thành tâm cầu xin chư Đại đức thương xót trao cho chúng con tất cả tịnh giới Bồ-tát tại gia. (3 lần thỉnh, 3 lần cúi đầu xá)*

- *Lành thay! Hiện tiền chư Tôn đức đều hứa khả. (lời đáp của Giới sư)*

7. Khuyến phát Bồ đề tâm: Giới sư bảo rằng:

- *Các giới tử! Các vị muốn cần cầu giới pháp, hãy chuyên tâm, thành kính hướng về cảnh giới thanh tịnh, chớ có vọng tưởng đến cảnh khác. Hãy khởi tâm suy nghĩ như thế này: Tôi nay không bao lâu sẽ được đại công đức tạng không lường, không cùng, không có công đức nào hơn giới pháp này.*

- *Các giới tử! Các vị nên biết, muốn thọ giới Bồ-tát cần phải phát Bồ-đề tâm. Tâm Bồ-đề là tâm*

đại đạo. Thế nào gọi là tâm đại đạo? Nghĩa là tâm thật rộng lớn, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ tất cả chúng sinh, đó là đại đạo tâm, tức là Phật tâm. Vì muốn cầu Phật đạo hàng Bồ-tát phát tâm không hạn lượng, phụng thờ cúng dường không những chỉ một đức Phật, hai đức Phật mà cho đến trăm ngàn đức Phật ở khắp mười phương vô tận thế giới, hư không giới, để cầu nhất thiết trí, thành tựu không lường trăm ngàn pháp môn. Lại vì cứu độ chúng sinh, hàng Bồ-tát phát tâm không hạn lượng, không những chỉ độ chúng sinh trong một thế giới, hai thế giới mà cho đến độ thoát tất cả chúng sinh khắp 10 phương vô tận pháp giới, hư không giới. Đó là hai mục đích mà Bồ-tát phát tâm Bồ-đề. Người phát âm và lập nguyện như thế chính là Bồ-tát. Trong giờ phút trang nghiêm và thanh tịnh này, các vị đã phát tâm như thế chưa?

Giới từ đáp: Mô Phật đã phát.

Giới sư lại dạy rằng:

Các giới tử! Bồ-tát chỉ mới phát tâm Bồ-đề thôi mà đã có căn lành, công đức không hạn lượng. Vì sao? Vì Bồ-tát này không dứt chủng tánh Như Lai. Vì do phát tâm mà hành Bồ-tát được tất cả chư Phật trong ba đời thường nhớ tưởng, hộ niệm, và sẽ được Vô thượng Bồ-đề của tất cả chư Phật trong ba đời, đồng thời cũng được nhập vào thể

tánh bình đẳng như tất cả chư Phật. Bởi thế, ngay lúc phát tâm Bồ-đề, liền được tất cả Như Lai khen ngợi, liền được trừ diệt tất cả thống khổ trong các ác đạo, liền có thể sẽ được thanh tịnh quốc độ Phật, và được chứng tánh Phật, rồi đây các Phật tử sẽ ở trong các thế giới, sẽ thị hiện làm Phật.

Các giới tử! Các vị có phải là Bồ-tát không?

Giới tử đáp: Mô Phật, phải.

Giới sư lại hỏi tiếp:

- Các giới tử đã nguyện phát tâm Bồ-đề chưa?

Giới tử đáp: Mô Phật, đã phát tâm Bồ-đề. (cúi đầu xá)

8. Gạn hỏi phép thọ giới. Giới sư hỏi rằng:

Các giới tử! Hãy lắng nghe tôi hỏi. Trong giờ phút trang nghiêm thanh tịnh này, các vị muốn nương nơi tôi để thọ tất cả học xứ của Bồ-tát, thọ lãnh tất cả tịnh giới của Bồ-tát; đó là Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới. Học xứ như thế, tịnh giới như thế, quá khứ tất cả Bồ-tát đều đã đầy đủ; vị lai tất cả Bồ-tát đều sẽ đầy đủ; hiện tại tất cả Bồ-tát đang có đầy đủ. Học xứ này, tịnh giới này, quá khứ tất cả Bồ-tát đã học; vị lai tất cả Bồ-tát sẽ học; hiện tại tất

cả Bồ-tát đang học. Các vị có thể thọ trì được không?

Giới tử đáp: *Mô Phật, thọ được (3 lần hỏi đáp, 3 lần đánh khánh khấu thủ)*

9. Thọ 4 tín tâm thất hoại:

Giới sư dạy bảo rằng:

*Các giới tử! Trong giờ phút này, các vị còn phải **thọ 4 điều tin kiên cố**, kinh gọi là “**Tứ bất hoại tín**”. Các vị hãy lặp lại theo lời tôi hướng dẫn, và hãy chí thành lãnh thọ.*

Đệ tử pháp danh là... từ thân này cho đến thân cùng tận đời vị lai, nguyện quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, quy y chánh pháp giới. (3 lần lặp lại, 3 lần cúi đầu xá)

10. Sám hối tội trong ba đời:

Giới sư dạy bảo rằng:

Các giới tử! Các vị đã thọ 4 đức tin kiên cố rồi. Giờ này trước Tam bảo, các vị nên sám hối tội lỗi trong ba đời, các vị hãy lặp lại lời tôi nói:

Đệ tử pháp danh là... nếu trong quá khứ, thân, khẩu, ý đã tạo mười điều ác, thì hôm nay nguyện cùng tận đời vị lai, không bao giờ sinh khởi, tái phạm. (3 lần lặp lại, 3 lần cúi đầu xá).

Đệ tử pháp danh là... nếu trong đời hiện tại, thân, khẩu, ý đã tạo mười điều ác, thì hôm nay

nguyện cùng tận đời vị lai, không bao giờ sinh khởi. (3 lần lặp lại, 3 lần cúi đầu xá).

Đệ tử pháp danh là... nếu trong đời vị lai, thân, khẩu, ý đã tạo mười điều ác, thì hôm nay nguyện cùng tận đời vị lai, không bao giờ sinh khởi, tái phạm. (3 lần lặp lại, 3 lần cúi đầu xá).

Giới sư lại dạy tiếp:

Các giới tử! Các vị phải dốc lòng cầu sám hối các tội lỗi. Hãy lặp lại lời tôi hướng dẫn:

*Xưa con đã tạo các ác nghiệp
Đều do vô thủy tham, sân, si
Từ thân miệng ý phát sinh ra
Tất cả con nay xin sám hối.*

Nam mô Cầu Sám Hối Bồ-tát Ma-ha-tát. (3 lần cúi đầu xá)

Dẫn thỉnh xướng:

- *Khởi thân, chí thành đánh lễ Tam bảo tam bái.*

- *Hồ quỳ, hiệp chưởng.*

11. Khuyến phát nguyện rộng lớn:

Giới sư khuyến dạy rằng:

Các giới tử! Các vị đã sám hối rồi, 3 nghiệp thanh tịnh, như bình lưu ly trong sạch, trong ngoài

sáng chói. Bây giờ, các vị nên đối với bốn chân lý khổ, tập, diệt, đạo phát 4 lời thệ nguyện rộng lớn.

Thế nào là khổ đế? Khổ là các thứ quả báo mà tất cả chúng sinh trong lục đạo đều phải gánh chịu. Bồ-tát thấy thế liền phát nguyện cứu độ tất cả chúng sinh thoát ly khổ quả. Tức là chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.

Thế nào là tập đế? Tập là những phiền não vọng tưởng mà tất cả chúng sinh đã tích lũy từ vô thủy kiếp đến nay, chiêu cảm vô lượng khổ quả ở vị lai, xoay vần trong ba cõi, không hẹn ngày ra khỏi. Bồ-tát thấy thế liền phát nguyện cứu độ tất cả chúng sinh, bằng cách trừ diệt tất cả phiền não nghiệp cảm. Tức là phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.

Thế nào là diệt đế? Đây là Niết-bàn vắng lặng. Tất cả chúng sinh vì không biết tu hành theo chánh pháp, nên không chứng được Niết-bàn không sinh không diệt của chư Phật Như Lai. Bồ-tát thấy thế, liền phát nguyện chóng thành Phật đạo để hóa độ chúng sinh. Tức là Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Thế nào là đạo đế? Đây là con đường, là phương pháp tu nhân chân chính để được giải thoát. Tất cả chúng sinh vì không biết tu tập chánh pháp, cho nên phải trôi lăn trong sáu

đường, không thể nào được an lạc, tự tại. Bồ-tát thấy thế, liền tuyên dương vô lượng pháp môn để giáo hóa chúng sinh tu học. Tức là pháp môn vô lượng thế nguyện học.

Bốn chân lý mà tôi vừa trình bày, là nơi nương tựa cho bốn thế nguyện rộng lớn.

Các giới tử phải nhất tâm phát 4 lời nguyện rộng lớn, bằng cách lặp lại theo lời tôi hướng dẫn:

Đệ tử pháp danh là... dốc lòng phát nguyện: chúng sanh không số lượng, thế nguyện đều độ thoát; phiền não không cùng tận, thế nguyện đều dứt sạch; pháp môn không số kể, thế nguyện đều tu học; Phật đạo không gì hơn, thế nguyện đều viên thành.

(Chúng sinh vô biên thế nguyện độ

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thế nguyện học

Phật đạo vô thượng thế nguyện thành)

Nam mô Đại Hạnh Phổ Hiền Vương Bồ-tát

(3 lần đọc, 3 lần cúi đầu xá)

12. Khải bạch pháp Yết-ma: Giới sư dạy bảo:

Các giới tử! Các vị đã phát nguyện rộng lớn rồi, tôi nay vì các vị mà khải bạch Tam bảo chứng

minh cho các vị thọ giới. Vậy các vị nên nhất tâm lắng nghe để ý suy nghĩ kỹ.

Nên biết rằng: Bạch Yết-ma lần thứ nhất rồi, giới pháp tốt lành to lớn trong mười phương thế giới, do năng lực tâm nghiệp cảm cách của quý vị mà thấy đều chấn động. Bạch Yết-ma lần thứ hai rồi, pháp giới tốt lành to lớn trong mười phương thế giới, như mây, như lọng, che trên danh các vị. Bạch Yết-ma lần thứ ba xong, pháp giới tốt lành to lớn trong mười phương thế giới, từ danh môn quý vị chảy vào trong thân tâm các vị. Các vị sẽ được chánh báo tốt đẹp, đầy đủ, cùng tốt đời vị lai, hằng tiếp nối làm giống Phật.

Đây là giới thể vô tác, đạo pháp vô lậu, do chỗ cơ cảm tăng thượng thiện tâm của quý vị mà thành tựu. Bởi thế, các vị phải chí thành cúi đầu thọ lãnh.

13. Chính thức bạch Yết-ma:

Giới tử vẫn quỳ như cũ. Giới sư đến trước tượng Phật quán tưởng thập phương Tam bảo, cầm ba nén hương, quỳ bạch rằng:

Ngưỡng bạch chư Phật, chư Bồ-tát trong mười phương vô biên thế giới. Trong đạo tràng này, các Phật tử đã ba lần cầu xin Giới sư chúng con cho thọ giới Bồ-tát tại gia. Con đã tác chứng cho các giới tử. Cúi xin chư Phật, chư Bồ-tát, chư Hiền Thánh trong

mười phương pháp giới, từ bi chúng giám cho các giới tử tại đạo tràng này được thọ giới Bồ-tát tại gia.

(3 lần bạch, 3 lần cúi đầu xá)

14. Dẫn bảo bên giữ giới pháp:

Sau khi bạch Phật xong trở về chỗ, Giới sư dẫn bảo giới tử rằng:

- *Các giới tử! Từ trước đến nay, chư Tôn đức đã cung đối trước chư Phật, chư Bồ-tát, đã ba lần bạch Yết-ma.*

Ở trong Thánh chúng, đức Thích-ca có dặn bảo như thế này: Đại chúng hãy lắng nghe, ở trong thế giới Ta-bà này cõi nước Việt Nam này, có Phật tử pháp danh là... cầu thọ tịnh giới Bồ-tát. Vì Phật tử này không thầy, tôi rất xót thương, xin đứng làm thầy. Trong giờ phút này, mười phương các đức Như Lai nghĩ tưởng các vị là con, các Đại Bồ-tát nghĩ tưởng các vị là em. Nhờ lòng từ bi thương tưởng của chư Phật, chư Bồ-tát, từ nay cho đến về sau, các vị sẽ được tăng trưởng công đức, thiện căn không bao giờ mất. Các vị hãy tinh chuyên nhớ nghĩ bên giữ không phạm, để giới thể tròn đầy, trọn không lùi sụt, cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, thành tựu 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Các vị có đầy đủ tất cả chủng trí thần thông diệu dụng, vô lượng

pháp môn, để đi khắp trong mười phương rộng độ chúng sinh, lòng không mỏi mệt.

Dẫn thỉnh xướng rằng:

- *Khấu thủ*, (giới tử cúi đầu xá)

15. Truyền 6 trọng pháp:

Để truyền 6 trọng pháp, Giới sư dạy rằng:

Các giới tử! Hãy lắng nghe cho kỹ, Bồ-tát tại gia có 6 trọng pháp, nếu người nào thọ giới rồi mà phạm là không phải hạnh Bồ-tát, sẽ mất 42 quả vị Hiền Thánh. Các vị hãy lắng nghe và lãnh thọ:

1. Từ thân này đến thân thành Phật, trong thời gian ấy, không được sát sinh. Các Phật tử giữ được không?

- *Mô Phật, giữ được.* (giới tử đáp, cúi đầu xá)

2. Từ thân này đến thân thành Phật, trong thời gian ấy, không được trộm cắp. Các Phật tử giữ được không?

- *Mô Phật, giữ được.* (giới tử đáp, cúi đầu xá)

3. Từ thân này đến thân thành Phật, trong thời gian ấy, không được tà dâm. Các Phật tử giữ được không?

- *Mô Phật, giữ được.* (giới tử đáp, cúi đầu xá)

4. Từ thân này đến thân thành Phật, trong thời gian ấy, không được nói dối. Các Phật tử giữ được không?

- Mô Phật, giữ được. (giới tử đáp, cúi đầu xá)

5. Từ thân này đến thân thành Phật, trong thời gian ấy, không được nói dối của người tại gia và người xuất gia. Các Phật tử giữ được không?

- Mô Phật, giữ được. (giới tử đáp, cúi đầu xá)

6. Từ thân này đến thân thành Phật, trong thời gian ấy, không được bán rượu, nấu rượu. Các Phật tử giữ được không?

- Mô Phật, giữ được. (giới tử đáp, cúi đầu xá)

16. Khuyên học và giữ 28 giới khinh:

Giới sư truyền dạy:

Các giới tử! Vừa rồi, tôi đã trao cho các Phật tử 6 trọng pháp. Còn 28 tội thất ý, các Phật tử phải học mới biết và giữ gìn không phạm. Tiếp theo đây, tôi nói về 28 tội thất ý này, các Phật tử hãy lắng nghe.

1. Không cúng dường cha mẹ, sư trưởng, đó là Bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

2. Say đắm rượu chè, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

3. Cố ý góm ghê không chăm sóc người bệnh khổ, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

4. Gặp người hành khát, không nhiều thì ít, phải tùy tâm mà bố thí, nếu để người hành khát về không, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

5. Nếu thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Trưởng lão, bậc Tôn đức, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di v.v... không đứng dậy nghinh tiếp, lễ bái hỏi thăm, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

6. Nếu thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hủy phạm giới đã thọ, sinh tâm kiêu mạn, rồi nói rằng: “Ta hơn những người kia, người kia không bằng ta”, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

7. Trong mỗi tháng có sáu ngày trai, nếu không đi thọ Bát quan trai giới, không cúng dường Tam bảo, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

8. Trong khoảng 40 dặm, có nơi thuyết pháp, mà không đến nghe, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

9. Thọ dụng vật của thường trụ Tăng như: ngựa cừ, giường, tòa ngồi, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

10. Nghi trong nước có vi trùng, nhưng vẫn tùy tiện dùng, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

11. Không có bạn mà vẫn một mình đi vào những nơi hiểm nạn, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

12. Một mình ngủ lại tại chùa Ni, nếu là Ưu-bà-tắc, hoặc chùa Tăng, nếu là Ưu-bà-di, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

13. Vì của cải, thân mạng mà đánh mắng người giúp việc, trẻ con hầu hạ, hoặc người ngoài... đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

14. Nếu đem thức ăn dư thừa dâng cúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, hoặc cung cấp cho người đồng giới, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

15. Nếu nuôi (những loài ăn thịt) như mèo, chồn... đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

16. Có các loài vật như voi, ngựa, trâu, dê, lừa, lạc đà v.v... nếu không làm phép tịnh thí cho những người chưa thọ giới, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

17. Nếu không sắm cất các thứ y bát, tích trượng, ngựa cù (để phòng khi cần cúng dường cho vị xuất gia thọ Bồ-tát giới), đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

18. Nếu vì nuôi thân mạng mà phải làm ruộng, nhưng không tìm nước trong (để tưới) và đất ruộng cũ (để trồng trọt), đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

19. Nếu vì nuôi thân mạng mà mở tiệm buôn bán hàng hóa, thì khi đã thỏa thuận giá cả với ai rồi, không được đem bán cho người trả giá cao hơn. Cân đấu dùng để cân đo hàng hóa phải đúng mức đã định từ trước; nếu cân đấu không đúng mức, phải sửa chữa lại cho đúng mức. Nếu không như vậy, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

20. Nếu không phải chỗ, không phải thời mà hành dục, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

21. Nếu vì buôn bán mà đẩy giá lên xuống, mua rẻ, bán đắt, gian lận trốn thuế, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

22. Trái phạm luật pháp nhà nước, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

23. Nếu có lúa mới, hoa trái, dưa rau các thứ đầu mùa, không cúng dường Tam bảo mà thọ dụng trước, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

24. Nếu chúng Tăng không chấp thuận mà vẫn tự mình thuyết pháp, tán thán quan điểm

riêng của mình, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

25. Trên đường đi mà giành đi trước Tỳ-kheo, Sa-di, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

26. Sau khi dọn thức ăn ở giữa Tăng chúng, nếu vì thiên vị thầy mình mà lựa chọn các thứ ngon lành dâng cho nhiều hơn các vị khác, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

27. Nếu nuôi tằm, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

28. Trên đường đi gặp người bệnh tật mà không dừng lại chăm sóc, làm các phương tiện, dặn bảo những người tại chỗ giúp đỡ, lại thân nhiên bỏ đi, đó là Bồ-tát tại gia phạm tội thất ý.

Các giới tử! Sau khi đã thọ giới Bồ-tát tại gia rồi, mà phạm một trong 28 tội thất ý trên đây, thì giới thể sẽ không còn được vững vàng, trở thành bất tịnh, bị chuống ngại. Vậy các người phải cẩn thận mà hành trì.

Giới tử đáp: - Y giáo phụng hành. (3 lần)

17. Lợi ích của giới Bồ-tát:

Giới sư nói lợi ích của giới Bồ-tát và khuyên giới tử nghiêm trì. Giới sư dạy bảo rằng:

Các giới tử! Vừa rồi, tôi đã truyền cho các Phật tử 6 giới trọng và 28 tội thất ý.

Các Phật tử nên biết rằng: Giới Bồ-tát là giới nặng về phần lợi tha. Hàng Bồ-tát luôn luôn quên mình vì người, thay người khác chịu khổ, nhận cái vui của người khác làm cái vui của mình. Nhân đã cao thượng, rộng lớn như thế, cho nên kết quả cũng thật tốt đẹp vô biên. Bởi thế, kinh còn gọi giới của Bồ-tát là giới vô tận tạng, nghĩa là trong giới có hàm chứa các công đức rất lớn lao, không cùng tận, các giới khác không thể sánh kịp. Giới Bồ-tát giúp người qua khỏi bến mê, vượt ra ngoài sinh tử. Từ đời này đến đời khác giới thường hỗ trợ người tu hành, theo người tu hành cho đến ngày thành Phật. Người thọ giới Bồ-tát tức là đã tham dự vào địa vị Phật đà.

Vậy các Phật tử hãy nỗ lực, tinh tấn hành trì, cẩn thận chớ buông lung.

(câu chót, Giới sư nói 3 lần, để giới tử đáp 3 lần)

Giới tử đồng thanh đáp rằng:

- Y giáo phụng hành. (3 lần)

Giới sư lại tiếp rằng:

- *Các giới tử đã nguyện y giáo phụng hành, vậy hãy đứng dậy lễ tạ Tam bảo.*

Dẫn thỉnh xướng:

- *Nhất tâm đánh lễ tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai, chư Phật, tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng Thường trụ Tam bảo, tam bái.*

C. CÚNG HƯƠNG: (nếu có)

Dẫn thỉnh xướng:

- *Hồ quỳ, hiệp chưởng.* (Giới tử đồng quỳ)

Vài lời khai đạo Giới tử về lễ cúng hương, Giới sư dạy rằng:

Các giới tử! Các người đã phát tâm Bồ đề, thọ giới Bồ-tát tại gia, chí cầu Phật thừa, nguyện hành Bồ-tát đạo, ấy là làm những việc khó làm, cho nên từ đây cho đến tận vị lai, trên vì Phật đạo, dưới vì hết thảy chúng sinh, không bao giờ được thối ý khiếm nhược, không bao giờ tiếc nuối cái gì, dù cả thân mạng của mình. Như Bồ-tát Địa Tạng nguyện mãi mãi ở chốn u đồ để hóa độ chúng sinh ác nghiệp. Như Bồ-tát Dược Vương tự đốt cháy thân mình trên để cúng dường chư Phật và chánh pháp, dưới để rọi sáng chúng sinh trong chỗ tối tăm. Các hạnh nguyện Đại hùng Đại lực ấy, đức hy sinh vô úy ấy, các người phải từ nay

cho đến cùng tận vị lai luôn luôn noi theo mà học tập và hành trì.

Nay để phát dương chí nguyện cao vời ấy, các người cần đối trước Tam bảo tự đốt lên một phần nhỏ của thân thể để chứng minh ý chí Đại hùng của người đã thọ Bồ-tát giới.

Đối trước Tam bảo, các Phật tử đã phát tâm cúng hương, vậy hãy dũng mãnh lên và chí thành niệm Phật cầu gia hộ.

Dẫn thỉnh xướng:

- *Khởi thân, chí thành đảnh lễ Tam bảo, tam bá.*

- *Chư giới tử kiết già an tọa.*

- *Cung thỉnh chư Tôn đức hộ hương tấn đàn.*

Lễ cúng hương bắt đầu, Giới sư cùng Đại chúng hướng về Tam bảo nhất tâm niệm Phật. Giới sư cử tụng.

A Di Đà Phật thân kim sắc...

D. HỒI HƯỚNG

Sau khi hoàn tất lễ cúng hương. Giới sư cùng Đại chúng hướng về Tam bảo, tụng hồi hướng:

- *Ma ha bát nhã ba la mật đa*

- *Thiên A-tu-la được-xoa*

- *Thọ giới công đức thù thắng hạnh*

- *Tam tự quy*

E. GIỚI TỬ LỄ TẠ

Sau ba tự quy, Giới sư vẫn an tọa, Giới tử lễ tạ.

Dẫn thỉnh xướng:

- *Nhất tâm đảnh lễ, tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai, thập phương Thường trụ Tam bảo, tam bái.*

- *Nhất tâm đảnh lễ, Ta bà thế giới Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, tam bái.*

- *Nhất tâm đảnh lễ, Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, tam bái.*

- *Nhất tâm đảnh lễ, Di Lặc Bồ-tát, tam bái.*

- *Nhất tâm đảnh lễ, Thập phương Như Lai, tam bái.*

- *Nhất tâm đảnh lễ, Thập phương chư Đại Bồ-tát, tam bái.*

- *Nhất tâm đảnh lễ, Đắc giới Hòa thượng, tam bái.*

- *Nhất tâm đảnh lễ, Liệt vị A-xà-lê, tam bái.*

- *Nhất tâm đánh lễ, hiện tiền chư vị Đại đức Tăng già, tam bá.*

- *Giới tử thoái ban.* (ra xếp hàng đợi tiền chư Tôn đức)

G. GIẢI TIỂU GIỚI: (nếu có kiết giới)

I. HỌ TẶNG: (như phần kiết tiểu giới)

II. Giải Tiểu giới:

Vị Yết-ma bạch rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng nay họp để giải tiểu giới, nếu Tăng phải thời mà đến, Tăng thuận cho giải tiểu giới, bạch như thế, tác bạch có thành không?

- *Thành* (chúng đồng đáp)

- *Tăng đã bằng lòng giải Tiểu giới nên im lặng, việc ấy tôi ghi nhận như vậy.*

Nguyện dĩ thử công đức

Hòa nam Thánh chúng.

H. THỈNH GIỚI SƯ VỀ TỔ ĐƯỜNG, TẠ TỔ, VỀ TỊNH PHÒNG AN NGHỈ:

Dẫn thỉnh xướng:

- *Cung thỉnh chư Tôn đức thối ban, hồi nghê Tổ đường.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Chính tạng* các tập 22-24 (Phần giới luật).
2. *Tục tạng kinh* tập 65, *Tỳ-ni tác trì tục thích* (Luật sư Châu Hoàng soạn).
3. *Luật tông khái thuật cập kỳ thành lập...*, nhiều tác giả, Đà Bắc, 1978.
4. *Luật tông tư tưởng luận tập*, nhiều tác giả, Đà Bắc, 1979.
5. HT. Thích Trí Thủ, *Yết-ma yếu chỉ*, Trường Cao cấp..., 1991.
6. HT. Thích Trí Thủ, *Tứ phần hiệp chú*, Trường Cao cấp..., 1991.
7. HT. Thích Trí Thủ, *Toàn tập Tâm Như Trí Thủ*, Nxb: Tp.HCM, 2002.
8. HT. Thích Trí Quang, *Tỳ-kheo giới*, Nxb: Tp.HCM, 1994.
9. HT. Thích Trí Quang, *Tỳ-kheo-ni giới*, Nxb: Tp.HCM, 1994.
10. HT. Thích Trí Quang, *Bồ-tát giới*, Nxb: Tp.HCM, 1994.
11. HT. Thích Trí Quang, *Sa-di giới và Sa-di-ni giới*, Nxb: Tp.HCM, 1994.

12. HT. Thích Thiện Siêu, *Cương yếu giới luật*, Viện Nghiên cứu PHVN, 1996.
13. HT. Thích Thiện Hòa, *Giới đàn Tăng*, Nxb: Tp.HCM, 1991.
14. HT. Thích Thanh Kiểm, *Luật học đại cương*, Thành hội Phật giáo Tp.HCM, 1991.
15. HT. Thích Hành Trụ, *Luật Tứ phần giới bốn như thích*, S. 1967.
16. HT. Thích Đôn Hậu, *Cách thức sám hối các tội phạm giới*, GHTGTP xb. 1961.
17. HT. Thích Đôn Hậu, *Tứ Phần Tỳ-kheo-ni sao* (dịch), Giáo hội PGVN xb. 1986 .
18. HT. Thích Đồng Minh, *Luật Bí-sô* (Căn bản), [cảo bản], 1998.
19. HT. Thích Đồng Minh, *Luật Bí-sô-ni* (Căn bản), [cảo bản], 1998.
20. HT. Thích Đồng Minh, Tâm Hạnh, *Bách nhất Yết-ma* (dịch), [cảo bản], 1990.
21. HT. Thích Đồng Minh, *Luật Ngũ phần* (dịch), [cảo bản], 1997.
22. HT. Thích Đồng Minh, *Trùng trị Tỳ-ni...* (dịch), Nxb Tôn giáo, 2006.
23. HT. Thích Đồng Minh, *Luật Tứ phần* (dịch), Nxb Tổng hợp, Tp HCM. 2006.

24. HT. Thích Đồng Minh, *Luật Tỳ-kheo số nghĩa* (dịch), [cảo bản], 1994.
25. HT. Thích Đồng Minh, *Nghi truyền giới* (soạn), [cảo bản], 1999.
26. HT. Thích Thiện Chơn, *Luật Tứ phần bốn giới Tỳ-kheo-ni lược ký*, ấn tống, Pl.2513.
27. HT. Thích Bình Minh, *Yết-ma chỉ nam* (dịch), Thành hội Phật giáo, 1991.
28. Pháp sư Thích Thánh Nghiêm, *Giới luật học cương yếu*, Đà Bắc, 1990.
29. Luật sư Hoàng Xuyên, *Tăng-già tác trì yếu tập*, Đà Bắc, 1990.
30. Tỳ-kheo Thích Phước Sơn, *Luật Ma-ha-tăng-kỳ* (dịch), Nxb Tôn giáo, 2003.
31. Tỳ-kheo Hộ Tông, *Luật xuất gia*, S. 1966.
32. Tỳ-kheo Giới Nghiêm, *Luật tạng Pàli*.
33. Tỳ-kheo Bửu Chơn, *Tứ Thanh tịnh giới*, S. 1970.
34. Tỳ-kheo Giác Giới, *Luật nghi tổng quát*, 1985.
35. Bhikkhu Indacanda (Trương Đình Dũng), *Tạng Luật Phật giáo Nguyên thủy* (dịch), Nxb Tôn giáo, 2005.
36. Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh, *Tỳ-kheo giới tướng biểu ký* (dịch), 1996.

37. Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh, *Chú giải luật Thiện kiến* [cảo bản], 2.543.
38. Tỳ-kheo-ni Thể Thanh, *Luật Tứ phần TKN giới bốn lược ký*, Trường Cao cấp.., 1991.
39. Thích nữ Tuệ Đăng, *Giới luật học cương yếu* (dịch), Thành hội PG, 2000.

MỤC LỤC

Chương 1: GIỚI BẢN CỦA TỖ-KHEO

I. KHÁI QUÁT VỀ GIỚI LUẬT.....5

1. Dẫn nhập5

2. Luật tạng được truyền dịch sang Hán văn..... 8

2.1. Các bộ quảng Luật..... 9

2.2. Năm bộ luận của Luật..... 10

3. Phân tích nội dung Luật bộ..... 11

3.1. Nội dung Luật Tứ Phần..... 11

3.2. Nội dung Luật tạng Pàli 14

II. LỊCH SỬ TRUYỀN THỪA LUẬT TỨ PHẦN.....16

1. Việc xiển dương Luật Tứ Phần tại TQ 16

2. Việc xiển dương Luật học tại Việt Nam 35

Chương 2: CÁC PHÁP YẾT-MA

I. KHÁI QUÁT VỀ YẾT-MA.....40

1. Định nghĩa Yết-ma..... 40

2. Phân loại Yết-ma. 40

3. Những yếu tố cần thiết cho pháp Yết-ma. ... 41

4. Các giai đoạn tiến hành Yết-ma. 42

5. Các yếu tố để thành tựu Yết-ma. 45

6. Già Yết-ma..... 46

7. Phi tướng của Yết-ma..... 47

II. THIẾT LẬP CƯƠNG GIỚI48

1. Các loại cương giới 49

1.1. Cương giới tự nhiên. 49

1.2. Cương giới pháp định. 51

2. Thể thức kết và giải các cương giới	58
2.1. Kết và giải giới trường	59
2.2. Kết và giải tịnh trừ (tịnh địa).....	61
2.3. Kết và giải đại giới có giới trường.....	63
2.4. Kết và giải giới không mất y trong.....	65
2.5. Kết và giải giới không lìa y thông... ..	66
2.6. Kết và giải tiểu giới... ..	67
III. TRUYỀN GIỚI, THỌ GIỚI	69
1. Bước đầu xuất gia	69
1.1. Thành phần đệ tử của Phật.	69
1.2. Tư cách làm thầy.	70
1.3. Yết-ma súc chúng.....	71
1.4. Thế phát xuất gia, thọ giới Sa-di.....	72
1.5. Ngoại đạo xuất gia.....	76
2. Tổng quát về giới Cụ túc.....	79
2.1. Ý nghĩa của giới Cụ túc.	79
2.2. Vấn đề đặc giới:	81
2.3. Điều kiện của giới tử:	82
2.4. Tư cách của giới sư.....	83
2.5. Các điều kiện cần thiết để Yết-ma.....	84
3. Tiến hành tác pháp.....	87
3.1. Thỉnh giới sư.....	87
3.2. Yết-ma sai Giáo thọ.....	88
3.3. Giáo giới giới tử.	89
3.4. Bạch Tăng dẫn giới tử vào.....	93
3.5. Giới tử bạch Tăng xin giới.	93
3.6. Yết-ma hỏi các chương pháp.....	93

3.7. Hòa thượng khai đạo giới tử.	94
3.8. Bạch tứ Yết-ma truyền giới Cụ túc.....	95
3.9. Truyền pháp tứ khí.....	96
3.10. Truyền pháp tứ y	98
3.11. Giáo giới giới tử.	99
4. Ni xuất gia và thọ giới.....	100
4.1. Vấn đề Thức-xoa-ma-na.....	100
4.2. Những dị biệt giữa Ni và Tăng.....	103
IV. BỐ-TÁT TỤNG GIỚI	106
1. Duyên khởi về sự Bố-tát.	106
2. Vấn đề sám hối trước khi Bố-tát.	107
3. Triển hạn thuyết giới.....	108
4. Những quy định liên quan đến Tỷ-kheo....	109
5. Thuyết giới cho Sa-di.	109
6. Người chưa thọ Cụ túc không được nghe....	110
7. Trường hợp Ni chúng cầu thầy Giáo thọ...	111
8. Vấn đề gởi dục và thuyết tịnh.....	113
9. Trường hợp Tỷ-kheo mắc bệnh cuồng si....	114
10. Linh động thuyết giới khi gặp nạn duyên.	115
V. AN CƯ VÀ TỰ TỬ	116
1. An cư	116
1.1. Lý do An cư.	116
1.2. Thời gian An cư.....	116
1.3. Tác pháp An cư.	117
1.4. Ra ngoài cương giới.....	119
2. Tự tử.....	121

2.1. Ý nghĩa Tự tứ.....	121
2.2. Tác pháp Tự tứ.....	122
VI. TẬP SỰ.....	129
1. Y Ca-thi-na	129
1.1. Nguyên nhân Phật chế Y Ca-thi-na.	129
1.2. Định nghĩa Y Ca-thi-na.....	130
1.3. Lợi ích của Y Ca-thi-na	130
1.4. Thời gian hiệu lực của Y Ca-thi-na.....	131
1.5. Người giữ y Ca-thi-na cần có 5 đức tính.	133
1.6. Những người không được hưởng....	134
1.7. Y Ca-thi-na mất hiệu lực trong.....	136
1.8. Trường hợp không biết cách thọ y....	138
2. Phân vật	138
2.1. Phân loại Tăng vật.....	138
2.2. Nguồn gốc của Tăng vật.....	139
Chương 3: THỂ THỨC SÁM HỐI VÀ TRỪNG PHẠT	
I. PHẠM TỘI VÀ SÁM HỐI.....	145
1. Khái quát về ngũ thiên thất tự.....	145
2. Sám hối tội Ba-la-di.....	149
2.1. Trường hợp phạm tội mà che giấu.	150
2.2. Trường hợp phạm tội mà phát lồ.	152
2.3. Trường hợp tái phạm.....	157
3. Sám hối tội Tăng tàn.....	160
3.1. Định nghĩa khái quát ⁽¹⁾	160
3.2. Hành phú tàng hay hành biệt trú.....	160
3.3. Hành Ma-na-đỏa.	163

3.4. Xuất tội hay giải tội.....	165
3.5. So sánh cách xử trị giữa Tăng và Ni.....	166
4. Sám hối tội Thâu-lan-giá.....	173
4.1. Định nghĩa và phân loại:	173
4.2. Thể thức sám hối.....	175
5. Sám hối tội Xả đoạ	181
5.1. Thể thức xả vật và sám hối.....	183
5.2. Thể thức trả lại vật	188
6. Sám hối tội Ba-dật-đề.....	191
6.1. Thể thức thẩm sát các tội từng sinh.....	192
6.2. Thể thức thỉnh vị chủ sám tội.....	194
6.3. Thể thức sám hối tội Tùg sanh.....	194
6.4. Chính thức sám hối tội căn bản.....	195
7. Sám hối tội Ba-la-đề Đề-xá-ni.....	196
7.1. Phân biệt tướng của tội.....	197
7.2. Thể thức thỉnh vị chủ sám hối tội.....	197
7.3. Thể thức sám hối chính	198
8. Sám hối tội Đột-cát-la	199
8.1. Thể thức thỉnh vị chủ sám hối	199
8.2. Phép sám hối tội do cố ý.....	200
8.3. Sám hối tội do vô ý	200
II. VI PHẠM VÀ TRỪNG PHẠT.....	201
1. Pháp Yết-ma khiển trách	201
2. Pháp Yết-ma tẩn xuất.....	204
3. Pháp Yết-ma y chỉ.....	208
4. Pháp Yết-ma cấm đến nhà cư sĩ	209
5. Pháp Yết-ma cử tội không nhận tội	216

6. Pháp Yết-ma cử tội, có tội mà không.....	217
7. Pháp Yết-ma khuyên người bỏ ác kiến.....	218
8. Pháp Yết-ma can người phá Tăng.....	222
9. Pháp Yết-ma khiển trách đệ tử	229
10. Pháp khuyên và đuổi Sa-di tà kiến.....	231
11. Pháp Yết-ma can Tỳ-kheo-ni theo.....	235
12. Pháp Yết-ma cảnh cáo Tỳ-kheo của Ni.....	238
13. Pháp Yết-ma phú bát (tẩy chay)	240
14. Pháp Yết-ma công nhận học gia	245
Chương 4: GIỚI BỒ-TÁT	
I. KINH ĐIỂN CĂN BẢN CỦA GIỚI BỒ-TÁT	250
1. Bồ-tát anh lạc bản nghiệp kinh	250
2. Phạm Võng kinh Bồ-tát giới bản	252
3. Du-già sư địa luận Bồ-tát giới bản	254
4. Bồ-tát địa trì kinh	255
5. Bồ-tát thiện giới kinh	255
6. Ưu-bà-tắc giới kinh	256
II. NỘI DUNG CÁC GIỚI BẢN	257
A. Giới bản Phạm Võng	257
B. Giới bản Du-già.....	274
C. Giới bản Ưu-bà-tắc	279
III. KHỞI NGUYÊN CỦA GIỚI PHÁP BỒ-TÁT.....	283
1. Giới Bồ-tát Phạm Võng của ngài Cưu-ma... 283	
2. Địa Trì Giới Bản của Tam tạng.....	284
IV. ĐIỀU KIỆN TRUYỀN THỌ GIỚI BỒ-TÁT.....	284
1. Điều kiện của giới tử.....	284
1.1. Phải có cái thiện để cảm giới:	285

1.2. Không có cái ác làm chướng giới:.....	286
2. Điều kiện của pháp sư.....	287
V. THỂ THỨC THỌ GIỚI BỒ TÁT	288
1. Thể thức tự thệ thọ giới.....	290
1.1. Lễ kính Tam Bảo:.....	290
1.2. Thọ tứ y (Tứ bất hoại tín).	291
1.3. Sám hối 3 nghiệp.....	291
1.4. Phát bốn thệ nguyện lớn.....	292
1.5. Tự thệ thọ năm trọng giới.	292
1.6. Tán thán giới đức.	293
1.7. Hồi hướng.....	293
2. Thể thức thọ giới với Pháp sư.....	293
VI. THỂ THỨC SÁM HỐI	293
1. Trường hợp xả giới hay mất giới	295
2. Thể thức bố-tát.....	295
VII. SO SÁNH GIỚI TỠ-KHEO VÀ GIỚI BỒ-TÁT.....	297
PHẦN PHỤ LỤC	
Phụ lục 1: GIỚI BẢN CỦA ĐẠI TỠ-KHEO THUỘC...	301
Phụ lục 2: ĐỐI CHIẾU CÁC BỘ LUẬT...	351
Phụ lục 3: NGHI THỨC TRUYỀN GIỚI BỒ-TÁT... ..	373
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	409
MỤC LỤC	413